

ĐỀ SỐ 1- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Có những người luôn dè bĩu người khác và cho rằng nếu bản thân làm việc đó chắc chắn sẽ tốt hơn hoặc đôi khi lại xăm soi họ tại sao làm như vậy. Nếu bạn cả cuộc đời chỉ biết đi trong đôi giày của chính mình bạn sẽ mãi là kẻ đơn độc, thế nhưng nếu bạn biết đặt mình vào đôi giày của người khác, bạn sẽ cảm nhận được những khó khăn, sự cố gắng và hoàn cảnh của họ. Đặt mình vào vị trí của người khác là cách mà bạn thay đổi cái nhìn về cuộc đời khách quan hơn. Đừng bao giờ để bản thân mình lên trên người khác, vì cho dù bạn có thành công cũng là thành công của một kẻ ích kỷ.

(<https://thegioitre.vn/9-bai-hoc-cuoc-song-ma-tuoi-tre-phai-ghi-nho-55383.html>)

1. Chỉ ra tác hại của hành động *luôn dè bĩu người khác* được nêu trong đoạn trích.

2. Xác định và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Nếu bạn cả cuộc đời chỉ biết đi trong đôi giày của chính mình bạn sẽ mãi là kẻ đơn độc, thế nhưng nếu bạn biết đặt mình vào đôi giày của người khác, bạn sẽ cảm nhận được những khó khăn, sự cố gắng và hoàn cảnh của họ.*

3. Anh/ chị hiểu *thay đổi cái nhìn về cuộc đời khách quan hơn* như thế nào?

4. Anh/Chị có cho rằng *biết đặt mình vào đôi giày của người khác* là điều tuổi trẻ cần ghi nhớ hay không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “*Đừng bao giờ để bản thân mình lên trên người khác, vì cho dù bạn có thành công cũng là thành công của một kẻ ích kỷ.*” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*, ở phần mở đầu truyện, nhà văn Tô Hoài tả nhân vật Mị: “*một cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi.*”. Đến cuối truyện, khi chứng kiến “*dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen*” của A Phủ khi bị trói, Mị suy nghĩ: “*Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Nó bắt mình chết cũng thôi. Nó đã bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt về trình ma rồi, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ...*”

(Tô Hoài - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.4 và tr.13)

Phân tích hình ảnh nhân vật Mị trong hai lần được miêu tả như trên, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Tác hại của hành động <i>luôn dè bĩu người khác</i> được nêu trong đoạn trích: - Dè bĩu người khác sẽ làm cho người dè bĩu trở nên tự cao, tự phụ vào bản thân mình. - Luôn đánh giá thấp về người khác, khinh dễ họ dù họ có giỏi hơn mình gấp nhiều lần. - Người bị dè bĩu họ sẽ cảm thấy bị tổn thương, không có đủ tự tin để tiếp tục cố gắng. - Dè bĩu người khác là một trong những biểu hiện xuống dốc đạo đức của con người.	0.5
	2	-Biện pháp tu từ : Ẩn dụ: “đôi giày” là hoàn cảnh trong cuộc sống. -Tác dụng: gợi hình ảnh cụ thể, giúp người đọc hình dung rõ ràng về việc chúng ta phải thấu hiểu cho hoàn cảnh của người khác. Không nên lấy suy nghĩ của mình áp đặt cho mọi người, mọi vấn đề.	1.0
	3	<i>Thay đổi cái nhìn về cuộc đời khách quan hơn</i> là cách suy nghĩ tích cực với mọi việc và mọi người. Phải biết thấu hiểu và thông cảm cho mọi người. Phải biết nhìn nhận mọi việc, để từ đó cư xử cho phù hợp theo chiều hướng khách quan. Luôn luôn thấu hiểu, luôn luôn sẻ chia. Vì cuộc đời không phải ai cũng có hoàn cảnh số phận như nhau.	0.5
	4	<i>Biết đặt mình vào đôi giày của người khác</i> là điều tuổi trẻ cần ghi nhớ vì: Sống trên đời, mỗi người đều có một hoàn cảnh, một số phận khác nhau ; tính cách và cách suy nghĩ cũng không thể giống nhau. Phải biết đặt bản thân mình vào vị trí của người khác để cảm nhận được sâu sắc những khó khăn thử thách của họ. Từ đó, mỗi chúng ta sẽ có sự cảm thông và thấu hiểu.	1.0
II		Làm văn	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ của bản thân ý nghĩa của việc “<i>Đừng bao giờ để bản thân mình lên trên người khác, vì cho dù bạn có thành công cũng là thành công của một kẻ ích kỷ.</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát	0.25

	triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc) b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: “<i>Đừng bao giờ để bản thân mình lên trên người khác, vì cho dù bạn có thành công cũng là thành công của một kẻ ích kỷ.</i>”	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: -Nêu dẫn ý: Ông bà ta có câu “Cao nhân tắc hữu cao nhân trị” :(người tài cao thì sẽ có người tài cao hơn trị). - Nêu câu trích: “<i>Đừng bao giờ để bản thân mình lên trên người khác, vì cho dù bạn có thành công cũng là thành công của một kẻ ích kỉ</i>”. -Vấn đề cần bàn: Sự kiêu căng, xem thường người khác luôn đem lại những hậu quả không ngờ. Nếu có thành công cũng là thành công một cách “thất bại” của con người ích kỷ. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: +<i>Để bản thân mình lên trên người khác</i> là gì? Là luôn xem mình là tài giỏi hơn người khác, từ đó xem thường họ và luôn đề cao bản thân mình +<i>Ích kỉ</i> là gì? Là người chỉ biết sống vì lợi ích bản thân mình mà không quan tâm đến suy nghĩ của người khác. +Nghĩa cả câu: đừng bao giờ xem mình là giỏi hơn người mà xem thường họ, vì cho dù bạn có thành công cũng là thành công của một kẻ chỉ biết nghĩ đến bản thân mình. - Phân tích, chứng minh về ý nghĩa câu nói đối với tuổi trẻ: + Tại sao tuổi trẻ <i>đừng bao giờ để bản thân mình lên trên người khác?</i> ++ Vì một khi <i>đặt bản thân mình lên trên người khác</i> thì bạn trẻ sẽ làm bất cứ điều gì để chứng minh cho người khác thấy rằng mình đang tài giỏi hơn mọi người. Từ đó dẫn đến chủ quan mà quyết định sai lầm, do không có suy nghĩ chín chắn. ++Sống mà tự cao quá mức, sẽ dễ dàng dẫn đến thất bại vì không có sự học hỏi tìm hiểu những thành công của những người khác. Người ta có thể yêu thương đùm bọc giúp đỡ người biết nhìn nhận lỗi lầm của mình sau khi vấp ngã, chứ ít ai san sẻ hay bảo vệ người cho mình là giỏi hơn hết. Chúng ta sẽ cô độc trong cuộc sống mà chính chúng ta đã tạo ra. + Bàn bạc mở rộng: Phê phán biểu hiện lối sống ích kỉ, tự cao, tự đại, xem bản	1.00

	thân mình là duy nhất. Bắt người khác làm theo suy nghĩ và hành động của mình. Như thế sẽ làm cho mọi người mất thiện cảm với bạn. Dù bạn có thành công, mọi người vẫn không xem bạn là người thành công đích thực mà chỉ xem như là thành công của kẻ thất bại. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: -Nhận thức: Cần hiểu ý nghĩa của việc biết thấu hiểu, cảm thông cho người khác; -Hành động: Cần sống hòa đồng, gắn bó với sự đồng cảm, biết chia sẻ, giúp đỡ mọi người xung quanh, đấu tranh với những suy nghĩ tiêu cực ảnh hưởng đến người khác.	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích hình ảnh nhân vật Mị trong hai lần được miêu tả, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình ảnh nhân vật Mị trong hai lần được miêu tả, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 -Tô Hoài là nhà văn xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại; - Sáng tác theo xu hướng hiện thực, thiên về phản ánh những sự thật của cuộc sống đời thường của con người, nhất là người dân miền núi trong những trang viết bình dị, tinh tế và giàu chất thơ. -Truyện tiêu biểu của ông là tập <i>Truyện Tây Bắc</i>, trong đó có truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i> ; - Trong truyện, ở đầu và cuối truyện, nhà văn tập trung miêu tả hình ảnh nhân vật	(4.00)

Mị, tiêu biểu cho số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ miền núi Tây Bắc.

3.2. Thân bài: 3.50

a. Khái quát tác phẩm: Truyện “Vợ chồng A Phủ” được nhà văn Tô Hoài sáng tác năm 1952, in trong tập “Truyện Tây Bắc”. Tác phẩm gồm hai phần: phần đầu kể về cuộc sống tủ nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ nhà thống lí Pá Tra; cuối phần một là cảnh Mị cứu và chạy theo A Phủ. Phần sau kể về Mị và A Phủ ở Phiềng Sa. Họ trở thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng.

b. Phân tích nhân vật Mị qua 2 lần miêu tả:

*** Về nội dung:**

-Nhân vật Mị trong lần miêu tả thứ nhất:

+Quãng đời quá khứ:

++Mị là một cô gái trẻ đẹp, yêu đời, chăm chỉ lao động, nhà nghèo và rất hiếu thảo

++Đang tuổi thanh xuân, vì món nợ truyền kiếp của gia đình mà cô trở thành con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra;

++Từ đó, Mị sống trong đau khổ tột cùng. Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc. Có lúc, cô định tìm cái chết, nhưng không đành lòng. Mị chết thì bố Mị còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ.

+Cuộc sống hiện tại

++Mị xuất hiện ngay đầu truyện. Tô Hoài đã phác họa chân dung nhân vật để gợi mở nội tâm: *mặt buồn rười rượi*. Bên cạnh *nhà thống lí giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất vùng* đối lập và in đậm một hình bóng im lìm, tăm tối, nhọc nhằn của Mị.

++Từ lúc bị bắt về nhà thống lí Pá Tra, Mị đã bị bóc lột sức lao động đến cùng cực, chịu khổ nhục triền miên: quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi công nước dưới khe suối...

++ Mị bị giam hãm trong không gian chật hẹp và tù đọng, giữa căn buồng lúc nào cũng âm u, cửa sổ là *một lỗ vuông bằng bàn tay*, trong thời gian ngưng đọng như không dĩ vãng, không hiện tại và không tương lai, lụi lụi như một *con rùa nuôi trong xó cửa*.

++ Cùng với ách áp bức nặng nề ấy là sự mê tín, thần quyền. Mị đã bị trình ma nhà thống lí thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi...

++Cuộc sống đó hoàn toàn cùng khổ về vật chất, bế tắc về tinh thần. Mị nghĩ rằng: ... đến bao giờ chết thì thôi.

-Nhân vật Mị trong lần miêu tả thứ hai: diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm cứu A Phủ:

+Chính tác động của ngoại cảnh: *đêm tình mùa xuân* ở Hồng Ngải đã làm cho Mị có sức sống tiềm tàng, khao khát tự do

+ Sức sống ấy đã thổi bùng lên ngọn lửa của tinh thần phản kháng mãnh liệt: đêm đông nơi rẻo cao, Mị đã cứu và chạy theo A Phủ:

++Tâm trạng của Mị trước đêm cởi trói cho A Phủ :

Cuộc sống đọa đày trong nhà thống lý Pá Tra của Mị vẫn tiếp diễn,biến cô trở thành người câm lặng trước mọi sự. Những gì diễn ra xung quanh không khiến Mị quan tâm. Những đêm đầu Mị *thối lửa hơ tay*. Tâm hồn Mị như tê dại trước mọi chuyện, kể cả lúc ra sưởi lửa, bị A Sử đánh ngã xuống bếp, hôm sau Mị vẫn *thản nhiên* ra sưởi lửa như đêm trước. Sống lâu trong cái khổ đã làm cho trái tim của Mị chai sạn, tê liệt ý thức. Mị trở nên vô cảm khi nhìn thấy A Phủ bị thống lý Pá Tra trói đứng vào cây cọc

++Tâm trạng của Mị khi chứng kiến nước mắt của A Phủ :

*Thương người cùng cảnh ngộ:

Chính nhờ ngọn lửa đêm ấy, Mị trông sang A Phủ và nhìn thấy *một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống má đã xám đen lại*. Dòng nước mắt ấy khiến Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải đứng trói như thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không lau đi được. Rồi Mị phảng phất nghĩ gần nghĩ xa: *Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì còn biết đợi ngày rũ xương ở đây mà thôi...Người kia việc gì phải chết thế?*

*Tình thương lớn hơn cái chết:

Mị xót xa cho A Phủ như xót xa cho chính bản thân mình. Mị thương cho A Phủ không đáng phải chết. Cô cũng sợ nếu mình cởi trói cho chàng trai ấy, bố con Pá Tra biết được sẽ trói Mị vào đây và lại chết trên cái cọc ấy...Nhưng tình thương ở Mị đã lớn hơn cả cái chết. Tình thương khiến cô đi đến hành động cắt dây cởi trói cho A Phủ, dù vẫn còn lo sợ: *hốt hoảng, rón rén, thì thào hai tiếng: Đi ngay!*

*Từ cứu người đến cứu mình:

Khi cởi trói cho A Phủ xong, *Mị đứng lặng* trong bóng tối. Nhưng chính ngay lúc ấy, trong lòng người đàn bà khốn khổ kia mọi chuyện diễn ra rất nhanh. Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm, nhưng Mị vẫn *băng đi*. Vì ở lại đây Mị sẽ chết.

Đây không phải là hành động mang tính bản năng. Đúng hơn, cùng với sự trỗi dậy của kí ức, khát vọng sống tự do đã khiến Mị chạy theo người mà mình vừa cứu. Mị giải thoát cho A Phủ và cũng giải thoát cho chính bản thân. Hành động táo bạo và bất ngờ ấy là kết quả tất yếu của sức sống tiềm tàng khi người con gái yếu ớt dám chống lại cả cường quyền và thần quyền.

	* Nghệ thuật: -Nhà văn Tô Hoài đã miêu tả diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị rất tự nhiên, hợp lí và chân thật. -Tác phẩm in rõ dấu ấn phong cách nghệ thuật đặc sắc của Tô Hoài: màu sắc dân tộc đậm đà, chất trữ tình thấm đượm, ngôn ngữ và lời văn giàu tính tạo hình; - Nghệ thuật kể chuyện: lối trần thuật hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, giọng văn trầm lắng; - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật + Nhà văn ít miêu tả hành động mà chủ yếu là khắc họa tâm trạng, thế giới đời sống nội tâm nhân vật. + Giọng kể hòa nhập vào tâm tư nhân vật c.Nhận xét sự thay đổi nhân vật Mị qua 2 lần miêu tả: - Giống nhau: Cả lần 1 và lần 2 đều nói lên sự thống khổ của Mị. Mị luôn bị dày dọa cả thể xác và tâm hồn. - Khác nhau +Ở lần miêu tả 1: Lúc đầu Mị là người còn gái cam chịu, vô cảm, bị tê liệt tinh thần phản kháng. Mị bị 2 thế lực thần quyền và cường quyền chà đạp. Mị phải sống một cuộc đời đau khổ về vật chất và bế tắc về tinh thần. Lần này nhà văn Tô Hoài chủ yếu tập trung miêu tả chân dung Mị từ xa đến gần, nhất là tả gương mặt để bộc lộ nỗi đau thân phận của nhân vật; +Ở lần miêu tả 2: Khi nhìn thấy được thấy giọt nước mắt của A Phủ, Mị đã hồi sinh trong tâm hồn. Mị đã ý thức được nỗi đau cuộc đời của mình và của người cùng cảnh ngộ. Mị đã phản kháng mạnh mẽ, thể hiện khát vọng sống mãnh liệt và tinh thần đấu tranh để được tự do. Lần này nhà văn chủ yếu tập trung miêu tả diễn biến nội tâm rất phong phú và sâu sắc của Mị, trước khi đi đến hành động táo bạo nhất: cởi trói cho A Phủ, cũng là cởi trói cuộc đời nô lệ của 2 người... + Qua sự thay đổi của nhân vật Mị, nhà văn gửi gắm tấm lòng nhân đạo: thể hiện tình yêu thương, sự đồng cảm với thân phận đau khổ của người dân miền núi Tây Bắc; ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt, khát khao tự do và sức mạnh phản kháng của họ; đồng thời là lời gửi gắm niềm tin của tác giả vào sự đổi đời của con người; chỉ ra con đường giải phóng cho người dân lao động thoát khỏi cuộc đời tăm tối, đó là về với cách mạng. Chỉ có cách mạng mới đem lại sự sống bất diệt. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại vấn đề đã nghị luận; - Cảm nghĩ bài học cuộc sống từ nhân vật Mị.	
	4. Sáng tạo	(0,25)

	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,25)

ĐỀ SỐ 2- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Trong quá trình phát triển, tre không ngừng sinh trưởng và phát triển bộ rễ vững chắc trong suốt 4 năm dài, nhờ vậy, tre có thể chống đỡ toàn bộ cấu trúc, trọng lượng và trụ vững trên mặt đất ngày này qua ngày khác. Hệ thống rễ này cho phép tre tồn tại trong những điều kiện khắc nghiệt nhất của tự nhiên. Nhờ độ bền, sức mạnh và sự dẻo dai mà tre phát triển nhanh hơn so với những loài cây thân gỗ khác. Với những loại tre khác, không có hệ thống gốc rễ vững chắc, chúng vẫn có thể phát triển, tuy nhiên, chúng không thể có tuổi thọ lâu dài.

Điều tương tự cũng xảy ra trong cuộc sống. Nếu bạn muốn đạt được thành công, có những mối quan hệ tuyệt vời, hay có được mọi thứ bạn mong muốn, bạn cần phải có một nền tảng vững chắc, đó là tính cách, giá trị, thái độ sống của bạn. Tất cả đều bắt đầu từ phía bạn. Trở thành người phù hợp và làm những việc đúng đắn, bạn sẽ đạt được những gì bạn muốn.

Chỉ có bạn mới biết được sự phát triển của bản thân. Hãy tự tin bước đi trên con đường đã chọn. Đừng bận tâm đến con đường của người khác, vội vã chạy theo những thành quả trước mắt mà quên mất chất lượng cốt lõi bên trong. Có thể trong khi bạn chưa có gì trong tay, người khác đã đạt được nhiều thành tựu. Nhưng càng như vậy, bạn càng cần phải trang bị cho bản thân một nền tảng thật vững vàng.

Hoàng Hoa

Theo Trí thức trẻ/Timewiser

1. Việc đưa ra *quá trình phát triển của cây tre* trong văn bản có tác dụng gì?
2. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ cú pháp trong câu: *Nếu bạn muốn đạt được thành công, có những mối quan hệ tuyệt vời, hay có được mọi thứ bạn mong muốn, bạn cần phải có một nền tảng vững chắc, đó là tính cách, giá trị, thái độ sống của bạn.*
3. Tại sao người viết khẳng định: *Chỉ có bạn mới biết được sự phát triển của bản thân.*
4. Thông điệp mà anh/ chị tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Nêu rõ lí do chọn thông điệp đó.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “*trang bị cho bản thân một nền tảng thật vững vàng*” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ *Sóng*, nhân vật trữ tình soi vào sóng để tự nhận thức về tình yêu:

Dữ dội và dịu êm

Ôi con sóng ngày xưa

Ổn ào và lặng lẽ

Và ngày sau vẫn thế

Sóng không hiểu nổi mình

Nỗi khát vọng tình yêu

Sóng tìm ra tận bể

Bồi hồi trong ngực trẻ

Đến hai khổ thơ cuối, tình yêu tan vào sóng để dâng hiến và bất tử:

Cuộc đời tuy dài thế

Làm sao được tan ra

Năm tháng vẫn đi qua

Thành trăm con sóng nhỏ

Như biển kia dẫu rộng

Giữa biển lớn tình yêu

Mây vẫn bay về xa

Để ngàn năm còn vỗ.

(*Ngữ Văn 12*, Tập một, tr.155 – 156, NXB Giáo Dục – 2008)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp tình yêu trong các khổ thơ trên. Từ đó, rút ra nhận xét về sự vận động của hình tượng *Sóng* và *em*.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Tác dụng: - Khẳng định tầm quan trọng của gốc rễ đối với cây tre. - Từ đó liên hệ đến nền tảng để phát triển của con người.	0.5
	2	Biện pháp tu từ cú pháp: liệt kê (<i>Nếu bạn muốn đạt được thành công, có những mối quan hệ tuyệt vời, hay có được mọi thứ bạn mong muốn...</i>). Tác dụng: tạo giọng điệu mang tính khơi gợi; chỉ ra những mong muốn và điều kiện đạt được những mong muốn ấy.	1.0
	3	<i>Chỉ có bạn mới biết được sự phát triển của bản thân. Vì:</i>	0.5

		- Mỗi người sẽ hiểu rõ nền tảng, gốc rễ của bản thân để phác thảo những định hướng đúng đắn. - Chỉ có bản thân mới hiểu được nhu cầu, nguyện vọng của mình để cố gắng phấn đấu đạt được.	
	4	- Thông điệp tâm đắc: Hãy chú trọng đến giá trị cốt lõi bên trong. - Lý do: + Giá trị bên trong là những tiêu chí chính xác nhất để đánh giá về một đối tượng. + Thông điệp giúp chúng ta rèn luyện cách nhìn từ tốn, thấu tỏ mọi việc.	1.0
II		Làm văn	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ của bản thân về việc “<i>trang bị cho bản thân một nền tảng thật vững vàng</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gọi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về việc: “<i>trang bị cho bản thân một nền tảng thật vững vàng</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy cảm hứng từ văn bản trong phần Đọc hiểu); nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: * Giải thích - “Nền tảng”: (phần chắc chắn để các bộ phận khác tồn tại và phát triển) những yếu tố cơ bản làm nên hình ảnh của một con người; quyết định về sự thành bại của họ trong cuộc sống như: tính cách, thái độ sống, phẩm chất đạo đức, tư tưởng chi phối hành động... Nền tảng vững chắc: củng cố những giá trị tốt đẹp, cần thiết cho bản thân để vững bước trên đường đời. - Ví dụ: người học sinh cần trau dồi về đạo đức, kiến thức; những bậc vĩ nhân đều đi lên từ sự góp nhặt rất nhỏ cho nền tảng của bản thân; trái lại là những thanh niên đầy đủ điều kiện mà lại sống hời hợt, bất cần, chỉ chạy theo giá trị bên ngoài... * Bàn luận - Nêu ý nghĩa: Khi có một nền tảng vững chắc con người có thể tự tin đương đầu với mọi khó khăn, thử thách; nền tảng sẽ là điểm tựa giúp thăng tiến trong mọi lĩnh vực	1.00

	đời sống; nền tảng mang đến cảm hứng, những sự lựa chọn đúng đắn trên đường đời; đặc biệt với thế hệ trẻ hôm nay nền tảng vững chắc giúp họ bước vào thời đại 4.0 với những giá trị nhân văn sâu sắc đồng thời là bản lĩnh, sự tự tin vào bản thân trong kỉ nguyên công nghệ hiện đại. - Phê phán: Những con người coi thường những giá trị nền tảng, gốc rễ; thiếu ý thức để xây dựng, củng cố nền tảng cho bản thân hoặc xây dựng một cách tạm bợ, chấp vạ; những thói quen xây nhà từ nóc, thói đi tắt đón đầu, đốt cháy giai đoạn tùy tiện mà không dựa trên những giá trị bền vững; quan niệm chỉ coi trọng thành quả trước mắt mà không chú ý đến nguyên nhân sâu xa bên trong. c.3. Câu kết đoạn: Nêu những bài học thiết thực cho bản thân (cố gắng góp nhặt từng phẩm chất, giá trị dù nhỏ bé nhất để góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc; gần ước mơ, khát khao cao đẹp với ý thức xây dựng giá trị cốt lõi cho bản thân; rèn luyện nền tảng trong nhiều mặt: giá trị nhân bản; kĩ năng bản lĩnh...).	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận về vẻ đẹp tình yêu qua khổ 1-2 và 8-9 trong bài thơ Sóng (Xuân Quỳnh). Từ đó, rút ra nhận xét về sự vận động của hình tượng sóng và em	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cảm nhận về vẻ đẹp tình yêu qua khổ 1-2 và 8-9 trong bài thơ Sóng (Xuân Quỳnh). Từ đó, rút ra nhận xét về sự vận động của hình tượng sóng và em.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả XQ và tác phẩm “Sóng”, nêu vấn đề chính: Cảm nhận về vẻ đẹp tình yêu qua khổ 1-2 và 8-9. - Nêu ý phụ: rút ra nhận xét về sự vận động giữa hình tượng sóng và em. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát sơ lược về tác phẩm cần cảm nhận: 0.25 đ b. Cảm nhận vẻ đẹp của tình yêu 2.25 * Khổ 1 – 2: Nhân vật trữ tình soi mình vào sóng để nhận thức về tình yêu. - Những dạng thức tồn tại của sóng cũng là những trạng thái tâm hồn đầy mâu thuẫn, phức tạp trong tình yêu của em: dữ dội – dịu êm; ồn ào – lặng lẽ...	(4.00)

- Con sóng luôn muốn tìm đến đại dương bao la để thỏa sức vẫy vùng vì không chịu được sự nhỏ bé hạn hẹp của những dòng sông. Em cũng thế, cũng luôn muốn tìm thấy một tình yêu bao dung, rộng lớn để có thể “hiểu nổi mình”.

- Sóng luôn tồn tại như một quy luật bất biến trên cõi đời, khi nào trái đất còn quay thì đại dương vẫn còn bao la, xanh thẳm, dù xưa hay nay “vẫn thế”. Tình yêu cũng trở thành quy luật bất biến trong đời sống nhân loại nhất là tình yêu luôn gắn với tuổi trẻ hồn nhiên, sôi nổi, nhiệt thành như tình yêu của em.

* Khổ 8 – 9: Tình yêu tan vào sóng để dâng hiến và bất tử

- Khi đứng trước đại dương, em – cái tôi trữ tình của người con gái đang yêu – nhận ra rằng biển cả dù lớn thì cũng đều có giới hạn: bến bờ. Từ đó trong lòng em gợn lên những suy tư, trăn trở, lo âu khi nhận ra sự ngắn ngủi, hữu hạn của đời người (khổ 8 “Cuộc đời tuy dài thế...”).

- Biển cả đâu có giới hạn như cuộc đời mỗi người nhưng những con sóng lại không bao giờ ngơi nghỉ cũng như tình yêu đã trở nên bất diệt, song hành mãi mãi cùng nhân loại. Từ những chiêm nghiệm ấy, em đã ao ước, khát khao hướng đến một tình yêu trường tồn, vĩnh hằng; cái tôi yêu đương đã sẵn sàng dâng hiến để trở nên bất tử. (khổ 9 “Làm sao được tan ra...”).

* Những đặc sắc nghệ thuật: Thể thơ năm chữ nhịp ngắn, giàu nhạc điệu; hình ảnh ẩn dụ đồng hiện giữa “sóng” và “em”; từ ngữ, hình ảnh khơi gợi nhiều cảm xúc.

c. Bàn luận mở rộng: Nhận xét về sự vận động của hình tượng sóng và em 1.0đ

* Sự vận động của hình tượng sóng.

- Ở hai khổ đầu sóng chỉ đơn thuần là một chi tiết nghệ thuật được nhân vật trữ tình chiêm ngưỡng với những suy ngẫm sâu xa để từ đó phát hiện giữa sóng và em có những tương đồng đến kì lạ: đầy phức tạp, bí ẩn nhưng đã khái quát hóa thành quy luật trường tồn.

- Đến hai khổ cuối, sóng không còn đóng vai một đối tượng khơi gợi cảm xúc nữa mà thật sự đã trở thành một hình tượng song hành, đồng hiện cùng với hình tượng “em”. Khát vọng của em đã tan ra thành “trăm con sóng”; giai điệu của sóng cũng là lời bài hát ca ngợi một tình yêu trường tồn để âm giai của cả em và sóng cùng hòa nhịp đến vĩnh hằng “ngàn năm còn vỗ”.

* Sự vận động của hình tượng “em”.

- Em ở hai khổ thơ đầu là một cái tôi đang nung nấu một tình yêu cháy bỏng, đầy cung bậc cảm xúc. Cái tôi ấy dễ dàng rung động trước hình ảnh giàu tính biểu cảm với tình yêu như sóng và cái tôi ấy cũng ẩn chứa bao giai điệu đẹp của khát vọng, của những nỗi bồi hồi trong trái tim của một cô gái trẻ.

- Đến hai khổ cuối, qua một hành trình đồng hành cùng sóng với những bí ẩn không lời đáp, với nỗi nhớ, với khát khao vượt qua tất cả để hướng về nhau, cái tôi

	tình yêu trong em dường như đã có sự trưởng thành. Không còn là một cái tôi đầy xúc cảm phức tạp nữa mà suy tư của em đã tập trung cho những lo âu, trăn trở về một cuộc đời ngắn ngủi, hữu hạn có thể biến tình yêu thành điểm chết tuyệt vọng. Đó vẫn là một cái tôi đầy mãnh liệt, khao khát nhưng không phải từ một ái tình liêu lĩnh, bất chấp mà là cái tôi muốn hòa vào sự bất tử của thiên nhiên để hát mãi khúc tình ca. - Em và sóng từ hai hình tượng tách bạch, đơn lẻ đã có sự hòa quyện, đồng điệu trong ngòi bút đầy tinh tế. Sự vận động của hai hình tượng cũng là sự chuyển biến trong mạch cảm xúc của Xuân Quỳnh, nhà thơ vốn dĩ đã đầy khao khát yêu thương. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Nêu bài học liên hệ: hướng tới tình yêu trong sáng; sự trưởng thành trong tình yêu.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ 3 - LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi chúng ta, dù là người lạc quan nhất - cũng hẳn đã từng ít nhất một lần cảm thấy bi quan và nhận ra rằng: Cuộc sống này, thật ra đầy rẫy những bất trắc và không may. Mỗi ngày, chỉ riêng việc mở Ti-Vi lên và xem hàng tá những mẫu tin về thế giới đầy biến động, có lẽ cũng đủ làm cho chúng ta mất đi đôi chút sự lạc quan. Bước chân ra khỏi nhà, chúng ta lại buộc mình lao vào một cuộc chiến khốc liệt, với những xung đột, những vất vả, những đua tranh vô hình với xã hội, những gánh nặng của chính bản thân.

Bạn chẳng thể làm được gì đâu, những điều bất trắc và vất vả không như ý này vốn đã là một phần chẳng thể gạt bỏ của cuộc sống. Bạn sẽ luôn gặp phải chúng trên con đường của mình mà chẳng thể nào bẻ ngoặt lái đi để trốn tránh. Con người trở thành những tờ giấy thấm, dễ dàng hút về mình những tiêu cực và xấu xí của đời sống hiện đại xung quanh, từng chút từng chút, chúng thấm vào và khiến bạn cảm thấy chỉ thở thôi cũng nặng nề, cuộc sống qua đôi mắt thật xám xịt và chẳng có gì hay ho.

Chúng tôi cảm thấy rằng, chính giữa những guồng quay hối hả, khắc nghiệt của đời sống hiện đại, giữa việc chúng ta luôn phải lao về phía trước với một nỗi sợ bị thất bại, sợ bị thụt lùi, sợ gặp những điều bất trắc. Chúng ta kiệt sức, hụt hơi và luôn phải gồng gánh. Khi

nghĩ đến đây, chúng tôi nhận ra: "**Bình tĩnh sống**" chính là cái thái độ sống mà chúng ta đang thiếu, một thông điệp cần thiết để xoa dịu những tâm hồn đang mệt mỏi.

(<http://kenh14.vn/wechoice-awards-2017-binh-tinh-song-mot-thai-do-khac-giua-cuoc-song-hien-dai-day-voi-va-20171126121516091.chn>)

1. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong câu: *Bước chân ra khỏi nhà, chúng ta lại buộc mình lao vào một cuộc chiến khốc liệt, với những xung đột, những vất vả, những đua tranh vô hình với xã hội, những gánh nặng của chính bản thân.*

2. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: *Bạn chẳng thể làm được gì đâu, những điều bất trắc và vất vả không như ý này vốn đã là một phần chẳng thể gạt bỏ của cuộc sống.*

3. Theo anh/ chị, cần phải làm gì để *xoa dịu những tâm hồn đang mệt mỏi* được nêu trong văn bản.

4. Anh/ chị có đồng tình với quan niệm: *Con người trở thành những tờ giấy thấm, dễ dàng hút về mình những tiêu cực và xấu xí của đời sống hiện đại xung quanh* hay không. Nêu rõ lí do .

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa thông điệp "**Bình tĩnh sống**" đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong tùy bút *Người lái đò sông Đà*, Nguyễn Tuân có viết: "*Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hằng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một.*" (Nguyễn Tuân - Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.187).

Phân tích hình ảnh *thiên nhiên Tây Bắc* và *cuộc chiến đấu hằng ngày* của người lái đò Sông Đà được giới thiệu như trên, từ đó làm nổi bật phong cách tài hoa và uyên bác của Nguyễn Tuân.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Biện pháp tu từ cú pháp: liệt kê (<i>cuộc chiến khốc liệt, với những xung đột, vất vả, đua tranh vô hình với xã hội, gánh nặng của chính bản thân...</i>) Tác dụng: tạo giọng điệu mang tính suy tư, chiêm nghiệm; chỉ ra những khó khăn, thử thách mà con người phải đối đầu hàng ngày.	0.5
	2	<i>Bạn chẳng thể làm được gì đâu, những điều bất trắc và vất vả không như ý này vốn đã</i>	1.0

		<i>là một phần chẳng thể gạt bỏ của cuộc sống.</i> Câu này có thể hiểu là (gợi ý): - Những bất trắc vất vả dù không muốn nhưng nó vẫn xảy đến với cuộc sống hàng ngày trong cuộc sống của chúng ta. - Hãy đón nhận một cách bình tĩnh, nhẹ nhàng vì ta có đau khổ hay cố trốn chạy cũng vô ích.	
	3	<i>Để xoa dịu những tâm hồn đang mệt mỏi,</i> chúng ta cần - Tập sống lạc quan, yêu đời; tôi rèn bản lĩnh, sức chịu đựng để đón nhận mọi thử thách. - Cần có sự quan tâm, san sẻ gánh nặng; tình yêu thương để xoa dịu những nỗi nhọc nhằn.	0.5
	4	HS có thể trả lời đồng tình/ không đồng tình/đồng tình một phần tùy theo suy nghĩ nhưng cần có lý giải phù hợp, sau đây là gợi ý: - Đồng tình: Cuộc sống hiện đại luôn đầy những khó khăn thử thách và khi sống trong nó, con người buộc phải chấp nhận những mặt tiêu cực và xấu xí mà cuộc sống ấy mang lại. - Không đồng tình: Quan niệm trên còn thiên về cái nhìn bi quan, phiến diện vì cho rằng con người chỉ thụ động hút về mình những tiêu cực, xấu xí trong khi hàng ngày vẫn có những điều tốt đẹp đến với mỗi người. - Đồng tình một phần: dung hòa hai ý trên.	1.0
II		Làm văn	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa thông điệp “Bình tĩnh sống” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gợi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về ý nghĩa thông điệp “Bình tĩnh sống” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy cảm hứng từ văn bản ở phần Đọc hiểu); nêu vấn đề cần nghị luận: thông điệp “Bình tĩnh sống”. c.2. Các câu phát triển đoạn: * Giải thích:	1.00

	- Bình tĩnh sống là một thái độ sống chừng mực; biết tiết chế nhịp điệu trong mọi suy nghĩ, hành động; bình tĩnh sống là cảm nhận mọi thứ xung quanh một cách từ tốn, chín chắn; bình tĩnh sống là cảm nhận sâu sắc ý nghĩa, giá trị sống của bản thân; bình tĩnh sống là không hồ đồ, chạy theo tư duy đám đông, tát nước theo mưa... - Cần phân biệt “bình tĩnh” với sự chậm chạp, ù lì, lười biếng, thụ động. - Ví dụ: Tuổi học sinh không nên yêu sớm; một người khởi nghiệp thất bại biết làm lại từ đầu; những câu tục ngữ về đức tính kiên trì, nhẫn nại; những tấm gương điển hình: Hồ Chí Minh dành 30 năm để tìm con đường cứu nước, Nguyễn Ngọc Kí mất cả thời niên thiếu để luyện viết chữ bằng chân. * Bàn luận - Nêu ý nghĩa: Lối sống bình tĩnh giúp ta nhận ra giá trị đích thực của cuộc sống; việc suy nghĩ chín chắn sẽ giúp tránh những sai lầm không đáng có; mở ra những khoảng thời gian để phấn đấu hoàn thành mục tiêu... - Phê phán: Những con người sống hấp tấp, vội vàng; dễ nản lòng dù vẫn còn có thể tìm ra hướng khắc phục; những người quá tự tin vào bản thân đến độ hành động mà không cần suy nghĩ, đắn đo; những con người lười nhác, ỷ lại; cố tình sống chậm chạp, giả vờ “bình tĩnh” để chờ thời, dựa hơi người khác... c.3. Câu kết đoạn: Nêu những bài học thiết thực cho bản thân (cố gắng duy trì sự bình tĩnh trong mọi trường hợp; rèn luyện lối sống ấy từ những việc nhỏ nhất; sau mỗi thành công hay thất bại đừng vội vui mừng hay thất vọng mà phải nhìn vào kết quả để rút ra bài học...).	
	d. Sáng tạo	0,25
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Trong tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i>, Nguyễn Tuân có viết: “<i>Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hằng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một.</i>” (Nguyễn Tuân - Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.187). Phân tích hình ảnh <i>thiên nhiên Tây Bắc</i> và <i>cuộc chiến đấu hằng ngày</i> của người lái đò Sông Đà được giới thiệu như trên, từ đó làm nổi bật phong cách tài hoa và uyên bác của Nguyễn Tuân.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hình ảnh <i>thiên nhiên Tây Bắc</i> và <i>cuộc chiến đấu hằng ngày</i> của người lái đò Sông Đà, phong cách tài hoa và uyên bác của	(0,25)

	Nguyễn Tuấn. 3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuấn và tác phẩm “NLĐSD”, nêu vấn đề chính: hình ảnh <i>thiên nhiên Tây Bắc và cuộc chiến đấu hàng ngày</i> của người lái đò Sông Đà (Trích dẫn ý kiến). - Nêu ý phụ: phong cách tài hoa và uyên bác của Nguyễn Tuấn. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát sơ lược về tác phẩm cần cảm nhận: 0.25 đ b. Cảm nhận về đẹp của thiên nhiên Tây Bắc và cuộc chiến đấu hàng ngày của người lái đò SD 2.25 * Vẻ đẹp hùng vĩ, hung bạo của con sông Đà. - Cảnh tượng đá bờ sông dựng vách thành gây cảm giác sợ hãi, ớn lạnh vì choáng ngợp. - Đoạn ghềnh Hát Loóng với hàng cây số nước, gió, đá xô đập vào nhau tạo nên lưu tốc kinh hoàng đầy thử thách. - Quãng Tà Mường Vát với những cái hút nước khổng lồ, dễ dàng nuốt chửng, nghiền nát những bè gỗ vững chắc chỉ trong “mười phút”. - Nguy hiểm nhất là đoạn vượt thác: tiếng nước gầm lên những âm thanh ghê rợn, kì bí, rống lên kinh hoàng; sóng nước như quân liều mạng lao vào tấn công ông đò và con thuyền bằng những đòn hiểm độc, chí tử; đá trên sông được giao nhiệm vụ qua ba vòng vây thạch trận với mục tiêu duy nhất: chìm chết cái thuyền... => <i>một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một.</i> * Vẻ đẹp trong cuộc chiến đấu của ông đò - Ông đò có lai lịch, ngoại hình như gắn chặt với dòng sông; hay nói đúng hơn dòng sông hung bạo đã tôi luyện thể chất, bản lĩnh và giúp ông tồn tại mưu sinh trên dòng sông dữ. - Ông lái đò thuộc lòng những ghềnh thác SD; nắm vững quy luật của thần sông thần đá -> yếu tố quan trọng để bước vào cuộc chiến. - Hình ảnh ông đò giữa cuộc chiến với thác dữ hiện lên như vị dũng tướng với nhiều vẻ đẹp: + Sự tự tin, mạnh mẽ: đương đầu với những luồng sóng “vô sở bất chí” với những hành động táo bạo nhưng vô cùng chuẩn xác; dù có lúc đau đến méo bệch gương mặt bởi những đòn âm đòn tía nhưng ông vẫn ghì chặt cuống lái vì “cưỡi lên thác SD phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ”.	(4.00)
--	---	--------

+ Trí dũng tuyệt vời: Dù thủy thần, hà bá liên tục thay đổi chiến thuật bằng những đàn đá méo mó, quái dị nhưng người lái đò vẫn có những đấu pháp linh hoạt: đưa thì rào bơi chèo mà tránh xa, đưa thì sấn lên mà tiến tới, đưa thì chặt đôi để lao đi như một mũi tên tre phóng qua màn nước; mỗi cửa tử ông đều nhận ra âm mưu của bọn đá thác và đánh sập trận địa của chúng một cách tài tình.

+ Tay lái tài hoa nghệ sĩ: con thuyền dưới sự điều khiển của ông đò đã trở thành con tuấn mã hiểu ý chủ; với sự điều khiển của ông nó không còn bơi mà như đang lướt, đang bay trên mặt nước cuộn sóng.

=> cuộc chiến đã làm nổi bật tài nghệ, trí dũng của con người trong công cuộc chinh phục thiên nhiên.

* Những đặc sắc nghệ thuật: hình tượng dòng sông hiện lên như một sinh thể có linh hồn, tính cách; sử dụng kiến thức của nhiều lĩnh vực với trường liên tưởng phong phú; từ ngữ, hình ảnh sống động; câu văn dồn dập, gay cấn.

c. Bàn luận mở rộng: Phong cách tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân.

- Tác phẩm “NLĐSD” là sự tiếp nối trong dòng tác phẩm phụng sự cho chủ nghĩa “xê dịch” và khát vọng “suốt đời đi tìm cái đẹp” của Nguyễn Tuân từ trước CMT8. Qua tác phẩm, một lần nữa Nguyễn Tuân đã chứng tỏ trình độ bậc thầy trong ngôn ngữ tùy bút của mình đồng thời ông tiếp tục chứng minh văn phong độc đáo, uyên bác của mình trong việc khắc họa nên những hình tượng “có một không hai” trong lịch sử văn học VN.

- Nhưng điều đáng quý, đáng trân trọng trong cái tài hoa, uyên bác của nhà văn là việc lựa chọn đối tượng sáng tác.

+ Vẻ đẹp của SĐ là kết tinh của sự chiêm ngắm, của niềm tự hào với vẻ đẹp của quê hương sông núi. Đó không phải là vẻ đẹp hiện lên trong cái “môt xê dịch” của một con người đang “thiếu quê hương” mà ngược lại sự hùng vĩ và hung bạo của SĐ là một trong những hình tiêu biểu nhất cho nhiều vẻ đẹp đang còn tiềm ẩn, cần được khai phá. Cái dữ dội, hung bạo của SĐ có làm người ta choáng ngợp nhưng đó là vì sự khâm phục bàn tay của tạo hóa, một cái gì đó rất đổi tự hào từ núi sông đất Việt.

+ Vẻ đẹp của người lái đò lại là chất vàng mười ẩn sâu trong những tầng địa chất của nhân dân lao động. Nhân vật ông đò có thể không thể chạm đến một khí thế “chọc trời khuấy nước”, một tài hoa tuyệt đỉnh hay một thiên lương trong ngần như Huấn Cao trong “CNTT” nhưng không vì thế mà hình tượng ấy thua kém vẻ đẹp cao sang kia. Tất cả những phẩm chất, những vẻ đẹp của ông đò là để phục vụ cho cuộc mưu sinh hay khái quát hơn là cho công cuộc xây dựng đất nước. Chiến thắng vĩ đại của ông đò trước thủy quái SĐ vì vậy mà trở nên đơn giản, nhẹ nhàng như cái cách mà nhà đò bàn về cá dầm xanh, cá anh vũ sau trận chiến ác liệt. Đó thật sự là vẻ đẹp của cuộc sống đời thường – một vẻ đẹp rất đáng trân trọng trong công cuộc xây dựng XHCN ở

	miền Bắc những năm đầu thập kỉ 60 của thế kỉ trước. => Vẫn là sự tài hoa, uyên bác hiếm thấy trên văn đàn nhưng tùy bút của NT sau Cách mạng đã thoát ly khỏi ám ảnh về vẻ đẹp “vang bóng một thời”. Nhà văn đã đem cái tài, cái tôi của mình để hòa vào cuộc sống lao khổ nhưng vĩ đại của nhân dân, của đất nước. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Nêu bài học liên hệ: ý thức xây dựng đất nước, bảo vệ môi trường, tình yêu lao động.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	(0,25)

ĐỀ 4- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1)*Cuộc sống quanh ta có biết bao nhiêu điều tốt đẹp đáng quý và cần trân trọng. Chỉ cần ta biết khéo léo nhận ra và chọn lọc, chúng ta không hề thiếu thốn những hạt giống tốt đẹp để gieo trồng. Mặt khác, trong cuộc sống cũng đầy rẫy những cỏ dại xấu xa. Chỉ cần ta sống buông trôi, thiếu hiểu biết, cuộc đời ta sẽ phải trả giá bằng những u ám, tối tăm kéo dài.*

(2)*Một tâm hồn tươi đẹp đầy hoa thơm trái quý, hay tiêu điều hoang vắng với cỏ dại lan tràn... Điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức và nỗ lực của chính chúng ta, không phụ thuộc vào bất kỳ ai khác.*

(3)*Nuôi dưỡng tâm hồn cũng quan trọng, cần thiết không kém gì việc nuôi dưỡng thể xác, nhưng chúng ta rất thường lãng quên không chú ý đến việc này. Chúng ta đôi khi bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại. Nếu ý thức được điều này và bắt đầu chăm sóc gieo trồng những hạt giống tốt lành, chắc chắn bạn sẽ có được một cuộc sống tươi vui và hạnh phúc hơn nhiều.*

(<http://www.kynang.edu.vn/ky-nang-mem/nuoi-duong-tam-hon-noi-chinh-ban.html>)

1. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong đoạn (1)

2. Anh/ chị hiểu như thế nào về đoạn (2): *Một tâm hồn tươi đẹp đầy hoa thơm trái quý, hay tiêu điều hoang vắng với cỏ dại lan tràn... Điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức và nỗ lực của chính chúng ta, không phụ thuộc vào bất kỳ ai khác.*

3. Việc *nuôi dưỡng tâm hồn* có ý nghĩa như thế nào đối với con người?

4. Thông điệp mà anh/ chị tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Nêu rõ lí do chọn thông điệp đó.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hậu quả của việc “*bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại*” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gợi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong bốn dòng thơ đầu của bài thơ *Việt Bắc*, người ở lại có hỏi người về xuôi;

- *Mình về mình có nhớ ta*

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Có khi đáp lại, người về xuôi vừa hỏi, vừa gửi gắm nỗi nhớ:

Ta về, mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Rừng thu trăng rọi hòa bình

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung

(Tố Hữu, *Ngữ Văn 12*, Tập một, tr.109 – 111, NXB Giáo Dục – 2008)

Cảm nhận của anh/ chị về tâm trạng kẻ ở- người đi trong các đoạn thơ trên. Từ đó, rút ra nhận xét về tính dân tộc trong đoạn thơ.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 4

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Biện pháp tu từ: ẩn dụ (<i>hạt giống tốt đẹp; cỏ dại xấu xa</i>) Tác dụng: làm tăng tính hình tượng, biểu cảm cho đoạn; chỉ ra những sự lựa chọn phải trái; đúng sai trong cuộc sống.	0.5
	2	<i>Một tâm hồn tươi đẹp đầy hoa thơm trái quý, hay tiêu điều hoang vắng với cỏ dại lan tràn... Điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức và nỗ lực của chính chúng ta, không phụ thuộc vào bất kỳ ai khác.</i> Đoạn này có thể hiểu là (gợi ý):	1.0

		- Chính chúng ta lựa chọn và quyết định để làm nên một tâm hồn tốt đẹp hay u ám. - Mỗi người phải nỗ lực làm đẹp cuộc sống, tâm hồn của mình; đừng nên trông chờ vào người khác.	
	3	Việc <i>nuôi dưỡng tâm hồn</i> có ý nghĩa - Hướng con người tới những giá trị tốt đẹp; tránh xa những điều tồi tệ, u ám. - Tâm hồn đẹp sẽ giúp chúng ta tự tin, yêu đời; nhận ra những điều giản đơn nhưng vô cùng ý nghĩa đối với tâm hồn.	0.5
	4	- Thông điệp tâm đắc nhất: Con người phải nỗ lực không ngừng để làm nên một cuộc sống tốt đẹp. - Lý giải: + Nhiều người vẫn đang loay hoay đi tìm lời giải về hạnh phúc, giá trị sống đích thực mà quên mất đáp án tồn tại ngay trong họ. + Cuộc sống và lòng người đang có nhiều biến đổi, nếu mỗi người biết tự ý thức làm đẹp tâm hồn cuộc sống này sẽ đáng yêu biết bao.	1.0
II		Làm văn	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ của bản thân về việc “<i>bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gọi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về về việc “<i>bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy cảm hứng từ văn bản ở phần Đọc hiểu); nêu vấn đề cần nghị luận: hiện tượng về việc “<i>bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại</i>”. c.2. Các câu phát triển đoạn: * Giải thích: - Hình ảnh ẩn dụ: + Bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn: những người không biết làm cho đời sống tinh thần của mình trở nên phong phú, tươi mới; họ lựa chọn và hài lòng với lối sống khô khan, thờ ơ, vô cảm với mọi người và chính mình...	1.00

	+ Mọc đầy cỏ dại: những kẻ không biết tu dưỡng tâm hồn; để mặc những điều xấu xa, đen tối xâm nhập tâm hồn... - Ví dụ: Lối sống hưởng thụ, dễ sa ngã vào các tệ nạn xã hội hiện nay; hiện tượng sống buông thả, bất chấp hậu quả, bỏ mặc tương lai; quan niệm sống vị kỷ, hài lòng với những dục vọng tầm thường, thấp hèn; sống thiếu lý tưởng, mục tiêu phấn đấu; sống nhạt nhẽo, vô vị... * Bàn luận - Nêu tác hại: tạo ra những nhân cách tầm thường, mở ra cơ hội cho những suy nghĩ, hành vi đen tối len lỏi vào cuộc sống; tạo nên một lớp người sống hoặc khô cứng hoặc buông thả ảnh hưởng đến gia đình và xã hội; cuộc sống ngày càng trở nên u ám hơn, đất nước thiếu đi những công dân tốt ngược lại đầy rẫy những nhân cách tha hóa tác động xấu đến cộng đồng. - Chỉ ra nguyên nhân: mỗi người chưa tìm ra cho mình một ý nghĩa, động lực sống đích thực; những lối suy nghĩ ảo tưởng, chạy theo những hạnh phúc phù phiếm, những niềm vui sa đọa; lối sống đua đòi, thể hiện bản thân bằng những hành vi phản cảm, trái đạo lý; gia đình, xã hội ngày càng thực dụng, khô khan; giáo dục chạy theo thành tích mà không chú trọng giá trị nhân bản; đào tạo tâm hồn... c.3. Câu kết đoạn: Nêu những bài học thiết thực cho bản thân (cố gắng làm đẹp cuộc sống của mình và mọi người; rèn luyện lối sống ấy từ những việc nhỏ nhất; luôn nỗ lực tìm thấy giá trị sống, hạnh phúc đích thực từ những điều giản đơn; tạo nên sợi dây gắn kết yêu thương trong gia đình và ngoài xã hội...).	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Trong bốn dòng thơ đầu của bài thơ <i>Việt Bắc</i>, người ở lại có hỏi người về xuôi; - <i>Mình về mình có nhớ ta</i> <i>Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.</i> <i>Mình về mình có nhớ không</i> <i>Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?</i> Có khi đáp lại, người về xuôi vừa hỏi, vừa gửi gắm nỗi nhớ: <i>Ta về, mình có nhớ ta</i> <i>Ta về ta nhớ những hoa cùng người</i> <i>Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi</i> <i>Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng</i> <i>Ngày xuân mơ nở trắng rừng</i>	5,0

	<i>Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang</i> <i>Ve kêu rừng phách đổ vàng</i> <i>Nhớ cô em gái hái măng một mình.</i> <i>Rừng thu trăng rọi hòa bình</i> <i>Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung</i> Cảm nhận của anh/ chị về tâm trạng kẻ ở- người đi trong các đoạn thơ trên. Từ đó, rút ra nhận xét về tính dân tộc trong đoạn thơ.	
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tâm trạng kẻ ở- người đi trong các đoạn thơ; tính dân tộc trong đoạn thơ.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả Tố Hữu và tác phẩm “Việt Bắc”, nêu vấn đề chính: tâm trạng kẻ ở- người đi trong các đoạn thơ (Trích thơ). - Nêu ý phụ: tính dân tộc trong đoạn thơ. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát sơ lược về tác phẩm cần cảm nhận: 0.25 đ b. Cảm nhận về tâm trạng kẻ ở- người đi 2.25 * Tâm trạng người ở lại (đồng bào VB) - Gợi lại tình cảm sâu đậm, gắn bó + Cách xưng hô mình ta. + Tính từ: thiết tha, mặn nồng. - Nhắc nhở người về xuôi đừng quên nghĩa tình Việt Bắc + Câu hỏi tu từ. + Điệp cấu trúc “Mình về... có nhớ...”. - Khẳng định những tình cảm sâu đậm + Khoảng thời gian 15 năm gắn bó đầy gian khổ nhưng đầy ấp tình cảm, kỷ niệm đẹp. + Hình ảnh cây – núi; sông – nguồn: vẻ đẹp của núi rừng VB; ẩn dụ: VB là cội nguồn của CM với tấm lòng tha thiết không bao giờ vơi cạn. => Tâm trạng lưu luyến, dành hết những tình cảm thiêng liêng sâu đậm gửi theo người về xuôi. * Tâm trạng của người về xuôi (cán bộ, chiến sĩ CM) - 2 câu đầu thể hiện tấm lòng của người về xuôi với VB, luôn thủy chung, son sắt.	(4.00)

	+ Vừa hỏi lại để khẳng định tình cảm, vừa nhắc nhở VB đừng quên mình. + Nhấn mạnh ấn tượng về vẻ đẹp của “hoa và người”. - 8 câu sau cho thấy vẻ đẹp hài hòa, gắn bó cùng tôn lên vẻ đẹp của nhau giữa thiên nhiên và con người. + Mùa đông: màu đỏ của hoa, màu xanh của lá tương phản, tươi tắn đầy sức sống của rừng chuối; người đi lên nương rẫy dáng vẻ khỏe khoắn, tự tin, đầy sinh khí, nhiệt huyết. + Mùa xuân: màu trắng tinh khiết, bung nở của hoa mơ; dáng điệu lao động với sự tỉ mỉ chăm chút trên từng chiếc lá giang. + Mùa hè: không gian ngập tràn màu sắc rực rỡ (rừng phách đỏ vàng), âm thanh rộn rã (ve kêu); hình ảnh thân thương của người em dịu dàng, thướt tha nhưng vẫn đậm chất lao động. + Mùa thu: ánh trăng tràn ngập tạo nên sắc màu lung linh, không gian huyền ảo, lãng mạn, gợi ước mơ thanh bình; tiếng hát ca ngợi ân tình thủy chung càng làm đẹp hơn tâm tình của người VB. => Lời thơ thể hiện những ấn tượng sâu đậm, khó phai trong lòng người về xuôi; cách cảm nhận xuất phát từ tình cảm tha thiết với VB: vẻ đẹp của cảnh hữu tình, người duyên dáng hòa quyện vào nhau trong một khung cảnh đậm chất trữ tình đầm ấm. * Những đặc sắc nghệ thuật: thể thơ lục bát với âm hưởng nhẹ nhàng, sâu lắng; lối xưng hô mình – ta; kết cấu đối đáp của ca dao dân ca; hình ảnh bình dị mà gợi cảm; giọng thơ tha thiết, đậm chất trữ tình. c. Bàn luận mở rộng: Tính dân tộc trong 2 đoạn thơ * Về nội dung - Tình cảm sâu đậm của người đi kẻ ở đã thể hiện những phẩm chất tốt đẹp từ ngàn đời của nhân dân ta: coi trọng tình nghĩa hơn của cải vật chất; tình cảm sâu đậm không dễ xóa nhòa, quên lãng; sống thủy chung có trước có sau; tấm lòng tri ân, hướng về cội nguồn đã cho mình khôn lớn; tinh thần lạc quan: chia tay nhưng không bi ai, gợi nhớ kỉ niệm CM dù gian khổ nhưng vẫn luôn chứa đựng những cái nhìn tích cực... - Vẻ đẹp trong cả hai đoạn đều là vẻ đẹp hướng nội, khai thác từ sự dung dị, mộc mạc mà đầy sức gợi cảm của con người và thiên nhiên cảnh vật. Đó chính là quan niệm thẩm mỹ thuần Việt: không chú trọng vẻ đẹp sắc sảo, rực rỡ mà đề cao sự thanh khiết, nhẹ nhàng; nét đẹp của tâm hồn luôn hướng vào	
--	---	--

	trong với những cung bậc sâu lắng; vẻ đẹp của thiên nhiên tồn tại trong chính cuộc sống quanh ta... - Hai đoạn thơ cũng cho thấy cách cảm nhận của nhà thơ về những vấn đề chính trị: luôn đề cao những sự kiện lớn lao, liên quan đến vận mệnh đất nước nhưng cách thể hiện không phù phiếm, cố tạo ra vẻ hoành tráng mà rất nhẹ nhàng, sâu lắng. * Về nghệ thuật: Tố Hữu đã khai thác triệt để những vốn quý trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc: thể thơ lục bát; hình ảnh, con người gắn liền với vùng đất Việt Bắc; chất liệu từ những câu tục ngữ; đại từ nhân xưng mình-ta mượn từ ca dao, dân ca; giọng điệu nhẹ nhàng mà chân thành, sâu lắng phù hợp với cách cảm, cách tả, cách gọi về vẻ đẹp của ân tình, của cảnh và người, của những hoài niệm trong buổi chia tay. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Nêu bài học liên hệ: ý thức phát huy truyền thống dân tộc; lối sống tình nghĩa, thủy chung; tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 5- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Phải trở lại với những khái niệm cơ bản của các giá trị như tự do. Chẳng hạn như, khi bạn thực thi quyền tự do của mình thì không được ảnh hưởng đến người khác. Bạn có quyền tự do nhưng phải là tự do trong sự nhận thức đầy đủ về văn hóa và văn minh. Khi tự do mà thiếu đi văn hóa thì đó chỉ là một thứ tự do hoang dã. Tôi cho rằng, văn hóa không chỉ là một cái thang giúp chúng ta dừng lại trước những cái xấu mà văn hóa còn vun đắp, giúp con người thăng hoa trước cái đẹp.

Để có văn hóa, con người phải được khai minh và khai tâm. Với một cái đầu vô minh và với trái tim vô hồn thì sẽ rất tai hại cho chính mình và cho người khác. Vì khi đó sẽ không minh

định được ai là ai, cái gì là cái gì và mình là ai, mình sống trên đời này vì điều gì. Đây cũng chính là cội nguồn của mọi thứ không hay.

Văn hóa chính là thứ tạo nên ai đó, là thứ mà vì nó hay để bảo vệ nó người ta sẵn lòng hy sinh mọi thứ khác. Nói cách khác, khi có văn hóa có nghĩa là người ta có “chính mình” và khi có “chính mình” thì cái mà con người ta sợ hãi nhất đó là sợ “đánh mất chính mình”. Còn ngược lại, khi con người chưa có được cái “chính mình” này thì người ta sẵn sàng bắt chước mọi thứ để có tiền và có tiếng nhưng lại chẳng sợ cái gì cả.

(Trích Tự do không có văn hóa là thứ tự do hoang dã, Giản Tư Trung, <http://laodong.vn>, 11/7/2013)

1. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: văn hóa không chỉ là một cái thang giúp chúng ta dừng lại trước những cái xấu mà văn hóa còn vun đắp, giúp con người thăng hoa trước cái đẹp.

2. Anh/chị hiểu như thế nào về hai từ khai minh và khai tâm trong câu: Để có văn hóa, con người phải được khai minh và khai tâm.

3. Tác giả bài viết quan niệm như thế nào về vai trò của văn hóa đối với cuộc sống con người?

4. Anh/chị có đồng ý với nhận định: khi có văn hóa có nghĩa là người ta có “chính mình” không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về quan điểm: Khi tự do mà thiếu đi văn hóa thì đó chỉ là một thứ tự do hoang dã được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn *Rừng xà nu*, Nguyễn Trung Thành đã có nhiều chi tiết nói về phản ứng tâm lí và hành động của Tnú vào cái đêm thằng Dục dẫn lính về làng Xô Man. Miêu tả tâm lí và hành động Tnú khi chứng kiến cảnh Mai và đứa con bị đánh đến chết, nhà văn viết:

"Một tiếng hét dữ dội. Tnú nhảy xổ vào giữa bọn lính. Anh không biết đã làm gì. Chỉ thấy thằng lính giặc to béo nằm ngửa ra giữa sân, thằng Dục tháo chạy vào nhà ung. Tiếng lên đạn lách cách quanh anh. Rồi Mai ôm đứa con chui vào ngực anh. Hai cánh tay rộng lớn như hai cánh lim chắc của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai".

Miêu tả tâm lí và hành động của Tnú khi bị thằng Dục tẩm dầu xà nu đốt mười đầu ngón tay, nhà văn viết:

"Trời ơi! Cha mẹ ơi! Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy trong bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu lên. Anh Quyết nói: "Người cộng sản không thèm kêu van...". Tnú không thèm, không thèm kêu van. Nhưng trời ơi! Cháy, cháy cả ruột đây rồi! Anh Quyết ơi! Cháy! Không, Tnú sẽ không kêu! Không!"

Phân tích nhân vật *Tnú* trong hai lần miêu tả như trên. Từ đó, nhận xét sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của nhân vật.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 5

I		Đọc hiểu	3.0
	1	-Biện pháp tu từ trong câu: <i>văn hóa không chỉ là một cái thắng giúp chúng ta dừng lại trước những cái xấu mà văn hóa còn vun đắp, giúp con người thắng hoa trước cái đẹp</i>: so sánh giữa <i>văn hóa không chỉ</i> với <i>một cái thắng giúp chúng ta dừng lại</i> - Tác dụng: Gợi hình ảnh cụ thể, dễ hiểu, qua đó thấy được giá trị của văn hoá trong đời sống con người.	1.0
	2	Ý nghĩa của hai từ khai minh và khai tâm trong câu: để có văn hóa, con người phải được khai minh và khai tâm là: -Khai minh: Mở mang trí tuệ, vốn hiểu biết. -Khai tâm: Bồi dưỡng tâm hồn.	0.5
	3	Vai trò của văn hóa đối với con người: -Là cái thắng giúp chúng ta dừng lại trước những cái xấu. Là thứ vun đắp, giúp con người thắng hoa trước cái đẹp. - Góp phần tạo ra bản sắc, giá trị của một con người.	0.5
	4	Học sinh thể hiện được quan điểm của mình về nhận định được đưa ra ở câu hỏi: đồng tình hoặc không đồng tình. Lí giải thuyết phục vì sao lựa chọn quan điểm ấy. Gợi ý: Đồng tình. Vì: -Đối với mỗi cá nhân, văn hóa là tập hợp các biểu hiện trong lời nói, hành động, ứng xử với tự nhiên và xã hội. Là một tiêu chí tin cậy để đánh giá nhân cách, giá trị một con người. -Văn hóa tạo ra nét riêng của mỗi người. Giúp con người khẳng định nhân cách, giá trị bản thân.	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về quan điểm: <i>Khi tự do mà thiếu đi văn hóa thì đó chỉ là một thứ tự do hoang dã</i> được trích ở phần Đọc hiểu.	2.0
	a.	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ	0.25
		Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.	
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: cần hiểu đúng về bản	0.25

	chất của sự tự do.	
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: Đoạn văn cần đảm bảo những ý chính sau: 1. Bàn luận: a. Phân biệt tự do có văn hóa và tự do hoang dã: -Tự do có văn hoá: Là sự tự do có được trên cơ sở tôn trọng các giá trị nhân văn cơ bản. Là niềm mơ ước, đích phấn đấu của loài người, là tiêu chuẩn để đánh giá sự tiến bộ của xã hội. -Tự do hoang dã: Là sự tự do khi con người rũ bỏ mọi ràng buộc, giới hạn và mọi trật tự. Nếu không có nhận thức đúng đắn, tự do hoang dã sẽ kéo con người đi ngược với văn minh. b. Tự do hoang dã không chỉ gây phản cảm mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của những người xung quanh. 2. Bài học: cần có nhận thức đúng đắn và nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tâm hồn để vươn tới sự tự do có văn hóa.	1.00
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích nhân vật <i>Thú</i> trong hai lần miêu tả tâm lí và hành động trên. Từ đó, nhận xét sự chuyển biến của nhân vật .	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một nhân vật trong đoạn trích văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tâm lí và hành động của <i>Tnú</i> trong 2 lần được miêu tả. Nhận xét sự chuyển biến của nhân vật.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: I./Mở bài: 0.25 – Giới thiệu tác giả Nguyễn Trung Thành và truyện <i>Rừng xà nu</i>. – Nêu vấn đề cần nghị luận: Tâm lí và hành động của <i>Tnú</i> trong 2 lần được miêu tả thể hiện sự chuyển biến của người chiến sĩ cách mạng anh hùng. II/.Thân bài: 3.5	(4.00)

1. Khái quát về tác phẩm, nhân vật Tnú:

- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, sơ lược cốt truyện.
- Khái quát về hoàn cảnh dẫn đến phản ứng tâm lí và hành động của nhân vật Tnú.

2. Phân tích nội dung, nghệ thuật thể hiện tâm lí và hành động của Tnú ở 2 đoạn văn:**a. Về nội dung:****a.1. Phân tích tâm lí và hành động của Tnú khi chứng kiến cảnh Mai và đứa con bị đánh đến chết:****- Hoàn cảnh cụ thể:**

- + Dân làng chưa sẵn sàng để chống lại bọn thằng Dục. Cụ Mết và Tnú cùng thanh niên trong làng đang phải vào rừng lẩn trốn;
- + Tnú chứng kiến cảnh Mai và con bị bọn lính đánh đến chết.

- Tâm lí và hành động của nhân vật Tnú:

- + Tnú kêu lên đau đớn;
- + Tnú lao ra cứu vợ và con nhưng Mai và đứa con đã chết. Tnú bị bắt trời vào gốc cây xà nu.

- Ý nghĩa:

- + Thể hiện nỗi đau mất mát không thể kìm nén;
- + Thể hiện hành động mang tính tự phát và đơn độc của Tnú khi dân làng chưa sẵn sàng để hành động chống lại kẻ thù.

a.2. Phân tích tâm lí và hành động của Tnú khi bị thằng Dục tẩm dầu xà nu đốt mười đầu ngón tay:**- Hoàn cảnh cụ thể:** Sau cái chết của Mai và con, Tnú bị thằng Dục tẩm dầu xà nu đốt mười đầu ngón tay.**- Tâm lí và hành động của nhân vật Tnú:**

- + Không thấy lửa ở mười đầu ngón tay;
- + Cấn nát cả môi, cảm thấy mặn chát ở đầu lưỡi;
- + Nhớ đến lời anh Quyết;
- + Tnú không kêu van;
- + Tnú cảm thấy lửa cháy *cả ruột đây rồi*.

- Ý nghĩa:

- + Thể hiện nỗi đau tột cùng và sự kìm nén của Tnú;
- + Thể hiện sự vận động của nỗi đau thành nỗi căm thù;
- + Thể hiện ý chí của người cộng sản đã trưởng thành trong nhận thức cách mạng và lí tưởng đấu tranh.

b. Về nghệ thuật:

- Tác giả đã sáng tạo được nhiều chi tiết giàu ý nghĩa tượng trưng, lời văn trau chuốt

	giàu hình ảnh, giọng điệu ngợi ca, tự hào... - Tác giả đặt nhân vật vào tình huống đau đớn, nghiệt ngã để bộc lộ tính cách, tâm trạng hợp lí, xúc động. 3. Nhận xét sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của nhân vật Tnú. - Qua hai lần miêu tả, tác giả đều thể hiện những nỗi đau, những bi kịch cuộc đời và phẩm chất anh hùng, lòng gan dạ, dũng cảm, yêu thương và căm thù trong tâm hồn Tnú - người chiến sĩ cách mạng; - Qua hai lần miêu tả, nhân vật Tnú có sự chuyển biến trong nhận thức và hành động: biến nỗi đau thành sức mạnh và lòng căm thù, báo hiệu về hành động trả thù quật khởi. Đó chính là tính cách và phẩm chất anh hùng cách mạng của người dân Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ . III/.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp của nhân vật Tnú qua hai lần miêu tả; - Rút ra bài học cuộc sống từ nhân vật Tnú (sống yêu thương và căm thù; sống có lí tưởng, không đầu hàng hoàn cảnh...)	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 6- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2019-Lần 2

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Một cô giáo ở Quảng Bình đã trừng phạt học sinh bằng cách ra lệnh cho cả lớp mỗi người tát bạn 10 cái, ai tát nhẹ sẽ bị bạn tát lại. Sự đau đớn thật không thể nào tả nổi, nhất là khi nhà trường và chính quyền xin gia đình không làm to chuyện vì ảnh hưởng đến thành tích. Nhiều bài bình luận chĩa mũi dùi vào vấn nạn bạo lực. Tuy nhiên, tôi cho rằng đó không phải là gốc của vấn đề. Bạo lực, từ khía cạnh tâm lý, nhìn chung, đều xuất phát từ sợ hãi.(...)”

Trong lời trần tình, cô giáo sợ lớp mình bị xếp hạng cuối. Nhà trường sợ mất thi đua. Chính quyền địa phương sợ kêu tiếng xấu. Và những đứa trẻ phải tát bạn, chúng làm điều đó cũng vì sợ hãi: sợ bị lạc loài, sợ bị coi là cá biệt,nổi khát khao được trở thành một con cừu ngoan ngoan. Và trên nhất, là sợ cô giáo.

Ngoài nỗi sợ, ngoài tâm lý số đông, còn lý do gì khác lý giải cả lớp đều nghe theo lời cô giáo ở tình huống này? Có chăng tình huống một bộ phận các em thấy nó "vô lý" mà "khước từ" yêu cầu của cô giáo? Trong tình huống này, tư duy độc lập và khả năng phản biện cá nhân

đã vắng bóng hoàn toàn. Chừng nào còn quan niệm trẻ nào chăm chăm nghe ba mẹ, thầy cô mới là ngoan; lối học truyền thụ một chiều còn duy trì thì không thể có tư duy cá nhân và tính phản biện.(...)

Bạo lực không phải là vấn đề đau đớn nhất ở đây. Đó phải là sự sợ hãi. Cách giải quyết không phải là thủ tiêu sự sợ hãi, mà là xác định lại đối tượng của nó. Sợ hãi uy quyền một cách u mê có thể khiến ta thoái hoá, tàn nhẫn với bản thân và đồng loại. Nhưng sự sợ hãi vì đi ngược lại lẽ phải sẽ khiến ta cất lên tiếng nói phản kháng, góp phần làm cuộc sống của chính mình và xã hội tốt đẹp hơn...”

(Trích “Những cái tát” - Nguyễn Phương Mai, dẫn theoVn Express, thứ Hai, 26/11/2018)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1:Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2:Theo tác giả, nguyên nhân nào khiến cho những đứa trẻ phải tát bạn?

Câu 3: Phát hiện và phân tích hiệu quả tu từ trong các câu văn sau: *Ngoài nỗi sợ, ngoài tâm lý số đông, còn lý do gì khác lý giải cả lớp đều nghe theo lời cô giáo ở tình huống này? Có chăng tình huống một bộ phận các em thấy nó "vô lý" mà "khước từ" yêu cầu của cô giáo? Trong tình huống này, tư duy độc lập và khả năng phản biện cá nhân đã vắng bóng hoàn toàn.*

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm: *Sợ hãi uy quyền một cách u mê có thể khiến ta thoái hoá, tàn nhẫn với bản thân và đồng loại không? Vì sao?*

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần văn bản Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về *những giải pháp để giải tỏa tâm lý sợ hãi, góp phần làm cho cuộc sống của chính mình và xã hội tốt đẹp hơn.*

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn “Rừng xà nu ”, nhân vật cụ Mết có nói: *"Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo".*(Nguyễn Trung Thành - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.46).

Anh/chị hãy phân tích nhân vật Tnú và hình ảnh dân làng Xô Man khi chưa *cầm giáo* và khi đã *cầm giáo* để làm sáng tỏ câu nói trên, từ đó làm nổi bật con đường đấu tranh đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 6-Lần 2

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận/phương thức nghị luận	0.5
	2	Theo tác giả, nguyên nhân khiến những đứa trẻ phải tát bạn là vì: sợ hãi, sợ bị lạc loài,	0.5

		sợ bị coi là cá biệt, nổi khát khao được trở thành một con cừu ngoan ngoãn. Và trên nhất là sợ cô giáo.	
	3	Biện pháp tu từ: Câu hỏi tu từ /lặp cú pháp có câu hỏi tu từ Hiệu quả: Thể hiện sự trăn trở, day dứt của người viết về một hệ quả giáo dục: thủ tiêu tư duy độc lập và khả năng phản biện của cá nhân học sinh.	1.0
	4	HS lí giải: <i>Sợ hãi uy quyền một cách u mê có thể khiến ta thoái hoá, tàn nhẫn với bản thân và đồng loại.</i> Có thể theo hướng làm rõ, đồng tình hoặc phản đối ý kiến nêu trên nhưng cần thuyết phục có cơ sở và không lệch chuẩn đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ, pháp luật của xã hội hiện nay.	1.0
II		Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về <i>những giải pháp để giải tỏa tâm lí sợ hãi, góp phần làm cho cuộc sống của chính mình và xã hội tốt đẹp hơn.</i>	2.0
	1	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: <i>những giải pháp để giải tỏa tâm lí sợ hãi, góp phần làm cho cuộc sống của chính mình và xã hội tốt đẹp hơn.</i>	0.25
		c. Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vấn đề sự sợ hãi trong nhà trường, trong tâm lí HS. Tập trung vào việc đề xuất những giải pháp để giải tỏa tâm lí sợ hãi, góp phần làm cho cuộc sống của chính mình và xã hội tốt <u>đẹp hơn.Cu thể:</u> - Xác định rõ nguồn gốc nỗi sợ hãi; - Đối mặt để vượt qua nỗi sợ: + Cần tạo cho mình sự tự tin vào bản thân khi bắt đầu thực hiện công việc mà trước đó ta rất lo sợ khi đối mặt. + Cần phải có lòng dũng cảm để đối diện với nỗi lo sợ tiềm tàng trong tâm thức. - Phê phán những người nhụt chí, thiếu mạnh mẽ, cam chịu, bạc nhược, đồng lõa với cái xấu; - Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân: + Nhận thức: thấy được ý nghĩa quan trọng của việc chiến thắng nỗi sợ hãi + Hành động: học tập và rèn luyện, nhất là học kĩ năng sống, tạo cho mình bản lĩnh vững vàng để vượt qua nỗi sợ hãi.	1.00
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25

	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Anh/chị hãy phân tích nhân vật Tnú và hình ảnh dân làng Xô Man khi chưa <i>cắm giáo</i> và khi đã <i>cắm giáo</i> để làm sáng tỏ câu nói của cụ Mết, từ đó làm nổi bật con đường đấu tranh đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nhân vật Tnú và hình ảnh dân làng Xô Man khi chưa <i>cắm giáo</i> và khi đã <i>cắm giáo</i> để làm sáng tỏ câu nói của cụ Mết, từ đó làm nổi bật con đường đấu tranh đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên.	0,25
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: I.Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận 0.25 -Nguyễn Trung Thành là một nhà văn quân đội gắn bó với Tây Nguyên suốt hai cuộc kháng chiến, có nhiều tác phẩm thành công về mảnh đất và con người nơi đây. -Tác giả thành công với truyện ngắn <i>Rừng xà nu</i> – được xem là <i>hịch tướng sĩ</i> trong kháng chiến chống Mỹ. -Một trong những câu nói trở thành chân lí là lời của cụ Mết: <i>Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo</i> . Nhân vật Tnú và hình ảnh dân làng Xô Man khi chưa <i>cắm giáo</i> và khi đã <i>cắm giáo</i> để làm sáng tỏ điều đó, đồng thời làm nổi bật con đường đấu tranh đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên. II.Thân bài: 3.50 1. Khái quát tác phẩm: -Truyện ngắn "Rừng xà nu" được nhà văn Nguyễn Trung Thành viết năm 1965, in trong tập "Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc". -Truyện miêu tả rừng xà nu và kể chuyện Tnú sau ba năm đi "lực lượng" về thăm làng. Tối hôm đó, tại nhà cụ Mết, dân làng mừng đón Tnú, Cụ Mết kể cho dân làng nghe câu chuyện về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của làng Xô Man chống kẻ thù tàn bạo. Sáng hôm sau, cụ Mết và Dít tiễn chân Tnú trở về đơn vị. 2. Phân tích nhân vật Tnú và hình ảnh dân làng Xô Man khi chưa <i>cắm giáo</i> và khi đã <i>cắm giáo</i> để làm sáng tỏ câu nói của cụ Mết: a. Về nội dung: -Hoàn cảnh xuất hiện câu nói của cụ Mết: + Tnú về thăm làng Xô Man sau ba năm đi <i>lực lượng</i> ; + Cụ Mết kể cho dân làng nghe về việc vợ con Tnú bị kẻ thù tra tấn dã man. Tnú	4.00

xông ra cứu vợ con nhưng không thành

+ Cụ cũng không kìm nổi sự tiếc thương, đau đớn và xúc động, cụ “vung về trở bàn tay lau một giọt nước mắt” như muốn che giấu lòng mình. Và cụ đã dặn dò con cháu qua câu nói trở thành chân lí: *Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo*;

+ Ý nghĩa câu nói: phải chống lại bạo lực bằng bạo lực, phải dám đứng lên tiến hành chiến tranh vũ trang cách mạng để chống lại chiến tranh phản cách mạng của kẻ thù.

- Nhân vật Tnú và hình ảnh dân làng Xô Man khi chưa kịp cầm giáo mà kẻ thù đã cầm súng:

+Lúc ấy, nhân vật Tnú và dân làng Xô Man đã có trong mình cả lí tưởng cách mạng, cả ý thức văn hoá (kí ức về những sử thi anh hùng của Tây Nguyên, ý thức học chữ để làm cách mạng) và những phẩm chất tốt đẹp (Mai hiền dịu, giàu đức hi sinh; Tnú khoẻ mạnh, gan góc, tuyệt đối trung thành với cách mạng; làng Xô Man giàu tình nghĩa...). Với chừng ấy những thứ quý báu, họ cũng không thể tự bảo vệ mình và những gì mình yêu thương (cái chết của anh Xút, bà Nhan, Mai và đứa con của Mai với Tnú... Chính Tnú cũng bị đốt cụt 10 đầu ngón tay).

+Lí do: *"Mày chỉ có hai bàn tay trắng. Tau không nhảy ra cứu mày vì tau cũng chỉ có hai bàn tay không"*. Khi chúng ta chỉ có hai bàn tay không, đơn độc giữa kẻ thù đầy vũ khí thì chúng ta không thể cứu được mọi người và cũng không thể tự cứu bản thân mình.

- Nhân vật Tnú và hình ảnh dân làng Xô Man khi đã cầm giáo đứng lên:

+Khi lũ làng ào ào xông lên với giáo mác trong tay, lửa đã tắt trên bàn tay Tnú, đau thương ngừng lại, kẻ thù phải trả giá (Cái chết của 10 thằng ác ôn dưới mũi mác, mũi giáo của cụ Mết và thanh niên làng Xô Man, cái chết của thằng chỉ huy dưới bàn tay tàn tật của Tnú).

+Khi cầm vũ khí đứng lên, cuộc sống của làng Xô Man đã hoàn toàn thay đổi: âm thanh tiếng chày giã gạo dồn dập của làng Xô Man khi Tnú trở về, câu nói của cụ Mết: *"Năm nay làng không đói. Gạo đủ ăn tới mùa suối. Nhưng phải để dành, dự trữ mỗi bếp cho được 3 năm. Mày đi cách mạng, người chỉ huy cũng dạy mày rồi, đánh thằng Mĩ phải đánh lâu dài"* chính là biểu hiện cụ thể của sự thay đổi ấy.

+Khi cầm vũ khí đứng lên, dân làng Xô Man cũng như cánh rừng xà nu trở nên bất diệt: con đường đến làng Xô Man chằng chịt hầm chông, hố chông, giàn thò, những chỗ ác chiến điểm sẵn sàng đợi giặc. Rừng xà nu thì ào ào rung động, đại bác của kẻ thù không ngăn nổi sự sống, sức sống của những mầm cây đang tiếp tục nhú lên.

+Khi cầm vũ khí đứng lên, con người Xô Man trở nên hoàn thiện hơn: Dít giống Mai. Song Mai chỉ có tình yêu thương còn Dít có thêm cả sự cứng cỏi, hiểu biết và đầy bản lĩnh để bảo vệ những gì mình yêu thương. Heng giống Tnú song có

	thể thấy Heng sẽ đi xa hơn Tnú. Ở tuổi của Tnú ngày xưa, cậu bé Heng đã có tư thế của một người lính thực thụ, có những hiểu biết và ý thức hơn hẳn Tnú ngày xưa. b. Nghệ thuật: - Đặc sắc, đậm đà chất sử thi hùng tráng. Chất sử thi toát lên qua đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, các chi tiết nghệ thuật, giọng điệu, ngôn ngữ của tác phẩm: + Đề tài có ý nghĩa lịch sử: sự vùng dậy của dân làng Xô man chống Mỹ Diệt. + Các nhân vật tiêu biểu được miêu tả trong bối cảnh trang nghiêm, hùng vĩ, vừa mang phong cách Tây Nguyên vừa mang phẩm chất của anh hùng thời đại. + Cách trần thuật: Chuyện về sự nổi dậy của dân làng và cuộc đời Tnú được kể lại trong một đêm anh về thăm làng, qua lời cụ Mết, bên bếp lửa bập bùng; - Giọng kể trang trọng như truyền cho thế hệ con cháu những trang sử bi thương và anh hùng của cộng đồng. Chuyện về thời hiện tại được kể bằng giọng điệu và ngôn ngữ sử thi. c. Nhận xét con đường đấu tranh đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên: - Qua tác phẩm, Nguyễn Trung Thành đã khái quát được con đường đấu tranh đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên từ tự phát đến tự giác, từ bóng tối bước ra ánh sáng, từ nô lệ đến tự do; - Tác giả khẳng định được sức sống bất diệt của Tây Nguyên trong cuộc đối mặt với kẻ thù. III. Kết bài: 0.25 - Tóm lại vấn đề đã nghị luận - Cảm nghĩ bài học cuộc sống từ lời nói của cụ Mết, từ nhân vật Tnú và dân làng Xô Man...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25

ĐỀ SỐ 7- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Trong cuộc sống chúng ta, ai cũng có một ước mơ cho một ngày mai thật đẹp, dù bình dị hay phi thường.

Ước mơ thật luôn đáng quý và đáng trân trọng, nó luôn là niềm hy vọng, động lực và niềm tin lớn nhất cho mỗi người để sống, để cảm nhận và hướng đến ngày mai.

Nhưng cuộc sống luôn tiềm ẩn những trở ngại, khó khăn và thử thách bất ngờ, con đường đi đến ước mơ ấy không hề bằng phẳng.

Để thử thách lòng dũng cảm của con người, bao khó khăn, trở ngại và những bất hạnh ấy sẽ đến vào lúc ta không ngờ đến nhất, phải vượt qua nó thì ta mới có thể vững bước trên đôi chân của mình. Tuy vậy nhưng không phải ai cũng cố gắng vượt qua, có những người vẫn phớt lờ cho số phận, chạy trốn tìm nơi trú ẩn, ngã gục xuống và than thân trách phận trước giông tố của cuộc đời.

Bất cứ ai trong chúng ta cũng đều tồn tại một khát vọng mãnh liệt – đó là khát vọng sống và luôn được là chính mình. Cuộc sống có thể luôn tràn ngập sợ hãi, oán hờn nhưng hãy học cách chấp nhận và đối mặt với nó.

Có những điều hết sức giản dị xung quanh chúng ta có thể giúp ta vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống như nụ cười của một cô bán bánh mì khi hôm nay bán được nhiều có tiền mua thức ăn cho mấy đứa con thơ, một chú bé bán báo góp nhặt từng đồng lẻ vì muốn mua cho mẹ một tấm chăn bông ngày rét, một chú bé khuyết tật cố gắng tập đi hay chỉ đơn giản là niềm vui của cô bé nghèo khi nhận được một ổ bánh mì từ thiện... Có rất nhiều điều tưởng chừng như quá giản đơn, nhưng những con người bình dị với niềm vui cuộc sống, cách họ vượt qua khó khăn lại là động lực to lớn cho bạn, để bạn nhìn lại chính bản thân mình, khám phá rồi tìm ra lời giải cho cuộc sống của bạn.

(Nguồn <http://khoaiocthoi dai.vn/ky-dieu-tu-nhung-dieu-binh-di-3284.html>)

1. Trong đoạn trích, ước mơ có ý nghĩa gì với con người?
2. Việc đưa ra các dẫn chứng về một cô bán bánh mì, một chú bé bán báo, một chú bé khuyết tật... có tác dụng gì?
3. Người viết tỏ thái độ như thế nào với những người vẫn phớt lờ cho số phận, chạy trốn tìm nơi trú ẩn, ngã gục xuống và than thân trách phận trước giông tố của cuộc đời.
4. Anh/ có đồng tình với quan niệm: *Cuộc sống có thể luôn tràn ngập sợ hãi, oán hờn nhưng hãy học cách chấp nhận và đối mặt với nó.*? Nêu rõ lí do vì sao.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của “sống khát vọng” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gợi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện *Vợ nhặt*, nhà văn Kim Lân tả nhân vật Tràng với hài lần gặp nhân vật “thị”:

Lần đầu, Tràng kéo xe thóc liên đoàn lên tỉnh, Tràng chỉ hát mấy câu vu vơ: “*Muốn ăn cơm trắng mới giò/ Lại đây mà đẩy xe bò với anh nì*”. Lần thứ hai, “*hắn cũng chưa nhận ra thị*

là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đũa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”. Sau đó, chỉ mất “bốn bát bánh đúc” và một câu nói đùa “Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”, Tràng đã dẫn thị về nhà.

(Kim Lân - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.26 và tr.27)

Phân tích hình ảnh nhân vật Tràng trong hai lần miêu tả trên, từ đó làm nổi bật sự tâm lòng của nhà văn dành cho người nông dân.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 7

I		Độc hiểu	3.0
	1	Ước mơ có ý nghĩa: luôn là niềm hy vọng, động lực và niềm tin lớn nhất cho mỗi người để sống, để cảm nhận và hướng đến ngày mai.	0.5
	2	Việc đưa ra các dẫn chứng về <i>một cô bán bánh mì, một chú bé bán báo, một chú bé khuyết tật...</i> có tác dụng: - Chứng minh để tăng tính thuyết phục cho lập luận của người viết: <i>Có những điều hết sức giản dị xung quanh chúng ta có thể giúp ta vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống</i> - Họ là những con người có cuộc sống khó khăn, công việc không mấy suôn sẻ... Họ là những tấm gương tiếp thêm động lực sống cho nhiều người qua cách vượt lên khó khăn của họ.	1.0
	3	Người viết tỏ thái độ: tiếc nuối, không đồng tình với những người có lối sống bi quan, nhụt chí, đầu hàng số phận.	0.5
	4	Thí sinh có thể đồng tình/ không đồng tình/ vừa có phần đồng tình vừa không đồng tình. Lí giải quan điểm riêng hợp lí, hợp tình, theo chuẩn mực pháp luật và đạo đức. - Nếu đồng tình. + Vì con người luôn sợ hãi trước những điều mình chưa trải qua và thường suy nghĩ tiêu cực về những việc sắp tới. Ví dụ: bạn muốn leo núi nhưng lại không dám leo lên, sợ trượt chân, sợ mất mạng, sợ sợi dây cứu hộ không an toàn.... Nhưng nếu bạn đối mặt với sự sợ hãi, lạc quan hơn thì bạn sẽ được chiêm ngưỡng một không gian thơ mộng, tuyệt vời từ ngọn núi bạn đang đứng. Đối mặt với sợ hãi sẽ vượt qua sợ hãi, tìm được những giá trị khác khi trải nghiệm. + Chúng ta thường “than thân trách phận” trách móc tại sao đời lại bất công với mình, tại sao luôn gặp điều xui xẻo. Đó chính là “oán hờn” với cuộc sống. Thay vì	1.0

		trách móc thì bạn nên bình tâm, đối mặt với thất bại... để tìm ra nguyên nhân và khắc phục thì cuộc sống sẽ thanh thoi và không còn “oán hờn” nữa. - Nếu không đồng tình: Có lúc con người đành phải sợ hãi trước sức mạnh huỷ diệt khủng khiếp của thiên nhiên như động đất, sóng thần... Cho dù ta có <i>chấp nhận và đối mặt với nó</i> thì cũng không chống lại được nó. - Vừa đồng tình vừa không đồng tình: kết hợp cả 2 ý kiến trên.	
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của “<i>sống khát vọng</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gọi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: ý nghĩa của “<i>sống khát vọng</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy câu chuyện trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các hình thức lập luận (diễn dịch, quy nạp. tổng – phân – hợp); các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy tấm gương những người có ước mơ đẹp trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: + Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp trong cuộc sống. + Sống khát vọng là sống luôn khao khát vươn lên phía trước, hướng về những điều tốt đẹp - Phân tích, chứng minh về <i>sống khát vọng</i> của tuổi trẻ + Tại sao tuổi trẻ cần sống khát vọng? ++ Khát vọng biểu tượng cho những gì lớn lao mà tuổi trẻ hướng đến cho bản	1.00

	thân mình và cho cộng đồng. ++ Tuổi trẻ là tuổi tràn đầy nhiệt huyết, tài năng, đức độ, có sức mạnh tinh thần để vượt qua mọi trở ngại trong cuộc sống. - Chứng minh: +Hồ Chí Minh: Vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Thời trẻ, Người từng làm phụ bếp trên tàu Pháp để nung nấu quyết tâm tìm đường giải phóng cho dân tộc, thích nghi với môi trường sống, thông thạo nhiều ngoại ngữ,giỏi nhiều nghề,là tấm gương cần,kiệm,liêm chính,yêu thương nhân dân. +Bill Gates: Sinh ra trong một gia đình nghèo.Từ nhỏ, ông đã say mê toán học, từng đậu vào ngành luật của trường đại học Harvad. Nhưng với niềm say mê máy tính, ông đã nghỉ học và cùng với một người bạn mở công ty Microsoft. Vượt qua nhiều khó khăn, ông đã trở thành người giàu nhất hành tinh và hiện nay, ông giành 95% tài sản của mình để làm từ thiện... - Bàn bạc ý nghĩa của sống khát vọng của tuổi trẻ: + Khát vọng xuất phát từ những mong ước làm nên cuộc đời hạnh phúc, không chỉ cho bản thân người đó mà cho những người xung quanh. + Khát vọng thể hiện được giá trị cao đẹp của con người. + Những con người có khát vọng luôn nhận thức mình là ai và có thể làm gì để giúp đỡ mọi người. + Những người có khát vọng sống có trái tim say mê, luôn sống hết mình và hơn ai hết họ nhận thức được lợi hại. Và trong thực tế cuộc sống họ luôn tỉnh táo tránh được những rủi ro không đáng có. + Khát vọng có thể thực hiện được có thể không nhưng chung quy lại, nó luôn mang đến cho người ta sự lạc quan nhất định và hướng đến những điều tốt đẹp nhất cho nhân loại. + Phê phán một bộ phận giới trẻ sống không có khát vọng. Họ sống ích kỉ, lo thu vén cá nhân, vi phạm pháp luật và đạo đức. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: - Về nhận thức: hiểu được ý nghĩa tốt đẹp của sống khát vọng để định hướng cho tương lai của mình; - Về hành động: tuổi trẻ học tập và rèn luyện, tích cực cống hiến tuổi thanh xuân cho đất nước...	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích hình ảnh nhân vật Tràng trong hai lần miêu tả ..., từ đó làm nổi bật	5,0

	tấm lòng của nhà văn dành cho người nông dân.	
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Hình ảnh nhân vật Tràng trong hai lần miêu tả ... Tấm lòng của nhà văn dành cho người nông dân.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: 0.25 * Giới thiệu về tác giả, tác phẩm - Kim Lân là nhà văn của người nông dân, là cây bút của đồng ruộng. - Truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của ông thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí những người ở thôn quê: dù cuộc sống có tăm tối đến đâu họ vẫn khao khát sống, yêu thương đùm bọc nhau, vẫn hi vọng vào tương lai. * Nêu vấn đề cần nghị luận: Hai lần nhà văn miêu tả nhân vật Tràng gặp nhân vật <i>thị</i> trên tỉnh đã thể hiện tấm lòng nhân đạo mà ông đã dành cho người nông dân Việt Nam. 3.2. Thân bài: 3.50 a. Khái quát về truyện ngắn, nhân vật Tràng: 0.25 đ - <i>Vợ nhặt</i> được coi là kiệt tác trong sự nghiệp sáng tác của Kim Lân, cũng là một truyện ngắn xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tiền thân của truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> là một chương trong tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i> viết ngay sau 1945. Tới 1954, Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết <i>Vợ nhặt</i>. Do đó, tác phẩm không chỉ là kết quả một quá trình suy ngẫm, gọt giũa về cả nội dung và nghệ thuật mà còn mang âm hưởng lạc quan của thời đại mới trong thời điểm đất nước được giải phóng sau năm 1954. - Truyện kể về nhân vật Tràng nhặt được vợ trong tình huống éo le, bất ngờ và cảm động. - Hai lần nhà văn miêu tả nhân vật Tràng gặp nhân vật <i>thị</i> trên tỉnh thuộc phần đầu của truyện. b. Phân tích hình ảnh nhân vật Tràng trong hai lần miêu tả: 2.25 * Về nội dung: - Sơ lược về cảnh ngộ của Tràng: Tràng là một người nông dân nghèo khổ, đơn độc, có số phận và gia cảnh vô cùng đáng thương. Trong nạn đói năm 1945, Tràng và mẹ già cũng bị cái đói dồn đuổi, bởi vậy anh hầu như không có khả năng để có thể lấy vợ.	(4.00)

-Nhân vật Tràng ở lần gặp gỡ thứ 1:

+ Hoàn cảnh xuất hiện: Tràng kéo xe bò thuê lên tỉnh để kiếm sống. Vì mệt quá, nên anh cất lên câu hò. Không ngờ, đó là câu hò khiến cho nhân vật thị chú ý. Sau câu hò vu vơ của Tràng, Tràng đã được một người đàn bà ton ton chạy ra đẩy xe và *tít mắt cười tình*.

+ Ý nghĩa:

++ Câu hò trở thành nhịp cầu nối, mở đầu cuộc gặp gỡ của hai con người cùng khổ trong nạn đói 1945.

++Hành động chạy ra đẩy xe và *tít mắt cười tình* của người vợ nhặt tác động rất mạnh đến tâm lý của một người đàn ông trưởng thành vốn phải sống đơn độc. Hành động đó của thị đã đem đến cho Tràng cảm giác và cảm xúc hoàn toàn mới mẻ, khác hẳn với câu bông đùa hàng ngày cùng lũ trẻ con. Nó khơi dậy cho Tràng một khát khao chân chính, mãnh liệt mà người trưởng thành nào cũng có, đó là khát khao được chia sẻ yêu thương cùng một người khác giới.

-Nhân vật Tràng ở lần gặp gỡ thứ 2:

+Hoàn cảnh xuất hiện: Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ thì người vợ nhặt xuất hiện với giọng nói *sung sĩa*: *-Điêu! Người như thế mà điêu!* Rồi Tràng nhận ra sự thay đổi đến đáng thương trước ngoại hình của người vợ nhặt.

+ Ý nghĩa:

++Điều tác động mạnh nhất đến Tràng chính là sự biến đổi bất ngờ đến không hề nhận ra của cô vợ nhặt. Chỉ sau một thời gian ngắn ngủi, với sự tàn phá khủng khiếp của cái đói, cô vợ nhặt gần như biến đổi hoàn toàn về nhân hình, nhân dạng. Từ một người khỏe mạnh, thị đã biến thành kẻ đói rách, khổ sở: *“quần áo tả tơi như tổ đĩa, thị gầy rộc hằn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”*.

++Vốn là người nông dân hiền lành, lương thiện, sự thay đổi, biến dạng của người vợ nhặt không thể không tác động vào lòng trắc ẩn nơi Tràng. Bởi vậy, Tràng đã rất nhanh chóng đi đến quyết định cho thị ăn một bữa no rồi dẫn về nhà làm vợ. Thực chất đó chính là hành động đầy tình người, dám đưa đôi bàn tay của mình để cứu mang những người cùng cảnh ngộ.

++ Bốn bát bánh đúc và câu nói đùa *“Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”* của Tràng đã trở thành sự thật vì sau đó người vợ nhặt theo Tràng về thật.

* Những đặc sắc nghệ thuật: tạo tình huống “nhặt ” vợ rất éo le, bất ngờ và cảm động; Tràng nhặt được vợ phù hợp với tâm lý và tình cảm của nhân vật. không có sự khiên cưỡng, chấp nôi; ngôn ngữ đậm chất nông dân và có sự gia công sáng tạo của

	nhà văn. c. Nhận xét về tấm lòng của nhà văn dành cho người nông dân: - Qua hai lần gặp gỡ của nhân vật Tràng, Kim Lân thể hiện niềm cảm thông sâu sắc trước hoàn cảnh bi đát của người nông dân Việt Nam trong nạn đói khủng khiếp năm 1945; - Nhà văn ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của của họ. Đó là khát vọng sống, đề cao tình thương, tình nghĩa con người trong tận cùng khổ đau khi đối diện với đói, cái chết đang rình rập. - Tác giả gửi gắm niềm tin vào người nông dân. Chính khát vọng hạnh phúc gia đình sẽ làm nên sức mạnh để con người hướng về tương lai. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa từ hai lần gặp gỡ của nhân vật Tràng. - Bài học cuộc sống được rút ra: lòng yêu thương, khát vọng sống hạnh phúc, xây dựng tổ ấm gia đình...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	(0,25)

ĐỀ SỐ 8- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020 (Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Nữ vận động viên 19 tuổi Rei Iida, thuộc đội Iwatani Sangyo tham dự cuộc thi chạy tiếp sức mang tên “Công chúa Ekiden” ở quận Fukuoka. Cô thi đấu ở lượt tiếp sức thứ hai và bất ngờ trượt ngã, bị chấn thương nặng ở đầu gối phải. Lúc đó, Rei Iida còn cách đích 200 m.

Cô gái đầy nghị lực này quyết định bò về đích với đầu gối máu chảy ròng ròng để trao chiếc khăn cho đồng đội. Chỉ có như vậy đội Iwatani Sangyo của cô mới có thể tiếp tục cuộc đua. Sau khi video về Rei Iida được đăng tải trên mạng xã hội, cuộc tranh luận lớn đã xảy ra về việc để cho nữ VĐV này tiếp tục thi đấu.

Được biết, huấn luyện viên trưởng của đội Iwatani Sangyo đã thông báo cho ban tổ chức cuộc thi rằng đội mình sẽ bỏ cuộc sau khi biết Iida bị chấn thương và không thể chạy được nữa. Tuy nhiên, cô gái 19 tuổi này đã vượt qua khó khăn, không để cho nhà tổ chức ngăn cản việc cô hoàn thành phần thi.

Với đầu gối chảy máu không ngừng vì bò trên đường, Rei trở thành tấm gương lớn về nghị lực cho tinh thần không bao giờ bỏ cuộc. Rất nhiều người xem bật khóc khi chứng kiến Rei về đích với đầu gối máu chảy không ngừng.

Với Rei Iida, cô gái 19 tuổi này chắc chắn trở thành nguồn cảm hứng lớn trong cuộc sống cho hình ảnh con người vượt khó bằng ý chí “thép”. Mọi trở ngại đều không thể ngăn cản Rei về đích, dù sau cuộc thi thì Rei được các bác sĩ chẩn đoán bị rạn xương và mất từ 3 đến 4 tháng để phục hồi.

(Bị chấn thương nặng, nữ vận động viên Nhật Bản vẫn bò trên đường đua tiếp sức, Tiền Đạt, Zing.vn, ngày 23/10/2018)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 . Nữ vận động viên 19 tuổi Rei Iida đứng trước những thử thách nào?

Câu 2 . Tại sao rất nhiều người xem bật khóc khi chứng kiến Rei về đích với đầu gối máu chảy không ngừng.?

Câu 3. Hành động “Cô gái đầy nghị lực này quyết định bò về đích với đầu gối máu chảy ròng ròng để trao chiếc khăn cho đồng đội” gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Câu 4 . Có ý kiến cho rằng: Vận động viên 19 tuổi Rei Iida là người đã chiến thắng trong cuộc thi, anh/chị có đồng tình không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về hình ảnh con người vượt khó bằng ý chí “thép”.

Câu 2. (5,0 điểm)

Khi thể hiện nhân vật Mị trong *đêm tình mùa xuân* ở Hồng Ngài (truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài), nhà văn để “Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng”. Trong “đêm mùa đông trên núi cao”, “mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần”.

(Tô Hoài - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.8 và tr.13)

Phân tích nhân vật Mị trong mỗi lần sống với ánh sáng như trên, từ đó làm nổi bật tấm lòng của nhà văn dành cho người dân Tây Bắc.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 8

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Nữ vận động viên 19 tuổi Rei Iida đứng trước những thử thách: - Bị chấn thương nặng ở đầu gối trên đường thi chạy tiếp sức; - Chặng đường về đích còn xa;	0.5

		- Nếu bỏ cuộc, <i>đội Iwatani Sangyo của cô</i> sẽ bị thua.	
	2	Rất nhiều người xem bật khóc khi chứng kiến Rei về đích với đầu gối máu chảy không ngừng, bởi vì: - Họ xúc động trước cảnh cô vận động viên bị thương nặng trên đường chạy thi; - Họ cảm phục trước nghị lực và sự quyết tâm của Rei Iida với tinh thần không bao giờ bỏ cuộc.	0.5
	3	Hành động có ý nghĩa: Khó khăn, trở ngại là điều không thể tránh khỏi trong cuộc đời của con người. Nhưng thành công chỉ đến với những ai có tinh thần quả cảm, có ý chí, nghị lực để vượt qua...	1.0
	4	Học sinh có thể trả lời: Đồng tình ý kiến, không đồng tình hoặc đồng tình một phần nhưng lí giải hợp lí, thuyết phục. -Đồng tình: Vì vận động viên Rei Iida đã chiến thắng chính mình bằng sự nỗ lực của bản thân, bằng ý chí và tinh thần “thép”. - Không đồng tình hoặc đồng tình một phần: Nếu học sinh có lập luận hợp lý, thuyết phục, vẫn linh động cho điểm.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về hình ảnh con người vượt khó bằng ý chí “thép”.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc) b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Có nghị lực, ý chí “thép” và sự quyết tâm cao độ thì mỗi người sẽ vượt qua mọi trở ngại cuộc sống.	0.25
			0.25

	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy câu chuyện trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: -Giải thích: Lí giải được ý chí “thép ”: là cách nói ẩn dụ, chỉ khả năng tự xác định mục đích cho hành động và hướng hoạt động của mình, khắc phục mọi khó khăn nhằm đạt mục đích đó. - Bàn luận: + Con đường dẫn đến thành công và hạnh phúc không hề bằng phẳng và trải lại, có đầy những chông gai thử thách. + Để có thể vượt qua khó khăn, chúng ta cần có ý chí. Ý chí sẽ giúp chúng ta có nghị lực kiên cường, lòng quyết tâm sắt đá, lòng dũng cảm để đạp đổ mọi gian khó. +Ý chí giúp chúng ta vượt qua khó khăn, chinh phục thử thách; ý chí là chìa khóa để mở ta con đường thành công. Nếu thiếu đi ý chí tức là chúng ta đã chịu đầu hàng trước hoàn cảnh, để mặc cho số phận quyết định bản thân mình. +Chứng minh: Giáo sư vật lý Stephen Hawking bị nhiều loại bệnh khác nhau nhưng vẫn là nhà vật lý vĩ đại. Nhà soạn nhạc Beethoven bị điếc vẫn có những bản nhạc nổi tiếng. Helen Keller bị mù điếc bẩm sinh vẫn hàng ngày đi an ủi các bệnh nhân khác... + Phê phán: những người thiếu niềm tin, ý chí, bi quan trong cuộc sống... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: + Về nhận thức: hiểu được giá trị ý chí “thép” của con người + Về hành động: học tập và rèn luyện ý chí, bản lĩnh, sẵn sàng đối diện với mọi thử thách của cuộc sống.	1.00
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Khi thể hiện nhân vật Mị trong <i>đêm tình mùa xuân</i> ở Hồng Ngài (truyện ngắn <i>Vợ chồng A Phủ</i>, Tô Hoài), nhà văn để “Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng”. Trong “<i>đêm mùa đông trên núi cao</i>”, “<i>mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần</i>”. (Tô Hoài - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.8 và tr.13) Phân tích nhân vật Mị trong mỗi lần sống với ánh sáng như trên, từ đó làm nổi bật tâm lòng của nhà văn dành cho người dân Tây Bắc.	5,0

	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nhân vật Mị trong mỗi lần sống với ánh sáng. Tấm lòng của nhà văn dành cho người dân Tây Bắc.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm: + Tô Hoài là nhà văn nổi tiếng trên văn đàn văn học hiện đại Việt Nam từ trước năm 1945. +Thành công của Tô Hoài là những tác phẩm viết về hiện thực cuộc sống, con người Tây Bắc, tiêu biểu là truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”. - Nêu vấn đề nghị luận: nhân vật Mị qua 2 lần sống với ánh sáng, thể hiện sự thay đổi rất lớn trong tâm trạng và hành động, gửi gắm tấm lòng nhân đạo của tác giả dành cho người dân Tây Bắc. 3.2.Thân bài: 3.50 a.Tổng quan kiến thức: -Truyện “VCAP” sáng tác năm 1952 in trong tập “Truyện Tây Bắc”(1953). Tác phẩm viết về cuộc sống tăm tối và khát vọng sống mãnh liệt của người dân miền núi dưới ách thống trị của thực dân phong kiến. -Số phận của Mị: + Có gia đình và sống trong hạnh phúc của tình yêu. Nhưng bố mẹ Mị cưới nhau không đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lí. Vì chưa trả nợ xong nên Pá Tra đã tìm cách bắt Mị về để gặt nợ. Số phận của Mị là số phận của cô “con dâu gặt nợ”. + Mị là cô gái xinh đẹp, chăm chỉ, được nhiều người yêu mến, “traí đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị”. Cô cũng là đứa con hiếu thảo, giàu lòng vị tha và đức hy sinh, thà chết cũng không sống nhục “có đến hàng mấy tháng đêm nào Mị cũng khóc”. Nhưng vì bố mẹ, Mị vẫn chấp nhận số kiếp đau khổ ấy. +Bình luận: Chỉ vì thần quyền và cường quyền áp bức mà số phận con người bị rẻ rúng, sống kiếp trâu ngựa, bị đày đoạ cả thể xác và tinh thần. Từ một cô gái xinh đẹp yêu đời thối sáo hay, Mị đã trở thành cái xác không hồn, cái bóng vô cảm trong nhà thống lí Pá Tra. b. Sự thay đổi của nhân vật Mị qua 2 lần thấp ánh sáng: b.1.Lần thấp sáng thứ nhất: - Hoàn cảnh tác động đến hành động của nhân vật Mị: <i>đêm tình mùa xuân</i> đã	(4.00)

về ở Hồng Ngải:

+ Cảnh mùa xuân được tác giả miêu tả từ xa đến gần, có đầy đủ màu sắc, âm thanh; đẹp nhất màu của những *chiếc váy hoa sặc sỡ*, hay nhất là *âm thanh tiếng sáo* gọi bạn tình. Tất cả gọi về đẹp thiên nhiên và cuộc sống con người, đậm màu sắc văn hoá Tây Bắc;

+ Nghe tiếng sáo, Mị *nhắm thắm* bài hát, lòng thấy *bồi hồi*. Mị *lén* uống rượu, uống *ực từng bát*. Mị say. Men rượu thành men nhớ. Mị ý thức về quá khứ của mình: xinh đẹp, trẻ trung, tài năng. Mị nhận ra thân phận hiện tại: hôn nhân không tình yêu với A Sử. Mị muốn chết ngay bằng *nắm lá ngón*. Càng nghĩ, nước mắt càng ứa ra.

- Phân tích hành động thắp đèn của Mị:

+Sức sống trời dậy như những đợt sóng ào ạt, lớp sau mạnh mẽ hơn lớp trước, dẫn Mị đến những hành động dứt khoát “*Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng*”. Thắp đèn hay thắp lên ánh sáng cho cuộc đời tăm tối khổ đau của Mị?

+Để rồi hành động này nối tiếp hành động khác “*Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở trong vách*”. Mị hành động theo tiếng gọi của lòng mình, như một con người tự do, như bao người khác sửa soạn đi chơi tết.

+ Giữa lúc lòng ham sống đang trời dậy thì A Sử xuất hiện như bóng đen nuốt trọn cuộc đời Mị, cướp đi ngọn lửa mới được nhen lên.

+Tuy bị đau đớn về thể xác và thực tại phũ phàng ngăn cản bước chân nhưng trong lòng Mị khao khát tự do.

- Bình luận: Qua lần thắp lên ánh sáng thứ nhất, tác giả cho ta thấy được sức sống tiềm tàng của Mị. Dù trong thân phận là con dâu gặt nợ, bị vùi dập từ thể xác đến tinh thần, niềm khát khao hạnh phúc, tự do vẫn cháy âm ỉ trong tâm hồn Mị và chỉ cần một cơn gió lớn nó sẽ bùng lên thành ngọn lửa.

b.2.Mị sống với ánh sáng lần thứ hai:

- Sau đêm tình mùa xuân, Mị lại trở về với thực tại phũ phàng trong nhà thống lí. Cái dài và buồn của mùa đông càng khiến Mị héo hắt “*nếu không có bếp lửa kia thì Mị cũng đến chết héo*”. Mị chỉ còn biết bầu bạn với ngọn lửa. Chính ngọn lửa ấy đã giúp Mị vượt qua cô đơn, lạnh lẽo của mùa đông và dẫn đường cho Mị nhận ra người đồng cảnh ngộ.

-Tiếp đến là cuộc gặp gỡ ngang trái của Mị và A Phủ: hai con người - một số phận.

+ Ban đầu, Mị tỏ ra dửng dưng vô cảm khi chứng kiến cảnh A Phủ bị trói đứng. Ta không thể trách Mị. Tâm hồn cô gái ấy đã chịu quá nhiều vết cứa của chế độ phong kiến, của bọn chúa đất quan lại, của cường quyền và thần quyền. Cô chịu quá

nhieu cay đắng nên không thể cảm động trước cảnh tượng A Phủ, vô cảm với sinh mệnh của A Phủ và với chính mình.

+ Từ sự vô cảm, nhờ có ngọn lửa mà Mị nhận ra “*một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại*” của A Phủ. Mị động lòng thương xót cho số kiếp của A Phủ. Mị nhận ra sự độc ác, vô nhân đạo của chế độ lúc bấy giờ, rồi quan tâm lo lắng cho A Phủ. Mị đã có một hành động quyết liệt và táo bạo khi đã vượt qua nỗi sợ hãi, chính là cởi trói cho A Phủ và giải thoát chính bản thân mình.

- Bình luận: Ánh sáng được nhóm lên cũng là lúc con người bừng tỉnh. Nếu như lần thấp sáng thứ nhất, ánh lửa mới được nhen lên yếu ớt thì lần này ánh sáng ấy chính là cơn gió làm bùng lên khát vọng và ý thức sống mãnh liệt hơn bao giờ hết. Đó là ngọn lửa của tinh thần đấu tranh phản kháng mạnh mẽ của những con người đau khổ,

b.3.Nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Điểm nhìn trần thuật: xa đến gần, cao xuống thấp, ngoài vào trong.

- Lời văn trần thuật: lời kể tự nhiên, giàu sắc thái trữ tình nhờ kết hợp kể và tả. Ngôn ngữ kể giàu chất thơ;

- Giọng điệu trần thuật: tha thiết, bồi hồi. Có khi dòng văn suy nghĩ của nhân vật và của nhà văn hoà làm một, tạo xúc động cho người đọc;

- Thể hiện vốn hiểu biết sâu sắc văn hoá dân tộc Tây Bắc của nhà văn;

- Đi sâu vào khai thác diễn biến quá trình phát triển tâm lí nhân vật một cách hợp lí, tự nhiên, không gượng ép.

c. Nhận xét tấm lòng của nhà văn đối với nhân dân Tây Bắc:

- Đồng cảm với nỗi khổ đau mà con người phải gánh chịu (đồng cảm với thân phận làm dâu gặt nợ của Mị).

- Phát hiện ra sức sống tiềm tàng trong con người (sức sống tiềm tàng trong nhân vật Mị được thể hiện trong đêm tình mùa xuân và sự phản kháng mãnh liệt của Mị trong hành động cởi trói cho A Phủ).

-Tấm lòng nhà văn dành cho đồng bào miền núi thật sâu nặng, nghĩa tình, xét đến cùng đó chính là tấm lòng nhân đạo của người nghệ sĩ dành cho đất và người Tây Bắc.

3.3.Kết bài: 0.25

- Qua hai lần nhân vật Mị sống với ánh sáng, nhà văn đã phát hiện và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ miền núi nói riêng, nhân dân Tây Bắc nói chung. Đây cũng là những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa làm nên thành công của truyện;

- Bài học cuộc sống dành cho tuổi trẻ từ nhân vật Mị: sống có khát vọng, luôn đấu tranh để được tự do và hạnh phúc.

4. Sáng tạo

(

	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	(0,25)

ĐỀ SỐ 9- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Thế giới hiện đại phát triển quá nhanh khiến cho nhiều người cảm thấy chỉ một khắc chậm chân đã tụt lại phía sau quá xa. Lấy việc đó làm động lực để bước tiếp hay chịu thua và bị trôi buộc vào cuộc sống nhàm chán, đơn điệu hàng ngày là sự lựa chọn của mỗi người; thế nhưng thế giới vĩnh viễn sẽ không bao giờ thu nhỏ lại, vậy nên tầm nhìn của bạn cần phải to lớn hơn.

Bạn có biết rằng, từ “Sekai” trong tiếng Nhật có nghĩa là “thế giới”; nhưng trong đó bản thân từ “kai” lại vừa có nghĩa là “giải” - “phát triển”; lại có nghĩa là “đáng giá”? Điều đó có nghĩa là, mỗi cuộc dấn thân, mỗi chuyến phiêu lưu tìm hiểu thế giới này đều là những trải nghiệm cần thiết và quý báu. Thay vì dính chặt lấy cuộc sống thường nhật tẻ nhạt và nhàm chán, nhiều bạn trẻ giờ đây đã chọn cách mạnh mẽ thể hiện bản thân mình, trải nghiệm cuộc sống bằng những chuyến đi xa, những cuộc gặp gỡ, kết giao thú vị. Có thể nói, đó chính là những người trẻ chọn việc không ngừng phấn đấu và tiến về phía trước, và sẽ là những người thu vào trong tầm mắt phần rộng lớn và tươi đẹp nhất của thế giới này.

Và trên hành trình kiếm tìm sự hoàn hảo cho cái tôi của mình, những khoảng nghỉ ngơi của mỗi người sẽ luôn cần một vọng đài, một điểm nghỉ chân để nghiệm thu và chiêm ngưỡng lại thế giới sau lưng mình. Những dãy núi hùng vĩ, thảo nguyên rộng lớn hay mặt biển xanh vô tận; những kỷ niệm ngọt ngào bên những người bạn thân - đó sẽ là thành tựu riêng của chính bản thân mỗi người, là thứ xúc cảm mà bạn chỉ biết mình đã cần nó tới mức nào ngay sau lần trải nghiệm đầu tiên.

Vậy nên hãy luôn khát khao bám đuổi theo cái tôi mới mẻ và bất phá; mạnh dạn chấp nhận những thử thách của cuộc sống để bước chân ra khỏi vùng an toàn của chính mình, bạn nhé! Bởi cuộc đời chỉ thực sự trở nên hoàn hảo khi tầm nhìn của bạn rộng mở hơn.

(Nguồn <http://ttvn.vn/nhip-song/mo-rong-doi-mat-truoc-cuoc-doi-rong-lon-ban-se-nhan-lai-dieu-gi-2120181211181847470.htm>)

1. Nêu tác hại của việc con người bị trôi buộc vào cuộc sống nhàm chán, đơn điệu hàng ngày được nêu trong văn bản?

2. Việc giải thích từ “*Sekai*” trong tiếng Nhật của văn bản có tác dụng gì?

3. Anh, chị hãy nêu ít nhất hai hình thức *trải nghiệm cuộc sống* dành cho tuổi trẻ học đường.

4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: *thế giới vĩnh viễn sẽ không bao giờ thu nhỏ lại, vậy nên tầm nhìn của bạn cần phải to lớn hơn* được nêu trong văn bản hay không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “*mạnh dạn chấp nhận những thử thách của cuộc sống*” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích vẻ đẹp “*chiếc thuyền lưới vó*” ở đầu truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu mà nhân vật Phùng đã phát hiện ra và hình ảnh “*những tấm ảnh tôi mang về*” ở cuối truyện. Từ đó làm nổi bật thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.

.-----HẾT-----.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 9-Lần

I		Đọc hiểu	3.0
1		Tác hại của việc con người <i>bị trói buộc vào cuộc sống nhàm chán, đơn điệu hàng ngày</i> được nêu trong văn bản: - Bào mòn trái tim của người trong cuộc; - Bản thân con người đều thấy mệt mỏi về thể xác, suy sụp tinh thần; - Làm rạn nứt các mối quan hệ trong gia đình, nhà trường, xã hội.	0.5
2		Việc giải thích từ “ <i>Sekai</i> ” trong tiếng Nhật của văn bản có tác dụng: - Từ “ <i>Sekai</i> ” trong tiếng Nhật có nghĩa là “ <i>thế giới</i> ”; nhưng trong đó bản thân từ “ <i>kai</i> ” lại vừa có nghĩa là “ <i>giải</i> ” - “ <i>phát triển</i> ”; lại có nghĩa là “ <i>đáng giá</i> ”; - Tác dụng: + Làm rõ đặc điểm của thế giới. Thế giới rộng lớn, luôn phát triển không ngừng và đáng giá. + Khuyến khích tuổi trẻ cần phải biết khám phá thế giới	1.0
3		Nêu ít nhất hai hình thức <i>trải nghiệm cuộc sống</i> dành cho tuổi trẻ học đường: (Gợi ý), Học sinh có thể nêu 2 trong các hình thức sau: - Hoạt động câu lạc bộ : Câu lạc bộ là hình thức sinh hoạt ngoại khóa của những nhóm học sinh cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu,... dưới sự định hướng	0.5

		của những nhà giáo dục nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các học sinh với nhau và giữa học sinh với thầy cô giáo, với những người lớn khác - Tổ chức trò chơi: Trò chơi là hình thức tổ chức các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục “<i>chơi mà học, học mà chơi</i>”. - Tổ chức diễn đàn: tạo điều kiện cho học sinh trực tiếp, chủ động bày tỏ ý kiến của mình với đông đảo bạn bè, nhà trường, thầy cô giáo, cha mẹ và những người lớn khác có liên quan. - Sân khấu tương tác: là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi những người tham gia. - Tham quan, dã ngoại: Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em học sinh được đi thăm, tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các di tích lịch sử, văn hóa, công trình, nhà máy... ở xa nơi các em đang sống, học tập, giúp các em có được những kinh nghiệm thực tế, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em. - Hoạt động chiến dịch: Việc học sinh tham gia các hoạt động chiến dịch nhằm tăng cường sự hiểu biết và sự quan tâm của học sinh đối với các vấn đề xã hội như vấn đề môi trường, an toàn giao thông, an toàn xã hội,... giúp học sinh có ý thức hành động vì cộng đồng; tập dượt cho học sinh tham gia giải quyết những vấn đề xã hội; phát triển ở học sinh một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng hợp tác, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng đánh giá và kỹ năng ra quyết định.	
	4	Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: <i>thế giới vĩnh viễn sẽ không bao giờ thu nhỏ lại, vậy nên tầm nhìn của bạn cần phải to lớn hơn</i> được nêu trong văn bản hay không? Vì sao? Học sinh có thể trả lời: Đồng tình ý kiến, không đồng tình hoặc đồng tình một phần nhưng lí giải hợp lí, thuyết phục. -Đồng tình: Quy luật của thế giới là luôn vận động và phát triển không ngừng. Vì thế, sứ mệnh của mỗi người là phải mở rộng tầm nhìn về thế giới để tăng cường sự hiểu biết, tiếp thu tri thức nhân loại, rèn luyện kỹ năng sống và làm giàu đời sống tâm hồn. - Không đồng tình hoặc đồng tình một phần: Nếu học sinh có lập luận hợp lý, thuyết phục, vẫn linh động cho điểm.	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “<i>mạnh dạn chấp nhận những thử thách của cuộc sống</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.	2.0

	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc) b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: ý nghĩa của việc “<i>mạnh dạn chấp nhận những thử thách của cuộc sống</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay	0.25 0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy câu chuyện trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, một mục tiêu nào đó, buộc con người ta phải vượt qua. - Phân tích, chứng minh : + Tại sao tuổi trẻ cần “<i>mạnh dạn chấp nhận những thử thách của cuộc sống</i>”? ++ Tuổi trẻ là tuổi của ước mơ, khát vọng vươn cao, bay xa; được giáo dục từ gia đình, nhà trường và xã hội; ++ Những khó khăn của cuộc sống là môi trường để thử thách tuổi trẻ; ++ Minh chứng bằng những tấm gương vượt khó, học giỏi, sống tốt; những học sinh rơi vào hoàn cảnh bất hạnh nhưng đã vươn lên để gặt hái những thành quả tốt đẹp - Bàn bạc mở rộng: + Ý nghĩa: Khi “<i>mạnh dạn chấp nhận những thử thách của cuộc sống</i>”, tuổi trẻ sẽ có bản lĩnh vững vàng; rèn được ý chí, nghị lực; có sức mạnh tinh thần để từng bước dần thân vào cuộc đời; làm chủ cuộc đời của mình... + Phê phán một bộ phận giới trẻ luôn sống trong sợ hãi: sợ khó, sợ khổ, trở thành người nhụt chí, thiếu bản lĩnh, dễ sa ngã trước những cám dỗ của cuộc sống. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: - Về nhận thức: Phải biết thử thách là điều tất yếu để chuẩn bị tinh thần tìm mọi cách vượt qua. - Về hành động: tích cực học tập và rèn luyện, tham gia hoạt động trải nghiệm cuộc sống...	1.00
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25

		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích vẻ đẹp “ <i>chiếc thuyền lưới vó</i> ” ở đầu truyện <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu mà nhân vật Phùng đã phát hiện ra và hình ảnh “ <i>những tấm ảnh tôi mang về</i> ” ở cuối truyện. Từ đó làm nổi bật thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.		5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.		(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vẻ đẹp “ <i>chiếc thuyền lưới vó</i> ” ở đầu truyện <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu mà nhân vật Phùng đã phát hiện ra và hình ảnh “ <i>những tấm ảnh tôi mang về</i> ” ở cuối truyện. Thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.		(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Nguyễn Minh Châu (1930-1989) là nhà văn khoác áo lính, tiên phong mở đường cho sự đổi mới văn học Việt Nam hiện đại. - Một trong những tác phẩm xuất sắc của ông thuộc sáng thời kì sau 1975 là truyện ngắn <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> - Nêu vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp “ <i>chiếc thuyền lưới vó</i> ” ở đầu truyện <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu mà nhân vật Phùng đã phát hiện ra và hình ảnh “ <i>những tấm ảnh tôi mang về</i> ” ở cuối truyện gửi gắm bức thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tác phẩm - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> (1983) rút ra từ tập truyện ngắn cùng tên (in 1987). Đây là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu mang đậm phong cách tự sự - triết lí của nhà văn. - Với ngôn từ dung dị, đời thường, truyện kể lại chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của người nghệ sĩ đó về nghệ thuật - cuộc đời. b. Phân tích hình ảnh chiếc thuyền (đầu truyện) và tấm ảnh (cuối truyện) * Về nội dung: - Sơ lược về tình huống truyện - Vẻ đẹp “ <i>chiếc thuyền lưới vó</i> ” ở đầu truyện mà nhân vật Phùng đã phát		(4.00)

hiện ra. Phát hiện thứ nhất: bức tranh thẩm mỹ:

+ Hình ảnh “Chiếc thuyền ngoài xa” được nhà văn khắc hoạ rất ấn tượng: *“Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu trời sương mù trắng như sữa pha đôi chút màu hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ”*. Hình ảnh đó mang một “vẻ đẹp thực sự đơn giản và toàn bích” – vẻ đẹp của “*một bức tranh bằng mực Tàu của một danh họa thời cổ*”. Tất cả vẻ đẹp đó đã được nhà nghệ sỹ nhiếp ảnh của chúng ta thu vào một tấm ảnh mà nó “được treo ở rất nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật”.

+ Hình ảnh “Chiếc thuyền ngoài xa” giờ đã hoá thân thành một tác phẩm nghệ thuật để mọi người nhìn ngắm, chiêm ngưỡng với tất cả những vẻ đẹp về màu sắc, đường nét, bố cục...và khi thưởng thức bức ảnh đó, những người sành nghệ thuật thể có cái cảm giác “trở nên bối rối”, cảm thấy “trái tim như có cái gì bóp thắt vào” và “khám phá thấy cái chân lý của sự hoàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn”...như cái cảm giác mà “tôi” đã từng có.

- Hình ảnh “những tấm ảnh tôi mang về” ở cuối truyện:

+Trước hết đó là một bức ảnh thuần nghệ thuật dành cho những nhà sành nghệ thuật: Một bức ảnh mang vẻ đẹp toàn mỹ, vốn là một cảnh đất trời cho, kết tinh công phu và sự may mắn của người nghệ sỹ (sau hàng tuần mai phục, Phùng đã chụp được). Một bức ảnh không chỉ đem đến một niềm hạnh phúc cho người sáng tạo mà còn đủ sức thuyết phục với cả những nhà sành nghệ thuật và có sức sống lâu bền “mãi mãi về sau”...

+Đằng sau bức ảnh nghệ thuật đó là một bức ảnh cuộc sống hiện thực trần trụi, lam lũ mà trung tâm là hình ảnh người đàn bà vùng biển cao lớn với dáng người thô kệch...bước những bước chậm rãi, bàn chân đặt trên mặt đất chắc chắn, hoà lẫn trong đám đông. Một hình ảnh không còn thơ nữa mà rất đời. Hình ảnh này đã trở thành một ám thị đối với Phùng “mỗi lần ngắm kỹ tôi vẫn thấy”. Bởi vì Phùng biết nhìn kỹ, nhìn lâu, nhìn thẳng; biết nhìn xuyên qua màu hồng hồng của ánh sương mai, nhìn cho ra được những “thô kệch, ướm sùng, nhợt trắng, bạc phếch...”. Và điều quan trọng nhất là Phùng biết nhìn bằng trải nghiệm. Hay nói khác đi Phùng không chỉ nhìn mà còn sống trong cuộc đời, đau đau nỗi đau của người đàn bà hàng chài, lắng nghe câu chuyện của chị.

*** Về nghệ thuật qua 2 lần miêu tả hình ảnh chiếc thuyền:**

- Ngôn ngữ người kể chuyện: Thể hiện qua nhân vật Phùng, sự hóa thân của tác giả. Chọn người kể chuyện như thế đã tạo ra một điểm nhìn trần thuật sắc sảo, tăng cường khả năng khám phá đời sống, lời kể trở nên khách quan, chân thật, giàu sức thuyết phục.

	-Tình huống truyện: tình huống nhận thức c. Thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. -Nghệ thuật không thể xa cách với hiện thực nhọc nhằn, cay cực của con người. Nghệ thuật phải dành ưu tiên trước hết cho con người, phải góp phần giải phóng con người khỏi sự cầm tù của đói nghèo, tăm tối và bạo lực. -Người nghệ sĩ phải có tấm lòng biết trăn trở về số phận; phải nhìn cuộc đời sâu sắc, đa chiều, không giản đơn, dễ dãi và phải dũng cảm nhìn thẳng vào hiện thực. -Không những vậy, một tác phẩm nghệ thuật chân chính phải là tác phẩm thể hiện được chiều sâu, bản chất của hiện thực đằng sau cái vẻ ngoài đẹp đẽ, lãng mạn. Để làm được điều đó đòi hỏi người nghệ sĩ phải có cái nhìn đa chiều, sâu sắc, toàn diện về hiện thực, phải có sự trải nghiệm và quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ. 3.3.Kết bài: 0.25 -Kết luận về nội dung, nghệ thuật thể hiện hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa qua hai lần miêu tả. - Rút ra bài học cuộc sống từ nội dung đã nghị luận.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	(0,25)

ĐỀ SỐ 10- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

[...] Thông tin về những du học sinh Việt Nam ra đi không trở về đã khiến nhiều người đặt ra câu hỏi: Tại sao đất nước không giữ chân được người tài? Thật khó để đưa ra câu trả lời duy nhất đúng.

Tôi thấy nên nhìn đơn giản lại. Ai trong chúng ta cũng đi khỏi tổ ấm của mình, có khác là chúng ta đi bao xa. Du học tới một đất nước khác về mặt nào đó cũng giống như hàng trăm nghìn sinh viên tình nguyện về thành phố học mỗi năm. Dường như ai ra đi cũng mang theo một khát vọng gì đó bên mình. Và đó là lý do họ đập cánh, họ không ngừng hướng về phía trước, họ bơi ra biển lớn, ra bầu trời rộng.

Những người tới thủ đô, tới thành phố, họ cũng thường không quay trở về sống ở mái nhà của họ từng lớn lên. Đất chật, người đông, bầu trời hẹp, không khí bụi bặm, thực phẩm không

an toàn, lòng người lạnh nhạt... đủ lí do để phản bác cho việc ở lại thành phố làm việc nhưng họ gạt đi tất cả, bởi hai chữ cơ hội.

Có những môi trường, họ có cơ hội việc làm tốt hơn, cơ hội giáo dục cho con cái tốt hơn, cơ hội quen những người bạn lớn, và trao đổi những điều lớn lao hơn, cuộc sống sẽ có ý nghĩa hơn. Tôi cũng sẽ định cư tại Hà Nội chứ chưa hề có ý nghĩ sẽ trở về quê hương. Bởi tôi tin rằng, một nơi không có nhiều cơ hội sẽ làm cuộc sống của tôi trở nên mất đi nhiều ý nghĩa khi không được cống hiến.

Thay vì đi vào bế tắc bởi những thử quá lớn lao như chính sách trọng dụng nhân tài, chảy máu chất xám, đề xuất điều chỉnh bộ máy hành chính để người tài thực sự muốn về đóng góp... sao không nghĩ đơn giản hơn, rằng cũng đã có bao nhiêu người trẻ xuất chúng đi học ở thành phố trở về quê hương lập nghiệp? Và hãy rộng lượng hơn, kể cả với những người muốn về hay ở. Thế giới đã bước vào thời đại của công dân toàn cầu. Những người trẻ năng động, sống để cống hiến luôn muốn xê dịch và chuyển động. Họ muốn đến những vùng đất mới, muốn đến những chân trời mới, làm những điều mới, sống cuộc sống tự do. Du học sinh trở về sẽ cống hiến cho đất nước, du học sinh không về sẽ cống hiến cho nhân loại. Chỉ cần mỗi người đều tiến về phía trước, về hay ở đâu còn là chuyện quá quan trọng để hoang mang.

(Du học sinh - về hay ở?, Hạ Hồng Việt, <https://www.vnexpress.net>)

1. Theo tác giả, nguyên nhân những người tới thủ đô, tới thành phố, họ cũng thường không quay trở về sống ở mái nhà của họ từng lớn lên là gì?

2. Chỉ ra và nêu tác dụng một biện pháp tu từ cú pháp trong câu: đó là lý do họ đập cánh, họ không ngừng hướng về phía trước, họ bơi ra biển lớn, ra bầu trời rộng.

3. Vì sao tác giả bài viết lại cho rằng nên có cái nhìn đơn giản chuyện du học sinh về nước hay ở lại?

4. Bạn có đồng ý với quan điểm: Chỉ cần mỗi người đều tiến về phía trước, (du học sinh) về hay ở đâu còn là chuyện quá quan trọng để hoang mang không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ để trả lời cho câu hỏi: Trong thời đại toàn cầu hóa, việc cống hiến cho đất nước và cống hiến cho nhân loại có gì khác nhau?

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” qua đoạn thơ sau trích trong chương V trường ca “Mặt đường khát vọng” (Nguyễn Khoa Điềm):

*Khi có giặc người con trai ra trận
Người con gái trở về nuôi cái cùng con
Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh
Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ*

*Những em biết không
 Có biết bao người con gái, con trai
 Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi
 Họ đã sống và chết
 Giản dị và bình tâm
 Không ai nhớ mặt đặt tên
 Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.*

Từ đó, liên hệ đoạn thơ sau trong bài thơ “*Tây Tiến*”(Quang Dũng):

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
 Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

để nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 10

I		Độc hiểu	3.0
	1	Theo tác giả, nguyên nhân <i>những người tới thủ đô, tới thành phố, họ cũng thường không quay trở về sống ở mái nhà của họ từng lớn lên là cơ hội.</i>	0.5
	2	Chỉ ra và nêu tác dụng một biện pháp tu từ cú pháp trong câu: <i>đó là lý do họ đập cánh, họ không ngừng hướng về phía trước, họ bơi ra biển lớn, ra bầu trời rộng.</i> - HS chỉ ra đúng 1 trong 2 biện pháp tu từ cú pháp: Lập cú pháp/ liệt kê: <i>họ đập cánh, họ không ngừng ..., họ bơi ra biển lớn, ra bầu trời rộng.</i> - Tác dụng: tạo sự nhịp nhàng trong diễn đạt, qua đó nhấn mạnh những mặt tích cực, đáng trân trọng về khát vọng của những người trẻ tuổi trên đường lập nghiệp.	1.0
	3	Tác giả bài viết cho rằng nên có cái nhìn đơn giản chuyện du học sinh về nước hay ở lại là vì hai lí do sau: -Việc du học cũng giống như sinh viên nông thôn lên thành phố học, họ đều rời quê hương để theo đuổi ước mơ, khát vọng. Bởi vậy, không nặng nề chuyện ở lại thành phố thì cũng nên nhìn đơn giản chuyện về hay ở với du học sinh. - Ở đâu có cơ hội tốt hơn để khẳng định mình, để phát huy sở trường, thế mạnh của mình thì chọn ở đó cũng là điều dễ hiểu.	0.5
	4	Học sinh thể hiện được quan điểm của mình về nhận định được đưa ra ở câu hỏi: đồng tình hoặc không đồng tình. Lí giải thuyết phục lí do lựa chọn quan điểm. Gợi ý: Đồng ý. Vì trong thời đại công dân toàn cầu, thế giới vận hành trong cơ chế	1.0

		phẳng, mọi phát minh, sáng chế hay sản phẩm phẩm thể hiện sự tiến bộ của nền văn minh loài người đều được chia sẻ. Cho nên một người dù làm việc ở đâu cũng là cống hiến cho sự tiến bộ chung của nhân loại.	
II		Làm văn	
	1	Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ để trả lời cho câu hỏi: <i>Trong thời đại toàn cầu hóa, việc cống hiến cho đất nước và cống hiến cho nhân loại có gì khác nhau?</i>	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : <i>việc cống hiến cho đất nước và cống hiến cho nhân loại.</i>	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy ý trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: -Giải thích: Thời đại toàn cầu hóa là một giai đoạn phát triển cao của mối liên kết có tính chất toàn cầu. - Bàn luận: + Toàn cầu hóa tạo ra sự xóa bỏ gần như mọi ranh giới về tri thức, kinh tế, văn hóa. Mọi thành tựu nổi bật đều được phổ biến và có ảnh hưởng đến bất cứ đâu trên thế giới. + Trong thời đại toàn cầu hóa, việc cống hiến cho dân tộc mình vẫn còn nguyên vẹn giá trị. Tuy nhiên, cần hiểu không chỉ cứ phải làm việc trong nước mới là cống hiến cho đất nước mình. + Thời đại toàn cầu hóa tạo ra một thế giới phẳng, khái niệm công dân toàn cầu xuất hiện. Khi đó, việc cống hiến cho nhân loại nói chung không mâu thuẫn vi cống hiến cho một quốc gia nhất định. - Phê phán những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu. Một bộ phận giới trẻ sống thiếu niềm tin, lí tưởng, chỉ biết hưởng thụ cá nhân mà không nghĩ đến cống hiến. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: cần nhận thức đúng đắn mối quan hệ giữa quốc gia và nhân loại để từ đó nỗ lực cố gắng, cống hiến cho dân tộc và nhân loại.	1.00

		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
	2	Cảm nhận tư tưởng “ <i>Đất Nước của Nhân Dân</i> ” qua đoạn thơ sau trích trong chương V trường ca “ <i>Mặt đường khát vọng</i> ”(Nguyễn Khoa Điềm)... Từ đó, liên hệ đoạn thơ trong bài thơ “ <i>Tây Tiến</i> ”(Quang Dũng)...để nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tư tưởng “ <i>Đất Nước của Nhân Dân</i> ” qua đoạn thơ trích trong chương V trường ca “ <i>Mặt đường khát vọng</i> ”(Nguyễn Khoa Điềm)... nhận xét chất sử thi trong sáng tác của 2 nhà thơ Quang Dũng và Nguyễn Khoa Điềm.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm; trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> và đoạn trích <i>Đất Nước</i> ; +Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ, những con người có ý thức về vai trò và trách nhiệm của mình đối với cuộc chiến đấu của dân tộc. + Đoạn thơ <i>Đất Nước</i> thể hiện một cái nhìn mới mẻ về đất nước qua cách cảm nhận mang tính tổng hợp, toàn diện từ cái tôi tự ý thức của thế hệ những người cầm bút trẻ tuổi giàu tri thức, niềm tin và niềm tự hào dân tộc. Theo đó, đất nước là nơi hội tụ và kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân. Nhân dân là người làm nên đất nước. - Nêu vấn đề cần nghị luận: Tư tưởng “ <i>Đất Nước của Nhân Dân</i> ” qua đoạn thơ trích trong chương V trường ca: <i>Khi có giặc người con trai ra trận.../ Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.</i> 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i>, chương <i>Đất Nước</i>, vị trí đoạn thơ (hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, đôi nét về nội dung, nghệ thuật) b. Tư tưởng “<i>Đất Nước của Nhân Dân</i>” qua đoạn thơ: b.1. Giải thích: tư tưởng “ <i>Đất Nước của Nhân Dân</i> ” là đất nước do nhân dân tạo ra, giữa gìn, bảo vệ và phát huy.	(4.00)

b.2. Phân tích đoạn thơ để làm sáng tỏ tư tưởng:

*** Về nội dung:** đoạn thơ khẳng định lịch sử do nhân dân tạo thành

- Cũng nói về 4000 năm lịch sử, song Nguyễn Khoa Điềm không nói đến các sự kiện, các nhân vật nổi tiếng, các biến cố hay quá trình vận động. Nhà thơ đã nhìn vào chiều sâu của cả quá trình lịch sử 4000 năm để nhận ra một quy luật bất biến của sự sống, của nhịp sống: đó là "cần cù làm lụng" lúc hoà bình và "ra trận" khi có giặc. Chính việc chiến đấu và dựng xây, vun đắp và bảo vệ mới làm nên một đất nước hôm qua, hôm nay và cả mai sau.

-Và những ai đã "làm lụng" và "ra trận"! Đó chính là "những người con gái con trai bằng tuổi chúng ta". Cách nói này vừa khẳng định nhân dân vô danh đã làm nên lịch sử, vừa tạo nên liên tưởng về một sức mạnh vô hình gắn kết mọi thế hệ là lịch sử của sức sống, sự sống dân tộc, khẳng định lịch sử được làm nên bởi lớp lớp "những người con gái con trai bằng tuổi chúng ta".

- Nhà thơ nhấn mạnh hai lần: "lớp người giống ta lứa tuổi". Lời thơ chứa đựng bao thôi thúc, nhắc đến những con người bình dị đã cần cù làm lụng và đánh giặc bảo vệ đất nước để viết nên lịch sử oanh liệt, từ đó liên tưởng tới trách nhiệm to lớn của thế hệ trẻ ngày nay.

-Tác giả không nhắc về những sự kiện lịch sử trọng đại, những người anh hùng nổi tiếng lưu danh sử sách mà ông viết về những người anh hùng vô danh mà vĩ đại vô cùng. Ngòi bút của ông thật tinh tế, khéo léo gợi những suy tư sâu xa trong lòng người đọc.

+Khi ông viết về công lao, vai trò to lớn của nhân dân đối với lịch sử Đất Nước thì câu thơ kéo ra rất dài.

+Nhưng khi viết về sự hi sinh thì câu thơ co ngắn lại: “Họ đã sống và chết – Giản dị và bình tâm”.

+Những từ ngữ “giản dị”, “bình tâm” và những từ đối lập ‘sống – chết’ cho thấy nhân dân đã tự nguyện hi sinh cho sự sống bất tận của Đất Nước. Các thế hệ nhân dân đã hi sinh nhẹ nhàng, thanh thản. Họ thật cao cả, vĩ đại, phi thường – “không ai nhớ mặt đặt tên – nhưng họ đã làm ra Đất Nước”.

+ Động từ “làm ra” khiến cho Đất Nước vốn lớn lao trừu tượng trở thành một sản phẩm kì diệu trong bàn tay của những con người lao động cần cù. Nhân dân đã tạo ra lịch sử. Nhà thơ đã đặt những cái vĩnh hằng bên cạnh cái giản dị, vô danh để khẳng định, ngợi ca nhân dân, vai trò của nhân dân đối với Đất Nước. Qua đó, nhà thơ đã thể hiện niềm kính trọng, biết ơn đối với Nhân Dân.

*** Về nghệ thuật:**

- Thể thơ tự do với những câu thơ co duỗi nhịp nhàng, linh hoạt gợi về quá trình lịch sử đầy gian khổ của Đất Nước, gợi về sự hi sinh vĩ đại của nhân dân ta.

- Giọng điệu thơ như những lời tâm tình nhắn nhủ tuổi trẻ và tự nhận thức chính mình về vai trò, trách nhiệm đối với Đất Nước.

- Ý thơ chính luận được viết ra bằng lời thơ giản dị, giọng thơ tâm tình nên rất mềm mại, không khô cứng như một lời giáo huấn.

b.3. Liên hệ với đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng) để nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ:

*** Về đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến*:**

Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ, nhớ về đồng đội và địa bàn hoạt động của đoàn quân, nhớ về vùng đất mà bước chân hào hùng mà đoàn binh Tây Tiến đã đi qua. Vùng đất đó với thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ và thơ mộng, trữ tình, vùng đất ấy với những con người tài hoa, duyên dáng và nghĩa tình. Trên nền cảnh ấy là hình ảnh người lính Tây Tiến. Họ hiện lên thật ấn tượng với phẩm chất hào hùng và hào hoa lãng mạn đáng kính. Họ đã hi sinh dọc đường hành quân, hi sinh dọc miền biên giới; hi sinh vì lí tưởng sống cao đẹp.

*** Nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ:**

- Chất sử thi trong văn học tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ. Nhân vật chính là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu. Giọng điệu sử thi là giọng ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.

- **Giống nhau:** cả hai đoạn thơ đều thể hiện vẻ đẹp của những người anh hùng trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc. Đó là những bức tượng đài nghệ thuật bất tử trong văn học hiện đại Việt Nam 1945-1975;

- **Khác nhau:**

+ Chất sử thi trong thơ Quang Dũng hướng về đoàn binh Tây Tiến. Họ là những người lính trí thức tiểu tư sản, đại diện cho anh bộ đội Cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp với tất cả vẻ đẹp hào hùng, hào hoa... Đoạn thơ được viết bằng thể thơ thất ngôn, có sử dụng nhiều từ Hán Việt trang trọng với giọng điệu thơ dứt khoát, mạnh mẽ, âm hưởng hào hùng để tô đậm hiện thực khốc liệt của chiến tranh và khẳng định sự bất tử của người lính cách mạng;

+ Chất sử thi trong thơ Nguyễn Khoa Điềm hướng về những con người bình dị đã can củ làm lụng và đánh giặc bảo vệ đất nước giữa những ngày kháng chiến chống Mĩ ác liệt, đất nước còn chia cắt. Đoạn thơ trong Đất Nước được viết bằng thể thơ tự do, giọng điệu tâm tình trò chuyện, từ ngữ giản dị, gần gũi nhằm khẳng định vai trò to lớn của nhân dân vô danh.

3.3.Kết bài: 0.25

- Tóm lại ý nghĩa tư tưởng *Đất Nước của Nhân Dân* qua đoạn thơ của Nguyễn

	Khoa Điềm và sự đóng góp về khuynh hướng sử thi trong thơ kháng chiến của hai nhà thơ; - Bài học cuộc sống được rút ra: thấy được vai trò to lớn của nhân dân trong lịch sử, lòng biết ơn những anh hùng vô danh...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,25)

ĐỀ SỐ 11- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Một bộ phận thanh niên ngày nay chạy theo thời đại mà quên mất những giá trị xưa cũ. Biểu hiện coi thường hoặc nhận thức sai lệch về những gì ông cha đã làm trong quá khứ. Họ thường nói vấn đề đó xưa lắm rồi, bây giờ ai nghĩ thế, ai làm thế. Chúng ta đâu biết rằng chỉ có văn minh là xưa cũ, còn văn hóa không bao giờ mất đi sức sống, văn hóa luôn bắt rễ vào hiện tại và thúc đẩy hiện tại. Nếu ta không coi trọng những giá trị văn hóa gia đình và dân tộc, ta sẽ mất gốc và thiếu đi sức sống bên trong vì vậy sự phát triển của ta sẽ không thể lâu bền được. Nhiều giá trị văn hóa dân tộc thanh niên ngày nay cần phát huy như coi trọng chữ hiếu, kính trên nhường dưới, coi trọng lòng yêu quê hương đất nước, trọng nghĩa, trọng tình...

(ThS. Phạm Thạch Hoàng ĐH Lâm nghiệp - Tạp chí Thanh niên, số tháng 8/2008)

1. Trình bày tác hại của việc *chạy theo thời đại mà quên mất những giá trị xưa cũ* của một bộ phận thanh niên ngày nay được nêu trong đoạn trích.

2. Đối nghịch với *văn minh* là gì?

3. Anh/ chị hiểu như thế nào về nhận định: *chỉ có văn minh là xưa cũ, còn văn hóa không bao giờ mất đi sức sống*.

4. Anh/ chị hãy đề xuất thêm ít nhất 2 biểu hiện *giá trị văn hóa dân tộc thanh niên ngày nay cần phát huy*.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “*coi trọng những giá trị văn hóa gia đình*” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân đã hai lần miêu tả hình ảnh người lái đò. Đó là "*Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này*". Và "*Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ cá dầm xanh...cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi*".

Phân tích hình ảnh ông lái đò trong hai lần miêu tả trên. Từ đó, hãy làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật này.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 11

I		Độc hiểu	3.0
	1	Tác hại của việc <i>chạy theo thời đại mà quên mất những giá trị xưa cũ</i> của một <i>bộ phận thanh niên ngày nay</i> được nêu trong đoạn trích: - Làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, cơ hội, chạy theo hưởng lạc, những lợi ích trực tiếp trước mắt, xa rời những mục tiêu phấn đấu. - Trong quan hệ giữa người với người, những tình cảm lành mạnh bị thay thế bằng quan hệ vụ lợi, vật chất. - Trong đời sống, họ vô trách nhiệm, bàng quan, vô cảm, không đấu tranh chống cái sai và cũng không ủng hộ cái đúng, cái tốt. - Giới trẻ bỏ qua những giá trị đạo đức là nền tảng cốt yếu của con người.	0.5
	2	Đôi nghịch với văn minh là <u>hoang dã</u> , man rợ, lạc hậu.	0.5
	3	<i>Chỉ có văn minh là xưa cũ, còn văn hóa không bao giờ mất đi sức sống.</i> Có thể hiểu: - Văn minh: Văn là sự sáng tạo, minh là tốt đẹp, là sự kết hợp đầy đủ các yếu tố tiên tiến tại thời điểm xét đến để tạo nên, duy trì, vận hành và tiến hoá <u>xã hội loài người</u>. Nói văn minh là xưa cũ vì các yếu tố của văn minh có thể hiểu gọn lại là <u>di sản</u> tích lũy tri thức, tinh thần và vật chất của con người kể từ khi loài người hình thành cho đến thời điểm xét đến. Văn minh có thể thay đổi theo thời gian; - Văn hóa là tất cả mọi giá trị vật chất và tinh thần mà con người ta đã sáng tạo ra hay thu nhận được trong quá trình lịch sử. Văn hóa không bao giờ mất đi sức sống là vì đó là những nét văn hóa tốt đẹp của dân tộc được tích lũy, kế thừa từ nhiều thế hệ. Văn hóa truyền thống góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc, tạo nên những chuẩn mực xã hội, hoàn thiện vẻ đẹp nhân cách của mỗi cá nhân.	1.0
	4	Đề xuất thêm ít nhất 2 biểu hiện <i>giá trị văn hóa dân tộc thanh niên ngày nay cần phát huy</i> . (Không được lấy ý từ trong văn bản)	1.0

		- Gợi ý: + Tôn sư trọng đạo + Cần cù dũng cảm, thông minh sáng tạo, quý trọng hiền tài.	
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “<i>coi trọng những giá trị văn hóa gia đình</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được trích ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: ý nghĩa của việc “<i>coi trọng những giá trị văn hóa gia đình</i>” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các hình thức lập luận (diễn dịch, quy nạp. tổng – phân – hợp); các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy ca dao, tục ngữ...liên quan đến văn hoá gia đình) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: +<i>Văn hóa gia đình</i> là những thực hành hàng ngày của các thành viên trong gia đình nhằm củng cố và phát triển các mối quan hệ tình cảm, đạo đức tạo nên một gia đình bền vững; + <i>Văn hóa gia đình</i> được hình thành và phát triển qua lịch sử lâu dài của đời sống gia đình, gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội. - Bàn luận ý nghĩa việc “<i>coi trọng những giá trị văn hóa gia đình</i>” của tuổi trẻ: +Trong mỗi quan hệ với xã hội, gia đình là cái nôi sinh thành của mọi người, là “tế bào” của xã hội, là một xã hội thu nhỏ, trong đó hiện diện đầy đủ các quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ văn hóa, quan hệ tổ chức, ... + Với ý nghĩa “hạt nhân” của xã hội, gia đình có vai trò duy trì những giá trị văn hóa, đạo đức của mỗi cộng đồng, góp phần xây nên văn hóa, đạo đức cả xã hội. Vì vậy, muốn phát triển nền văn hóa, đạo đức của xã hội, phải gắn liền với phát triển văn hóa, đạo đức của gia đình. +Văn hóa gia đình đóng vai trò quan trọng trong vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.	1.00

		- Chứng minh: +Hiếu nghĩa của con cháu đối với ông bà, cha mẹ ở thái độ vâng lời, lễ phép, biết ơn.. +Việc thờ cúng ông bà tổ tiên, đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh +Phong trào “ông bà, cha mẹ gương mẫu, con cháu thảo hiền” đang được phát động trong quần chúng nhân dân. - Phê phán một bộ phận giới trẻ không coi trọng giá trị văn hoá gia đình: bất hiếu, bất kính với cha mẹ, ông bà; anh em mâu thuẫn, tranh giành quyền lợi vật chất... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: - Về nhận thức: hiểu được ý nghĩa tốt đẹp của giá trị văn hoá gia đình để định hướng cho việc xây dựng tổ ấm gia đình; - Về hành động: tuổi trẻ học tập và rèn luyện, sống tốt, xứng đáng là con ngoan, là niềm vinh dự cho gia đình và xã hội.	
		d. Sáng tạo	0,25
		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
	2	Phân tích hình ảnh ông lái đò trong hai lần miêu tả trên. Từ đó, hãy làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật này.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Chi tiết Người lái đò lúc vượt thác và chi tiết sau khi vượt thác trong tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> của Nguyễn Tuân.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân, tùy bút <i>Người lái đò Sông Đà</i>, phong cách nghệ thuật của nhà văn: Nguyễn Tuân là nhà văn có phong cách độc đáo: tài hoa, uyên bác. Trước Cách mạng tháng Tám, các sáng tác của Nguyễn Tuân chủ yếu thể hiện thái độ bất bình sâu sắc với thời cuộc. Từ sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Tuân thực sự đã hoà mình vào cuộc sống của nhân dân. - Thể mạnh của Nguyễn Tuân là thể văn tùy bút. Điều đó thể hiện qua tùy bút <i>Người lái đò Sông Đà</i>. - Nêu vấn đề cần nghị luận: Chi tiết Người lái đò lúc vượt thác và chi tiết sau khi vượt thác trong tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> của Nguyễn Tuân đã thể hiện vẻ đẹp	(4.00)

của người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước.

3.2. Thân bài: 3.50

a. Khái quát tùy bút: *Người lái đò Sông Đà* được rút ra từ tập tùy bút *Sông Đà* (xuất bản lần đầu năm 1960, gồm 15 tùy bút và một bài thơ ở dạng phác thảo. Đây là kết quả của nhiều chuyến đi thực tế vùng Tây Bắc của nhà văn, đặc biệt là chuyến đi năm 1958.

b. Vẻ đẹp của người lái đò sông Đà qua 2 lần miêu tả:

b.1. Lần thứ nhất: Vẻ đẹp trí dũng:

- Hoàn cảnh xuất hiện:

+ Khắc họa trong tương quan với hình ảnh sông Đà hung bạo, hùng vĩ:

+ Cuộc giao tranh với ba trùng vi thạch trận: đoạn trích là cuộc chiến giữa ông đò với trùng vi thứ hai

- Phân tích cuộc giao tranh giữa người và sông:

+ Ở **trùng vi thứ nhất**, vừa vào trận, sóng nước, đá sông hò la vang dậy, ủa vào bể gây cán chèo vỡ khí, đá trái thúc vào bụng, vào hông thuyền. Nước như đô vật túm thắt lưng ông đò rồi đánh miếng đòn độc, đánh vào chỗ hiểm. Nhưng ông đò *cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt cuống lái, mặt méo bệch đi*. Trên con thuyền sáu bơi chèo vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn và tỉnh táo của người cầm lái. Ông đò thực là một chiến sĩ dũng cảm, rất bình tĩnh nén mọi đau đớn để chiến thắng kẻ thù.

+ Sang **trùng vi thứ hai**, không một phút ngừng tay nghỉ mắt, ông đò thay đổi chiến thuật. Rất nham hiểm, xảo quyệt, *sông Đà tăng thêm cửa tử, bố trí cửa sinh lệch sang bên phải để đánh lừa ông lái...* Hai câu văn: "*Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này*" được Nguyễn Tuân sử dụng ngôn ngữ quân sự (*binh pháp, phục kích*), biện pháp tu từ nhân hoá (*thần sông thần đá*), động từ mạnh toàn thanh trắc(*nắm, thuộc*) nhằm tạo cảm giác mãnh liệt khi tả chân dung ông đò. *Nắm chặt bờm sóng, ông đò ghì cương bám chắc lấy luồng nước đúng, phóng nhanh vào cửa sinh mà lái miết một đường chéo*. Hành động của ông lão thành thạo, chính xác, dũng mãnh trong từng động tác, đúng là tay lái ra hoa, điều luyện của người nghệ sĩ. Bằng trí dũng, nghị lực kiên cường, người lái đò đã đánh bại dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh.

+ **Trùng vi thứ ba** ít cửa hơn, nhưng bên phải bên trái đều là cửa tử. Luồng sông ở ngay giữa bọn đá hậu vệ. Như một lão tướng, dày dặn kinh nghiệm, dũng cảm, nhanh gọn, dứt khoát, ông đò bình tĩnh tiến vào trận địa, rồi bất ngờ phóng thẳng, chọc thủng cửa giữa. *Con thuyền như một mũi tên lao vút xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa lái được, lượn được qua cổng đá cánh mở cánh khép. Thế là qua luồng chết, thế là hết cửa tử, ra đến cửa sinh,...* dòng sông vặn mình vào một bến cát có hang lạnh. Ông đò uy nghi rạng rỡ trở về từ cõi chết. Ông đã chiến thắng thiên nhiên,

làm chủ cuộc đời. Cuối cùng thiên nhiên phải khuất phục dưới sự tài ba và lòng dũng cảm tuyệt vời của con người.

b.2. Lần thứ hai: Vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ:

- Hoàn cảnh xuất hiện: sau khi ông đồ đã vượt qua 3 vòng trùng vi và thành người chiến thắng;

- Phân tích: “ *Đêm ấy nhà đèn đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ cá dầm xanh...cũng chẳng thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi*”.

+ Thời gian: ban đêm; không gian: nơi hang đá

+ Nghệ thuật liệt kê hàng loạt việc làm của nhà đèn: *đốt lửa-nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ cá dầm xanh- chẳng thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua...*

- Ý nghĩa:

+ Phong thái nghệ sĩ trong cách ông nhìn nhận về công việc của mình, bình thản đến độ lạ lùng;

+ Ông chọn lối sống giản dị, yêu đời và đức tính khiêm nhường. Đó là phẩm chất đáng quý của người nghệ sĩ giữa đời thường mà tác giả đã phát hiện và ngợi ca.

c.Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật:

-Nguyễn Tuân chú ý tô đậm nét tài hoa, nghệ sĩ ở ông lái đò.

-Nguyễn Tuân có ý thức tạo nên tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình.

-Ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình, hoàn toàn phù hợp với đối tượng.

- Thể hiện phong cách tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân

d. Nhận xét về vẻ đẹp của nhân vật:

- Người lái đò trí dũng và tài hoa đã nổi bật trên dòng sông hung bạo và trữ tình, có khả năng chinh phục thiên nhiên, bắt nó phải phục vụ con người, xây dựng đất nước

- Đó chính là chất *vàng mười* của con người Tây Bắc nói riêng và người lao động Việt Nam nói chung trong thời kì mới.

- Qua hình tượng này, Nguyễn Tuân muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng- nghệ sĩ không phải chỉ có trong chiến đấu mà còn có cả trong cuộc sống lao động thường ngày.

3.3.Kết bài: 0.25

- Hình ảnh ông lái đò băng băng trên dòng thác sông Đà một cách ung dung, bình tĩnh, tự tại trong cuộc chiến đầy cam go nhưng cũng thật hào hùng.

- Bài học cuộc sống từ nhân vật ông đồ: ca ngợi người lao động, học tập vẻ đẹp

	của lòng dũng cảm, bản lĩnh kiên cường, đức tính khiêm nhường...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 12- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020 (Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1)Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó. Ví dụ: nếu học thi trượt, đó là lỗi của họ. Nếu không được cha mẹ tin tưởng, đó là lỗi của họ. Nếu phải vào lớp tệ hại nhất, đó là lỗi của họ. Nếu trở thành một học sinh xuất sắc, đó cũng là nhờ nỗ lực của họ. Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn. Nếu bạn tin rằng bạn là nguyên do của mọi chuyện, bạn sẽ có khả năng thay đổi và cải thiện mọi chuyện. Nói một cách đơn giản, bạn làm chủ cuộc sống của chính bạn.

(2)[...] Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ. Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kỳ thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cần nhần họ. Tệ hại hơn cả, một số học sinh còn tự lừa dối bản thân rằng mọi việc cũng không đến nỗi quá tệ, rằng môn Toán của họ cũng không tệ đến thế, rằng thực chất họ học hành rất chăm chỉ... trong khi tự đáy lòng, họ biết rõ những điều đó không phải là sự thật. “Những người và những việc xung quanh mình khiến mình thất bại”. Suy nghĩ đó khiến bạn trở thành nạn nhân bất lực, không thể thay đổi được cuộc sống.

(Tôi tài giỏi, bạn cũng thế, Adam Khoo, NXB Phụ nữ, 2013)

- Việc đưa ra các Ví dụ trong đoạn (1) có tác dụng gì?
- Theo tác giả, để làm chủ được cuộc sống của mình, bạn cần làm gì?
- Theo anh/ chị, cần làm gì để không rơi vào khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người được nói đến trong đoạn trích?
- Anh/chị có đồng ý với quan điểm Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ với câu chủ đề: Thái độ trước cuộc sống quyết định tương lai của bạn.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong đoạn trích “ Ai đã đặt tên cho dòng sông? ”, Hoàng Phủ Ngọc Tường có viết:

“ Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. ”

Và:

" Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé bừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, "sớm xanh, chiều tím" như người Huế thường miêu tả ”.

Cảm nhận về đẹp của hình tượng sông Hương trong hai đoạn văn trên, từ đó nhận xét cách miêu tả thiên nhiên độc đáo của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

(“Ai đã đặt tên cho dòng sông?” - Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngữ văn 12, Tập một, tr 198,199, NXB Giáo dục, 2009.)

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 12

I		Độc hiểu	3.0
	1	Việc đưa ra các Ví dụ trong đoạn (1) có tác dụng: - Chứng minh cho vấn đề cần nghị luận: Người thành công luôn tự chịu trách nhiệm về mình - Làm tăng sức thuyết phục người đọc, người nghe.	0.5
	2	Theo tác giả, để làm chủ được cuộc sống của mình, bạn cần làm: -Nhận lãnh trách nhiệm về những việc xảy ra với mình. -Không tự lừa dối bản thân, cần dũng cảm đối mặt với những khiếm khuyết của mình.	0.5
	3	Theo anh/ chị, cần làm gì để không rơi vào <i>khuyňh hướng đổ lỗi cho mọi người</i> được nói đến trong đoạn trích? Gợi ý: - Biết nhận lỗi về mình khi bản thân làm sai;	1.0

		- Ý thức được trách nhiệm của bản thân khi đưa ra quyết định; - Đối diện với thất bại và tìm mọi cách để khắc phục; - Đề cao lòng tự trọng của con người.	
	4	Anh/chị có đồng ý với quan điểm <i>Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn không?</i> Vì sao? Thể hiện rõ quan điểm của mình: đồng tình hoặc không đồng tình. Tuy nhiên, quan điểm cần phù hợp với các chuẩn mực xã hội. Gợi ý: Đồng tình. Vì: - Nhận lãnh trách nhiệm về mình sẽ tạo ra động lực để ta cố gắng, cải tạo những khuyết điểm, khích lệ để phát huy những điều tốt đẹp đã đạt được. - Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân thể hiện sự dũng cảm, bản lĩnh và ý thức trách nhiệm... Đây là những điều tạo nên sức mạnh để mình làm nên thành công trong cuộc sống.	1.0
II		Làm văn	
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ của bản thân về <i>Thái độ trước cuộc sống quyết định tương lai của bạn</i> được gợi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: <i>Thái độ trước cuộc sống quyết định tương lai của bạn</i>	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy ý trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: Thái độ sống là những quan điểm, suy nghĩ và cách đối mặt, giải quyết trước những vấn đề của cuộc sống. Việc lựa chọn suy nghĩ và cách đối mặt tích cực hay tiêu cực có ý nghĩa rất lớn đến tương lai của một người. - Bàn luận: + Cùng một vấn đề mắc phải, người tích cực sẽ nhìn nhận theo hướng lạc quan để rồi chủ động đối mặt và giải quyết. Ngược lại người có thái độ sống tiêu cực lại nhìn thấy sự u ám, bế tắc nên dễ chán nản, buông xuôi... + Thái độ sống tích cực thúc đẩy con người sáng tạo để vượt lên những khó	1.00

	khăn. Họ cũng có niềm tin vào những điều tốt đẹp nơi người khác và trong cuộc sống. + Sống tích cực còn thúc đẩy con người biết cống hiến và đem lại niềm vui cho người khác... - Phê phán những người có thái độ sống tiêu cực: chỉ biết hưởng thụ cá nhân, trục lợi, ích kỷ, tàn nhẫn, thâm độc... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: Luôn có ý thức bồi dưỡng năng lượng sống tích cực và lan tỏa điều tốt đẹp đó đến mọi người xung quanh.	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận về đẹp của hình tượng sông Hương trong hai đoạn văn ..., từ đó nhận xét cách miêu tả thiên nhiên độc đáo của Hoàng Phủ Ngọc Tường.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về đẹp của hình tượng sông Hương trong hai đoạn văn ..., nhận xét cách miêu tả thiên nhiên độc đáo của Hoàng Phủ Ngọc Tường.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 * Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm và khái quát vấn đề nghị luận - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một nhà trí thức yêu nước. Ông là một nhà văn chuyên về bút kí. Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là sự kết hợp giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú ở nhiều lĩnh vực, lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa. “Ai đã đặt tên cho dòng sông” là một bút kí xuất sắc - Qua tác phẩm, nhà văn đã khắc họa thành công vẻ đẹp của hình tượng sông Hương từ thượng nguồn đến trước khi ra biển. Hai đoạn văn đã miêu tả thủy trình Hương Giang ở thượng nguồn và ở ngoại vi thành phố Huế. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tùy bút : - Viết tại Huế 4-1-1981 - Thể loại: bút kí – thể loại mà nhân vật trung tâm là “cái tôi” tác giả - Làm nên thành công của bài bút kí trước hết là ông đã gắn liền với mảnh đất quê	(4.00)

hương mình tại Huế. Chính điều này đã giúp ông hiểu biết sâu sắc và gắn bó sâu nặng với xứ Huế và sông Hương.

b. Phân tích, cảm nhận đoạn văn 1:

-Nội dung: Ngược dòng sông Hương, cùng tác giả trở về với thượng nguồn Trường Sơn, người đọc ngạc nhiên đến thú vị trước những nét tính cách của sông Hương mà nhà văn thể hiện trong tác phẩm.

+ Sông Hương đã là một bản trường ca rầm rộ, ...mãnh liệt.. .cuộn xoáy. Đó là sức mạnh hùng vĩ, man dại của dòng sông - nét mới mẻ, thú vị.

+ Chảy giữa *dậm dãi chói lọi của hoa đỗ quyên rừng* - trong cái lạnh lẽo xuất hiện ngọn lửa ấm nóng khiến con sông rực rỡ, tỏa sáng.

+ “Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di Gan phóng khoáng và man dại.. .Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do trong sáng”. Nghệ thuật so sánh dòng sông Hương với cô gái Di Gan làm cho con sông trở thành một sinh thể có cá tính, mạnh mẽ, trẻ trung, ưa tự do...

- Nghệ thuật: Bằng những hình ảnh đầy ấn tượng kết hợp với việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã gợi ra tính cách “man dại”, “mãnh liệt” của sông Hương ở thượng nguồn. Chính bởi lẽ đó mà nhà văn nhắc nhở ta ý nghĩ rằng “*người ta sẽ không hiểu đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành tình đầy gian truân mà nó đã vượt qua, không thấu hiểu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khóa trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng*”.

c.Phân tích, cảm nhận đoạn văn 2:

-Nội dung :

+ Đoạn văn miêu tả vẻ đẹp sông Hương theo thủy trình của nó, với những nét uyển chuyển, linh hoạt của dòng chảy; vẻ biến ảo của màu sắc, vẻ uy nghi trầm mặc của cảnh quan đôi bờ.

+ Toát lên một tình yêu xứ sở sâu nặng, đậm thắm, một cách cảm nhận bình dị mà tinh tế của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

- Nghệ thuật:

+ Hình ảnh chân thực mà gợi cảm, câu văn kéo dài mà khúc chiết, thanh điệu hài hòa, tiết tấu nhịp nhàng.

+ Lối so sánh gần gũi và xác thực, sử dụng nhuần nhuyễn các địa danh và cách nói của người Huế.

d. Nhận xét cách miêu tả thiên nhiên độc đáo của Hoàng Phủ Ngọc Tường: “Ai đã đặt tên cho dòng sông” là tác phẩm văn xuôi súc tích và đầy chất thơ về sông Hương. Với xúc cảm sâu lắng được tổng kết từ một vốn hiểu biết phong phú về văn

	hóa, lịch sử, địa lí, văn chương và một văn phong tao nhã, nhà văn đã tái hiện thành công vẻ đẹp con sông Hương - công trình nghệ thuật thiên tạo mà hóa công đã ưu ái ban tặng cho con người và xứ Huế mộng mơ. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại vẻ đẹp sông Hương qua 2 lần miêu tả, thể hiện tư tưởng và nghệ thuật độc đáo của nhà văn vốn gắn bó sâu nặng và có tình yêu tha thiết với dòng sông quê hương; - Bài học cuộc sống được rút ra từ vẻ đẹp của dòng sông: tình yêu quê hương, đất nước...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,25)

ĐỀ SỐ 13- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Nhận một bàn thua trước đội tuyển Nhật Bản, đội tuyển bóng đá Việt Nam phải dừng bước tại vòng tứ kết Asian Cup 2019 khiến nhiều người hâm mộ tiếc nuối.

Liên hệ giữa bóng đá và dạy con mới thấy việc chúng ta dừng cảm chấp nhận "thua" cũng là cách lớn lên sau mỗi thất bại.

Tôi từng gặp những đứa trẻ bỏ nhà chỉ vì bị bố mẹ mắng chửi vì không vào được trường cấp ba như ý. Thực tế, trước hoặc sau mỗi mùa thi, đâu đó trên báo chí, mạng xã hội lại có những dòng tin về những học trò... tự tử. Nguyên nhân chính là trẻ gặp áp lực trong học tập, kỳ vọng của bố mẹ quá nhiều vào sự đỗ đạt của con cũng vô tình là “kẻ thù” cướp đi sinh mạng trẻ.

Tôi từng gặp không ít bà mẹ òa khóc khi con bị cô giáo đuổi ra khỏi đội danh dự của trường hay bị trượt trong kỳ thi hát, vẽ gì đó. Tôi cũng gặp không ít lời than thở khi bố mẹ bị cô giáo chê bai con thẳng thừng vào mặt. Nhiều bé về bị ăn đòn. Nhiều bố mẹ lại nói xấu giáo viên ngay trước mặt con vì... tức quá.

Rõ ràng, ai cũng từng có những thất bại trong cuộc đời. Vậy, nên có thất bại, hay chỉ cần thành công? Ai cũng nói, thất bại là mẹ thành công. Có thật là mẹ thành công? Nếu không biết rút kinh nghiệm cho lần đó, thất bại sẽ chỉ là mẹ thất bại và còn kéo theo một vài tính xấu nữa như là bao biện.

Vì thế, dạy con đối mặt thất bại sẽ giúp trẻ dũng cảm nhìn nhận mọi việc, đánh giá chính xác khách quan, từ đó rút ra kinh nghiệm cho bản thân mình...

TS Vũ Thu Hương

(Nguồn <https://infonet.vn/doi-tuyen-vn-dung-buoc-o-vong-18-va-cach-day-tre-chap-nhan-thua>)

1. Giữa bóng đá và dạy con có điểm gì tương đồng được thể hiện trong văn bản?
2. Chỉ ra và nêu tác dụng 1 biện pháp tu từ cú pháp trong văn bản.
3. Theo anh/ chị, tính xấu *bao biện* có tác hại như thế nào?
4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: *Ai cũng nói, thất bại là mẹ thành công* hay không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “*đối mặt thất bại*” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gợi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

“Rời khỏi kinh thành, sông Hương chênh vênh hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ. Và rồi, như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. Đối với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay đôi xa ngoài mười dặm trường đình. Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó, khúc quanh này thực bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống với con người nơi đây; và để nhân cách hoá nó lên, tôi gọi đấy là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, ở ngã rẽ này, sông Hương đã chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả: “Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ...”. Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian; ấy là tấm lòng người dân nơi Châu Hoá xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.”

(Ai đã đặt tên cho dòng sông – Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Cảm nhận vẻ đẹp của Sông Hương trong đoạn trích trên. Từ đó liên hệ với đoạn văn tả vẻ đẹp Sông Đà trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân): “*Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.*” để nhận xét cảm xúc khi viết về dòng sông của mỗi nhà văn.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 13

I		Đọc hiểu	3.0

	1	<i>Giữa bóng đá và dạy con có điểm tương đồng được thể hiện trong văn bản: đừng cảm chấp nhận "thua" cũng là cách lớn lên sau mỗi thất bại.</i>	0.5
	2	Chỉ ra và nêu tác dụng 1 biện pháp tu từ cú pháp trong văn bản. - Chỉ ra: Biện pháp tu từ liệt kê/điệp cấu trúc/câu hỏi tu từ. (Học sinh chọn 1 trong 3 biện pháp này) <i>(Tôi từng gặp những đứa trẻ bỏ nhà/Tôi từng gặp không ít bà mẹ òa khóc/Tôi cũng gặp không ít lời than thở)(Vậy, nên có thất bại, hay chỉ cần thành công?/Có thật là mẹ thành công?)</i> - Tác dụng (chung cho cả ba): tạo âm hưởng trong diễn đạt, qua đó làm rõ và nhấn mạnh những thất bại mà tác giả biết được để đưa ra quan điểm, bài học trong cách dạy con dành cho các bậc cha mẹ.	0.5
	3	Theo anh/ chị, tính xấu <i>bao biện</i> có tác hại: HS trả lời theo quan điểm riêng miễn là hợp lí. Gợi ý: - Bao biện sẽ làm người gặp thất bại không nhận ra nguyên nhân do chính mình sai phạm mà đổ lỗi cho hoàn cảnh khách quan; - Bao biện không làm nên thành công.	1.0
	4	Học sinh có thể đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm: <i>Ai cũng nói, thất bại là mẹ thành công ?</i> - Đồng tình: sau một thất bại là tìm ra những bài học kinh nghiệm. Một khi nhìn nhận thất bại như một cơ hội hiếm có thì nó chắc chắn sẽ mang lại nhiều thay đổi. Thất bại không hề trái ngược với thành công, nó là một phần của thành công. - Không đồng tình: Có khi thất bại chỉ là thất bại nếu con người có thói bao biện, không nhận ra sai lầm, thậm chí càng lún sâu vào sai lầm. - Có phần đồng tình/ có phần không đồng tình: kết hợp 2 lí giải trên.	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của việc “ <i>đổi mặt thất bại</i> ” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay được gọi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: ý nghĩa của việc “ <i>đổi mặt thất bại</i> ” đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay	0.25

	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy câu chuyện trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: Thất bại là việc không đáp ứng được mục tiêu mong muốn hoặc dự định. <i>Đối mặt thất bại</i> là một thái độ sống đúng đắn, thể hiện cách ứng xử của con người trước sự thật đau lòng dù mình không mong muốn. - Bàn luận ý nghĩa: + <i>Đối mặt thất bại</i> rèn cho con người tinh thần dũng cảm, ý nghĩ, nghị lực phi thường; + <i>Đối mặt thất bại</i> tạo cho con người có sức mạnh tinh thần để vươn lên hơn nữa, mới có thể đạt được những gì mình mong muốn, thực hiện được những khát vọng của bản thân. + <i>Đối mặt thất bại</i> trở thành cơ hội để sửa chữa sai lầm từ những bài học kinh nghiệm đã được rút ra. (Phân tích dẫn chứng nhận một bàn thua trước đội tuyển Nhật Bản, đội tuyển bóng đá Việt Nam phải dừng bước tại vòng tứ kết Asian Cup 2019. Đây chỉ là thất bại tạm thời. Cầu thủ Việt Nam vẫn tự hào, ngẩng cao đầu bước tiếp, hứa hẹn tương lai sẽ làm nên chiến thắng...) - Phê phán biểu hiện tiêu cực sau thất bại: Nếu thất bại mà lại thất vọng, bi quan, chán nản thì ta dễ bỏ cuộc và sẽ chẳng đạt được bất cứ thành công. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: + Về nhận thức: hiểu được giá trị của việc đối mặt thất bại trong đời sống; + Về hành động: học tập và rèn luyện, sẵn sàng đón nhận thất bại và tìm mọi cách để vươn đến thành công; thắng không kiêu, bại không nản...	1,00
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận về đẹp của Sông Hương trong đoạn trích.... Từ đó liên hệ với đoạn văn tả về đẹp Sông Đà trong tùy bút <i>Người lái đò Sông Đà</i> (Nguyễn Tuân): "<i>Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.</i>" để nhận xét cảm xúc khi viết về dòng sông của mỗi nhà văn.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	(0,25)

	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vẻ đẹp của Sông Hương trong đoạn trích. Liên hệ với đoạn văn tả vẻ đẹp Sông Đà để nhận xét cảm xúc khi viết về dòng sông của mỗi nhà văn.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả HPNT và bút kí “ADĐTCDS?”. Nêu vấn đề: vẻ đẹp dịu dàng, chung thủy của sông Hương. - Nêu ý phụ: liên hệ với vẻ đẹp của sông Đà trong tùy bút “NLĐSD” (Nguyễn Tuân); nhận xét cảm xúc khi viết về mỗi dòng sông của các tác giả. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát sơ lược về tác phẩm và đoạn trích cần cảm nhận: 0.25 đ b. Cảm nhận vẻ đẹp đoạn trích 2.25 - Khung cảnh thơ mộng, êm đềm đậm chất Huế trên đường rời khỏi kinh thành của sông Hương: đảo cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói; màu xanh biếc của tre trúc, những hàng cau của vùng ngoại ô Vĩ Dạ -> đến tận lúc chia tay xứ cố đô sông Hương vẫn cố ghi dấu trong mình những địa danh nổi tiếng, những cảnh sắc đặc trưng của Huế. - Phép nhân hóa đã thổi vào dòng sông một linh hồn với đầy tâm tư vương vấn: ôm lấy đảo cồn Hến, lưu luyến ra đi qua vùng ngoại ô Vĩ Dạ, như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. - Tác giả đã liên tưởng tình cảm của sông Hương dành cho Huế với mối tình Thúy Kiều – Kim Trọng trong danh tác của Nguyễn Du. Đây là sự liên tưởng tinh tế và bao hàm nhiều ý nghĩa: sông Hương luôn dành cho Huế nhiều vấn vương, chút lẳng lơ kín đáo như nàng Kiều trong đêm trăng tình tự, hẹn thề; lời thề Kim – Kiều ấy cũng chính là khúc hát thủy chung của sông Hương dành cho xứ Huế “Còn non, còn nước...” => Sự lưu luyến khi chia tay Huế của dòng sông vừa dịu dàng, lẳng đọng vừa tha thiết, bồi hồi và một lần nữa nhà văn đã nhuộm lên dòng sông sắc tím thủy chung nơi tà áo dài của người con gái xứ Huế. c. Liên hệ, so sánh để bàn luận mở rộng: - Vẻ đẹp của sông Đà trong tùy bút “NLĐSD”: + Vẻ đẹp của thơ mộng, trữ tình của sông Đà được Nguyễn Tuân phác họa dưới nhiều góc độ, trong đoạn văn trên dòng sông hiện lên qua cái nhìn từ trên cao. + Qua những đoạn thác ghềnh hung bạo, sông Đà trở nên mềm mại, mượt mà, bỗng	(4.00)

	bệnh như một áng tóc trữ tình. + Áng tóc đỏ còn được điểm xuyết bởi vẻ đẹp đặc trưng của núi rừng Tây Bắc với hoa ban, hoa gạo và làn khói mờ ảo của núi Mèo đốt nương xuân. => vẻ đẹp kiều diễm, trữ tình như một cô gái Tây Bắc trẻ trung, yêu kiều. - Nhận xét: cảm xúc của mỗi tác giả khi viết về các dòng sông. + Cảm xúc của HPNT: Sông Hương đã được tái hiện lại qua ngòi bút của một nhà văn, một trí thức có tình yêu và sự gắn bó sâu sắc với xứ Huế. HPNT viết về sông Hương với tâm thế của người con đất cố đô. Người con ấy đã cố gắng tái hiện vẻ đẹp của quê hương mình lên những trang văn. Chính vì thế sông Hương mang một vẻ đẹp gần gũi, đầy tình cảm trong những liên tưởng thâm trầm, đậm chất văn hóa của xứ Huế. Sông Hương mang những nét đặc trưng nhất của cảnh sắc và con người Huế: trầm mặc, cổ kính, dịu dàng, tinh tế; tấm lòng thiết tha, thủy chung, son sắt. + Cảm xúc của NT: Sông Đà được cảm nhận qua đôi mắt khám phá của một nhà văn tôn thờ chủ nghĩa xe dịch, lãng du; khao khát tìm thấy những vẻ đẹp độc đáo, nhiều góc cạnh của thiên nhiên vạn vật. Trước dòng sông với những tính cách biến đổi khôn lường, NT tự nhận mình là một “ông khách lạ” đang ngầy ngất đắm chìm trong vẻ hoang sơ của núi rừng, sông núi Tây Bắc. Vẻ đẹp đa sắc của sông Đà đã cho thấy những cảm nhận sâu sắc của nhà văn về vẻ đẹp của quê hương đất nước. Đó là niềm tự hào của một người không còn cảm thấy “thiếu quê hương”, lạc loài như thời trước CMT8 nữa. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của đoạn trích, tác phẩm. - Nêu bài học liên hệ: tình yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 14- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Khó có thể giúp một người trưởng thành

Trúng gà bị vỡ do tác động từ bên ngoài là đồ ăn, bị vỡ do tác động từ bên trong thì chính là sinh mệnh. Cuộc sống cũng vậy, làm vỡ từ bên ngoài là áp lực, làm vỡ từ bên trong chính là trưởng thành.

Nếu bạn chờ người khác làm vỡ bạn từ bên ngoài, thì nhất định bạn sẽ là món ăn của người khác; nếu bạn có thể đánh vỡ chính mình từ bên trong, như vậy bạn sẽ thấy rằng mình đã thực sự trưởng thành, cũng giống như là được tái sinh. Nhìn thấy một con bướm đang giãy giụa muốn thoát ra khỏi cái kén, có người hảo tâm giúp nó thoát ra. Nhưng không ngờ rằng, sau khi con bướm thoát ra ngoài, nó lại không thể duỗi đôi cánh ra được, và cuối cùng thiệt mạng.

Giãy giụa chính là điều con bướm cần làm để trưởng thành, lúc đó bạn giúp nó thoải mái, nhưng sau này nó sẽ không có đủ sức mạnh để đối mặt với những thử thách sẽ phải gặp trong cuộc đời...

(<http://khoinghiepintemet.blogspot.com/2016.05.hoc-cach-truong-thanh-chua-bao-gio-la-muon.html-St>)

1. Hình ảnh *trứng gà, con bướm* và *cái kén* xuất hiện trong văn bản có tác dụng gì?
2. Nếu anh/chị muốn hóa thân thành con bướm thì anh/chị phải làm gì để con bướm không bị *thiệt mạng*?
3. Nêu suy nghĩ của anh/chị về quan điểm: *Giãy giụa chính là điều con bướm cần làm để trưởng thành*.
4. Thông điệp cuộc sống được rút ra từ văn bản trên.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: Tuổi trẻ làm gì để *đối mặt với những thử thách* ? được gợi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, khi đối thoại với nhân vật Đế Thích, nhân vật Trương Ba đã nói: “***Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn***”.

(Lưu Quang Vũ - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.148 và tr.152)

Phân tích bi kịch khi sống trong cảnh hồn này, xác nọ và ước muốn của nhân vật Trương Ba qua lời đối thoại trên, từ đó làm nổi bật ý nghĩa phê phán mà tác giả gửi gắm.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 14

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Hình ảnh <i>trứng gà, con bướm</i> và <i>cái kén</i> xuất hiện trong văn bản có tác dụng: giúp người đọc hiểu được quá trình trưởng thành của con người phải xuất phát từ sự khổ luyện của chính bản thân.	0.5

	2	Nếu anh/chị muốn hóa thân thành con bướm, thì anh/chị phải làm gì để con bướm không bị <i>thiệt mạng</i>? Nếu muốn hóa thân thành con bướm, thì phải chịu đựng được nỗi khổ của quá trình giãy giụa ở trong kén, vậy thì mới có thể đang cánh bay cao được.	0.5
	3	<i>Giãy giụa chính là điều con bướm cần làm để trưởng thành.</i> Ý kiến hợp lí vì: -Giãy giụa là cách con bướm tự thân vận động để trưởng thành. Con người thông qua rèn luyện một cách tích cực mới thu nhận thành quả của bản thân. -Không ai có thể giúp chúng ta cả đời. Mọi tác động bên ngoài chỉ là hỗ trợ, bản thân tự vươn lên, tự đối diện và vượt qua thử thách mới có thể tự lực thành công. -Trưởng thành cần có quá trình, chẳng thể vội vàng, chẳng thể chỉ ngồi chờ đợi.	1.0
	4	Thông điệp cuộc sống: -Đừng than vãn nếu bạn đang gặp thử thách khổ đau. Hãy biến gian khổ thành thử thách để thêm trưởng thành. -Hãy chấp nhận đối diện với gian nan. Sau nỗi buồn là niềm vui, sau vấp ngã là kinh nghiệm, sau khổ đau là trưởng thành.	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: Tuổi trẻ làm gì để <i>đối mặt với những thử thách</i> ? được gọi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tuổi trẻ làm gì để <i>đối mặt với những thử thách</i>?	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy câu chuyện trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: Thử thách là những tình huống, việc làm khó khăn, gian khổ, đòi hỏi con người có nghị lực, khả năng mới có thể vượt qua. - Bàn luận: + Thái độ đầu tiên khi tuổi trẻ đối mặt với thử thách là phải có lòng dũng cảm. Chúng ta cần phải có can đảm để đối mặt với tất cả các loại khó khăn mà mình gặp phải, bởi không có hoàn cảnh khó khăn nào mà chúng ta không vượt qua được; + Khi đối mặt với thử thách, tuổi trẻ phải biết kiên trì đến giây phút cuối cùng: Kiên trì, chính là một loại niềm tin mãnh liệt, kiên cường không chịu thua, hay một loại tình	1.00

	thần mạnh mẽ và vững chắc. Đó là sự kiên định mà không chút do dự, bền chí mà không thỏa hiệp, vững tâm mà không chịu khuất phục. + Tuổi trẻ phải biết suy nghĩ tích cực: Sử dụng thái độ tích cực để đối mặt với những khó khăn mà mình gặp phải. Suy nghĩ tích cực tạo nên cuộc sống tích cực, suy nghĩ tiêu cực ngược lại sẽ tạo thành chướng ngại cho cuộc đời. Mỗi sự việc đều có cả hai mặt đối lập, nên chọn cách để nhìn thấy mặt tốt của nó, hơn là cái nhìn tiêu cực, thì có thể có một cuộc sống tích cực. - Phê phán một bộ phận giới trẻ hiện nay không dám đương đầu với thử thách, chỉ biết sống nhờ, sống gửi, lệ thuộc vào người khác... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: + Về nhận thức: hiểu được việc đối mặt với thử thách là cơ hội để làm nên thành công + Về hành động: tích cực học tập và tu dưỡng đạo đức, rèn luyện ý chí, nghị lực, có tinh thần vượt khó, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích bi kịch khi sống trong cảnh hỗn này, xác nọ và ước muốn của nhân vật Trương Ba qua lời đối thoại với Đế Thích, từ đó làm nổi bật ý nghĩa phê phán mà tác giả gửi gắm.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Bi kịch khi sống trong cảnh hỗn này, xác nọ và ước muốn của nhân vật Trương Ba qua lời đối thoại với Đế Thích. Ý nghĩa phê phán mà tác giả gửi gắm.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích: Lưu Quang Vũ là nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại.<i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> là tác phẩm tiêu biểu của Lưu Quang Vũ, xuất phát từ cốt truyện dân gian, tác giả đã viết thành vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc. - Nêu vấn đề cần nghị luận: Tác phẩm có rất nhiều lời thoại mang tính triết lí, trong đó lời nói của Trương Ba với Đế Thích: “<i>Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn</i>” đã gọi lên bi kịch của nhân vật	(4.00)

Trương Ba khi sống trong cảnh hờn này, xác nọ và ước muốn của anh. Từ đó, nhà biên kịch gửi gắm tiếng nói phê phán rất sâu sắc.

3.2.Thân bài: 3.50

a.Khái quát về vở kịch

- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* là một trong những truyện hay trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Lưu Quang Vũ đã dựa vào cốt truyện này để viết thành vở kịch nói cùng tên vào năm 1981 và được trình diễn lần đầu tiên vào năm 1984.

- Vở kịch đặt ra vấn đề, đó là bi kịch sống nhờ của Hồn Trương Ba trong xác anh hàng thịt.

b. Phân tích bi kịch khi sống trong cảnh hờn này, xác nọ và ước muốn của nhân vật Trương Ba khi đối thoại với Đế Thích:

- Lời thoại trên là lời của Hồn Trương Ba nói với Đế Thích, có ý nghĩa triết lý về sự thống nhất, hài hòa giữa hồn và xác trong một con người.

b.1. Bi kịch khi sống trong cảnh hờn này, xác nọ

- Bi kịch của nhân vật Hồn Trương Ba qua đối thoại với xác hàng thịt:

+Tình huống kịch bắt đầu từ khi Hồn Trương Ba nhập vào thân xác anh hàng thịt, anh ta phải gánh chịu nhiều đau khổ:

+Xác hàng thịt đã chỉ rõ sự tha hoá không tránh khỏi của hồn Trương Ba khi Trương Ba phải nhờ vào nó để tồn tại: *Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xới. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người thân..ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi.*

+Trương Ba hầu như không còn được sống theo cách riêng của mình, linh hồn hoàn toàn lệ thuộc vào những yếu tố vật chất của thân xác, tồn tại qua thân xác, cái thân xác không phải của mình. Đó là nguyên nhân khiến linh hồn của Trương Ba rơi vào tình trạng bất lực trước sự sai khiến ghê gớm của thân xác âm u đui mù. Nhân vật đau khổ khi không thể làm chủ được bản thân mình. Đây chính là **bi kịch tha hoá** của nhân vật.

- Bi kịch của nhân vật Hồn Trương Ba qua đối thoại với người thân trong gia đình:

+ Những người trong gia đình không có ai hiểu ông, họ nghi ngờ, xa lánh ông (vợ ông định bỏ đi thật xa, con trai không nghe lời khuyên của cha, cháu nội gọi ông là lão đồ tể...). Họ không thông cảm, chia sẻ và thấu hiểu cho những khó khăn mà ông đang phải cố gắng để vượt qua từ khi nhập vào thân xác của anh hàng thịt.

+ Hồn Trương Ba cũng thấy rằng, mình là nguyên nhân gây nên những rắc rối, xáo trộn, bất an trong gia đình trong khi ông chỉ muốn đưa đến cho mọi người những điều tốt đẹp. Đây chính là **bi kịch bị từ chối** của nhân vật.

b.2. Ước muốn của nhân vật Trương Ba: Tôi muốn là tôi toàn vẹn

- Nhân vật còn mang nỗi đau của một con người tự ý thức. Là người giàu lòng vị tha nên Hồn Trương Ba day dứt trước hiện tại của bản thân. Hồn Trương Ba nhận ra

mình đang bị tha hoá, nhiều khi phải thoả hiệp với những đòi hỏi xác-thịt, không giữ được bản tính cao khiết như trước đây. Ông luôn bị dằn vặt bởi chính nghịch cảnh phải sống “bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo”.

- Vì thế, khi đối thoại với Đế Thích, Trương Ba thể hiện ý nguyện của mình: *Tôi muốn là tôi toàn vẹn*

+ Lời thoại này trước hết cho thấy một bước trưởng thành, một bước ngoặt quan trọng trong nhận thức của Trương Ba. Từ chỗ đánh giá phiến diện về thân xác người, Trương Ba đã có cái nhìn đúng đắn, đó là cuộc sống tốt đẹp của người chỉ có thể được tạo nên từ sự hài hòa giữa hai đời sống của thể xác và tâm hồn. Nhận thức tưởng chừng như đơn giản đó của Trương Ba đã phải đánh đổi bằng rất nhiều đau khổ, nước mắt của chính bản thân ông và người thân nên nó là một nhận thức vô cùng quý giá.

+ Khao khát mãnh liệt, cháy bỏng “*là tôi toàn vẹn*” của Trương Ba còn cho thấy nhân cách cao đẹp của Trương Ba. Nhân vật đã không còn chấp nhận chung đụng với cái thô lỗ tầm thường, dung tục và để nó sai khiến, mà muốn được trở về sống trọn vẹn với cái lương thiện, trong sáng, tốt đẹp vốn có.

+ Ý nghĩa: Ước muốn của Trương Ba cũng là triết lí nhân sinh của Lưu Quang Vũ: sống là chính mình, không chấp nhận lối sống gửi, sống nhờ. Đồng thời, phải biết sống vị tha (vì người khác), sống cao thượng. Cuối cùng, Trương Ba chấp nhận được chết hẳn, trả lại xác hàng thịt và xin cụ Tị sống lại. Lựa chọn đó đã làm sáng lên nhân cách tốt đẹp, cao cả của Trương Ba.

c. Nghệ thuật:

- Nghệ thuật xây dựng mâu thuẫn kịch: chặt chẽ, logic, hợp lý. Các chi tiết, hành động kịch nối tiếp nhau, đẩy mâu thuẫn kịch lên đến đỉnh cao, tạo nên kịch tính vô cùng căng thẳng, hấp dẫn.

- Nghệ thuật diễn tả tâm lý nhân vật: dù đây không phải là thể mạnh của thể loại kịch nói nhưng thông qua ngôn ngữ, hành động của nhân vật, tâm lý của nhân vật (đặc biệt là Trương Ba) vẫn được thể hiện một cách rõ nét với sự phức tạp, tinh tế chứ không giải đơn, xuôi chiều.

- Ngôn ngữ kịch: giản dị, sáng rõ, đặc biệt rất giàu tính triết lý.

d. Ý nghĩa phê phán mà tác giả gửi gắm qua lời thoại:

Từ nỗi đau khổ của Trương Ba khi phải sống trong thân xác anh hàng thịt, khi phải chung đụng với cái tầm thường, dung tục và có khi bị cái tầm thường, dung tục ấy sai khiến, LQV đã cho thấy bi kịch của tất cả những ai không được sống là mình: “*Bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo*”, ở độ hàm chứa lời răn đe, cảnh tỉnh vô cùng nghiêm khắc của tác giả với những ai đang cố gắng tạo cho mình một vỏ bọc, bề ngoài giả dối khác với bản chất thực bên trong, bởi dù bị ép buộc hay cố tình thì hậu quả của nó cũng là vô cùng to lớn.

	3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại ý nghĩa trong bi kịch và khát vọng sống cao đẹp của nhân vật Trương Ba; - Bài học cuộc sống được rút ra từ nhân vật: sống là chính mình, biết đấu tranh chống lại sự dung tục, tầm thường để giữ vững nhân cách...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 15- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

[...]Cứ tới chủ đề về ơn nghĩa sinh thành thì ngập hộp thư “Thay lời muốn nói ” sẽ là những câu xin lỗi ba mẹ từ các bạn trẻ. Là những lời xin lỗi được gửi đến những ba-mẹ-còn-sống. Mà, nội dung của những lời xin lỗi cũng... na ná nhau, kiểu như “Con biết ba mẹ rất cực khổ vì con... Con biết con đã làm cho ba mẹ buồn rất nhiều. Con xin lỗi ba mẹ. Xin lỗi, nhưng mình hay gọi đây là “những lời xin lỗi mang tính phong trào ”, và những áy náy ray rứt này là “những áy náy ray rứt theo làn sóng”, mỗi khi có ai hay có chương trình nào gọi nhắc, thì các bạn mới sực nhớ ra. Mà khổ cái, bản thân những lời xin lỗi ấy sợ rằng khó làm người được xin lỗi vui hơn, bởi vì đâu đợi tới chính họ, ngay cả chúng mình là những người làm chương trình đây cũng đều hiểu rằng, có lẽ chỉ vài ngày sau chương trình, cùng với nhịp sống ngày càng nhanh ngày càng vội, cùng với lịch đi học, đi làm, đi giải trí sau giờ học, giờ làm..., những lời xin lỗi ấy sợ rằng sẽ sớm được vứt ra sau đầu; và những cảm giác áy náy, ăn năn ấy sẽ sớm chìm sâu, chẳng còn mấy may gặp sóng. Cho đến khi... lại được nhắc mà sực nhớ ra, lần kế tiếp.

Điều đó, đáng buồn là một sự thật ở một bộ phận không nhỏ những người trẻ, bây giờ.

(Thương còn không hết..., ghét nhau chi, Lê Đỗ Quỳnh Hương, Nxb Trẻ, tr.31-32)

1. Chỉ ra những nghịch lí trong những lời *xin lỗi* của các bạn trẻ được nêu trong đoạn trích.

2. Tác giả thể hiện tâm trạng như thế nào trước thực trạng những lời xin lỗi phong trào tràn ngập mỗi dịp làm về chủ đề về ơn nghĩa sinh thành?

3. Theo anh/chị, nguyên nhân nào dẫn tới những lời xin lỗi phong trào và những áy náy ray rứt theo làn sóng trong ứng xử của một bộ phận không nhỏ những người trẻ ngày nay?

4. Theo anh/chị, điều gì quan trọng nhất trong một lời xin lỗi? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ thông điệp của đoạn trích, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ với chủ đề: *Giá trị của lời xin lỗi đúng cách.*

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện *Vợ chồng A Phủ*, nhà văn Tô Hoài đã hai lần nói về việc Mị “vùng bước đi” và “băng đi” ở hai đoạn văn sau:

Đoạn 1:

“...Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trôi. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị theo những cuộc chơi, những đám chơi. “Em không yêu, quả pao rơi rồi - Em yêu người nào, em bắt pao nào... Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa...”

Đoạn 2:

“...Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:

Ở đây chết mất.... ”

(*Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, sách Giáo khoa Ngữ văn 12, cơ bản, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2008, tr 9,11)

Phân tích nhân vật Mị qua hai lần miêu tả trên, từ đó làm nổi bật khát vọng sống của nhân vật này.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 15

I		Độc hiểu	3.0
	1	Những nghịch lí trong những lời <i>xin lỗi</i> của các bạn trẻ được nêu trong đoạn trích: - Nội dung lời xin lỗi <i>na ná</i> nhau, không xuất phát từ tình cảm chân thành của con cái với đấng sinh thành; - Tâm trạng của người xin lỗi: <i>áy náy ray rút theo làn sóng</i> , xuất hiện rồi tan biến ngay sau đó. - Người được nhận lời xin lỗi: khó có thể <i>vui hơn</i> .	0.5
	2	Trước thực trạng những lời xin lỗi phong trào tràn ngập mỗi dịp làm về chủ đề về <i>on nghĩa sinh thành</i> , tác giả thể hiện tâm trạng băn khoăn, lòng ngậm ngùi buồn.	0.5
	3	Học sinh có thể đề xuất những nguyên nhân khác nhau. Yêu cầu hợp lí và thuyết phục	1.0

		Gợi ý: - Tâm lí e ngại thể hiện tình cảm của người Á Đông. - Lối sống hời hợt, thiếu sâu sắc. - Bị cuốn theo nhịp sống vội vã khiến con người dễ quên đi những việc ân nghĩa.	
	4	Học sinh có thể có nhiều lựa chọn trả lời. Gợi ý: Sự chân thành; Thái độ hối lỗi... Ví dụ: Điều quan trọng nhất trong một lời xin lỗi là thái độ chân thành. Vì một lời xin lỗi chân thành cho thấy sự hối lỗi thực sự, tỏ rõ người xin lỗi muốn được cảm thông, tha thứ và muốn khắc phục, sửa chữa lỗi lầm mình mắc phải.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ thông điệp của đoạn trích, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ với chủ đề: <i>Giá trị của lời xin lỗi đúng cách.</i>	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: <i>Giá trị của lời xin lỗi đúng cách.</i>	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy câu chuyện trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: Lời xin lỗi là lời nói, hành động thể hiện sự nhận thức và hối lỗi của mình khi có những suy nghĩ, hành động sai trái. - Bàn luận: + Có nhiều cách để thực hiện lời xin lỗi, tuy nhiên để lời xin lỗi có giá trị cao nhất, cần thực hiện nó đúng cách. + Xin lỗi đúng cách sẽ dễ nhận được sự đồng cảm tha thứ hơn. + Xin lỗi đúng cách sẽ giúp bạn thoải mái hơn vì được giải tỏa mặc cảm tội lỗi. + Xin lỗi đúng cách cũng góp phần nâng cao phẩm giá, nhân cách của bạn. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: Cần rèn luyện cho mình một cái tâm chân thành để khi sai lỗi, biết nhận lỗi và thực hiện việc hối lỗi đúng đắn.	1.00
		d. Sáng tạo	0,25

		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích nhân vật Mị qua hai lần nói về việc Mị “vùng bước đi” và “băng đi” ở hai đoạn văn, từ đó làm nổi bật khát vọng sống của nhân vật này.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nhân vật Mị qua hai lần nói về việc Mị “vùng bước đi” và “băng đi” ở hai đoạn văn. Khát vọng sống của nhân vật Mị.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm: +Tô Hoài là một trong những gương mặt tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam hiện đại. +“Vợ chồng A Phủ” là một trong những tác phẩm đặc sắc nhất của ông. - Nêu vấn đề cần nghị luận: trong truyện, qua hai lần nói về việc Mị “vùng bước đi” và “băng đi” ở hai đoạn văn, nhà văn ca ngợi khát vọng sống của nhân vật này. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích: -"Vợ chồng A Phủ", trích trong tập “Truyện Tây Bắc”, là một trong những tác phẩm đặc sắc nhất của ông, được viết sau chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1953. Tác phẩm là bức tranh bi thảm của người dân nghèo miền núi dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến, thực dân và là bài ca về phẩm chất, vẻ đẹp, về sức sống mãnh liệt của người lao động - Hai lần nói về việc Mị “vùng bước đi” và “băng đi” ở hai đoạn văn thuộc phần một của truyện. <u>0.25</u> b. Giới thiệu nhân vật Mị: 0.25 - Mị là cô gái xinh đẹp, có tài thổi sáo, có nhiều chàng trai theo đuổi. Vì món nợ truyền kiếp của cha với nhà thống lí, Mị đã bị bắt về cúng ma và làm con dâu gạt nợ nhà thống lí. Từ cô gái yêu tự do, tràn đầy sức sống, Mị trở thành nô lệ, dần dần tê liệt về tinh thần. Thế nhưng với phẩm chất tốt đẹp của người lao động, sức sống cứ tiềm tàng, âm ỉ rồi bùng cháy mãnh liệt đề rồi Mị tự đứng dậy cắt dây cửi trả lại tự do cho chính mình. c. Phân tích hai chi tiết: 2.5	(4.00)

* Đoạn 1:

- Vị trí: Sau khi uống rượu, lắng nghe tiếng sáo trong không khí đêm tình mùa xuân đang về, tâm trạng Mị có sự thay đổi. Từ kiếp sống nô lệ, cam chịu, Mị muốn đi chơi. Đúng lúc đó, A Sử đi vào trối Mị suốt đêm trong buồng tối.

- Hoàn cảnh: Bị trối suốt đêm, nhưng trong lòng đang muốn đi chơi.

- Tâm trạng Mị:

+ Hơi rượu nồng nàn:

++ Là tác nhân quan trọng thay đổi tâm lí của Mị. Mị đã uống ực từng bát để trôi đi tất cả những đắng cay. Nó là chất xúc tác để Mị trở về quá khứ, sống lại những tháng ngày tuổi trẻ đẹp đẽ;

++ Hơi rượu khiến Mị chìm đắm trong quá khứ ngọt ngào của tình yêu, hạnh phúc bất chấp hiện thực phũ phàng;

+ Tiếng sáo đưa Mị theo những cuộc chơi:

++ Tiếng sáo là biểu tượng cho tình yêu, hạnh phúc, khát vọng tuổi trẻ .

++ Tiếng sáo từ ngoại cảnh trở thành tiếng sáo trong tâm tưởng, thúc giục Mị đi theo tiếng gọi của tình yêu, hạnh phúc.

+ *Mị vùng bước đi*: Hành động cho thấy, dù thân thể bị trối đứng nhưng tâm hồn Mị hoàn toàn tự do. Khao khát cháy bỏng chuyển hóa thành hành động. Đó là khát vọng muốn vượt thoát khỏi hiện thực đau khổ, cuộc sống tù đày, kìm kẹp để tìm đến cuộc sống tự do, tình yêu và hạnh phúc.

- Đoạn văn thể hiện diễn biến tâm lý của Mị trong đêm bị trối đứng xoay quanh khát vọng vượt thoát khỏi hiện thực, khao khát cháy bỏng được sống tự do, được hưởng tình yêu và hạnh phúc. Đoạn văn thể hiện sức sống tiềm tàng mà mãnh liệt đang trỗi dậy trong tâm hồn Mị.

- Nghệ thuật: Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lý tinh tế.

*Đoạn văn 2:

- Vị trí: Sau khi cắt dây cửi trối cho A Phủ và thấy A Phủ băng đi trong đêm tối, Mị đã nghĩ đến mình bèn *băng đi*, chạy theo A Phủ để trốn khỏi Hồng Ngài.

- Hoàn cảnh: Sau khi cắt dây cửi trối cho A Phủ, Mị rơi vào tình cảnh éo le, bi đát, có nguy cơ bị trối đứng thay cho A Phủ.

- Diễn biến tâm trạng, hành động, lời nói của Mị:

+ *Mị đứng lặng trong bóng tối*: *Đứng lặng* bởi hiện tại Mị vẫn đang bị trối chặt bởi một sợi dây vô hình: hủ tục. *Đứng lặng* bởi giờ đây đang diễn ra cuộc đấu tranh trong nội tâm, giữa nỗi sợ hãi và lòng yêu đời ham sống.

+ Chạy theo A Phủ: "*vụt chạy theo... Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi...*". Chạy để tự cứu mình, để tìm đến cuộc sống tự do. Đây là cuộc cách mạng trong tư tưởng, là chiến thắng của khát vọng sống mãnh liệt trỗi dậy trong Mị.

	+ Hai lời thoại: "A Phủ cho tôi đi" và "Ở đây thì chết mất." ngắn gọn nhưng thấy được sự quyết tâm và nhận thức rõ ràng giữa hiện thực cuộc sống và khát vọng được sống của nhân vật. - Đoạn văn tập trung thể hiện sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng và hành động của nhân vật. Tất cả đều thể hiện một khát vọng vượt thoát khỏi số phận nô lệ, khát vọng được sống tự do của nhân vật. Đoạn văn cho thấy vẻ đẹp đầy nội lực, lòng dũng cảm và sự quyết đoán của nhân vật khi dám vượt qua mọi sợ hãi, tự cắt dây cửi trói cho chính mình. - Nghệ thuật: miêu tả nhân vật qua diễn biến tâm lý, ngôn ngữ và hành động. d. Nhận xét khát vọng sống của nhân vật Mị. 0.5 - Cả hai đoạn văn đề tập trung làm nổi bật khát vọng sống chân chính của nhân vật: Đó là khát vọng giải thoát khỏi kiếp nô lệ, khát vọng được sống tự do, sống trong tình yêu, hạnh phúc; - Nếu khát vọng đó ở đoạn 1 chỉ dừng lại ở những diễn biến trong tâm trạng và cũng nhanh chóng bị nghịch cảnh chi phối thì ở đoạn 2, nó đã chuyển hoá thành hành động mạnh mẽ, quyết liệt của nhân vật; - Vì vậy, nhân vật Mị hiện lên không chỉ có khát vọng sống cao đẹp mà còn thể hiện ở tinh thần phản kháng, đấu tranh để được thoát khỏi nô lệ, về với cách mạng. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại, ý nghĩa khát vọng sống của nhân vật Mị qua hai đoạn văn; - Bài học cuộc sống rút ra từ nhân vật.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 16- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) *Mỗi người trên thế giới này đều có một cuộc đời riêng và duy nhất, với những ngoại hình và hoàn cảnh khác nhau không bao giờ trùng lặp. Hãy gọi mỗi cuộc đời như vậy là một bộ phim - những bộ phim cuộc đời con người. Ai cũng có bộ phim cuộc đời của riêng mình, bất kể đó là kẻ hành khất hay một vị vua.*

(2) Trong bộ phim cuộc đời ấy, chúng ta vừa là người viết kịch bản, vừa là đạo diễn kiêm diễn viên và thậm chí kiêm khán giả nữa. Nhưng có một sự thật đáng tiếc, thay vì làm đạo diễn điều khiển cuộc đời mình, dường như chúng ta lại thích thú hơn với việc làm khán giả cho bộ phim của người khác, từ người thân quen, người trong các mối quan hệ xã giao hay thậm chí là người hoàn toàn xa lạ. Việc tình nguyện làm khán giả cho người khác là một thói quen nguy hiểm. Nó không chỉ làm bạn hao phí nhiều thời gian, sinh lực mà còn khiến bạn quen với thể bị động, bị động theo dõi người khác và rồi bị động luôn với chính cuộc đời mình. Mỗi ngày, nhờ internet bạn biết được bao nhiêu chuyện “hay hay” trên thế giới, từ cô nàng mình tinh mần bạc Hollywood lộ hàng khi dạo phố cho đến anh nhà quê tung clip âm nhạc mới, từ hotgirl khoe đường cong cho tới anh chàng trẻ tuổi công khai làm lành với vợ... Thừa nhận đi, một ngày bạn đọc bao nhiêu tin tức kiểu này, theo dõi bao nhiêu người xa lạ kiểu này? Tình nguyện làm khán giả vô hình cho những thứ vô bổ, những người xa lạ ở tận đâu đâu như vậy, bạn sẽ mãi đóng vai quân chúng trong cuộc đời người khác. Cứ như vậy, cuộc đời bạn ai sẽ đóng thay đây hay nói đúng hơn, cuộc đời bạn ai sẽ sống thay?

(Sống như ngày mai sẽ chết, Phi Tuyết, Nxb Thế giới, tr. 10 - 11)

Câu 1: Một thói quen nguy hiểm được nhắc đến trong văn bản là thói quen gì?

Câu 2: Nêu tác dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn văn (1).

Câu 3: Vì sao tác giả bài viết lại cho rằng: *Việc tình nguyện làm khán giả cho người khác là một thói quen nguy hiểm?*

Câu 4: Theo anh /chị, vì sao nhiều bạn trẻ ngày nay có xu hướng hứng thú với vai trò khán giả trong bộ phim cuộc đời của người khác hơn là làm đạo diễn của bộ phim cuộc đời mình?

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ việc đọc hiểu đoạn trích, hãy soi chiếu vào bản thân và viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời cho câu hỏi: *Bạn đã sống cuộc đời của chính mình chưa?*

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn *Vợ nhặt*, hơn một lần nhà văn Kim Lân để nhân vật bà cụ Tứ khóc, tiêu biểu:

Đoạn 1:

“ Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nấng nhau sống qua được cơn đói khát này không? ”

Đoạn 2:

“...Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy xót thương. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật:

- Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhận chi cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hoà thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đó. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng”

(Kim Lân - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.28 và tr.29)

Phân tích hình ảnh nhân vật bà cụ Tứ trong hai lần được miêu tả như trên, từ đó làm nổi bật tấm lòng của nhà văn dành cho nhân vật này.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 16

I		Độc hiểu	3.0
	1	Một thói quen nguy hiểm được nhắc đến trong văn bản là thói quen tình nguyện làm khán giả cho người khác	0.5
	2	Nêu tác dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn văn (1). - Chỉ ra câu văn có biện pháp tu từ so sánh: <i>Hãy gọi mỗi cuộc đời như vậy là một bộ phim - những bộ phim cuộc đời con người.</i> Mỗi cuộc đời so sánh với một bộ phim; - Tác dụng: gọi hình ảnh cụ thể, dễ hiểu trong diễn đạt. Qua đó, người đọc nhận thức được sự phong phú, đa dạng và phức tạp khi bàn về cuộc đời con người.	1.0
	3	Tác giả bài viết lại cho rằng: <i>việc tình nguyện làm khán giả cho người khác là một thói quen nguy hiểm</i> là vì: Việc đó: - Làm hao phí nhiều thời gian và sinh lực của bạn, những thứ vốn rất quý giá nhưng lại hữu hạn của cuộc đời mỗi người. - Khiến bạn quen với thể bị động, bị động theo dõi cuộc đời người khác và bị động với cả cuộc đời mình.	0.5
	4	Nhiều bạn trẻ ngày nay tỏ xu hướng hứng thú với vai trò khán giả trong bộ phim cuộc đời của người khác hơn là làm đạo diễn của bộ phim cuộc đời mình. Đây là một câu hỏi mở, học sinh có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời. Miễn là các lựa chọn đều có giải thích, biện luận thuyết phục. Có thể trả lời bằng một số lí do sau: - Một trong những yếu tố thuộc về bản chất của con người là tò mò, bị thu hút mạnh mẽ bởi những chuyện xảy ra xung quanh ta. - Sự phát triển mạnh mẽ và sự phổ biến của các phương tiện truyền thông khiến những thông tin về cuộc đời của người khác có thể đến với chúng ta một cách dễ dàng.	1.0

		-Ảnh hưởng của truyền thông khi báo chí và các phương tiện truyền thông khác có xu hướng khai thác toàn lan các thông tin đòi tư để phục vụ thị hiếu, đáp ứng sự hiếu kỳ của một bộ phận khán / thính / độc giả. -Việc làm khán giả bao giờ cũng dễ dàng và tốn ít sinh lực hơn làm đạo diễn hay diễn viên chính. -Các nhu cầu cuộc sống ngày càng được đáp ứng đầy đủ hơn nên một bộ phận người trẻ không cần phải nỗ lực, cố gắng nhiều trong cuộc sống. Họ dành thời gian và sinh lực quan tâm đến những thứ vô bổ xung quanh.	
II		Làm văn	
	1	Từ việc đọc hiểu đoạn trích, hãy soi chiếu vào bản thân và viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời cho câu hỏi: <i>Bạn đã sống cuộc đời của chính mình chưa?</i>	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: <i>Bạn đã sống cuộc đời của chính mình chưa?</i>	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: -Bạn có đang dành thời gian, tâm huyết để hoàn thiện bản thân, khám phá chính mình hay mãi quan tâm, lãng phí tiềm lực của mình vào những việc vô bổ? -Bạn có đang suy nghĩ, hành động từng bước thực hiện ước mơ, khát vọng cuộc đời mình hay bị động đi theo những đường ray người khác vạch ra cho bạn? Mỗi ngày trôi qua bạn có thực sự cảm thấy hạnh phúc? Những việc bạn đang làm có giúp bạn hoàn thiện bản thân hơn không? -Khi nhận thức được cuộc sống của mình rồi, bạn phải làm gì?	1.00
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích hình ảnh nhân vật bà cụ Tứ trong hai lần được miêu tả ..., từ đó làm nổi bật tấm lòng của nhà văn dành cho nhân vật này.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nhân vật bà cụ Tứ trong hai lần được miêu tả ở hai đoạn văn. Tấm lòng của nhà	(0,25)

	văn dành cho nhân vật này.	
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm: +Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn; chuyên viết về nông thôn và đời sống của người dân nghèo với ngòi bút đôn hậu và hóm hỉnh. +<i>Vợ nhặt</i> là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân. - Nêu vấn đề cần nghị luận: trong truyện, qua hai lần nói về nước mắt của nhân vật bà cụ Tứ ở hai đoạn văn, nhà văn thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc với nhân vật này. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tác phẩm, nhân vật: -<i>Vợ nhặt</i> được coi là kiệt tác trong sự nghiệp sáng tác của Kim Lân, cũng là một truyện ngắn xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tiền thân của truyện là một chương trong tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i> viết ngay sau 1945. Tới 1954, Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết <i>Vợ nhặt</i>. Do đó, tác phẩm không chỉ là kết quả một quá trình suy ngẫm, gọt giũa về cả nội dung và nghệ thuật mà còn mang âm hưởng lạc quan của thời đại mới trong thời điểm đất nước được giải phóng sau năm 1954. - Truyện kể về xóm ngụ cư trong nạn đói năm 1945. Anh Tràng là một thanh niên nghèo, làm nghề đẩy xe thuê. Một lần chở lúa lên tỉnh, tình cờ Tràng được một cô gái giúp anh đẩy xe lên dốc. Lần sau gặp lại, Tràng mời cô gái ăn bốn bát bánh đúc rồi rủ về với mình. Cô đã thành vợ Tràng. Tràng dẫn vợ về, cả xóm ngụ cư ngạc nhiên, mẹ Tràng(bà cụ Tứ) ngạc nhiên và cả Tràng cũng ngạc nhiên. Cuộc sống của họ tuy nghèo nhưng rất đầm ấm và luôn hy vọng vào tương lai. Kết thúc truyện là tâm trạng anh Tràng nghĩ về hình ảnh lá cờ và đoàn người đi phá kho thóc của Nhật chia cho người đói. b. Giới thiệu chung về nhân vật bà cụ Tứ: 0.25 Bà cụ Tứ trong tác phẩm hiện lên là một người đàn bà nông dân, hồn hậu và có một cuộc đời thật nhiều thương cảm: <i>nhà nghèo, goá bụa, sống gian khổ, thâm lặng.</i> Bà cụ Tứ lần đầu tiên xuất hiện trong thiên truyện với vài nét đơn giản: chưa thấy người đã thấy tiếng ho, dáng <i>lọng khọng</i>, đôi mắt nhòe nhòe. Nhà văn gọi bà bằng những từ ngữ trân trọng, trìu mến: <i>bà cụ, bà lão, người mẹ nghèo khổ.</i> Cách gọi như vậy thể hiện sự kính trọng bà mẹ, kính trọng tuổi già và kính trọng nỗi khổ đau suốt một đời đã đè nặng lên vai con người. Chính thái độ này của Kim Lân đã khiến nhà văn như nhập thân vào bà cụ Tứ, nhìn sự việc, kể lại theo con mắt và tâm trạng của bà. c. Phân tích hai đoạn văn liên quan đến bà cụ Tứ: 2.5	(4.00)

*** Đoạn 1:**

- Hoàn cảnh xuất hiện: Khi Tràng đưa thị về ra mắt, bà cụ Tứ đã đi hết từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác nhưng chỉ sau một câu nói của Tràng: “*Nhà tôi nó về làm bạn với tôi đây u ạ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau . . . chẳng qua nó cũng là cái số . . .*” thì tâm trạng bà cụ đã thay đổi.

- Phân tích đoạn văn liên quan đến nước mắt của bà cụ Tứ:

+Sau khi hiểu ra là con trai đã có vợ, bà lão không nói gì mà chỉ “***cúi đầu nín lặng***”. Sự ***nín lặng*** đầy nội tâm, đó là tâm trạng ***vừa ai oán, vừa xót thương cho đứa con mình*** vì Tràng lấy vợ trong lúc bần hàn, người mẹ nghèo không biết lấy gì cho con và bà tủi hờn cho mình: ***Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái để mở mặt sau này. Còn mình thì...*** Tâm trạng buồn tủi cho chính mình thì không đủ sức lấy được vợ cho đứa con trai duy nhất của mình để đến nỗi Tràng phải ***nhặt vợ***. Trong nỗi lo âu của bà còn là những day dứt, dằn vặt của người mẹ vì bà đã không làm tròn bổn phận làm mẹ.

+Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt: Bà ghen ngào không nói lên lời và bà đã khóc. Động từ “rỉ” gợi giọt nước mắt ít ỏi, hiếm hoi, quý giá của người mẹ già (gợi nhớ đến câu thơ *Tuổi già hạt lệ như sương/ Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan* trong bài thơ *Khóc Dương Khuê* của Nguyễn Khuyến), vừa thể hiện sự đau đớn, xót xa vừa là sự thương thân, trách phận.

+Rồi bà đã lo lắng: ***Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua cơn đói khát này không***. Sau phút cúi đầu nín lặng với nhiều cảm xúc trái chiều phức tạp, bà cụ đã trở về với thực tại, nhìn vào thực tế đói khổ nghiệt ngã để trong lòng trào lên sự lo lắng, thương xót cho hai đứa con.

- Bình luận:

+Trong cái nín lặng của bà cụ Tứ là sự nén chặt, sự dồn tụ rất nhiều cảm xúc: vừa là niềm hạnh phúc khi thằng con mình có một người bạn đời để sẻ chia buồn vui, vừa là sự xót xa vì việc trọng đại với đứa con trai lại diễn ra chóng vánh, bất ngờ, vừa là sự tủi phận của người mẹ cảm thấy mình đã không làm tròn trách nhiệm, không lo lắng được cho hạnh phúc của con cái.

+Những dòng nước mắt lặng lẽ của bà cụ đã khiến cho tất cả người đọc đều phải lặng đi, xúc động bởi ở đó tình mẫu tử, tình thương con đã được thể hiện sâu sắc.

***Đoạn 2:**

- Hoàn cảnh xuất hiện:

+Khi nói chuyện với vợ Tràng, bà ***đăm đăm*** nhìn thị. Đó là cái nhìn của sự ái ngại, cảm thông. Ánh mắt của bà là ánh mắt của tình thương. Bà đã hiểu rất rõ nguyên nhân ***người ta*** đã lấy con mình.

+Bà đã gọi thị là ***con***, xưng ***u*** một cách tự nhiên, bằng chính tình cảm chân

thành, ầm ập thể hiện sự tôn trọng thị, nói chuyện thân mật với thị ngay trong lần đầu gặp mặt. Câu nói đầu tiên của bà với nàng dâu mới thật chân tình, cảm động: “*Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...*”, đồng thời an ủi hai con bằng triết lí dân gian: Không “ai giàu ba họ, ai khó ba đời”;

+ Rồi tiếp tục *đăm đăm nhìn ra ngoài, trở về với cõi riêng của mình, lòng người mẹ nghèo lại quặn thắt* với những đau đớn, xót xa, tạo thành một trạng thái tâm lý triền miên day dứt: bà nghĩ đến bốn phận chưa tròn, nghĩ đến ông lão, đến con gái út, nghĩ đến nỗi khổ của đời mình, nghĩ đến tương lai của con ...để cuối cùng dồn tụ bao lo lắng, yêu thương...

- Phân tích đoạn văn liên quan đến nước mắt của bà cụ Tứ:

+ *Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy xót thương*: Từ chỗ xót xa cho con trai, bà cũng đồng thời *xót thương* cho cảnh ngộ của người đàn bà xa lạ nay đã trở thành con dâu của mình. Không một lời phản đối hay tra xét, cũng không hề rê rúng hay coi thường người đàn bà đói rách tả tơi theo không con trai mình, bà chỉ nhìn đứa con dâu đang *khép nép* ngại ngùng... lòng đầy thương xót. Ngay trong tâm tư, bà đã mặc nhiên công nhận *nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi*. Sự chấp nhận ấy cho thấy bà đã bỏ qua không chỉ lễ giáo thông thường mà cả gánh nặng sẽ chồng chất thêm của sự đói khát, nỗi ám ảnh ghê gớm của chết chóc để đùm bọc cứu mang một con người khốn khổ, nhất là để vun đắp cho hạnh phúc của con trai.

+ Trong lời *thân mật* khi nói chuyện với con dâu, bà tâm sự rất chân tình: *nhà mình nghèo*. Bà mong sao: *chúng mày hoà thuận là u mừng rồi*. Bà xót xa cho hiện tại phũ phàng: *Năm nay thì đói to đấy*. Bà bộc lộ tình thương con vô hạn: *Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...*

+ *Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng*: Động từ “chảy” kết hợp với từ láy “ròng ròng” cho thấy những giọt nước mắt lo lắng, tủi buồn của một bà mẹ nghèo đã tạo nên sự *xúc động cao độ* của câu chuyện về vẻ đẹp của tình mẫu tử, lớn hơn là tình người.

- Bình luận:

+ *Cái nhìn và lời tâm sự của bà cụ Tứ với người con dâu thể hiện tấm lòng bao dung, nhân hậu và giàu lòng vì tha của một bà mẹ nghèo*;

+ *Những dòng nước mắt tiếp tục chảy của bà cụ đã thể hiện nỗi đau đến tận cùng của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp 1945*. Đó còn là *nước mắt của tình thương, nỗi âu lo cho hiện tại và tương lai của con, làm bừng sáng vẻ đẹp của tình mẫu tử thiêng liêng*.

* Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhà văn Kim Lân đã miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ khá sắc sảo:

- Ông đã thấu hiểu và phân tích được một cách hợp lí những chuyển biến tâm

	trạng phức tạp mà sâu sắc của nhân vật. - Tác giả đã tạo được một tình huống truyện độc đáo để nhân vật bộc lộ những phẩm chất, tính cách; cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn, dựng cảnh sinh động với nhiều chi tiết đặc sắc; đối thoại hấp dẫn, ấn tượng; - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế qua dòng độc thoại nội tâm, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, đậm chất nông thôn và có sự gia công sáng tạo của nhà văn. d. Nhận xét tấm lòng của nhà văn dành cho nhân vật. 0.5 - Kim Lân thể hiện niềm xót thương vô hạn, cảm thông sâu sắc nỗi đau khổ của một bà mẹ nghèo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945; - Nhà văn ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của bà cụ Tứ: là người gần đất xa trời nhưng bà ít nghĩ về mình (có nghĩ thì cũng giấu kín trong lòng); xót xa cho số phận mình, chỉ lo cho hiện tại và tương lai của hai con; - Tác giả đã hoá thân vào nhân vật để hiểu và cảm nhận được tấm lòng nhân hậu của bà mẹ nghèo này. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại, giá trị hiện thực và nhân đạo từ nhân vật bà cụ Tứ qua hai đoạn văn; - Bài học cuộc sống rút ra từ nhân vật.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 17 - LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“...Tôi nhận ra, sau khi đã rời xa quê nhà, chiếc bánh chưng không hẳn chỉ là một món ăn truyền thống, nó đã thành sợi dây gắn bó của chính tôi với quê hương. Nếu còn ở Việt Nam, hẳn tôi và các con tôi sẽ không bao giờ biết thế nào là gói bánh, bởi nếu không có ông bà gói hộ và mang đến cho, chúng tôi cũng có thể dễ dàng mua ở bất cứ đâu. Tôi cũng sẽ không cần lo lắng các con lớn lên mà không hiểu được ý nghĩa ngày Tết là gì. Thế nhưng, tại một nơi cách Việt Nam 16 tiếng đồng hồ bay, việc cả nhà cùng gói mấy chiếc bánh chưng lại khiến tôi nao lòng đến thế.

Tôi đã gần như bật khóc khi cầm thành phẩm hít hà, mùi của lá dong, mùi của nếp, mùi của Tết đây rồi. Bánh dẻo, thơm mùi lá chín, bên trong đậm đà thịt và mỡ quyện vào nhau. Bọn

trẻ vui tươi nhìn mâm cơm có bánh, giò, gà luộc và dưa muối: "Trông giống Tết ở nhà ông bà rồi mẹ nhỉ?"

Hóa ra, những thứ gắn kết tôi với quê hương chính là những điều nhỏ bé như việc tự tay gói chiếc bánh chưng cùng cả nhà đón Tết nơi xứ người. Khi cầm trên tay cái bánh, trái tim xa quê hương của tôi phần nào được chữa lành, được an ủi. Tôi cảm nhận sâu sắc rằng mình thực sự là một người Việt Nam. Và tôi mong rằng, các con của tôi, dù mang quốc tịch nào, sống ở đâu, cũng sẽ luôn nhận rõ mùi vị mà chúng thuộc về".

Ngô Thị Phương Lê

(<https://vnexpress.net/goc-nhin/nho-thuong-mui-tet-3878940.html>)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Khi cầm trên tay cái bánh, trái tim xa quê hương của tôi phần nào được chữa lành, được an ủi.*

Câu 3. Trong văn bản, tại sao nhân vật "tôi" "gần như bật khóc"?

Câu 4. Thông điệp mà anh/ chị tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Nêu rõ lí do chọn thông điệp đó.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về **ý nghĩa phong tục gói bánh chưng mỗi độ Tết đến Xuân về** được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, kết thúc cuộc đối thoại với xác hàng thịt và đối thoại với người thân, nhân vật Trương Ba công nhận: "*Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta a...*" rồi phủ nhận "***Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!***". Khi đối thoại với nhân vật Đế Thích, nhân vật Trương Ba đề nghị được "***chết hẳn***".

(Lưu Quang Vũ - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.148 và tr.152)

Phân tích hình ảnh nhân vật Trương Ba trong hai lần suy nghĩ như trên, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phong cách ngôn ngữ của văn bản: báo chí	0.5

	2	Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: <i>Khi cầm trên tay cái bánh, trái tim xa quê hương của tôi phần nào được chữa lành, được an ủi.</i> -Biện pháp tu từ hoán dụ: <i>Trái tim</i> (chỉ tình cảm của con người) - Tác dụng: + Gợi hình ảnh cụ thể, cảm xúc, liên tưởng gần gũi; + Thể hiện tâm trạng của người con nơi đất khách quê người: nỗi nhớ quê hương, đất nước, hướng về cội nguồn, tự hào mình vẫn là người con của đất Việt ...	1.0
	3	Trong văn bản, nhân vật “tôi ” “gần như bật khóc”. Bởi vì: - Rung rung xúc động khi cầm trên tay chiếc bánh chưng do chính cả nhà cùng gói trong dịp Tết cổ truyền khi đang sinh sống ở nước ngoài; - Tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đã hoà làm một khi nhớ về ngày Tết của dân tộc.	0.5
	4	Học sinh có thể trình bày thông điệp tâm đắc nhất theo ý riêng, không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật, đồng thời có lí giải hợp lí, hợp tình.(<i>Nêu thông điệp: 0.25, lí giải: 0.75</i>) Sau đây là vài gợi ý: -Thông điệp về tình yêu quê hương, đất nước . -Thông điệp về đề cao giá trị văn hoá dân tộc -Thông điệp về ý thức hướng về cội nguồn...	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa phong tục gói bánh chưng mỗi độ Tết đến Xuân về được trích ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (<i>Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc</i>)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về ý nghĩa phong tục gói bánh chưng mỗi độ Tết đến Xuân về.	0.25

	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: - Ý nghĩa về vật chất: Bánh chưng là món ăn dân dã, có từ lâu đời của dân tộc ta; - Ý nghĩa về tinh thần: + Đây là phong tục đẹp của dân tộc Việt Nam cần phải gìn giữ và phát huy. Hương vị của bánh chưng là hương vị của quê hương, là hồn dân tộc; trở thành bản sắc văn hoá Việt Nam; + Đối với người xa xứ, gói bánh chưng trong dịp Tết còn đánh thức tình yêu quê hương, gia đình, đất nước; - Phê phán một bộ phận giới trẻ hiện nay thờ ơ, quay lưng với phong tục, văn hoá dân tộc; - Rút ra bài học nhận thức và hành động: Tuổi trẻ phải hiểu ý nghĩa của phong tục gói bánh chưng trong dịp Tết. Không những học tập, rèn luyện mà còn phải đi sâu tìm hiểu, gìn giữ, phát huy văn hoá cổ truyền của dân tộc...	1.00
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích hình ảnh nhân vật Trương Ba trong hai lần suy nghĩ ..., từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hình ảnh nhân vật Trương Ba trong hai lần suy nghĩ ..., từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích: Lưu Quang Vũ là nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại. <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> là tác phẩm tiêu biểu của Lưu Quang Vũ. Xuất phát từ cốt truyện dân gian, tác giả đã viết thành vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc. - Nêu vấn đề cần nghị luận: Bằng trái tim nhạy cảm của một thi sĩ, bằng trí tuệ sắc sảo của một triết gia, Lưu Quang Vũ qua đoạn trích vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt” đã làm nổi bật được một triết lí nhân sinh rất giàu ý nghĩa nhân bản “không	(4.00)

thể bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”. Và trong tác phẩm, tác giả đã cho ta thấy sự thay đổi của nhân vật Trương Ba khi công nhận “Mày đã thắng thế rồi đấy”, sau đó phủ nhận... rồi xin Đế Thích để được giải thoát “chết hẳn”.

3.2. Thân bài: 3.50

a. Khái quát sơ lược về tác phẩm: 0.25 đ

- Vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*: Viết năm 1981 nhưng đến năm 1984 mới được công chiếu. Đó là thời điểm đất nước có nhiều chuyển biến, sự đổi mới của thực tiễn đòi hỏi văn học nghệ thuật phải *lột xác*, thay đổi cách tiếp cận đời sống, con người và cách thể hiện trong tác phẩm. Từ một câu chuyện cổ dân gian, nhà văn Lưu Quang Vũ đã sáng tạo thành vở kịch nói hiện đại và qua đó gửi gắm nhiều tư tưởng, triết lí nhân sinh sâu sắc.

- Tuy khai thác đề tài từ cốt truyện dân gian, nhưng trong vở kịch này Lưu Quang Vũ có một sự sáng tạo rất độc đáo: trong truyện dân gian thì khi Hồn Trương Ba được tiên Đế Thích cho nhập vào xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba vẫn sống bình thản, còn trong vở kịch này thì Hồn Trương Ba sống quay quắt, luôn có những xung đột nội tâm rất căng thẳng. Hồn Trương Ba đã phải trải qua những cuộc đấu tranh gay gắt với chính thể xác mà mình trú ngụ - thể xác đầy ham muốn bản năng của anh hàng thịt. Và Lưu Quang Vũ đã đẩy kịch tính lên tới điểm đỉnh là khi Hồn Trương Ba sắp ngã vào tay chị vợ anh hàng thịt, suýt chút nữa sự thanh sạch của Hồn Trương Ba bị thân xác lấn át, cộng với sự xa lánh của những người thân trong gia đình khiến Hồn Trương Ba càng đau đớn, xót xa. Để gỡ nút thắt của tình huống kịch này, Lưu Quang Vũ đã để cho Hồn Trương Ba đi đến một quyết định dứt khoát là không thể kéo dài mãi cuộc sống như thế nữa...

b. Cảm nhận nhân vật Trương Ba khi kết thúc cuộc đối thoại với xác hàng thịt và đối thoại với người thân và lời đề nghị khi đối thoại với nhân vật Đế Thích. 2.25

- Nhân vật Trương Ba công nhận: “*Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta a...*”

+ Từ ngày phải sống trong xác hàng thịt, Hồn Trương Ba hoàn toàn thay đổi. Tuy có căm ghét gọi xác bằng “mày” nhưng qua cuộc đối thoại với Xác, càng về sau Hồn càng đuối lí, cuối cùng rơi vào tuyệt vọng, kêu “Trời”. Tuy cho rằng lời lẽ của xác là “tì tiện” nhưng kết thúc đối thoại, Hồn đành công nhận sự “thắng thế” của xác.

+ Khi đứng cạnh vợ hàng thịt, Hồn cảm thấy “*tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại*”. Đó là ham muốn nhục dục thấp hèn. Là sự “thắng thế” của phần “con” đối với phần “người”;

+ Sự “thắng thế” của Xác khi biến Hồn thành kẻ thèm ăn tục uống. Xác đã kể ra Hồn đã ăn “*món tiết canh, cổ hũ, khẩu đười*”. Xác đã đưa ra một lý lẽ quan trọng mà

hồn không thể chối cãi được: “Mỗi bữa tôi đòi ăn 8 - 9 bát cơm, tôi thêm ăn thịt, hỏi có gì là tội lỗi nào? Lỗi là ở chỗ không có đủ 8- 9 bát cơm cho tôi ăn chứ! ”;

+Sự “thắng thế” của Xác khi biến Hồn thành kẻ bạo lực, thô lỗ. Nhờ có xác tiếp thêm sức mạnh mà Hồn đã tát thẳng con “ *tóe máu mồm máu mũi*”. Cái Gái đã chỉ ra sự thô bạo của ông nội hiện tại khi ông “ *làm gãy tiệt cái chồi non*” trên mảnh vườn người ông yêu quý của nó. Nó còn kể tội ông khi ông làm rách cái điều của cu Tị.

+Sự “thắng thế” của Xác làm cho người thân của Hồn bị liên lụy, đành phải từ chối, rơi vào đau khổ. Vợ bỏ đi, cháu nội phản ứng dữ dội, con dâu có thương cảm nhưng đành bất lực, con trai đi vào chôn tẩm tối. Tất cả mọi thứ xung quanh ông đang dần biến mất, đành phải thối thía nỗi đau dần vật...

- Nhân vật Trương Ba phủ nhận “***Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!***”:

+Với bản chất người nông dân hiền lành, nhân hậu đầy tình yêu thương vợ con, Trương Ba chỉ có thể kìm nén và chịu đựng nỗi đau của bản thân chứ không thể chấp nhận nhìn người thân đau đớn, khổ sở vì sự thay đổi của ông.

+ Những lời đối thoại của người vợ, đứa cháu gái và cô con dâu thực sự là một chất xúc tác vô cùng mạnh mẽ để từ trạng thái phân vân, đắn đo lựa chọn, Trương Ba đã đi đến quyết định dứt khoát là từ bỏ sự sống của bản thân để chấm dứt toàn bộ đau khổ cho người thân.

+Cùng một loạt những phủ định từ: “*không cần đến cái đời sống do mày mang lại! không cần!*” đã thể hiện thái độ cương quyết, mạnh mẽ đã phải trải một thế giới nội tâm đầy bão tố với tất cả những cố gắng để giành giật lại phần *người* từ đôi bàn tay của con quỷ bản năng. Sau lời độc thoại này, Trương Ba đã dũng cảm từ bỏ sự sống của bản thân để giải quyết bi kịch cho mình và những người xung quanh. Quyết định đó đã khiến cho mâu thuẫn kịch được giải quyết, đồng thời sẽ khiến cho số phận nhân vật đạt đến cái hữu hạn, nhưng sẽ là cái hữu hạn trong sạch, cao cả, tốt đẹp.

- Khi đối thoại với nhân vật Đế Thích, nhân vật Trương Ba đề nghị được “***chết hẳn***” .

+Thái độ cư xử của người thân trong gia đình (với người vợ, với cái Gái, với chị con dâu) càng khiến ông tuyệt vọng. Hồn Trương Ba đã chiêm hương gọi Đế Thích, hai bên đang đối thoại, thì cu Tị nhà hàng xóm chết.

+Đế Thích gợi ý để hồn rời xác anh hàng thịt sang xác cu Tị. Nhưng hồn Trương Ba, sau một “quãng đời” vô cùng thối thía đã qua, hình dung ra những “nghịch cảnh” khác khi phải sống trong thân xác một đứa bé đã quyết định xin cho cu Tị được sống và mình được *chết hẳn*.

+Theo Đế Thích thì ông với anh hàng thịt là hai người xa lạ, còn ông với cu Tị đã từng “*quần quýt mền nhau*”, “*ông sống trong thân thể thằng bé chắc sẽ ổn...*”. Sau khi

suy nghĩ một lát, Trương Ba nhận thấy: ông già gần 60, cu Tị thì còn chưa bắt đầu cuộc đời, còn đang tuổi ăn tuổi lớn; rồi ông sẽ giải thích sao với chị Lua rằng ông không phải là con chị ấy; rồi vợ con ông sẽ nghĩ ngợi ra sao khi chồng mình, bố mình mang thân một thằng bé lên 10; rồi cái Gái cháu ông sẽ nghĩ thế nào; rồi còn hàng xóm, lí trưởng, trương tuần....

+Cái chết của cu Tị khiến cho những dằn vặt, day dứt trong ông bị dồn nén vào thế phải quyết định càng nhanh càng tốt trong tình trạng bị kịch. Cái chết của cu Tị đẩy nhanh hơn diễn biến của hành động kịch, buộc ông phải lựa chọn: một là nhập vào xác cu Tị ngay khi vừa chết, hai là ông để hồn cu Tị có chỗ trở lại nhập xác.

+Không thể làm theo lời đề nghị của Đế Thích vì ông “*lường trước bao sự không ổn*”; ông không tham lam cuộc sống khi biết rằng tiếp tục vẫn là bi kịch. Trái tim nhân hậu của ông đã cầu xin mong mỏi Đế Thích “*Ông hãy cứu nó*”; hãy gọi hồn cu Tị nhập vào xác của nó và ông chọn cái chết để trả lại thân xác cho anh hàng thịt.

+Ông mong muốn: “*Tôi không muốn nhập vào hình thù ai nữa! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn!*”, để không còn sự tồn tại của “con vật quái gở” mang tên “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”. Bi kịch tâm hồn ông đã được giải quyết.

- Nghệ thuật thể hiện:

+Nghệ thuật: ngôn ngữ kịch giản dị, có sức khái quát cao, thể hiện rõ xung đột kịch và tính cách nhân vật.

+ Mâu thuẫn được giải quyết: Trương Ba không chấp nhận sống chung với sự tầm thường giả dối của người khác, ông muốn được sống thuận theo lẽ tự nhiên: trọn vẹn là mình, hòa hợp linh hồn thể xác.

+Tài năng soạn kịch của Lưu Quang Vũ: từ một tình huống trong truyện cổ dân gian, nhà văn đã sử dụng sáng tạo thành xung đột kịch gay gắt căng thẳng.

c. Nhận xét về sự thay đổi của nhân vật Hồn trương Ba. 0.75đ

- Lời đối thoại (thực chất là độc thoại) của nhân vật Trương Ba với Xác hàng thịt :*“Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta a...” có thể cảm nhận rõ sự yếu ớt đến tội nghiệp của hồn. Hồn lại phải đi xuống một nấc thang trong việc nhượng bộ, chấp nhận những gì xác nói, để rồi đi đến chỗ thất thế và tuyệt vọng hoàn toàn;*

- Nhưng tiếp sau đó, nhân vật Hồn Trương Ba phủ nhận “*Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!*” thể hiện sự quyết liệt, thẳng thừng trong cuộc đấu tranh để giữ vững nhân cách của một con người. *Sau lời độc thoại này, Trương Ba đã dùng cảm từ bỏ sự sống của bản thân để giải quyết bi kịch cho mình và những người xung quanh.*

- Cuối cùng, trong lần đối thoại với Đế Thích, Hồn Trương Ba xin được *chết thật* nhằm giải thoát nghịch cảnh éo le. Như vậy, sự thay đổi của nhân vật Trương Ba là đi từ sự tuyệt vọng khi cay đắng thừa nhận thất bại của linh hồn trước sự đồng hoá của

	thân xác đến sự phản kháng bùng bình và cuối cùng là lời khẳng định kiên cường. - Thông điệp: con người luôn phải có sự thống nhất hài hoà giữa hồn và xác, giữa bản chất và biểu hiện, giữa bên trong và bên ngoài. Không thể có một tâm hồn thanh quý trong một thân xác thô phàm. Khi con người bị chi phối bởi những ham muốn tầm thường, bản năng của thân xác thì không thể chỉ đổ tội cho thân xác, không thể tự vỗ về, an ủi mình bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn với sự nguy biệ: cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong. Quyết định của Trương Ba cho thấy ông là con người nhân hậu, trung thực và giàu lòng tự trọng, là con người yêu cuộc sống nhưng cũng ý thức sâu sắc được ý nghĩa của cuộc sống đích thực. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của quan niệm về lẽ sống và cái chết qua đối thoại; - Nêu bài học cuộc sống: Sống là chính mình, sống vị tha, cao thượng, biết đấu tranh để giữ vững nhân cách...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ 18 - LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Cả 2 quốc gia Mỹ và Triều Tiên() đều thống nhất chọn Hà Nội - “Thành phố vì Hòa bình” làm nơi có thể ngồi lại với nhau quả là không dễ dàng nhưng hóa ra cũng khá hợp lý với rất nhiều lý do thú vị của nó. Việt Nam có nhiều nét tương đồng với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên về thể chế chính trị, cả hai nước đều đã trải qua chiến tranh, chết chóc đến cả triệu người; thấu hiểu việc đất nước bị ngăn cách, ly biệt sẽ thế nào... Trong khi đối với Mỹ, từ chỗ là kẻ thù của nhau, Việt Nam đã tạm gác lại quá khứ với Mỹ để hướng tới tương lai. Và nay, 2 nước đã trở thành đối tác toàn diện với nhiều tiềm năng để gắn kết với nhau vì lợi ích dân tộc mình. Việt Nam đã làm một cuộc Đổi mới từ trên 30 năm trước, nay bước đầu đã cho thấy sự thành công đáng khích lệ về nhiều mặt.*

Tinh thần hiếu khách của nước chủ nhà vốn là đặc tính của người Việt ta. Chúng ta lại tự thấy việc được 2 nước tin tưởng uỷ thác để làm một việc hệ trọng, đó chính là một vinh dự cho Việt Nam. Qua đó có thể giúp đem hình ảnh Việt Nam thân thiện đến với thế giới thông qua chuyện tổ chức hội nghị thượng đỉnh. Đó chính là điều rất cần làm.

(*)Tổng thống Mỹ Donald Trump và Chủ tịch Triều Tiên Kim Jong-un đã tiến hành họp thượng đỉnh lần hai tại Hà Nội từ ngày 27 và 28-2-2019

(Nguồn <http://kinhthedothei.vn/ha-noi-cay-cau-cua-hoa-binh-the-gioi-337139.html>)

Câu 1/ Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2/ Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Việt Nam có nhiều nét tương đồng với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên về thể chế chính trị, cả hai nước đều đã trải qua chiến tranh, chết chóc đến cả triệu người; thấu hiểu việc đất nước bị ngăn cách, ly biệt sẽ thế nào...*

Câu 3/ Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: *Trong khi đối với Mỹ, từ chỗ là kẻ thù của nhau, Việt Nam đã tạm gác lại quá khứ với Mỹ để hướng tới tương lai.*

Câu 4/ Anh/ chị có đồng tình hay không với nhận định: *Tinh thần hiếu khách của nước chủ nhà vốn là đặc tính của người Việt ta?* Nêu lí do?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày *suy nghĩ ý nghĩa cuộc sống hoà bình đối với mọi người.*

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích quan niệm về sự sống và cái chết trong cuộc đối thoại giữa nhân vật Trương Ba và Đế Thích (kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Lưu Quang Vũ). Từ đó, nhận xét ý nghĩa nhân văn gửi gắm qua đoạn đối thoại trên.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận	0.5
	2	Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: <i>Việt Nam có nhiều nét tương đồng với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên về thể chế chính trị, cả hai nước đều đã trải qua chiến tranh, chết chóc đến cả triệu người; thấu hiểu việc đất nước bị ngăn cách, ly biệt sẽ thế nào...</i> -Biện pháp tu từ: liệt kê (<i>thể chế chính trị, trải qua chiến tranh, chết chóc; ngăn cách, ly biệt...</i>) -Tác dụng: Tạo nhịp điệu cho câu văn, qua đó chỉ ra những điểm giống nhau trong lịch sử của 2 nước Triều Tiên và Việt Nam.	1.0
	3	Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: <i>Trong khi đối với Mỹ, từ chỗ là kẻ thù của</i>	0.5

		<i>nhau, Việt Nam đã tạm gác lại quá khứ với Mỹ để hướng tới tương lai.</i> Việt Nam và Mĩ là hai nước đã từng xảy ra chiến tranh với nhau và giờ đây vì tương lai của Việt Nam, vì sự phát triển của dân tộc nên chúng ta đã tạm gác quá khứ qua một bên để hòa nhập, chung tay tạo nên một Việt Nam phát triển sánh vai với cường quốc năm châu.	
	4	HS có thể trả lời đồng tình/ không đồng tình/đồng tình một phần tùy theo suy nghĩ nhưng cần có lý giải phù hợp, sau đây là gợi ý: - Đồng tình: Vì nhân dân Việt Nam ta là những người vốn coi trọng tình nghĩa và có tính hiếu khách. Họ luôn quý mến, thân thiện và kính trọng những vị khách và xem đó như là người thân trong gia đình mình. Tính hiếu khách ấy đã làm cho bạn bè khắp mọi nơi trên thế giới đều quý mến và giành nhiều tình cảm cho người dân Việt Nam. Đó là điều quý giá mà chúng ta xây dựng để cho Việt Nam ngày trở nên thân thiện hơn với bạn bè thế giới. - Không đồng tình: Có lập luận, lí giải riêng, phù hợp. - Đồng tình một phần: dung hòa hai ý trên.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa cuộc sống hoà bình đối với mọi người.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về ý nghĩa cuộc sống hoà bình đối với mọi người.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy ý từ văn bản ở phần Đọc hiểu); nêu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa cuộc sống hoà bình đối với mọi người. c.2. Các câu phát triển đoạn: * Giải thích: - Hòa bình là gì? Hòa bình là trạng thái bình yên, là tự do, bình đẳng, không có những cuộc bạo lực chiến tranh hay xung đột...từ đó con người được sống trong hạnh phúc, hòa bình, yên ả. * Bàn luận - Nêu ý nghĩa:	1.00

	+ Về thế giới: ++Thế giới sống trong hòa bình sẽ thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội và nhân văn. ++Khi mà mỗi đất nước đều yên ổn để có thể phát triển mọi mặt thì đất nước ấy sẽ không gây hại, xâm lấn đến những đất nước khác, từ đó tạo nên nền hòa bình trên thế giới, các quốc gia đều hợp tác với nhau. ++Khi thế giới không có hòa bình: loài người bước đến bên bờ vực của sự chết chóc; nhân dân sẽ không thể an cư lạc nghiệp, phát triển kinh tế- xã hội. Từ đó dẫn đến đất nước sẽ không thể phát triển. + Về cá nhân: ++Sống trong hòa bình, con người sẽ có cuộc sống hạnh phúc yên ổn... ++ Tạo ra mối quan hệ tốt đẹp với mọi người xung quanh. - Dẫn chứng những người đã tham gia tích cực việc bảo vệ nền hòa bình trên thế giới: +Kailash Satyarthi – nhà vận động chống nạn bóc lột trẻ em ở Ấn Độ; + Malala Yousafzai – cô bé 17 tuổi dám đối đầu với Taliban để giành lại bình yên cho vùng thung lũng Swat, Pakistan’ +Tổng thống Mexico với nỗ lực không ngừng nghỉ trong công cuộc hòa giải dân tộc,... - Phê phán: Lên án những hành vi làm tổn hại đến sự hòa bình của thế giới ... c.3. Câu kết đoạn: Nêu những bài học thiết thực cho bản thân (góp phần tuyên truyền về giá trị của cuộc sống hoà bình; lên án, ngăn chặn những hành vi phá hoại hoà bình của các thế lực thù địch...).	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích quan niệm về sự sống và cái chết trong cuộc đối thoại giữa nhân vật Trương Ba và Đế Thích (kịch <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i>, Lưu Quang Vũ). Từ đó, nhận xét ý nghĩa nhân văn gửi gắm qua đoạn đối thoại trên.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: quan niệm về sự sống và cái chết trong cuộc đối thoại giữa nhân vật Trương Ba và Đế Thích (kịch <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i>, Lưu Quang Vũ). Nhận xét ý nghĩa nhân văn gửi gắm qua đoạn đối thoại.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả Lưu Quang Vũ và kịch <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i>, nêu vấn đề chính: quan niệm về sự sống và cái chết trong cuộc đối thoại giữa nhân vật Trương Ba	(4.00)

và Đế Thích

- Nêu ý phụ: ý nghĩa nhân văn gửi gắm qua đoạn đối thoại.

3.2. Thân bài: 3.50

a. Khái quát sơ lược về tác phẩm cần cảm nhận: 0.25 đ

- Vở kịch được Lưu Quang Vũ viết vào năm 1981, được công diễn vào năm 1984.

- Đoạn trích là phần lớn cảnh VII. Đây cũng là đoạn kết của vở kịch, đúng vào lúc xung đột trung tâm của vở kịch lên đến đỉnh điểm. Sau mấy tháng sống trong tình trạng *"bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo"*, nhân vật Hồn Trương Ba ngày càng trở nên xa lạ với bạn bè, người thân trong gia đình và tự chán ghét chính mình, muốn thoát ra khỏi nghịch cảnh trở trêu. Vì thế, Trương Ba đã xin gặp Đế Thích để bày tỏ ước nguyện sau cùng của mình...

b. Cảm nhận quan niệm về sự sống và cái chết trong cuộc đối thoại giữa nhân vật Trương Ba và Đế Thích 2.25

b.1. Quan niệm sống bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo hay sống là mình toàn vẹn:

+ Hồn Trương Ba: quan niệm:

- *"Không thể bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn"*

• Hồn và Xác luôn thống nhất hài hòa trong một con người. Không thể có linh hồn thanh khiết trong một thể xác dung tục, tội lỗi;

• Khi con người bị vấy bẩn bởi những dục vọng bản năng thì đừng chỉ đổ lỗi cho xác thân, tự vỗ về, nguỵ biện bằng linh hồn cao khiết siêu hình.

- *"Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đảng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt"*: quan niệm: Cuộc sống thật đáng quý nhưng sống nhờ, sống gửi, ... thì thật vô nghĩa.

+ Đế Thích:

- Khẳng định một hiện thực không phân biệt trần gian hay thượng giới: không ai được toàn vẹn cả;

- Không hiểu được những suy nghĩ của Trương Ba *"con người trần giới các ông thật kì lạ"*.

+ Bình luận: Lời thoại của Hồn Trương Ba đã cho ta thấy rõ quan điểm, triết lí về nhân sinh của Lưu Quang Vũ. Tác giả cho rằng: cuộc sống của con người là một thể thống nhất giữa hồn và xác. Hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi.

b.2. Quan niệm "Sống bằng mọi giá" hay "không thể sống bằng mọi giá"

+ Đế Thích: *Ông phải sống, dù bất cứ giá nào...:* có quan niệm sống bất chấp tất cả, dù mắc nhiều sai lầm;

+ Hồn Trương Ba: *Không thể sống với bất cứ giá nào được. . Có những cái giá đắt quá, không thể trả được...*: Hồn Trương Ba đã nhận ra cái linh hồn thanh cao, thuần khiết trong sạch của mình đã bị đầu độc nên người thân đã từ chối, quay lưng.

+ Đế Thích: *Nhờ ông đánh cờ với tôi, người trên trời, dưới đất mới biết tôi cao cờ như thế nào!*: sống vì chữ danh của mình

+ Hồn Trương Ba: *Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ...*: không muốn người thân đau khổ vì mình.

+ Đế Thích: *Ông chính là lẽ tồn tại của tôi*: Sự tồn tại của mỗi người phụ thuộc vào người khác

+ Hồn Trương Ba: *Nếu còn tiếp tục sống, tôi cũng chẳng thích đánh cờ với ông nữa! Đánh cờ với ông chán lắm! Không có gì chán bằng đánh cờ với tiên!*: Sự tồn tại của mỗi người phụ thuộc vào chính mình.

b.3. Quan niệm sống vì mình hay sống vì người khác

- Đế Thích: sống vì mình, ích kỉ tầm thường. Đế Thích định tiếp tục sửa sai bằng giải pháp ít tệ hại hơn là cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị.

- Hồn Trương Ba: sống vì người khác, cao thượng, vị tha.

+ Trương Ba kiên quyết chối từ, không chấp nhận cảnh sống giả tạo, cuộc sống mà “*khổ hơn là cái chết*”, chỉ có lợi cho đám chức sắc.

+ Trương Ba xin trả lại Xác hàng thịt; kêu gọi Đế Thích hãy sửa sai bằng một việc làm đúng, đó là cho cu Tị được sống lại, còn mình được *chết hẳn* chứ không nhập hồn vào thân thể ai nữa.

- Lời của Trương Ba dày đặc, không còn cái ngập ngừng, yếu thế như trong đối thoại với Xác, mà tự tin, chủ động bày tỏ.

b.4. Nghệ thuật thể hiện:

- Xây dựng và triển khai xung đột kịch khéo léo, cùng một lúc đề cập đến nhiều vấn đề xã hội.

- Hành động kịch tập trung, lô gích, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa hành động bên trong và bên ngoài. Ngôn ngữ kịch đa thanh, có tính triết lí sâu sắc.

- Ngôn ngữ lời thoại trong đoạn trích rất đặc trưng cho ngôn ngữ kịch: vừa chứa đựng mâu thuẫn vừa mang tính hành động, thúc đẩy tình huống truyện phát triển; vừa gián tiếp mang chức năng trần thuật vừa thể hiện quan điểm đánh giá của tác giả.

c. Nhận xét về ý nghĩa nhân văn mà tác giả gửi gắm:

- Qua quan niệm khác nhau giữa Trương Ba và Đế Thích trong “ Hồn Trương Ba da hàng thịt ”, tác giả Lưu Quang Vũ đã cho chúng ta thấy được con người chỉ thực sự hạnh phúc khi được sống là chính mình, được hoà hợp xác và hồn, trong và ngoài, nội dung và hình thức trong một thể thống nhất toàn vẹn chứ không phải là cuộc sống chấp

	vá, bắt nhất: “<i>bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo</i>”. - Con người tồn tại gồm phần <i>con</i> và phần <i>người</i>. Phần <i>con</i> thuộc về bản năng. Phần <i>người</i> thuộc về nhân cách, sự cao thượng đẹp đẽ của tâm hồn. Tác giả Lưu Quang Vũ nhấn mạnh không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục. - Muốn sống đúng là chính mình thì mỗi chúng ta cần phải biết hài hoà giữa việc chăm lo cho linh hồn cũng như biết quý trọng và chăm sóc cho những nhu cầu thiết yếu của thể xác. Thông qua đó, Lưu Quang Vũ cũng góp phần phê phán hai hạng người: một loại chỉ biết trau chuốt vẻ ngoài và chạy theo những ham muốn vật chất mà không chăm lo cho đời sống tâm hồn. Loại khác thì luôn coi thường những giá trị vật chất, bỏ bê sự chăm sóc bản thân, chỉ khư khư giữ cho linh hồn được cao đẹp. Lưu Quang Vũ nêu cao tư tưởng phải sống là chính mình, đó mới chính là hạnh phúc thật sự của con người. Bởi vậy trong cuộc sống, chúng ta phải biết đấu tranh với sự dung tục tầm thường và chiến thắng nghịch cảnh để hoàn thiện nhân cách của bản thân. Có như vậy, chúng ta mới được là mình – được là chính mình toàn vẹn. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của vở kịch qua đoạn đối thoại; - Nêu bài học liên hệ: tuổi trẻ cần có quan niệm sống đúng đắn: sống là chính mình, sống có trách nhiệm, sống vị tha, cao thượng...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	(0,25)

ĐỀ SỐ 19- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Muốn con hạnh phúc, bố mẹ hãy tránh sang một bên!”

Neil deGrasse Tyson, một nhà Vật lý thiên văn, vũ trụ học nổi tiếng người Mỹ cho rằng, cha mẹ hiện đại đang kiểm soát mọi thứ và "điều khiển" con cái lớn lên theo quỹ đạo mà họ kỳ vọng.

Ông cũng chính là người đã tuyên bố: "Tôi nghĩ rằng điều tốt nhất cha mẹ có thể làm khi nuôi dạy con cái mình, đơn giản là tránh sang một bên trên hành trình lớn lên của chúng".

Trong một bài nói chuyện, Neil deGrasse Tyson khẳng định, sự tò mò và hăng say khám phá những điều mới mẻ chính là chìa khóa để ươm mầm cho một nhà khoa học tương lai. Tuy nhiên, cha mẹ luôn tỏ ra cáu gắt khi trẻ muốn tìm kiếm hay khám phá một điều gì mới.

Trẻ em là những nhà khoa học bẩm sinh. Lúc nào lũ trẻ cũng lật những hòn đá lên, bứt cánh mấy bông hoa. Chúng làm những việc mà chúng ta thường nhìn là “phá hoại”. Nhưng đó là một kiểu khám phá.

Nếu tách rời mọi thứ ra, bạn có thể biết cách lắp lại như cũ. Đó là việc những đứa trẻ hay làm. Một nhà khoa học trưởng thành đều là một đứa trẻ không bao giờ lớn lên. Đó là việc một nhà khoa học trưởng thành làm.

Ở nhà, bọn trẻ mở tủ lạnh lấy một quả trứng tung hứng lên xuống. Việc đầu tiên các bậc phụ huynh làm là gì?

“Đừng có nghịch trứng! Vỡ bây giờ. Cất lại ngay!”.

Thật ra, đây là một thí nghiệm về sức bền vật liệu.

Hãy để trẻ tự khám phá ra rằng khi trứng rơi, nó sẽ vỡ. Đây là một thí nghiệm vật lý. Và nó cũng có thể trở thành thí nghiệm sinh học rất nhanh.

Khi đó lòng trắng và lòng đỏ sẽ chảy ra. Bạn nói với trẻ: “Này con. Lòng trắng và đỏ sẽ biến thành con gà đấy!”.

“Mà sao lòng đỏ này lại biến thành con gà được nhỉ?”.

“Chà, sinh học đấy! Tìm hiểu thử xem”.

Và quả trứng giá bao nhiêu tiền? Nó không đáng kể nhưng đổi lại trẻ được trải nghiệm và tư duy.

Chủ tịch Trường Đại học Havard từng nói: “Nếu bạn nghĩ giáo dục đắt đỏ, cứ thử trả giá cho sự ngu dốt xem!”. Chúng ta không có đủ những ông bố, bà mẹ hiểu được hoặc biết cách trân trọng bản tính hiếu kì của con cái họ vì họ muốn duy trì trật tự trong nhà.

Khi những đứa trẻ vào bếp, bày bừa hết nồi niêu xoong chảo ra và gõ loảng xoảng, các vị phụ huynh sẽ nói gì đầu tiên? “Đừng có làm ồn nữa!Ồn ào quá! Con làm bẩn hết nồi niêu rồi!”.

Bạn vừa phá hỏng một thí nghiệm về âm thanh đấy! Vì vậy tôi không lo lắng cho trẻ em.

Mọi người thường hỏi: “Tôi phải làm gì để con tôi yêu khoa học đây?”. Thật ra, trẻ con đã yêu khoa học sẵn rồi. Vấn đề là ở chính các vị phụ huynh.

Thúy Nga (Theo Goalcast)

(<https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/goc-phu-huynh/muon-con-hanh-phuc-bo-me-dung-lam-gi-ca>) (27/02/2019)

Câu 1/ Để chứng minh *Trẻ em là những nhà khoa học bẩm sinh*, tác giả đưa ra những dẫn chứng nào?

Câu 2/ Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *sự tò mò và hăng say khám phá những điều mới mẻ chính là chìa khóa để ươm mầm cho một nhà khoa học tương lai.*

Câu 3/ Người viết khẳng định: *vấn đề là ở chính các vị phụ huynh*. Vậy *vấn đề chính* ở đây là gì?

Câu 4/ Anh/ chị có đồng tình với *tuyên bố*: "*Tôi nghĩ rằng điều tốt nhất cha mẹ có thể làm khi nuôi dạy con cái mình, đơn giản là tránh sang một bên trên hành trình lớn lên của chúng*" không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ***những biện pháp trong giáo dục con cái của bố mẹ để có gia đình hạnh phúc***.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong bài thơ *Việt Bắc*, nhà thơ Tố Hữu đã tái hiện những tháng ngày kháng chiến gian khổ:

*Mình đi có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù
Mình về có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối mối thù nặng vai*

và tái hiện không khí ra trận của quân dân Việt Bắc:

*Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay*

(Việt Bắc, SGK Ngữ văn 12, tập một, trang 110, 112)

Anh (chị) hãy phân tích bức tranh Việt Bắc trong hai đoạn thơ trên, từ đó làm nổi bật sự vận động của cảm xúc thơ Tố Hữu.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ

I		Đọc hiểu	3.0
1		Để chứng minh <i>Trẻ em là những nhà khoa học bẩm sinh</i> , tác giả đưa ra những dẫn chứng: - Lúc nào lũ trẻ cũng lật những hòn đá lên, bứt cánh mấy bông hoa . -“Ở nhà, các bạn trẻ mở tủ lạnh lấy một quả trứng tung hứng lên xuống việc đầu tiên các bậc phụ huynh làm là gì ? “ Đừng có nghịch trứng ! vỡ bây giờ . Cất lại ngay !”	0.5

		Thật ra đây chỉ là 1 thí nghiệm về sức bền vật liệu -Khi đó lòng trắng và lòng đỏ sẽ chảy ra. Bạn nói với bọn trẻ “ Đây con. Lòng trắng và lòng đỏ sẽ biến thành con gà đây !” -Khi những đứa trẻ vào bếp, bày bữa hết nồi niêu xoong chảo ra mà gõ loang xoảng.	
	2	Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: <i>sự tò mò và hăng say khám phá những điều mới mẻ chính là chìa khóa để ươm mầm cho một nhà khoa học tương lai.</i> -Biện pháp tu từ: so sánh “<i>sự tò mò và hăng say khám phá những điều mới mẻ</i>” với “<i>chìa khóa để ươm mầm</i>”; -Tác dụng: làm tăng sức gợi hình cho câu văn, đồng thời thể hiện rõ tầm quan trọng để đạt đến sự thành công trong tương lai chính là sự tò mò và hăng say khám phá những điều mới mẻ	1.0
	3	Người viết khẳng định: <i>vấn đề là ở chính các vị phụ huynh.</i> Vậy <i>vấn đề</i> chính ở đây là gì? Vấn đề chính ở đây là các phụ huynh phải <i>hiểu được hoặc biết cách trân trọng bản tính hiếu kì của con cái họ.</i>	0.5
	4	Anh/ chị có đồng tình với <i>tuyên bố: "Tôi nghĩ rằng điều tốt nhất cha mẹ có thể làm khi nuôi dạy con cái mình, đơn giản là tránh sang một bên trên hành trình lớn lên của chúng"</i> không? Vì sao? HS có thể trả lời đồng tình/ không đồng tình/đồng tình một phần tùy theo suy nghĩ nhưng cần có lý giải phù hợp, sau đây là gợi ý: - HS có thể trả lời đồng tình/ không đồng tình/đồng tình một phần tùy theo suy nghĩ nhưng cần có lý giải phù hợp, sau đây là gợi ý: - Đồng tình: Em đồng tình với tuyên bố : “Tôi nghĩ rằng điều tốt nhất cha mẹ có thể làm khi nuôi dạy con cái mình, đơn giản là tránh sang một bên trên hành trình lớn lên của chúng”, vì theo em nếu cha mẹ luôn bên cạnh và chỉ định cho những hướng đi theo ý của mình thì con cái sẽ không thể tự thành công trong cuộc sống, luôn dựa dẫm, phụ thuộc vào bố mẹ và không có ý chí vươn lên. - Không đồng tình: Có lập luận, lí giải riêng, phù hợp. - Đồng tình một phần: dung hòa hai ý trên.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ <i>những biện pháp trong giáo dục con cái của bố mẹ để có gia đình hạnh phúc.</i>	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát	0.25

	triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc) b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về <i>những biện pháp trong giáo dục con cái của bố mẹ để có gia đình hạnh phúc.</i>	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy cảm hứng từ văn bản ở phần Đọc hiểu); nêu vấn đề cần nghị luận: <i>những biện pháp trong giáo dục con cái của bố mẹ để có gia đình hạnh phúc.</i> c.2. Các câu phát triển đoạn: - Để con cái trở thành một người có nhân cách tốt thì việc giáo dục đóng vai trò chủ đạo. Giáo dục con cái không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động, bằng những công việc cụ thể. Mọi hành vi, thái độ, lối sống của người lớn có tác động trực tiếp tới việc hình thành, phát triển nhân cách của trẻ. - Những bậc cha mẹ phải quan tâm nhiều tới con cái, chú trọng đến việc giáo dục hình thành nhân cách cho trẻ, dạy con phải biết nghe lời ông bà, cha mẹ; không được nói dối người lớn, phải thật thà và biết xin lỗi, nhìn nhận khuyết điểm, biết cảm ơn khi được cho quà,... - Cha mẹ cần yêu thương, gần gũi với con cái để nắm bắt được tâm tư, tình cảm của trẻ. Các bậc cha mẹ cần thường xuyên giáo dục con trẻ thái độ, cử chỉ, ăn nói lễ phép, kính trên nhường dưới, tôn sư trọng đạo để khi trưởng thành con cái biết ơn sinh thành, nuôi dưỡng, chăm sóc ông bà, cha mẹ. - Cha mẹ cũng cần uốn nắn, phê phán, ngăn chặn thái độ, cử chỉ bất nhã, bất hiếu của con cái. - Kết hợp giữa giáo dục truyền thống và hiện đại, từng bước xây dựng nếp sống khoa học trong gia đình: rèn cho con nền nếp học tập và đức tính tốt, như tự suy nghĩ, tìm tòi, sinh hoạt đúng giờ, gọn gàng ngăn nắp. - Cha mẹ cũng cần giáo dục các nội dung văn hóa khác cho trẻ như văn hóa lao động, văn hóa sinh hoạt, văn hóa tiêu dùng, văn hóa giao tiếp... qua đó giúp con mình hình thành nhân cách, sớm ý thức được mình vì mọi người và mọi người vì mình trong gia đình. - Phải kiên nhẫn trong việc giáo dục, không nóng vội hay ép buộc con làm những điều chúng không thích, thông cảm và xích lại gần con, trò chuyện, chia sẻ những niềm vui nỗi buồn với con để lấp đầy khoảng cách giữa cha mẹ và con cái. - Ngoài ra, cha mẹ cần có kế hoạch, thời gian dành cho vui chơi, học tập của con phù hợp với sinh hoạt của gia đình.	1.00

		- Cha mẹ cần nêu một số tấm gương đời sống tốt đẹp về nhân cách, đạo đức và các khả năng khác để con cái bắt chước noi theo. - Cần tạo bầu không khí gia đình đầm ấm, lành mạnh, cởi mở, thánh thiện, hòa thuận, lạc quan và biết tín nhiệm nhau để cho trẻ có tâm hồn vui tươi hạnh phúc. - Cha mẹ phải tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của con, phải biết con cái nghĩ gì, muốn gì, nói gì và làm gì. - Khi con đạt được thành công nào đó thì cha mẹ phải cổ vũ, động viên con duy trì, phát huy để liên tục phát triển; còn điều gì xấu con vi phạm thì cha mẹ nên nhắc nhở cho con sửa chữa sai lầm bằng những lời lẽ ôn tồn, tế nhị, thành thực, yêu thương. c.3. Câu kết đoạn: Nêu những bài học thiết thực cho bản thân.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
	2	Phân tích bức tranh Việt Bắc trong hai đoạn thơ ..., từ đó làm nổi bật sự vận động của cảm xúc thơ Tố Hữu.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: bức tranh Việt Bắc trong hai đoạn thơ ..., từ đó làm nổi bật sự vận động của cảm xúc thơ Tố Hữu.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả Tố Hữu và tác phẩm “Việt Bắc”, nêu vấn đề chính: bức tranh Việt Bắc trong hai đoạn thơ ... (Trích thơ). - Nêu ý phụ: sự vận động của cảm xúc thơ Tố Hữu. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát sơ lược về tác phẩm cần cảm nhận: 0.25 đ Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Miền Bắc được giải phóng. Tháng 10 năm 1954, Trung ương Đảng và nhà nước chuyển từ Việt Bắc (Thủ đô kháng chiến) về thủ đô Hà Nội. “Việt Bắc” viết bằng thể thơ lục bát,gồm hai phần. Phần đầu bài thơ tái hiện một thời gian khổ mà oanh liệt của cách mạng và kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc. Phần sau nói lên sự gắn bó với miền ngược và miền xuôi trong một viễn cảnh hòa bình tươi sáng của đất nước và kết thúc bằng lời ngợi ca công ơn Bác Hồ và Đảng đối với dân tộc.Bài thơ có kết cấu đối đáp. Hai nhân vật trữ tình “mình-ta” kể ở, người đi bộc lộ tâm trạng trong buổi chia tay đầy lưu luyến, xúc động. b. Cảm nhận về bức tranh Việt Bắc trong hai đoạn thơ 2.25	(4.00)

*** Đoạn thơ thứ nhất:**

- Qua lời của người ở lại, những kỉ niệm hiện lên như một thước phim quay chậm in dấu đậm nét tất cả những gì đáng nhớ nhất. Ngay cả những hình ảnh bình dị nhất trong cuộc sống đời thường giờ đây cũng được tái hiện.

- Hai câu thơ đầu: Đặc trưng của thiên nhiên Việt Bắc vừa có nét hoang sơ dữ dội vừa có vẻ gần gũi êm đềm thơ mộng. Thế nhưng, đằng sau vẻ hoang sơ thơ mộng ấy là thời tiết khắc nghiệt “mưa nguồn suối lũ” lạnh lẽo, “những mây cùng mù”. Những hình ảnh ấy là ẩn dụ nói lên những tháng ngày vất vả cực khổ gian nan của cán bộ và nhân dân Việt Bắc mà suốt đời người về xuôi sẽ chẳng thể nào quên.

- Hai câu thơ tiếp theo là câu hỏi tu từ: Nhắc đến Việt Bắc, là nhắc đến chiến khu với sự thiếu thốn về vật chất “miếng cơm chấm muối”. Ngày ấy dân ta nghèo, trang thiết bị cho bộ đội thô sơ, lương thực lại càng hạn chế nhưng những con người ấy đã tạm thời quên đi những khó khăn, bởi họ đang gánh vác trên vai một nhiệm vụ nặng nề, đó là mối thù với giặc Pháp. Thế mới biết quyết tâm của Việt Bắc, của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến trường kì gian khổ. Họ sẵn sàng quên đi cái riêng, cái cá nhân để hòa vào cái chung của cộng đồng.

*** Đoạn thơ thứ hai:**

- Đoạn thơ tái hiện khung cảnh Việt Bắc trong chiến đấu với không gian núi rừng rộng lớn; những hình ảnh hào hùng mạnh mẽ, sôi động, rung chuyển của thiên nhiên trước chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử - cả nước cùng ra trận chiến cuối cùng này.

- Tính chất của cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện hiện diện rất đậm nét:

+ Những đoàn quân chủ lực hành quân nối tiếp vô tận ra mặt trận với khí thế khẩn trương, đông đảo trùng trùng điệp điệp với ý chí quyết tâm cao độ của những người lính. Lý tưởng sống cao đẹp như thăng hoa, bay bổng giữa không gian rừng đêm *Ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan*.

+ Những đoàn dân công tiếp lương tải đạn suốt ngày đêm, nối tiếp bước chân của những đội quân chủ lực vào mặt trận với khí thế hùng hục, ý chí quyết tâm mạnh mẽ, không gì lay chuyển được *Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay*.

*** Nghệ thuật của 2 đoạn thơ:**

- Thể thơ lục bát truyền thống;

- Bút pháp từ trữ tình sâu lắng đến sử thi hào hùng, giọng điệu từ bồi hồi xúc động đến lạc quan tin tưởng;

- Sử dụng phép điệp cú pháp, phép đối lập, khoa trương...

c. Bàn luận mở rộng: Nhận xét về sự vận động cảm xúc thơ Tố Hữu qua hai đoạn thơ 0.5

+ Qua hai đoạn thơ, cảm xúc thơ có sự vận động rõ nét: từ trữ tình sâu lắng đến

	hân hoan hào hùng, từ cảm nhận sự gian khổ đến niềm vui chiến thắng ngập tràn. + Từ đó, độc giả hình dung được về sự vận động phát triển của cách mạng Việt Nam, về các giai đoạn của cuộc kháng chiến, trân trọng sự đóng góp hi sinh của đồng bào Việt Bắc cho kháng chiến + Từ sự vận động cảm xúc thơ Tố Hữu, độc giả nhận ra đặc điểm thơ Tố Hữu: lối thơ trữ tình – chính trị. Mọi cung bậc cảm xúc tâm trạng đều xuất phát từ những vấn đề chính trị, cách mạng của dân tộc của thời đại 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của tác phẩm, đoạn trích. - Nêu bài học liên hệ: ý thức phát huy truyền thống dân tộc; lối sống tình nghĩa, thủy chung; tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 20- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

“... Một trong những đổi mới quan trọng là làm các em ngay từ bé đã ý thức được thế giới tương lai rất khó đoán định. Vì vậy thay vì học một cách thụ động, vâng lời thì bây giờ phải biết nghĩ khác (out of the box) và đối với những nước như Việt Nam khi trẻ nhỏ được dạy phải rất vâng lời thì cái này phải thay đổi mạnh mẽ. Quan trọng nhất là phải dạy các em một mặt tôn trọng văn hoá truyền thống, nhưng mặt khác các em phải dám nghĩ khác, dám đặt câu hỏi ngược lại với giáo viên”, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam nói.

... Chia sẻ quan điểm của mình, Tổng Biên tập Straits Times Warren Jude Fernandez cho rằng: “Học sinh Việt Nam phải bớt vâng lời đi!”. Trong khi đó, ông Haoliang Xu - người phụ trách Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc tại châu Á - Thái Bình Dương nêu quan điểm: Các bậc phụ huynh cần chuẩn bị cho con cái thích ứng với sự thay đổi của tương lai. Các bậc phụ huynh ngày nay cần có tư duy mới, tư duy mở hơn để thúc đẩy tư duy con cái, áp dụng khoa học công nghệ và các kỹ năng mềm. “Một đôi giày chỉ có thể dùng cho một người chứ không thể dùng chung cho nhiều bàn chân. Mỗi người đều có những đặc điểm riêng, mỗi quốc gia có những khác biệt chứ không cùng mặt bằng, không phát triển đồng đều” - ông Haoliang Xu nói.”

(Phải thay đổi “văn hóa dạy trẻ nhỏ chỉ biết vâng lời”, Châu Như Quỳnh ghi, Dân trí, 13/9/2018)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1/ *Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam nói: “Quan trọng nhất là phải dạy các em”* điều gì ?

Câu 2/ Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: *Một đôi giày chỉ có thể dùng cho một người chứ không thể dùng chung cho nhiều bàn chân.*

Câu 3/ Có thể hiểu “văn hoá truyền thống” là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và truyền lại từ nhiều thế hệ. Hãy lấy một vài ví dụ về “văn hoá truyền thống” mà anh/ chị thấy cần trân trọng giữ gìn, tiếp nối?

Câu 4/ Anh/chị có đồng tình hay không với quan điểm “*Học sinh Việt Nam phải bớt vâng lời đi!*”. Tại sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ***hậu quả của văn hoá dạy trẻ nhỏ chỉ biết vâng lời trong cuộc sống con người.***

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện “*Vợ chồng A Phủ*”, ngày Tết, Mị muốn đi chơi xuân nhưng bị A Sử trói đứng vào cột nhà. Tô Hoài viết tiếp:

“Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. “Em không yêu, quả pao rơi rồi - Em yêu người nào, em bắt pao nào... ”. Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này, lúc trai đang đến gõ vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.

Cả đêm Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. Mị lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

Mị bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm âm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay cũng đang phải trói như Mị. Mị không thể biết. Đồi người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài thì một đời người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. Mị chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ chết rồi. Nhớ thế, Mị

sợ quá, Mị cựa quây, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói xiết lại, đau đứt từng mảnh thịt.”

(Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, Ngữ văn 12 Nâng cao, Tập 2, NXBGiáo dục, 2008, trang 09)

Cảm nhận của anh (chị) về nhân vật Mị khi nghe hai âm thanh “*tiếng sáo*” và “*tiếng chân ngựa đạp vào vách*” trong đoạn văn trên. Từ đó, nhận xét sự thay đổi tâm trạng và hành động của nhân vật.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2020

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam nói: “ <i>Quan trọng nhất là phải dạy các em</i> ” điều: “ <i>một mặt tôn trọng văn hóa truyền thống, nhưng mặt khác các em phải dám nghĩ khác, dám đặt lại câu hỏi với giáo viên</i> ”.	0.5
	2	- Biện pháp tu từ: Hoán dụ: “đôi giày” - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn. Qua đó thể hiện nội dung tác giả muốn gửi gắm là mỗi đứa trẻ đều có những ưu nhược điểm khác nhau. Do đó người lớn phải biết dạy bảo đúng cách, không nên ép buộc trẻ.	1.0
	3	Có thể hiểu “văn hóa truyền thống” là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và truyền lại từ nhiều thế hệ. Một vài ví dụ về “văn hóa truyền thống” mà em thấy cần trân trọng, giữ gìn, tiếp nối là văn hóa công chiêng Tây Nguyên, Nhã nhạc cung đình Huế, Quan họ Bắc Ninh,...	0.5
	4	Học sinh thể hiện được quan điểm của mình về nhận định được đưa ra ở câu hỏi: đồng tình hoặc không đồng tình. Lí giải thuyết phục lí do lựa chọn quan điểm. Gợi ý: Đồng ý: “Học sinh Việt Nam phải bót vâng lời đi!”. Vì nếu chúng ta cứ nhất mực nghe theo những lời người lớn dạy bảo mà không có chính kiến riêng của mình thì dần dần bản thân sẽ trở nên ỷ lại, lười tư duy, gặp khó khăn khi phải tự đưa ra quyết định, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của bản thân. Biết đưa ra ý kiến, mong muốn của bản thân sẽ giúp trẻ rèn luyện tư duy độc lập, mạnh dạn phát huy thế mạnh của mình. Mặc dù vậy, bản thân mỗi đứa trẻ đều phải biết được giới hạn của việc “bót nghe lời” để tránh những hệ lụy tiêu cực và cũng là để phát triển tri thức, hoàn thiện nhân cách.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về hậu quả của văn hoá dạy trẻ nhỏ chỉ biết vâng lời trong cuộc sống con người.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ	0.25

	Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: hậu quả của văn hoá dạy trẻ nhỏ chỉ biết vâng lời trong cuộc sống con người.	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: Đoạn văn cần đảm bảo những ý chính sau: c.1. Mở đoạn: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “<i>Trẻ em như búp trên cành/ Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan</i>”. Từ xưa đến nay, người lớn luôn chú trọng dạy trẻ nhỏ cần phải biết lễ phép, vâng lời và xem đó là một biểu hiện để đánh giá một đứa trẻ. Nhưng liệu việc dạy một đứa trẻ luôn phải vâng lời người lớn, làm theo những gì mà họ chỉ dạy có còn phù hợp xã hội ngày nay ? Và văn hóa dạy trẻ nhỏ chỉ biết vâng lời liệu có gây nên những ảnh hưởng xấu nào cho cuộc sống của những đứa trẻ? c.2. Phát triển đoạn: - Giải thích: Văn hóa dạy trẻ nhỏ chỉ biết vâng lời là những lời bảo ban, chỉ dẫn của gia đình, thầy cô dạy đứa trẻ phải biết lễ phép, nghe lời người lớn, không được tự ý quyết định việc gì mà chưa được sự cho phép của người lớn ngay từ khi những đứa trẻ biết nhận thức. - Phân tích, chứng minh : + Cách giáo dục trẻ chỉ biết vâng lời: ++Từ trước đến nay, chúng ta luôn biết rằng gia đình, thầy cô luôn là những người quan tâm, yêu thương, dạy dỗ ta nên người, dìu dắt ta trên từng bước đi bởi vì ta còn quá trẻ để có thể tự mình bước đi trên con đường đời. ++Khi ở nhà, những đứa trẻ được ông bà, cha mẹ chỉ bảo từng việc một trong cuộc sống, răn dạy về các phép tắc, lễ giáo ... ++Khi đến trường lại được thầy cô truyền đạt tri thức, cách cư xử với mọi người và phải biết vâng lời người lớn, như vậy mới là đứa trẻ ngoan. ++Trẻ nhỏ luôn phải làm theo khuôn mẫu mà người lớn đã đặt ra mà không được phép thắc mắc. ++Trẻ nhỏ thường không được lắng nghe những quan điểm riêng của mình hay làm những điều mà chúng muốn. Và luôn phải nghe theo những điều mà người lớn cho rằng đó là những gì chúng cần, là tốt cho đứa trẻ mà không quan tâm xem chúng có muốn làm như vậy hay không. + Những hậu quả của văn hoá dạy trẻ nhỏ chỉ biết vâng lời trong cuộc sống con người. ++Chính sự quan tâm đến mức áp đặt, chính những quan điểm của người lớn với	1.00

	trẻ nhỏ khi luôn nghĩ những đứa trẻ vẫn chưa thể hiểu được mọi thứ và là lí do chính đáng để đặt những gì mình mong muốn lên đứa trẻ đã gây nên những hậu quả xấu ảnh hưởng tới cuộc sống của trẻ. ++Việc ngăn cản trẻ nhỏ đưa ra quan điểm, cảm đoán chúng trong việc suy nghĩ và hành động độc lập, la mắng khi chúng làm sai, lâu dần đã khiến đứa trẻ trở nên sợ hãi khi phải tự mình quyết định hay muốn bày tỏ ý kiến. ++Luôn thay trẻ quyết định mọi thứ khiến trẻ trở nên ỷ lại, lúng túng không thể tự mình giải quyết vấn đề. ++Can thiệp quá sâu vào từng việc trong cuộc sống của trẻ nhỏ, khiến cho quá trình trưởng thành của chúng càng trở nên khó khăn hơn khi những điều chúng phải đối mặt không chỉ có thử thách của cuộc sống mà còn có những khó khăn tâm lí khi không đủ tự tin để làm việc độc lập. ++Văn hóa dạy trẻ chỉ biết vâng lời đã làm cho nhiều đứa trẻ chỉ biết dựa dẫm vào bố mẹ khi xảy ra vấn đề. ++Một số đứa trẻ có thể nói chuyện thoải mái, bàn luận về mọi thứ, tuy nhiên, khi có ai đó đề nghị quyết định việc gì hay làm một việc gì thì lập tức câu hỏi/đề nghị sẽ được truyền đạt thẳng vào tai bố mẹ. Sau đó, mọi việc sẽ do bố mẹ làm hoặc quyết định. ++Văn hóa dạy trẻ chỉ biết vâng lời sẽ không còn phù hợp nữa khi đứa trẻ ngày một lớn hơn. Vì khi lớn chúng sẽ mong muốn được làm theo ý mình, nhưng lại phải chịu sự quản thúc của cha mẹ trẻ dễ trở nên ngỗ nghịch, như vậy cha mẹ khi muốn biết về các chuyện xảy ra với con sẽ không hề đơn giản. ++Khi trẻ chỉ răm rắp nghe lời cha mẹ, trẻ sẽ rất thụ động, không thể quyết định việc gì khi thiếu cha mẹ. ++Nếu một xã hội đề cao sự tuân phục, sử dụng giáo dục như một nơi để đúc nặn các cá nhân vốn rất khác nhau trở thành những mẫu nhân cách chung luôn ngoan ngoãn và vâng lời, thì xã hội đó chắc chắn sẽ lệ thuộc, buồn tẻ và chậm tiến. c.3: Kết đoạn: Giải pháp : -Cha mẹ cần phải thay đổi cách dạy trẻ, không nên áp đặt những điều mình muốn lên trẻ và xem đó làm tốt cho chúng. -Thay vì yêu cầu trẻ phải làm theo hãy đưa ra những lời khuyên và để trẻ tự mình quyết định. -Khi muốn khuyên nhủ con hãy sử dụng mọi kiến thức khoa học để thuyết phục, chứ đừng ép con phải làm theo suy nghĩ chủ quan của mình.	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi	0,25

		trở lên sẽ không tính điểm này)	
2	Cảm nhận của anh (chị) về nhân vật Mị khi nghe hai âm thanh “ <i>tiếng sáo</i> ” và “ <i>tiếng chân ngựa đạp vào vách</i> ” trong đoạn văn trên. Từ đó, nhận xét sự thay đổi tâm trạng và hành động của nhân vật.	5,0	
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một nhân vật trong đoạn trích văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)	
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nhân vật Mị khi nghe hai âm thanh “ <i>tiếng sáo</i> ” và “ <i>tiếng chân ngựa đạp vào vách</i> ” trong đoạn văn. Nhận xét sự thay đổi tâm trạng và hành động của nhân vật.	(0,25)	
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: I/.Mở bài: 0.25 -Giới thiệu tác giả Tô Hoài và truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i> +Tô Hoài là nhà văn xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Ông cũng là một nhà văn có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau trên đất nước ta. + Đến với truyện ngắn " Vợ chồng A Phủ ", thông qua câu chuyện về đôi vợ chồng người H'Mông, tác giả đã khắc họa thành công bi kịch của người nông dân trong xã hội xưa. Dưới sự áp bức của thần quyền và cường quyền, con người không chỉ bị chà đạp về nhân phẩm mà còn bị tước đoạt tự do, hạnh phúc. -Nêu vấn đề cần nghị luận: Trong truyện ngắn này âm thanh “ <i>tiếng sáo</i> ” và “ <i>tiếng chân ngựa đạp vào vách</i> ” đã trở thành một trong những chi tiết nghệ thuật đặc trưng, mang nhiều tầng ý nghĩa khi góp phần thể hiện bi kịch đau đớn của Mị, cùng những khát khao tự do, hạnh phúc trong tâm hồn người con gái ấy. II/.Thân bài: 3.5 1. Khái quát về tác phẩm, nhân vật Mị: - Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, sơ lược cốt truyện. +Truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” được sáng tác năm 1952 và in trong tập "Truyện Tây Bắc " (1953). Đây là một tác phẩm có giá trị của văn xuôi Việt Nam hiện đại khi phản ánh chân thực và sinh động con đường của nhân dân miền núi cao Tây Bắc đi theo cách mạng. +Tác phẩm gồm hai phần : Phần đầu kể về cuộc sống tủ nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ trong nhà thống lí Pá Tra. Kết thúc phần đầu là cảnh Mị cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi nhà Pá Tra. Phần sau kể Mị và A Phủ ở Phiềng Sa, họ thành vợ chồng, được cán bộ A Châu giác ngộ cách mạng. A Phủ trở	(4.00)	

thành đội trưởng du kích đánh Pháp bảo vệ làng.

- Khái quát về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của Mị: Mị là nạn nhân của chế độ cho vay nặng lãi dưới ách thống trị của bọn chúa đất miền núi Tây Bắc. Nhưng, nhà văn đã phát hiện và ca ngợi sức sống tiềm tàng, khát vọng tự do và tinh thần phản kháng mạnh mẽ. Điều đó được thể hiện sâu sắc trong đêm tình mùa xuân, khi Mị bị A Sử trói, không cho đi chơi xuân.

2. Cảm nhận về nhân vật Mị khi nghe hai âm thanh “tiếng sáo” và “tiếng chân ngựa đạp vào vách” trong đoạn văn:

a. Về nội dung:

a.1. Phân tích tâm trạng và hành động của Mị khi nghe âm thanh “tiếng sáo”:

-Đêm tình mùa xuân năm ấy ở Hồng Ngài tràn đầy màu sắc, rộn rã âm thanh. Chính không gian rộn rã sắc màu cùng tiếng sáo tha thiết đã gọi cho Mị nhớ lại thời xa xưa. Tiếng sáo như chạm vào nỗi nhớ. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, *thiết tha bồi hồi*. Mị ngồi *nhắm* lại bài hát của người đang thổi... Tiếng sáo đã góp phần gọi dậy những khát vọng tình yêu và hạnh phúc vẫn âm ỉ đâu đó trong lòng Mị.

-Mị sửa soạn để đi chơi, tìm đến nơi đang lừng lờ bay tiếng sáo gọi bạn tình. Nhưng đáng thương thay, khi Mị chưa kịp đi thì bị A Sử bắt gặp. Hắn giữ Mị lại và trói đứng cô vào cột nhà rồi bỏ đi. Khát vọng của Mị đã bị vùi dập thật độc ác.

-Tuy nhiên, ảo giác rạo rực về tình yêu và tuổi trẻ vẫn nương theo tiếng sáo dập dờn “đưa” Mị “đi theo những cuộc chơi, những đám chơi...”

+ Mị hầu như không còn biết mình đang bị trói;

+ Mị quên cả hiện tại với dây trói và buồng giam đầy bóng tối;

+ Tuy Mị chưa giải thoát được thể xác nhưng Mị đã giải thoát được tâm hồn.

-A Sử trói được thân xác Mị nhưng đã không còn kiềm giữ được tâm hồn Mị. Người con gái nhận ra mình vẫn còn thanh xuân và khát khao được hưởng tình yêu, hạnh phúc trong thanh xuân.

- Chi tiết Mị “vùng bước đi” đã minh chứng được sức sống mãnh liệt trong tâm hồn Mị. Tâm hồn ấy đang đến với tự do, đang tràn trề nỗi yêu đương của tuổi trẻ.

- Nhưng cũng chính lúc này, khi “vùng bước đi” theo tiếng sáo, sợi dây trói thắt vào “tay chân đau không cựa được”, Mị mới trở lại với hiện thực phũ phàng, nghiệt ngã.

-Tiếng sáo đưa Mị vượt qua bốn bức tường lạnh lẽo để dạo chơi trong thế giới của tự do, cũng đưa Mị một lần nữa trở lại với hiện thực tàn nhẫn.

-Ý nghĩa âm thanh tiếng sáo lúc Mị bị trói:

+ Đó là âm thanh đặc trưng của núi rừng Tây Bắc, là tiếng gọi bạn trong những đêm tình mùa xuân - một sinh hoạt giàu tính nhân văn của người Mèo.

+ Âm thanh tiếng sáo là thế giới ước mơ của Mị. Mị đang sống với tiếng sáo

của những đêm tình mùa xuân ngày trước, đang muốn tìm lại tuổi trẻ, tình yêu, hạnh phúc của mình. Mị chỉ còn biết tiếng sáo, sống trong tiếng sáo, mê man chập chờn trong tiếng sáo. Tiếng sáo đánh thức quá khứ, thức dậy trong Mị ý thức về cuộc sống, tình yêu và hạnh phúc.

+ Tiếng sáo đã trở thành âm thanh mê hoặc, dẫn dụ, gọi Mị vùng bước đi. Sức sống trào dâng mãnh liệt khiến Mị quên cả hiện thực, bất chấp dây trói như không biết mình đang bị trói. Tiếng sáo trở thành một biểu trưng sâu sắc cho ước mơ, cho sức sống tiềm tàng của Mị.

a.2. Phân tích tâm trạng và hành động của Mị khi nghe âm thanh “*tiếng chân ngựa đạp vào vách*”:

-Tiếng sáo tượng trưng cho tình yêu, hạnh phúc đột ngột biến mất, “Mị không nghe thấy tiếng sáo nữa”. “Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa”, tiếng chân ngựa đạp vào vách, nhai cỏ, gãi chân là những âm thanh của thực tại, đưa Mị trở lại với sự liên tưởng đau đớn bởi kiếp sống “không bằng con ngựa” của mình. Sau bao nhiêu năm tháng, Mị đã tỉnh táo nhận ra thân phận trâu ngựa của mình, đã thỗn thức khi thấy mình “không bằng con ngựa” nhà thống lí.

-Dù đã trở lại với thực tại tàn nhẫn, suốt đêm mùa xuân ấy, quá khứ vẫn “nồng nàn tha thiết” trong nỗi nhớ của Mị với “hơi rượu toả, tiếng sáo dập dờn, tiếng chó sủa xa xa...”

-Mị phải sống đau đớn giữa những khát vọng cháy bỏng vừa hồi sinh và thực tại phũ phàng đang hiện hữu ngay trong sợi dây trói và căn buồng giam đầy bóng tối.

- Mị bàng hoàng tỉnh... Không một tiếng động. Mị thương những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan. Cô Mị của ngày xưa - một người sống như đang chết, sống trong cảm giác chờ đợi sự giải thoát từ cái chết, giờ đây lại biết xót thương cho người khác, biết sợ hãi trước cái chết.

- Mị thấy sợ khi nhớ tới từng có người đàn bà cũng bị đánh, bị trói đã chết đứng chính căn buồng này. “Mị sợ quá, Mị cựa quậy” như để chứng minh mình vẫn còn sống. Mị sợ chết vì ám ảnh bởi bóng ma của thần quyền. Mị sợ chết cũng chứng tỏ Mị khao khát sống. Chết lúc này là chết oan uổng. Chính tiếng sáo, tiếng gọi tình yêu đã giúp Mị nhận ra sự sống đáng quý: phải sống để được yêu, được đón nhận hạnh phúc tuổi trẻ... Một khi biết sợ chết thì người ta càng thêm yêu cuộc sống. Mị cũng vậy.

-Ý nghĩa âm thanh chân ngựa đạp vào vách lúc Mị bị trói:

+ Tiếng chân ngựa đạp vào vách là biểu trưng cho hiện thực nô lệ, cho số phận khổ đau của Mị. Tiếng chân ngựa đạp vào vách xoáy sâu nỗi đau tinh thần gợi một sự so sánh nghiệt ngã - thân phận con người không bằng thân trâu ngựa.

+ Sức mạnh của âm thanh ấy lớn hơn cả dây trói vốn chỉ trói được thể xác. Nó làm âm thanh tiếng sáo tắt ngay, ước mơ tan biến, đủ sức bắt Mị trở về với hiện thực

	đau khổ. b. Về nghệ thuật: -Nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, có cá tính đậm nét. -Mị ít hành động, nhân vật ý thức nội tâm. -Nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, sinh động, đi sâu vào khai thác diễn biến tâm lí. -Ngôn ngữ tinh tế, mang đậm màu sắc miền núi, ngôn ngữ giàu chất thơ. 3.Nhận xét sự thay đổi tâm trạng và hành động của nhân vật. 0.5 <i>a. Giống nhau:</i> - Cả hai âm thanh đã góp phần làm rõ bi kịch của Mị đồng thời cũng là yếu tố khơi dậy sức sống tiềm tàng trong tâm hồn cô gái ấy. <i>b. Khác nhau:</i> - Âm thanh “tiếng sáo” tượng trưng cho những khát khao tươi đẹp của Mị. Chính tiếng sáo đã đưa Mị trở về với quá khứ đẹp đẽ, đánh thức lòng ham sống, khát khao tự do và hạnh phúc trong tâm hồn Mị. - Âm thanh “tiếng chân ngựa đạp vào vách” là đại diện cho hiện thực phũ phàng, kéo Mị trở về hiện tại nghiệt ngã. Âm thanh này đã xoáy sâu vào thực tại đau đớn của Mị nhưng qua đó góp phần giúp Mị nhận thức sâu sắc hơn bi kịch của mình. Đánh thức lòng thương người cùng với sự sợ hãi, đó là dấu hiệu cho thấy sự thức tỉnh và vùng lên sau này của Mị. III. Kết bài 0.25 - Qua việc đặc tả âm thanh “tiếng sáo” và “tiếng chân ngựa đạp vào vách” của Tô Hoài, người đọc cảm nhận được một con người đang sống trong cuộc giao tranh giữa khát vọng tự do và hiện thực phũ phàng; -Đoạn văn miêu tả tâm trạng nhân vật Mị trong đêm xuân thấm đẫm tính nhân văn, góp phần tô đậm tính cách nhân vật Mị. -Thể hiện một cách chân thật và cảm động giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo của truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Tôi ngồi xem bóng đá với vài người bạn và một gia đình Việt kiều Anh. Họ có bốn con, tôi nhìn chúng và nói với bạn tôi: “Thấy không? Bốn trẻ ngồi rất ngoan. Không như mấy đứa nhỏ khác, chúng đi khắp nơi, làm phiền mọi người. Em nên tiếp tục nuôi con kiểu phương Tây này”.

“Jesse, nhìn lại đi. Chúng ngoan vì đang dùng điện thoại đó”.

Tôi nhìn lại và hơi bị sốc. Đúng thật, bốn đứa trẻ đang dùng cả iphone và ipad. Việc cha mẹ cho con tiếp xúc công nghệ khi còn quá nhỏ rất nguy hiểm. Tôi ngao ngán: “Ồ, còn tệ hơn cả thiếu kỷ luật”.

Tiếng Anh có từ “awake”. Nó có nghĩa đen là thức dậy nhưng cũng có nghĩa bóng là tỉnh thức, đừng mê đắm vào điều gì. “Tỉnh thức” là việc thành công trong chống lại sự cám dỗ tình dục, không bị lạc trong những “mật ngọt” của cuộc sống, không bị mất tập trung vào nhiều thứ luôn được “giăng bẫy” sẵn với con người.

.....

Chúng ta tự tạo ra cho mình và cho lẫn nhau những chiếc bẫy, tự sa vào đó và tự hỏi tại sao cuộc sống không thoải mái. Nhưng điều nực cười là sống lâu trong cái bẫy đó thì lại thành quen, họ đều thấy bình thường. Tôi không nghĩ sống theo tiêu chuẩn của người khác đã thiết kế ra như các chương trình truyền hình, thói quen nạp đường, bia rượu, game, truyền thông xã hội, chạy theo một mới... là một cuộc sống ý nghĩa. Tôi nghĩ đã đến lúc ta phải sống với sự tỉnh thức nhiều hơn. Dành thời gian và sự tập trung cho những gì thực sự quan trọng với cuộc đời mình, như sức khỏe, công việc cần thiết, người thân, việc làm ý nghĩa... Đó là cách từ từ để kéo mình ra khỏi đầm lầy...”

Giáo viên Jesse Peterson

(Nguyên tác tiếng Việt)

(<https://vnexpress.net/goc-nhin/song-tinh-thuc-3770492.html>)

Câu 1: Nhân vật “tôi” tỏ thái độ như thế nào trước “bốn đứa trẻ” được thể hiện trong văn bản.

Câu 2: Việc đưa câu “*Tiếng Anh có từ “awake”*” trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 3: Tại sao tác giả có quan niệm: *Tôi không nghĩ sống theo tiêu chuẩn của người khác đã thiết kế ra như các chương trình truyền hình, thói quen nạp đường, bia rượu, game, truyền thông xã hội, chạy theo một mới... là một cuộc sống ý nghĩa?*

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với “*cách từ từ để kéo mình ra khỏi đầm lầy...*” của tác giả không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần văn bản Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của “sống tỉnh thức” được gợi ra ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” qua đoạn thơ sau trích trong chương V trường ca “Mặt đường khát vọng”(Nguyễn Khoa Điềm):

*Khi có giặc người con trai ra trận
Người con gái trở về nuôi cái cùng con
Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh
Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ
Nhưng em biết không
Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.*

Từ đó, liên hệ đoạn thơ sau trong bài thơ “Tây Tiến”(Quang Dũng):

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

để nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Nhân vật “tôi” tỏ thái độ : - Lúc đầu: khen ngợi: <i>Bọn trẻ ngồi rất ngoan;</i> - Về sau: “bị sốc” và cảm thấy ngao ngán trước hành động đang dùng điện thoại của bốn đứa trẻ mà không màng đến mọi người, sự việc xung quanh.	0.5
	2	Việc đưa câu “ <i>Tiếng Anh có từ awake</i> ” có tác dụng cho ta thấy sự đa dạng, đa chiều của sự tỉnh thức cũng như thức tỉnh trước những sự việc, hiện tượng trong cuộc sống. Đây là một trong những dẫn chứng tác giả đưa ra để ta biết sự quan trọng của “sống tỉnh thức ” mà cân bằng mọi thứ, biết được điều gì quan trọng, điều đúng điều sai để từ đó tập trung, điều chỉnh hành vi và thói quen của mình.	0.5

	3	Tác giả có quan niệm như vậy vì: Cuộc sống hiện nay hết sức đa dạng và có nhiều vấn đề xảy ra quanh ta. Ta phải biết làm chủ bản thân, sống theo ý thức, quy tắc chuẩn mực mà mình đặt ra, không nên dựa vào, sống theo tiêu chuẩn của người khác vì có thể nó sẽ làm ta đánh mất chính mình.	1.0
	4	Thể hiện rõ quan điểm của mình: đồng tình hoặc không đồng tình. Tuy nhiên, quan điểm cần phù hợp với các chuẩn mực xã hội. Gợi ý: Trường hợp đồng ý với quan điểm trên: Cuộc sống vốn luôn vận động, chúng ta thường chịu áp lực nặng nề với những lo toan. Vậy nên, để cân bằng cuộc sống, ta cần làm cho bản thân mỗi ngày được vui vẻ, hạnh phúc. Và hạnh phúc nhất khi sống được là chính mình, tập trung những việc được cho là quan trọng, cần thiết chứ không phải là lúc nào cũng nghĩ đến những thứ vô bổ. Để được sống một cách <i>tĩnh thức</i>, có lẽ ta không chỉ sống vì mình mà còn biết quan tâm đến người thân, làm những việc ý nghĩa. Đó là lẽ sống và cũng là cách tối ưu để bản thân thoát khỏi <i>đắm lầy</i> của sự nhàm chán.	1.0
II		Từ nội dung đoạn trích ở phần văn bản Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của “ <i>sống tĩnh thức</i> ” được gợi ra ở phần Đọc hiểu.	2.0
	1	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (<i>Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc</i>)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: suy nghĩ về ý nghĩa của “ <i>sống tĩnh thức</i> ”.	0.25
		c. Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ suy nghĩ về ý nghĩa của “<i>sống tĩnh thức</i>” * Giải thích: Sống tĩnh thức là gì ? Lối sống tĩnh thức là sống tỉnh táo, không mê muội, đắm chìm vào những thứ vô bổ, không quan trọng. Người tĩnh thức mà người biết đâu là đúng, đâu là sai trái, không ảo tưởng về bản thân và cuộc đời; không nhầm lẫn mộng tưởng với thực tại; không còn mê muội, mơ hồ, nhưng là người nhận biết mình đang biết: biết về thực trạng của bản thân mình. Người sống thức tỉnh còn là người biết sống lành mạnh, trân quý từng giây từng phút trôi qua, sống hết mình, sống không hối tiếc. * Bình luận: - Với sự phát triển của xã hội ngày nay, việc giới trẻ luôn sống với công nghệ thông tin là một điều không còn xa lạ. Chúng luôn vui mình vào điện thoại, laptop để rồi quên đi những điều xung quanh. Đó chính là lối sống mê muội, thiếu sự tĩnh thức; - Mỗi ngày bước ra ngoài là một bài học mới, nhưng con người lại quá thờ ơ,	1.00

không quan tâm đến mọi người xung quanh, không quan tâm đến sở thích của bản thân mà chỉ mãi đắm chìm trong thế giới mà người khác đặt ra quy tắc, khuôn mẫu;

- Thật hạnh phúc biết bao khi con người ta được sống tỉnh táo với bản thân, được làm những điều mà bản thân cho là hạnh phúc, cần thiết đối với mình. Đường như chỉ khi con người sống tỉnh thức, thoát ra được cõi u mê, không bị lôi cuốn bởi những khuôn mẫu quy tắc mà người khác sắp đặt thì họ sẽ hạnh phúc, thì đó mới chính là cuộc sống mà mỗi người mong ước.

- Con người sống tỉnh thức là dám vượt lên khuôn mẫu, dám khác biệt, dám ước mơ và dám cháy hết mình vì khát vọng của mình.

- Sống tỉnh thức là khi chúng ta biết độc lập, biết tự bước đi trên con đường của mình mà chẳng cần ai nâng đỡ hay đi theo dấu chân đã cũ.

- Sống tỉnh thức là người biết vượt lên những cám dỗ, những vũng lầy của cuộc sống, biết sống cho những người thân yêu. Biết san sẻ cho mọi người, sống vì mọi người.

* Chứng minh

- Dẫn chứng: Harland Sanders- cha đẻ của món gà rán KFC, là người thất bại nhiều lần nhưng ông có thái độ sống tỉnh thức, không chùn bước trước khó khăn mà mạnh mẽ tiếp tục thực hiện ước mơ của mình. Ông đã thành công với món gà rán, hiện là món chính trong thực đơn của chuỗi nhà hàng ăn nhanh nổi tiếng thế giới KFC.

* Ý nghĩa

- Khi con người ta sống thức tỉnh sẽ tạo ra một lối sống tích cực cho bản thân và mọi người; dễ dàng cảm nhận được dư vị của cuộc sống, sống có ý nghĩa hơn. Sống được làm chính mình, sống một cách tích cực nhất để không uổng phí thời gian sống.

* Phê phán:

- Bên cạnh những người sống tỉnh thức là một bộ phận thanh niên hiện nay sống u mê, lạm dụng công nghệ, để cho công nghệ điều khiển bản thân, sống theo khuôn mẫu, không có chính kiến. Sống không hết mình, sống hời hợt với đời, với bản thân và mọi người.

* Mở rộng

- Khi chúng ta vượt lên khuôn mẫu mà người khác áp đặt, ta cần phải chắt lọc, tìm hiểu mặt đúng, mặt sai để sửa chữa và áp dụng vào bản thân mình, chứ không hoàn toàn bác bỏ ý kiến của người khác. Sống thức tỉnh là để nhìn nhận cuộc đời bằng con mắt đa chiều chứ không phải mà phủ nhận ý kiến của người khác để nâng bản thân lên.

* Bài học nhận thức và hành động:

	- Là học sinh, chúng ta cần có ước mơ, hoài bão, sống theo chuẩn mực đạo đức, sống vì người khác, vì sự phát triển của cộng đồng. Hãy sống một cách tỉnh thức để cảm nhận được những vẻ đẹp, những điều hay lẽ phải trong cuộc sống, tránh u mê trước những điều xấu trong xã hội.	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận tư tưởng “<i>Đất Nước của Nhân Dân</i>” qua đoạn thơ sau trích trong chương V trường ca “<i>Mặt đường khát vọng</i>” (Nguyễn Khoa Điềm): <i>Khi có giặc người con trai ra trận</i> <i>Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.</i> Từ đó, liên hệ đoạn thơ sau trong bài thơ “<i>Tây Tiến</i>” (Quang Dũng): <i>Rải rác biên cương mồ viễn xứ</i> <i>Sông Mã gầm lên khúc độc hành.</i> để nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tư tưởng “<i>Đất Nước của Nhân Dân</i>” qua 02 đoạn thơ trích trong chương V trường ca “<i>Mặt đường khát vọng</i>”. Liên hệ đoạn thơ trong bài <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: I. Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận 0.25 - Giới thiệu nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm; trường ca <i>Mặt đường khát vọng</i> và đoạn trích <i>Đất Nước</i>; + Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ, những con người có ý thức về vai trò và trách nhiệm của mình đối với cuộc chiến đấu của dân tộc. + Đoạn trích <i>Đất Nước</i> thể hiện một cái nhìn mới mẻ về đất nước qua cách cảm nhận mang tính tổng hợp, toàn diện từ cái tôi tự ý thức của thế hệ những người cầm bút trẻ tuổi giàu tri thức, niềm tin và niềm tự hào dân tộc. Theo đó, đất nước là nơi hội tụ và kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân. Nhân dân là người làm	(4.00)

nên đất nước.

- Nêu vấn đề cần nghị luận: Nguyễn Khoa Điềm đã thể hiện tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân”, khẳng định vai trò của nhân dân trong việc làm nên lịch sử, truyền thống dựng nước và giữ nước, mang đậm chất sử thi được thể hiện qua đoạn thơ sau :

“ Khi có giặc người con trai ra trận

.....

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước. ”

Cùng với “ Đất Nước ” của Nguyễn Khoa Điềm, “ Tây Tiến ” của Quang Dũng cũng mang đậm chất sử thi, ca ngợi lòng yêu nước tinh thần chiến đấu chống giặc của người lính, tiêu biểu là đoạn thơ :

“ Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.”

II. Thân bài: 3.50

1. Khái quát tác phẩm, vị trí đoạn thơ:

- Trường ca "Mặt đường khát vọng" được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị - Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974;

- Viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam, về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh hoà nhập với cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược

- Đoạn trích "Đất Nước" (phần đầu chương V của trường ca) là một trong những đoạn thơ hay về đề tài đất nước trong thơ Việt Nam hiện đại. Đoạn thơ thể hiện tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” thuộc phần 2 của chương *Đất Nước*.

2. Cảm nhận tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” qua đoạn thơ:

a. Về nội dung:

- “*Đất Nước của Nhân Dân*” là đất nước do nhân dân xây dựng, bảo vệ, giữ gìn và phát huy

- Nghĩ về bốn ngàn năm của đất nước, nhà thơ đã nhận thức được một sự thật đó là: **người làm nên lịch sử không chỉ là những anh hùng nổi tiếng mà còn là những con người vô danh bình dị:**

Khi có giặc người con trai ra trận

Người con gái trở về nuôi cái cùng con

Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh

+ Những con người làm nên đất nước chính là những con người góp phần bảo vệ đất nước. Họ là những con người lao động cần cù chăm chỉ, nhưng khi đất nước có

giặc ngoại xâm thì chính họ trở thành những người anh hùng cứu nước.

+ **Người con trai ra trận, người con gái** ở hậu phương cũng góp sức lực, đảm đang nuôi con để người chồng yên lòng đánh giặc. Nhưng khi cần thì **giặc đến nhà đàn bà cũng đánh**, đó là hành động tất yếu để bảo vệ mái nhà và bảo vệ quê hương.

+Nhà thơ đã khẳng định truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam: sức mạnh đoàn kết, nhất trí một lòng và có lòng căm thù giặc sâu sắc. Đó là truyền thống được phát huy từ đời này sang đời khác. Chính bằng sự đóng góp một cách tự nhiên đó mà họ đã làm nên lịch sử- truyền thống lâu đời của đất nước.

- **Nhìn vào lịch sử bốn nghìn năm Đất Nước, nhà thơ không nhắc lại các triều đại, kể tên các bậc vua chúa hay những vị anh hùng dân tộc đã từng rạng danh sử sách, văn chương, mà biểu dương sự cống hiến của muôn vàn những con người bình thường trong việc xây dựng, vun đắp và bảo vệ Đất nước:**

Nhiều người đã trở thành anh hùng

.....

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước

+Hình ảnh **“người người lớp lớp”, “bốn nghìn lớp người”** chính là biểu tượng cho đông đảo tầng lớp nhân dân kế tiếp nhau. Họ đều mang những đức tính chung của con người lao động như sự cần cù, chất phác và khi có giặc ngoại xâm thì sẵn sàng tự nguyện đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

+Những con người anh hùng vô danh ấy có một cuộc sống thật **giản dị**, chết **bình tâm**, cống hiến và hy sinh một cách tự nguyện, vô tư, thầm lặng cho Đất Nước. Mặc dù **không ai nhớ mặt đặt tên** nhưng công lao của họ thật to lớn và đầy ý nghĩa, chính họ **đã làm ra Đất Nước**. Họ là anh hùng vô danh nên người đời dễ quên. Họ đã cống hiến hi sinh âm thầm lặng lẽ nên chúng ta càng phải nhớ. Bằng những câu thơ ngắn gọn, nhà thơ khẳng định chắc chắn và chặt chẽ về tư tưởng “Đất Nước” của nhân dân.

b. Nghệ thuật:

-Thể thơ tự do, những câu thơ dài ngắn khác nhau thể hiện rất linh hoạt những cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình, giọng điệu trữ tình đan xen chính luận sâu lắng thiết tha.

-Vận dụng đa dạng vốn văn hóa dân gian...

-Ngôn ngữ thơ giàu giá trị biểu cảm, có sức khái quát cao....

c. Liên hệ đoạn thơ trong bài thơ “Tây Tiến”(Quang Dũng) để nhận xét chất sử thi trong sáng tác của mỗi nhà thơ.

- Về 4 câu thơ trong *Tây Tiến*:

+ 4 câu thơ nói về một Tây Tiến trong sự hy sinh ngay sau những dòng thơ thật hay về người lính trong chiến đấu. Nhưng khổ thơ không phải là bài ca rên xiết, buồn đau làm mềm lòng người, mà đó là khúc tưởng niệm, bản hùng ca bi tráng về những

người chiến sĩ hi sinh vì đất nước.

+ Hai câu đầu: Nếu hai từ láy *rải rác* gọi lên những năm mộ trải dọc suốt đường hành quân thì ba chữ “ *mồ viễn xứ*” càng gọi thêm cảm giác xót đau, mất mát; “ *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh* ”: các anh đã ra trận vì lý tưởng cao đẹp, sẵn sàng cống hiến tuổi thanh xuân cho Tổ quốc.

+ Hai câu thơ sau viết về sự ra đi vĩnh viễn của người lính Tây Tiến. Họ nằm lại nơi vùng đất lạ trong không khí hào hùng mà thiên nhiên dành để tiễn biệt họ, trong sự thiếu thốn mà vẫn sang trọng: *áo bào thay chiếu*. “ Về đất” vừa là cách nói giảm để bớt đau thương, vừa là kỳ vĩ hóa cái chết. Đoạn thơ kết thúc bằng một âm hưởng hào hùng. Dường như linh hồn người tử sĩ đã hòa cùng sông núi. Con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc đau thương, hùng tráng để tiễn đưa người lính vào cõi bất tử. Hình ảnh “sông Mã” ở cuối bài thơ được phóng đại và nhân hóa, tô đậm cái chết bi hùng của người lính - sự hi sinh làm lay động đất trời, khiến dòng sông gập lên đón đau, thương tiếc.

- Nhận xét về chất sử thi của 2 đoạn thơ:

*** Giống nhau**

+ Hai đoạn thơ đều bộc lộ cảm xúc của nhà thơ, mang đậm khuynh hướng sử thi: ca ngợi những anh hùng vô danh, tiêu biểu cho số phận và phẩm chất của cộng đồng, dân tộc;

+ Cả hai đoạn thơ đều là những khúc ca ngợi ca Tổ quốc, ngợi ca lý tưởng cao đẹp của những con người đã anh dũng hy sinh tuổi thanh xuân của mình để cống hiến cho đất nước, cho thế hệ mai sau.

*** Khác nhau**

+ “Tây Tiến” với cảm hứng sử thi được gọi lên từ nỗi nhớ của nhà thơ Quang Dũng về một tập thể anh hùng cụ thể (đoàn quân Tây Tiến) trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. “Tây Tiến” được viết theo thể thơ bảy chữ, giọng thơ bi tráng và bút pháp lãng mạn.

+ “Đất Nước” với cảm hứng sử thi được gọi lên từ những tâm tình xúc động mà đậm chất suy tư của nhà thơ với nhân vật *em* về tập thể anh hùng trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Tác phẩm được hoàn thành trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ tại mặt trận Trị Thiên, bộc lộ cảm hứng đất nước qua cái nhìn tổng quát, đưa đến những chiêm nghiệm mới mẻ, sâu sắc về đất nước: Đất nước của Nhân Dân. “Đất Nước” được sáng tác theo thể thơ tự do, giọng thơ trữ tình chính luận sâu lắng.

III.Kết bài: 0.25

- Tóm lại vấn đề đã nghị luận

- Cảm nghĩ bài học cuộc sống từ 2 đoạn thơ: xác định lí tưởng sống cao đẹp, tình yêu đất nước, lòng biết ơn với thế hệ cha anh.

	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	(0,25)

ĐỀ SỐ 22- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

TẠM BIỆT HUẾ

-Thu Bồn-

*Bởi vì em dắt anh lên những ngôi đền cổ,
Chén ngọc giờ chìm dưới đáy sông sâu.
Những lãng tã như hoàng hôn chống lại ngày quên lãng,
Mặt trời vàng và mắt em nâu...*

*Xin chào Huế một lần anh đến,
Để ngàn lần anh mãi nhớ trong mơ.
Em rất thực nắng thì mờ ảo,
Xin đừng làm em với cổ đô.*

*Áo trắng hồi thuở tìm em không thấy,
Nắng mình mang mấy nhịp Tràng Tiền.
Nón rất Huế nhưng đời không phải thế,
Mặt trời lên từ phía nón em nghiêng.*

*Nhịp cầu cong và con đường thẳng
Một đời anh tìm mãi Huế nơi đâu?
Con sông dùng dằng, con sông không chảy
Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu!*

*Tạm biệt Huế với em là vĩnh biệt,
Hải Vân ơi xin Người đừng tắt ngọn sao khuya.*

*Tạm biệt nhé với chiếc hôn thâm lặng,
Anh trở về hóa đá phía bên kia.*

(Huế, 1980)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.(0.5đ)

Câu 2. Anh/ chị hiểu từ “*minh mang*” như thế nào câu thơ: “*Nặng minh mang mấy nhịp Tràng Tiễn.*”? (0.5đ)

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong câu thơ: “*Một đời anh tìm mãi Huế nơi đâu?*” (1.0đ).

Câu 4. Hình ảnh “*Con sông dùng dằng, con sông không chảy/ Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu!*” trong văn bản trên có gì khác so với hình ảnh dòng sông Hương trong bài *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử sau đây:

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*

(Ngữ văn 11, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr. 39)

(Trả lời trong khoảng 5-7 dòng) (1.0đ)

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về *tình cảm của con người đối với nơi mình từng gắn bó* được gợi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về đẹp thiên nhiên, con người và cuộc sống kháng chiến trong đoạn thơ sau trích trong bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu):

*Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa”.*

Từ đó, liên hệ đoạn thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng):

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

để nhận xét về đẹp lãng mạn trong cảm hứng sáng tác của mỗi nhà thơ.

-----HẾT-----
HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	<i>Phong cách ngôn ngữ:</i> nghệ thuật	0.5
	2	Từ “ <i>minh mang</i> ” trong câu thơ “ <i>Nắng minh mang mấy nhịp Tràng Tiền</i> ” cho ta thấy được nắng Huế rất sáng và đẹp, ánh nắng trải dài rộng khắp bao trùm không gian.	1.0
	3	- Biện pháp tu từ cú pháp : Câu hỏi tu từ. -Tác dụng: Gọi tâm trạng khắc khoải, xao xuyến của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người xứ Huế mộng mơ.	0.5
	4	- <i>Con sông</i> trong thơ của Thu Bồn gợi niềm say mê trước vẻ đẹp thiên nhiên xứ Huế. Nó dường như muốn dừng lại để ở lại mãi với Huế. Nhưng con sông ấy vẫn phải tiếp tục cuộc hành trình và mang trong mình cảm xúc nuối tiếc, bịn rịn, quyến luyến trước khi xa thành phố Huế. - Còn “ <i>dòng nước buồn thiu</i> ” trong thơ Hàn Mặc Tử lại mang một nỗi buồn day dứt triền miên, cứ thấm sâu mãi vào hồn người. Ngoại cảnh thì chia lìa, buồn lặng lẽ biểu hiện một tâm cảnh: thấm thía nỗi buồn xa vắng, cô đơn và mặc cảm chia lìa trước một tình yêu đơn phương, vô vọng.	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ <i>suy nghĩ về tình cảm của con người đối với nơi mình từng gắn bó</i> được gợi ở phần Đọc hiểu.	2.0
	a.	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: tình cảm của con người đối với nơi mình từng gắn bó	0.25
	c.	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy ý thơ trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn:	1.00

	- Trong đời ai chẳng từng sống ở những mảnh đất, qua những miền quê. Những năm tháng sống với các miền đất ấy, chính là những quãng đời của chúng ta. Khi ta ở, nghĩa là ta đang sống trong hiện tại, tất cả trở nên bình thường vì quá quen thuộc. Thậm chí, ta tưởng như miền đất ta đang ở cũng chỉ như bao nhiêu miền đất khác chỉ là nơi đất ở. Phải đến khi vì một lí do nào đó, ta phải từ giã nơi ấy, quãng đời sống ở đây bỗng trở thành quá khứ, miền đất từng cuu mang ta đã lùi lại phía sau lưng. Bấy giờ, ta mới hiểu: tình cảm mà ta dành cho nó không phải là sự thờ ơ, nguội lạnh mà trong kí ức của ta, miền đất ấy mãi đông đầy trong tâm trí mỗi người. - Con người không chỉ sống ở nơi <i>chôn rau cắt rốn</i>, mà có thể ở nhiều miền quê khác do yêu cầu của công việc và hoàn cảnh. - Hằng ngày, chúng ta thường không mấy may suy nghĩ nhiều đến nơi ta đang gắn bó mà chỉ chú tâm vào công việc cá nhân của mình. Nhưng đến một lúc nào đó, bạn phải rời xa nơi mình đang sống bạn sẽ cảm giác xao xuyến, băng khuâng... -Ta không thể hình dung được đầy đủ về cuộc đời mình nếu thiếu đi những năm tháng sống ở nơi mình từng trải qua. Những kỉ niệm vui đầy là một phần cuộc đời ta, là hành trang tinh thần không thể thiếu. - Phê phán: không ít người vô ơn, phụ bạc với nơi mình từng gắn bó. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: - Về nhận thức: hiểu được ý nghĩa tốt đẹp đời sống tình cảm của con người - Về hành động: tuổi trẻ học tập và rèn luyện, có tình yêu thiên nhiên, cuộc sống...	
	d. Sáng tạo	0,25
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, con người và cuộc sống kháng chiến trong đoạn thơ trích trong bài thơ <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu). Từ đó, liên hệ đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) để nhận xét về đẹp lãng mạn trong cảm hứng sáng tác của mỗi nhà thơ.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp thiên nhiên, con người và cuộc sống kháng chiến trong đoạn thơ trích trong bài thơ <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu). Liên hệ đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) để nhận xét về đẹp lãng mạn trong cảm hứng sáng tác của mỗi nhà thơ.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:	(4.00)

3.1.Mở bài: 0.25

* **Giới thiệu về tác giả, tác phẩm (gợi ý)**

“Mà nói vậy: “Trái tim anh đỏ

Rất chân thật chia ba phần tươi đỏ:

Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều

Phần cho thơ, và phần để em yêu...”

Thật vậy! Từ khi trái tim *dành riêng cho Đảng phần nhiều*, Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Con đường thơ ca của nhà thơ Tố Hữu gắn liền với con đường hoạt động cách mạng của ông. Thơ Tố Hữu thể hiện lẽ sống, niềm vui lớn và tình cảm lớn đối với cách mạng nhân dân, trong đó có bài thơ “Việt Bắc”.

* **Nêu vấn đề cần nghị luận:** Đoạn thơ sau là đoạn thơ tiêu biểu về vẻ đẹp thiên nhiên, con người và cuộc sống kháng chiến: (trích thơ). Cùng với Việt Bắc, đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng) đều thể hiện vẻ đẹp lãng mạn trong cảm hứng sáng tác của mỗi nhà thơ.

3.2.Thân bài: 3.50

a. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích: 0.25 đ

-Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc được giải phóng. Tháng 10 năm 1954, các cơ quan trung ương Đảng và Nhà nước chuyển từ Việt Bắc về thủ đô Hà Nội. Sự lưu luyến giữa kẻ ở và người đi khơi nguồn cảm xúc lớn cho nhà thơ sáng tác “Việt Bắc”.

- Đoạn trích gồm 10 câu thuộc phần một của bài thơ.

b. Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên, con người và cuộc sống kháng chiến trong đoạn thơ trích trong bài thơ Việt Bắc (Tố Hữu): 2.25

* *Về nội dung:*

- Hai câu đầu là hình ảnh chân thực về đời sống, gian nan cực khổ mà âm áp tình quân dân: “*Thương nhau chia củ sắn lùi /Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng*”:

+ *Sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, chăn sui* là những hình ảnh cụ thể chân thực cho thấy cuộc sống kháng chiến vô cùng thiếu thốn.

+ Động từ *chia, sẻ, đắp cùng* thể hiện nghĩa tình cảm động giữa người dân Việt Bắc và cán bộ kháng chiến. Họ đã chia sẻ với nhau từ miếng ăn ngày đói đến hơi ấm trong đêm giá lạnh.

+ Tình thương đem đến cho họ sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng, là cội nguồn sâu xa nhất của nỗi nhớ và tình nghĩa thủy chung.

- Hai câu tiếp theo là hình ảnh người mẹ kết tinh hình ảnh con người và cuộc sống kháng chiến: “*Nhớ người mẹ nắng cháy lưng/Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô*”:

	+ Câu thơ miêu tả hình ảnh cụ thể, quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày của người dân: những người mẹ địu con làm rẫy, làm nương. + Hình ảnh ẩn dụ: “nắng cháy” gợi ra vạt nương ngập nắng, gợi ra tia nắng gay gắt chói chang làm cháy rát lưng người mẹ. Người đọc liên tưởng đến sự chất chiu, tàn tảo, cần cù... + Nhắc đến người mẹ là nhắc đến “lưng” gợi nhớ câu thơ <i>Mặt trời của bắp, em nằm trên lưng</i> trong thơ Nguyễn Khoa Điềm, <i>bóng tròn che lưng mẹ</i> trong bài thơ “Bóng cây Kơ- nia”. Cách nói hoán dụ gợi hình ảnh người mẹ Việt Bắc suốt đời gian khổ mà giàu đức hi sinh. - Sáu câu còn lại: Nhớ về Việt Bắc là nhớ về thiên nhiên, về cuộc sống sinh hoạt kháng chiến một thời khó phai trong tâm khảm mỗi người: “Nhớ sao lớp học I tờ ... Chày đêm nện cối đều đều suối xa” + Điệp từ “nhớ” điệp trùng thể hiện nỗi nhớ dạt dào; + “Lớp học I tờ” là hình ảnh cảm động cho phong trào <i>Bình dân học vụ</i>, xóa nạn mù chữ trong điều kiện chiến tranh khốc liệt, trường kì; + Dù trong cuộc sống khó khăn, thiếu thốn nhưng cán bộ chiến sĩ vẫn có tinh thần lạc quan yêu đời. Trong gian khổ, người kháng chiến vẫn có những đêm liên hoan đầm ấm tình quân dân, cất cao giọng hát lạc quan tin tưởng vào ngày mai tươi sáng. + Những cảnh tượng bình dị, thân thuộc của cuộc sống nơi núi rừng còn hiện ra trong âm thanh rất gợi cảm của “tiếng mõ rừng chiều, chày đêm nện cối, tiếng suối xa”. Những âm thanh vừa gợi cảm giác êm đềm yên ả, vừa phảng phất chút tiêu vắng hoang sơ, cho thấy tình cảm thấm thiết, nỗi nhớ thương sâu đậm... <i>* Về nghệ thuật:</i> - Giọng thơ ngọt ngào tâm tình tha thiết, điệp cú pháp “nhớ sao”,... - Cách ngắt nhịp thơ lục bát hài hoà cân đối, tạo nên nốt nhạc đầm thắm. Hình ảnh thơ chân thực gợi cảm đã thể hiện sâu sắc nỗi nhớ, chính là tình cảm sâu nặng của người cán bộ cách mạng với thiên nhiên và con người Việt Bắc. - Cái tôi trữ tình ở đoạn thơ hoà nhập với cái ta chung. Bức tranh Việt Bắc hiện lên qua nỗi nhớ của người về xuôi trong hoài niệm có ba mảng thống nhất và hoà nhập với nhau: nỗi nhớ thiên nhiên núi rừng Việt Bắc, nhớ con người và nhớ những kỉ niệm về cuộc kháng chiến gian khổ mà chan chứa nghĩa tình. c. Liên hệ đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) để nhận xét về đẹp lãng mạn trong cảm hứng sáng tác của mỗi nhà thơ: 1.0 - Về đoạn thơ trong bài <i>Tây Tiến</i>(Quang Dũng):	
--	---	--

	“Doanh trại bừng lên ngọn đuốc hoa Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ” + Đoạn thơ trở lên lung linh với hội đuốc hoa, tiếng khèn và điệu múa của cô thiếu nữ miền sơn cước, gợi nỗi nhớ về một đêm liên hoan ấm áp tình quân dân trên chặng đường hành quân; + Động từ “bừng” diễn tả không khí lễ hội và tâm trạng thăng hoa của người lính. “Đuốc hoa” chỉ niềm vui lan tỏa làm ấm lòng người chiến sĩ. + Cô gái trong bộ xiêm áo lộng lẫy với dáng vẻ “<i>nàng e ấp</i>”. Cùng lúc là tiếng <i>khèn man điệu</i> nổi lên cuốn hút người lính hòa vào không khí đêm hội. + Tất cả đã góp phần xây hồn thơ bồi đắp tâm hồn lãng mạn và hào hoa của tâm hồn người lính trẻ. + Thể thơ thất ngôn mang đậm chất nhạc và chất thơ. Tác giả đã vẽ ra khung cảnh thiên nhiên và con người miền Tây thật mỹ lệ, thơ mộng và hữu tình. - Nhận xét về đẹp lãng mạn trong sáng tác của mỗi nhà thơ:: + Tương đồng: Vẻ đẹp lãng mạn đều thể hiện qua những hoài niệm đẹp về quá khứ. Nỗi hoài niệm đều hướng về tình quân dân. Tất cả đều thể hiện tinh thần lạc quan của người chiến sĩ cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Pháp. + Khác biệt: ++ Đoạn thơ trong <i>Tây Tiến</i> được nhìn qua lăng kính hào hoa, lãng mạn của người lính Tây Tiến. Hình ảnh thơ hiện lên sống động tươi đẹp, đậm màu sắc văn hoá dân tộc gắn liền miền Tây dữ dội, thơ mộng; + Đoạn thơ trong Việt Bắc được nhìn qua hoài niệm của người cán bộ về xuôi trong giây phút chia tay với nhân dân. Hình ảnh thơ giản dị, đậm tính dân tộc gắn liền với Việt Bắc- cái nôi của cách mạng. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa của 2 đoạn thơ; - Bài học cuộc sống được rút ra: tấm lòng thủy chung cách mạng, tình yêu thiên nhiên, niềm lạc quan yêu đời...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.(Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	(0,25)

ĐỀ SỐ 23- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“...Tôi nhận ra, sau khi đã rời xa quê nhà, chiếc bánh chưng không hẳn chỉ là một món ăn truyền thống, nó đã thành sợi dây gắn bó của chính tôi với quê hương. Nếu còn ở Việt Nam, hẳn tôi và các con tôi sẽ không bao giờ biết thế nào là gói bánh, bởi nếu không có ông bà gói hộ và mang đến cho, chúng tôi cũng có thể dễ dàng mua ở bất cứ đâu. Tôi cũng sẽ không cần lo lắng các con lớn lên mà không hiểu được ý nghĩa ngày Tết là gì. Thế nhưng, tại một nơi cách Việt Nam 16 tiếng đồng hồ bay, việc cả nhà cùng gói mấy chiếc bánh chưng lại khiến tôi nao lòng đến thế.

Tôi đã gần như bật khóc khi cầm thành phẩm hít hà, mùi của lá dong, mùi của nếp, mùi của Tết đây rồi. Bánh dẻo, thơm mùi lá chín, bên trong đậm đà thịt và mỡ quyện vào nhau. Bọn trẻ vui tươi nhìn mâm cơm có bánh, giò, gà luộc và dưa muối: "Trông giống Tết ở nhà ông bà rồi mẹ nhỉ?"

Hóa ra, những thứ gắn kết tôi với quê hương chính là những điều nhỏ bé như việc tự tay gói chiếc bánh chưng cùng cả nhà đón Tết nơi xứ người. Khi cầm trên tay cái bánh, trái tim xa quê hương của tôi phần nào được chữa lành, được an ủi. Tôi cảm nhận sâu sắc rằng mình thực sự là một người Việt Nam. Và tôi mong rằng, các con của tôi, dù mang quốc tịch nào, sống ở đâu, cũng sẽ luôn nhận rõ mùi vị mà chúng thuộc về”.

Ngô Thị Phương Lê

(<https://vnexpress.net/goc-nhin/nho-thuong-mui-tet-3878940.html>)

Câu 1. Nhân vật “tôi ” nhận ra điều gì về “chiếc bánh chưng” thể hiện trong văn bản?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng một biện pháp tu từ cú pháp trong câu: *Tôi đã gần như bật khóc khi cầm thành phẩm hít hà, mùi của lá dong, mùi của nếp, mùi của Tết đây rồi..*

Câu 3. Trong văn bản, tại sao nhân vật “tôi ” “cảm nhận sâu sắc rằng mình thực sự là một người Việt Nam” khi “tôi” mang quốc tịch Việt Nam?

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm này không: *Hóa ra, những thứ gắn kết tôi với quê hương chính là những điều nhỏ bé như việc tự tay gói chiếc bánh chưng cùng cả nhà đón Tết nơi xứ người.* Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa “Tết sum vầy” trong cuộc sống hôm nay được gợi ra ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*, hơn một lần nhà văn Tô Hoài để nhân vật Mị nghĩ về A Sử, tiêu biểu:

Đoạn 1:

“*Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau. Nếu có năm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.*”

Đoạn 2:

“*...Mị chợt nhớ lại đêm năm trước, A Sử trói Mị, Mị cũng phải đứng trói thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không lau đi được...*”

(Tô Hoài - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.8 và tr.13)

Phân tích hình ảnh nhân vật Mị trong hai lần được miêu tả như trên, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Độc hiểu	3.0
	1	Nhân vật “tôi ” nhận ra : <i>chiếc bánh chưng không hẳn chỉ là một món ăn truyền thống, nó đã thành sợi dây gắn bó của chính tôi với quê hương.</i>	0.5
	2	-Biện pháp tu từ cú pháp: liệt kê/ lặp cú pháp (<i>mùi của lá dong, mùi của nếp, mùi của Tết</i>). (HS chọn 1 trong 2) - Tác dụng (chung cho cả 2) + Tạo âm hưởng trong diễn đạt câu văn; + Nhấn mạnh và làm rõ hơn hương vị của chiếc bánh chưng, qua đó bộc lộ tâm trạng nhớ quê hương của tác giả ...	0.5
	3	Trong văn bản, nhân vật “tôi ” “ <i>cảm nhận sâu sắc rằng mình thực sự là một người Việt Nam</i> ” khi “tôi” mang quốc tịch Việt Nam. Bởi vì: nhờ việc gói bánh chưng mà tôi sống lại kỉ niệm trong thời gian được sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Giờ tôi đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nhưng vẫn không bao giờ bị mất gốc.	1.0
	4	Anh/ chị có đồng tình với quan điểm này không: <i>Hóa ra, những thứ gắn kết tôi với quê hương chính là những điều nhỏ bé như việc tự tay gói chiếc bánh chưng cùng cả nhà đón Tết nơi xứ người.</i> Vì sao? HS có thể trả lời đồng tình/ không đồng tình/đồng tình một phần tùy theo suy nghĩ nhưng cần có lý giải phù hợp, sau đây là gợi ý: - Đồng tình: <i>những điều nhỏ bé như việc tự tay gói chiếc bánh chưng cùng cả nhà đón Tết nơi xứ người</i> chính là sợi dây gắn kết giữa tôi nói riêng, những người xa xứ nói	1.0

		chung với quê hương. Bởi lẽ, hình ảnh bánh chưng, bánh dày là biểu hiện của phong tục tập quán hàng nghìn năm qua của dân tộc. Nó gợi nhớ đến cội nguồn, gắn sâu trong tiềm thức mỗi người. Gói bánh chưng là nhớ đến Tết cổ truyền, là nhớ đến quê hương, đất nước thân yêu. - Không đồng tình: Sợi dây gắn kết giữa cá nhân với quê hương đối với kiều bào đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không chỉ có trong việc làm gói bánh chưng. Cuộc sống vốn dĩ vô cùng phong phú. Vì thế, mỗi người đều thể hiện tấm lòng của mình với quê hương, Tổ quốc bằng nhiều hình thức, nhiều việc làm khác nhau... - Đồng tình một phần: dung hòa hai ý trên.	
II		Làm văn	
	1	Hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa “Tết sum vầy” trong cuộc sống hôm nay được gợi ra ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa “Tết sum vầy” trong cuộc sống hôm nay	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: - “Tết sum vầy” là dịp để mọi thành viên trong gia đình, dòng họ, mở rộng ra là cả dân tộc được đoàn viên bên nhau, nhớ về ông bà tổ tiên, hướng về đất nước. - “Tết sum vầy” thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc ta, thể hiện qua việc giúp đỡ về vật chất lẫn tinh thần cho những người xa nhà, cho những người có hoàn cảnh khó khăn...được sống trong niềm vui, hạnh phúc, thành động lực để họ vượt qua thử thách của cuộc sống; - “Tết sum vầy” là dịp để kiều bào ở nước ngoài gửi gắm niềm thương, nỗi nhớ về quê hương, đất nước; giáo dục con cháu về cội nguồn; về bản sắc văn hoá dân tộc; - Phê phán một bộ phận giới trẻ hiện nay lợi dụng Tết cổ truyền để làm những việc phi pháp, trái với chuẩn mực đạo đức; - Rút ra bài học nhận thức và hành động: Tuổi trẻ phải hiểu ý nghĩa của “Tết sum vầy” mỗi độ xuân về. Bản thân cố gắng học tập, tu dưỡng đạo đức, biết sống tốt, sống có ích để cùng mọi người vui xuân lành mạnh, văn hoá.	1.00
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi	0,25

		trở lên sẽ không tính điểm này)	
2	Phân tích hình ảnh nhân vật Mị trong hai lần được miêu tả ..., từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.		5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.		(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình ảnh nhân vật Mị trong hai lần được miêu tả ..., từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.		(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 * Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm và khái quát vấn đề nghị luận - Tô Hoài là nhà văn xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tô Hoài sáng tác theo xu hướng hiện thực, thiên về phản ánh những sự thật của cuộc sống đời thường trong những trang viết bình dị, tinh tế và đầy chất thơ. -Trong số những sáng tác về mảnh đất và con người Tây Bắc phải kể đến “Vợ chồng A Phủ” của nhà văn. -Nêu vấn đề: trong tác phẩm, nhà văn nhiều lần miêu tả nhân vật Mị trong mối quan hệ với nhân vật A Sử nhằm góp phần thể hiện tính cách của cô gái trong thân phận làm dâu gạt nợ ở nhà thống lí. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tác phẩm, nhân vật Mị : -Truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” được sáng tác năm 1952 và in trong tập "Truyện Tây Bắc " (1953). Đây là một tác phẩm có giá trị của văn xuôi Việt Nam hiện đại khi phản ánh chân thực và sinh động con đường của nhân dân miền núi cao Tây Bắc đi theo cách mạng. -Tác phẩm gồm hai phần : Phần đầu kể về cuộc sống tủi nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ trong nhà thống lí Pá Tra. Kết thúc phần đầu là cảnh Mị cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi nhà Pá Tra. Phần sau kể Mị và A Phủ ở Phiềng Sa, họ thành vợ chồng, được cán bộ A Châu giác ngộ cách mạng. A Phủ trở thành đội trưởng du kích đánh Pháp bảo vệ làng. - Khái quát về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của Mị: Mị là nạn nhân của chế độ cho vay nặng lãi dưới ách thống trị của bọn chúa đất miền núi Tây Bắc. Nhưng, nhà văn đã phát hiện và ca ngợi sức sống tiềm tàng, khát vọng tự do và tinh thần phản kháng mạnh mẽ. Điều đó được thể hiện sâu sắc trong đêm tình mùa xuân, khi Mị bị A Sử trói, không cho đi chơi xuân.		(4.00)

b. Phân tích, cảm nhận về nhân vật Mị qua 2 lần miêu tả khi nghĩ đến nhân vật A Sử:

b.1. Trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài, nhân vật Mị thể hiện sự xót xa, tủi nhục đau đớn khi nghĩ về A Sử:

- Đêm tình mùa xuân diễn ra trong sắc xuân đầy màu sắc, “cỏ gianh vàng ửng”, bí đỏ, váy hoa xòe trên mỏm đá như con bướm sắc sỡ.

- Giữa mùa xuân ấy, tâm hồn Mị được đánh thức bởi tiếng sáo, thổi bùng lên trong Mị khát khao yêu và được yêu. Mị lén uống rượu cho quên đi thực tại đắng cay, sống lại về quá khứ. Mị vào buồng, “thấy phơi phơi trở lại”, “Mị muốn đi chơi”. Nhưng nhớ về A Sử bỗng làm Mị xót xa.

+ “*Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau*”: A Sử và Mị “không có lòng”, không yêu nhau, nhưng phải làm vợ chồng. Đây cũng là đau khổ dành cho Mị, sống cùng người mình không yêu, cuộc sống của Mị không khác gì là địa ngục. Đó là cuộc hôn nhân không có tình yêu;

+ “*Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa.*”. “Lá ngón”: là loại lá cây rất độc. Trước kia, Mị cũng đã từng nghĩ đến việc ăn lá ngón để quyên sinh, nhưng vì thương cha mà từ bỏ. Lần này, ý muốn đó lại trỗi dậy, muốn chết để từ bỏ cuộc sống này. Đây là một hình thức phản kháng lại xã hội bất công do bọn chúa đất miền núi Tây Bắc gây ra;

+ “*Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.*”: Đây là câu văn diễn tả nội tâm của Mị làm cảm động người đọc. Có thể hiểu trong hoàn cảnh này là nước mắt của Mị, hay cũng chính là nước mắt của nhà văn Tô Hoài khóc cho số phận con người. “*Ứa*” vừa là động từ mạnh, vừa thể hiện cảm xúc xót xa đến cao độ cho sự đau khổ của một người con gái khao khát tự do nhưng không thể thực hiện được;

- Ý nghĩa: Qua suy nghĩ của Mị về cuộc hôn nhân với A Sử trong đêm tình mùa xuân, Tô Hoài gián tiếp tố cáo tội ác của cha con thống lí Pá Tra- A Sử. Chính chúng đã chà đạp lên khát vọng tự do, khát vọng tình yêu, hạnh phúc của người dân vô tội. Đồng thời, nhà văn thể hiện sự xót xa, cảm thông cho số phận người dân miền núi Tây Bắc...

b.2. Trong đêm cứu A Phủ, một lần nữa Mị nghĩ về A Sử, thể hiện tinh thần phản kháng quyết liệt.

- Đó là “*những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn*”, lạnh đến mức “*không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo*”. Cùng lúc ấy, A Phủ bị trói, nhưng lòng Mị không chút xót thương “*vẫn thổi lửa, hơ tay*”, và “*nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, thì cũng thế thôi*”. Mị thờ ơ, vô cảm.

- Nhưng Mị đã thay đổi tâm trạng khi nhìn thấy “*một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hòm má đã xem đen lại*” của A Phủ.

	+“Mị chợt nhớ lại đêm năm trước, A Sử trói Mị, Mị cũng phải đứng trói thế kia.”: Mị nhớ về A Sử, kẻ đã bắt trói đứng Mị. Dòng nước mắt khơi gợi lại kí ức trong Mị. Mị cũng phải chịu trói đứng. Mị bắt đầu nghĩ về bản thân, cho thấy phần nào ý thức của con người Mị chưa chết. +“Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không lau đi được...”: Từ bản thân, Mị bắt đầu nghĩ cho người khác. Cũng giống như Mị, A Phủ cũng chịu trói đứng, nhưng nhờ “dòng nước mắt lấp lánh”, nó đã đánh thức toàn bộ tính người trong Mị, hồi sinh con người trước kia. Hóa ra, do ở lâu trong cái khổ, Mị buộc phải đóng kín mình lại, để sống, để sinh tồn. Nhưng qua dòng nước mắt, chính nó đã đặt ra sự tương đồng giữa Mị và A Phủ, qua hình ảnh của mình trong A Phủ, trong Mị cũng hình thành sự đồng cảm sâu sắc. - Ý nghĩa: Qua đoạn trích trong đêm cứu A Phủ, Tô Hoài đã miêu tả cô Mị giàu sự đồng cảm, với lòng thương người sâu sắc. Sau hết, Mị cũng bày tỏ tình thần phản kháng tiềm ẩn nhưng không kém phần quyết liệt, biết phân định cái ác. b.3. Nghệ thuật - Khả năng miêu tả tâm lý nhân vật sâu sắc, đi sâu khai thác diễn biến tâm trạng của nhân vật; -Ngôn từ độc đáo, giàu ý nghĩa, giọng văn đầy chất thơ; c. Nhận xét sự thay đổi của nhân vật Mị: -Qua hai lần nghĩ về A Sử, Mị đều có một thái độ rất đặc biệt. Mị luôn giữ một tình thần phản kháng khi đối diện với cái xấu, tiêu biểu đó là tên A Sử vũ phu, tàn bạo. -Trong đêm cứu A Phủ, ý thức của Mị không chỉ dừng lại ở bản thân Mị. Nó tiếp tục được nâng lên cao, trở thành sự đồng cảm, tương thân tương ái đến với người xa lạ mà đồng cảnh ngộ là A Phủ. Hơn nữa, một cô Mị muốn chết để thoát khỏi sự đọa đày diễn ra trong đêm tình mùa xuân đã được lột xác, trở thành con người giàu lòng nhân ái, sẽ chia đau đớn với A Phủ; chuẩn bị cho hành động táo bạo sau này là cắt dây trói cứu người và chạy trốn sang Phiềng Sa. - Qua sự thay đổi tâm trạng của Mị, tác giả Tô Hoài đã nhìn thấy sự phát triển tâm lí, tính cách của nhân vật, khẳng định sự vùng lên tất yếu của người dân bị áp bức, chống lại thần quyền và cường quyền để được tự do, hạnh phúc. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại vấn đề đã nghị luận - Bài học cuộc sống được rút ra từ nhân vật Mị: khao khát tình yêu, hạnh phúc; đấu tranh đòi quyền sống, quyền tự do...	(0,25)
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị	(0,25)

	luận.	
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,25)

ĐỀ SỐ 24- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Trên đường đời bạn cũng có lúc vấp ngã. Tôi cũng vậy. Ngay cả người tài giỏi, khôn ngoan nhất cũng có lúc vấp ngã. Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại. Điều chúng ta cần ghi nhớ là, cuộc sống không phải là một cuộc thi đỗ - trượt... Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp. Những người đạt được thành công phần lớn là người biết đứng dậy từ những sai lầm ngớ ngẩn của mình bởi họ coi thất bại, vấp ngã chỉ là tạm thời và là kinh nghiệm bổ ích. Tất cả những người thành đạt mà tôi biết đều có lúc phạm sai lầm. Thường thì họ nói rằng sai lầm đóng vai trò quan trọng đối với thành công của họ. Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình, và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết. Nếu thất bại năm lần, họ cố gắng đứng dậy năm lần, mỗi lần một cố gắng hơn. Winston Churchill đã nắm bắt được cốt lõi của quá trình này khi ông nói: “Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên”.

(Cuộc sống không giới hạn, Nick Vujicic, chương VII, trang 236)

1. Tác giả đưa ra quan niệm gì về cuộc sống?
2. Theo anh, chị, bài học quan trọng nhất được rút ra từ thông điệp trên là gì?
3. Tại sao: *Chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại?*
4. Em có đồng ý với quan điểm của Winston Churchill: *Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên.* Hãy nêu suy nghĩ của mình.

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về ý nghĩa của việc *đứng dậy sau vấp ngã* đối với tuổi trẻ trong cuộc sống được gợi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, trong cuộc đối thoại với nhân vật Đế Thích, nhân vật Hồn Trương Ba có nghĩ đến người thân: “*Ông tưởng tôi không ham sống hay*

sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ. Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi!...” và trong đoạn kết, khi Vợ Trương Ba hỏi: “Ông ở đâu? Ông ở đâu?”, nhân vật Trương Ba trả lời: “ Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái coi bà đựng trầu, con dao bà giã cỏ... Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu...”.

(Lưu Quang Vũ - Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.152 và tr.153)

Phân tích hình ảnh nhân vật Trương Ba trong hai lần trên, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I		Độc hiểu	3.0
	1	Tác giả đưa ra quan niệm về cuộc sống: <i>Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp.</i>	0.5
	2	Bài học quan trọng nhất được rút ra từ thông điệp: - Hãy dũng cảm đối diện với thất bại. Vấp ngã, sai lầm sẽ giúp bạn trưởng thành hơn. - Nhiệt huyết và quyết tâm là yếu tố then chốt trong quá trình vươn tới thành công.	1.0
	3	<i>Chỉ những người nào mà không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới thực sự là kẻ thất bại trong cuộc đời.</i> Mỗi lần ta vấp ngã mà không biết đứng dậy, bản thân ta chỉ biết giậm chân một chỗ, đồng nghĩa với việc con người ta không có ý chí, nghị lực sau những lần thất bại, không thể vượt qua những khó khăn, thử thách, không biết vươn lên.	0.5
	4	Quan điểm của Winston Churchill: <i>Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên.</i> Đồng ý. Vì: - Để đi đến thành công, không ai chưa từng gặp thất bại hoặc sai lầm. Thất bại là bài học kinh nghiệm quý giá. - Thắng không kiêu, bại không nản giúp cho mỗi người giữ được quyết tâm để hoàn thành mục tiêu lớn lao của cuộc đời. - Nhiệt huyết và quyết tâm giúp mỗi người không rơi vào chán nản, tuyệt vọng. Mỗi thất bại ngược lại sẽ là động lực lớn lao.	1.0

II		Làm văn	
1		Anh/chị hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về ý nghĩa của việc <i>đứng dậy sau vấp ngã</i> đối với tuổi trẻ trong cuộc sống được gọi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ - Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. - Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về ý nghĩa của việc <i>đứng dậy sau vấp ngã</i> đối với tuổi trẻ trong cuộc sống	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, trong đó nổi bật là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: - <i>Vấp ngã</i> có nghĩa là gặp phải hoàn cảnh khó khăn, trở ngại khiến ta không thể đạt đến mục đích trong công việc và trong cuộc sống. Ở đây, vấp ngã có thể hiểu là thất bại. - Tại sao không nên sợ vấp ngã? Vấp ngã là một phần của cuộc sống. Và thành công cũng thế. Không có vấp ngã sẽ không thể có thành công. Chính mỗi lần vấp ngã đem lại cho con người nguồn sức mạnh mới hơn, lớn hơn. Có vấp ngã ta mới làm lại và rút kinh nghiệm quý báu cho bản thân. Có vấp ngã ta mới biết mình còn nhiều yếu kém cần phải sửa chữa, sai lầm cần phải khắc phục. “Vạn sự khởi đầu nan” đúng như lời ông cha ta nói. Hãy không chế nỗi sợ hãi để bước qua được những gian nan đầu tiên đó, chắc chắn con đường tương lai sẽ rộng mở trước mắt bạn và thành công sẽ đến với bạn không xa. - Ý nghĩa của việc <i>đứng dậy sau vấp ngã</i> đối với tuổi trẻ trong cuộc sống + Nhờ <i>đứng dậy sau vấp ngã</i>, tuổi trẻ có ý chí, nghị lực vươn lên sau những lần thất bại; + Tuổi trẻ không bị hoàn cảnh khuất phục, không hèn nhát và yếu đuối; + Là cơ hội để đem lại thành công trong cuộc sống. - Chứng minh: Jack Ma, khi còn trẻ không phải là một học sinh xuất sắc. Ông gặp rất nhiều khó khăn, không vượt qua bài thi quan trọng ở trường tiểu học hai lần, trượt ba lần trong kì thi ở cấp hai, và dù thi lại hai lần ông vẫn không thể bước vào cánh cổng của trường đại học. Ông gửi hồ sơ lên đến mười lần nhưng đều bị Harvard từ chối mười lần. Nhưng ông không hề nản chí, vẫn lạc quan dù đã bị ba mươi công ty từ chối... Ông trở thành một doanh nhân thành đạt, ông chủ đế chế Alibaba và cũng là tỷ phú giàu nhất Trung Quốc.	1.00

	- Phê phán một bộ phận giới trẻ chỉ biết ỷ lại vào cho số phận, không biết đứng lên sau những thất bại của bản thân . - Rút ra bài học nhận thức và hành động hợp lí, chân thành, thực tế.	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Phân tích hình ảnh nhân vật Trương Ba trong hai lần thể hiện trong vở kịch, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nhân vật Trương Ba trong hai lần thể hiện, từ đó làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 * Giới thiệu tác giả, tác phẩm: -(Dẫn ý) Raxun Gamzatop từng nói: “ Cái tâm nhờ cái tài mà cháy lên, cái tài nhờ cái tâm mà tỏa sáng”. Câu nói này làm ta có những liên tưởng đến vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ. Tác phẩm là sự kết hợp hài hòa giữa cái ‘tâm’ của người nghệ sĩ chân chính, cái ‘tài’ của nhà soạn kịch xuất sắc... -Lưu Quang Vũ là gương mặt tiêu biểu cho nền văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại, được coi là hiện tượng đặc biệt của sân khấu, là một trong những nhà soạn kịch tài năng. * Nêu vấn đề: Trong cuộc đối thoại giữa Trương Ba với Đế Thích, nhân vật Trương Ba nghĩ đến những người thân và trong đoạn kết, Trương Ba tâm sự những lời sau cùng với người vợ, người đọc thấy được sự thay đổi của nhân vật. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát tác phẩm: 1.Giới thiệu chung . -Vở kịch "Hồn Trương Ba, da hàng thịt" được sáng tác năm 1981, đến năm 1984 mới ra mắt công chúng. Đây là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ, đã công diễn nhiều lần trên sân khấu trong và ngoài nước . Vở kịch được sáng tác trong không khí đổi mới tư duy, ý thức dân chủ trong đời sống, phong trào	(4.00)

đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội. vở kịch gồm 7 cảnh, được tác giả sáng tác dựa trên một cốt truyện dân gian .

- Đoạn trích "*Vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt*" nằm ở cảnh 7 của vở kịch. Qua việc xây dựng xung đột giữa tâm hồn thanh cao của Trương Ba với thể xác phàm tục của anh hàng thịt, tác giả đã khắc hoạ bi kịch tha hoá và cuộc đấu tranh gay gắt bảo vệ, hoàn thiện nhân cách của con người. Từ đó tác giả đã phê phán một số hiện tượng tiêu cực trong xã hội và gửi gắm triết lý nhân sinh sâu sắc về yêu cầu thống nhất giữa thể xác và tâm hồn .

b. Phân tích nhân vật Trương Ba qua 2 lần đối thoại khi nhắc đến người thân :

*** Về nội dung:**

-Trong cuộc đối thoại với nhân vật Đế Thích, nhân vật Hồn Trương Ba có nghĩ đến người thân: "*Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ. Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi!...*" :

+ "*Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ.* Lời thoại này gợi lại bị kích của Hồn Trương Ba khi bị nhập vào xác hàng thịt. Từ ngày sống trong Xác hàng thịt, Trương Ba không còn như trước nữa. Hồn đã bị Xác điều khiển, làm những điều mà mình không muốn. Hồn Trương Ba ở vào thế yếu, đuối lí bởi xác nói những điều mà dù muốn hay không muốn Hồn vẫn phải thừa nhận: cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với "tay chân run rẩy", "hơi thở nóng rực", "cổ nghẹn lại" và "suýt nữa thì...". Đó là cảm giác "xao xuyến" trước những món ăn mà trước đây Hồn cho là "phàm". Đó là cái lần ông tát thẳng con ông "tóc máu mồm máu mũi". Xác anh hàng thịt gợi lại tất cả những sự thật ấy khiến Hồn càng cảm thấy xấu hổ, cảm thấy mình ti tiện. Xác anh hàng thịt còn cười nhạo vào cái lí lẽ mà ông đưa ra để nguy biện: "Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,...". Trong cuộc đối thoại này, xác thắng thế nên rất hể hả tuôn ra những lời thoại dài với chất giọng khi thì mỉa mai cười nhạo, khi thì lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc. Hồn chỉ buông những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.

+ *Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi!...*: Lời thoại này gợi nỗi đau của Trương Ba khi đối thoại với người thân trong gia đình:

++ Người vợ mà ông rất mực yêu thương giờ đây buồn bã và cứ nhất quyết đòi bỏ đi. Với bà "đi đâu cũng được còn hơn là thế này". Bà đã nói ra cái điều mà chính ông cũng đã cảm nhận được: "ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".

++Cái Gái, cháu ông giờ đây đã không cần phải giữ ý. Nó một mực khước từ tình thân: tôi không phải là cháu ông... Ông nội tôi chết rồi. Cái Gái yêu quý ông nó bao

nhiều thì giờ đây nó không thể chấp nhận cái con người có “bàn tay giết lợn”, bàn chân “to bè như cái xẻng” đã làm “gãy tiết cái chồi non”, “giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm” trong mảnh vườn của ông nội nó. Nó hận ông vì ông chữa cái điều cho cu Tị mà làm gãy nát khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bất đền. Với nó, “Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy”. Nỗi giận dữ của cái Gái đã biến thành sự xua đuổi quyết liệt: “Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!”.

++Chị con dâu là người sâu sắc, chín chắn, hiểu điều hơn lẽ thiệt. Chị cảm thấy thương bố chồng trong tình cảnh trở trêu. Chị biết ông khổ lắm, “khổ hơn xưa nhiều lắm”. Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình “như sắp tan hoang ra cả” khiến chị không thể bầm bụng mà đau, chị đã thốt thành lời cái nỗi đau đó: *“Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa...”*

+Ý nghĩa trong lời thoại của Trương Ba: thể hiện lối sống cao đẹp của Trương Ba. Cuộc sống đáng quý biết bao, nhưng sống mà không được là mình, làm liên lụy đến người khác, nhất là người thân thì thà chết còn hơn.

-Trong đoạn kết, khi Vợ Trương Ba hỏi: “Ông ở đâu? Ông ở đâu?”, nhân vật Hồn Trương Ba trả lời: *“Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái coi bà đựng trầu, con dao bà giấy cỏ... Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu...”*.

+Người vợ đầu ấp tay gối với Trương Ba là một người phụ nữ một mực yêu thương chồng con, tôn trọng người chồng của mình. Bà đã nhớ người chồng của mình và tha thiết gọi người chồng mình “ Ông ở đâu? Ông ở đâu?” tại mảnh vườn, nơi mà Trương Ba yêu quý.

+ Cho dù không còn trên đời này, nhưng Trương Ba vẫn sống mãi trong nỗi nhớ của người thân yêu, trong hình ảnh thân quen của cuộc đời. Đoạn văn sử dụng phép liệt kê để nói lên điều đó: *bậc cửa nhà ta, ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, cái coi bà đựng trầu, con dao bà giấy cỏ, vườn cây...* và sâu sắc, triết lí nhất là: *trong những điều tốt lành của cuộc đời...*

+Giờ đây Trương Ba tuy không được tận tay chăm sóc cho vườn cây, không được trực tiếp trò chuyện, vui cười cùng mọi người trong gia đình, nhưng khi chấp nhận cái chết, ông vẫn hạnh phúc vì tâm hồn mình được vẹn nguyên, vì không phải mượn nhờ thân xác của ai nữa cả. Ông chỉ là ông, là một Trương Ba trọn vẹn, đạo đức, hiền lành như ngày nào. Những kỷ niệm tốt đẹp về ông vẫn còn mãi trong lòng mọi người. Không những thế, trái tim nhân hậu của Trương Ba đã gieo lên bao mầm

non đạo đức cho con cháu.

+Cái chết của Trương Ba đã bùng sáng tư tưởng nhân văn của đoạn trích về một con người cao cả, lớn lao trong trái tim những người thân của mình. Chỉ khi được sống làm chính mình, cuộc sống mới có ý nghĩa trọn vẹn. Không thể nào sống nương nhờ vào kẻ khác, vào những thứ không phải của chính mình. Gia đình Trương Ba dù trống vắng khi mất đi một người thân yêu, nhưng như vậy còn bình yên hơn là phải chấp nhận một vật thể bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo. Trương Ba đã ra đi, nhưng những kỷ niệm, những dấu ấn tốt đẹp về ông vẫn còn lưu giữ mãi trong nỗi nhớ của mọi người.

+ Ý nghĩa lời thoại của Hồn Trương Ba với người vợ:

++Đó là cách giải quyết bi kịch thật sáng suốt và đúng đắn, qua đó thể hiện Trương Ba là con người có tấm lòng cao thượng, vị tha;

++ Khẳng định được chân lí muôn đời, muôn người: “Chết trong còn hơn sống đục”.

++Khẳng định sự chiến thắng của cái đẹp, cái tốt với cái xấu, cái ác.

*** Nghệ thuật:**

- Những lời thoại trên thể hiện thành công trong nghệ thuật dựng cảnh, xây dựng cuộc đối thoại, độc thoại nội tâm. Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống kịch.

- Những lời độc thoại nội tâm của nhân vật hồn Trương Ba góp phần thể hiện rõ tính cách nhân vật và quan niệm về lẽ sống đúng đắn.

- Ngôn ngữ kịch giàu chất triết lí và chất thơ.

c.Nhận xét sự thay đổi nhân vật Hồn Trương Ba qua 2 lời thoại:

- Nhân vật Trương Ba trong màn đối thoại với Đế Thích và đoạn kết đã cho ta thấy được bi kịch của một người không thể sống là chính mình; bi kịch bị người thân cự tuyệt và đỉnh điểm là nhận ra được chính bản thân mình bị tha hóa. Để rồi từ đó, Trương Ba muốn *chết thật* cũng như việc muốn làm chính mình. Trương Ba là một người luôn suy nghĩ đến người thân yêu.

- Ở lần đối thoại với Đế Thích, Trương Ba cũng như bao người khi được sinh ra trên cõi đời này đều muốn được sống. Nhưng ông không thể chấp nhận sống giả tạo, sống chấp vá, khắp khiêng, vênh lệch, không muốn người thân phải liên lụy, khổ đau.

- Ở lần tâm sự với người vợ, Trương Ba đã “*chết thật*”. Đó là cách ứng xử đậm chất nhân văn. Những câu hỏi và ý nguyện của Trương Ba với Đế Thích cũng chính là tiền đề để ông đi đến quyết định đi vài cõi tử. Bởi vì, chỉ khi ông được sống là chính mình thì mới được “sống mãi mãi”, một cuộc sống nguyên vẹn, trong sạch, thanh cao mà ông đã từng có, và chỉ khi ông chết đi thì ông mới được bắt đầu trong lòng người

	thân. - Vở kịch đã khép lại và mang đến cho người xem một triết lí sống thấm đẫm giá trị nhân văn, ngợi sáng nhân cách cao đẹp của con người: được sống làm người là điều rất quý giá, thiêng liêng. Nhưng được sống đúng bản chất của mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có và theo đuổi nó còn quý giá hơn. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống một cách tự nhiên, hài hoà giữa thể xác và tâm hồn. Ở đó, hạnh phúc của con người là chiến thắng được bản thân, chiến thắng sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị cao quý về tinh thần. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại vấn đề đã nghị luận; - Cảm nghĩ bài học cuộc sống từ nhân vật Trương Ba: sống là chính mình, sống vị tha, cao thượng; luôn đấu tranh để giữ vững nhân cách...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,25)

ĐỀ SỐ 25- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2019-Lần 3

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Văn Đình Hồng Vũ, cô gái khởi nghiệp thành công ở thung lũng Silicon (Mỹ) với phần mềm học phát âm tiếng Anh ELSA đang có hơn 4 triệu người dùng ở 101 quốc gia, là một trong 10 gương mặt trẻ Việt Nam tiêu biểu năm 2018.

Được giải thưởng Gương mặt trẻ Việt Nam tiêu biểu năm 2018, Vũ có thông điệp gửi gắm tới các bạn trẻ Việt Nam:

Bản thân Vũ cảm thấy rất vinh dự được nhận giải thưởng Gương mặt trẻ Việt Nam tiêu biểu. Dù khởi nghiệp tại Mỹ, nhưng Vũ vẫn luôn là một người con của Việt Nam, là một doanh nhân Việt với trái tim Việt trên đất Mỹ.

Người ta thường nói là con người sẽ có xu hướng hối hận với những điều họ KHÔNG làm, hơn là những điều họ ĐÃ làm, chính vì thế nếu được khuyên, Vũ sẽ chỉ khuyên các bạn hãy biết rõ bản thân mình muốn gì, và có can đảm để làm được điều đó. Ba của Vũ cũng từng nói với Vũ: “Con hãy có can đảm để sống một cuộc sống đúng với bản thân mình, không phải cuộc sống mà những người khác mong đợi”.

Được sinh ra như một người Việt Nam, hay người châu Á nói chung, chúng ta thường hay bị gánh nặng về việc phải sống theo những gì gia đình mong đợi, những gì bạn bè

mong đợi, hoặc thậm chí rộng hơn là những gì xã hội mong đợi. Nhưng bằng cách làm như vậy, và khi thời gian trôi qua, bạn sẽ nhận ra có nhiều ước mơ của mình đã không đạt được, bởi vì bạn quá bận rộn với cuộc sống mong đợi của người khác.

Bạn nên chọn làm những gì thực sự quan trọng với bạn. Vũ tin rằng hạnh phúc là một sự lựa chọn. Và chúng ta có thể chọn cách vượt khỏi các chuẩn mực hoặc mong đợi của người khác và bỏ qua những điều đó, để sống một cuộc sống thực sự làm mình hạnh phúc.

Vũ Thơ

(<https://thanhnien.vn/gioi-tre/song-dung-voi-ban-than-1061294.html>)

1. Cô gái Văn Đình Hồng Vũ sẽ chỉ khuyên các bạn điều gì?

2. Chỉ ra và nêu tác dụng một biện pháp tu từ cú pháp trong câu: *Được sinh ra như một người Việt Nam, hay người châu Á nói chung, chúng ta thường hay bị gánh nặng về việc phải sống theo những gì gia đình mong đợi, những gì bạn bè mong đợi, hoặc thậm chí rộng hơn là những gì xã hội mong đợi.*

3. Vì sao Cô gái Văn Đình Hồng Vũ lại cho rằng *Người ta thường nói là con người sẽ có xu hướng hối hận với những điều họ KHÔNG làm, hơn là những điều họ ĐÃ làm.*

4. Bạn có đồng ý với quan điểm: *bạn sẽ nhận ra có nhiều ước mơ của mình đã không đạt được, bởi vì bạn quá bận rộn với cuộc sống mong đợi của người khác không?* Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ để bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa câu nói của Cô gái Văn Đình Hồng Vũ: *hạnh phúc là một sự lựa chọn* được gợi ra ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận vẻ đẹp của sông Hương qua 2 lần miêu tả trong đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường):

Lần 1:

Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Digan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lý giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở.

Lần 2:

Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã

được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya.

Từ đó, nhận xét sự thay đổi trong cái nhìn về dòng sông Hương của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Độc hiểu	3.0
	1	Cô gái Văn Đình Hồng Vũ khuyên chúng ta: “ <i>Hãy biết rõ bản thân mình muốn gì và có can đảm để làm được việc đó</i> ”.	0.5
	2	-Biện pháp tu từ: Lập cấu trúc/ liệt kê: “ Những gì... mong đợi” -Tác dụng: Tạo âm hưởng trong diễn đạt câu văn. Qua đó, người viết nhấn mạnh sự ràng buộc, những thước đo vô lí của mọi người, của xã hội lên từng cá nhân. Đó cũng chính là sự kìm hãm với sự phát triển tự nhiên của con người. Vì lúc đó nó sẽ khiến ta sống theo cách của người khác mong đợi mà bỏ quên mình là ai và bản thân của mình thật sự muốn gì.	1.0
	3	Cô gái Văn Đình Hồng Vũ lại cho rằng <i>Người ta thường nói là con người sẽ có xu hướng hối hận với những điều họ KHÔNG làm, hơn là những điều họ ĐÃ làm</i>. Vì: - Cuộc đời là dòng chảy một chiều, một khi đã qua thì không bao giờ quay lại. Chính vì vậy, khi bản thân mình muốn làm điều gì thì hãy thực hiện, hãy nắm bắt. Dù có thất bại thì nó cũng không làm ta cảm thấy hối tiếc vì mong muốn của mình đã được thực hiện. - Còn nếu ta không thực hiện mong muốn của bản thân, ta sẽ không biết mình sẽ thất bại hay thành công. Và điều đó sẽ khiến ta cảm thấy mãi hối hận.	0.5
	4	Học sinh thể hiện được quan điểm của mình về nhận định được đưa ra ở câu hỏi: đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần. Lí giải thuyết phục lí do lựa chọn quan điểm. -Gợi ý: Đồng ý. Bởi vì, cuộc sống con người là do bản thân mỗi người làm chủ, tự quyết định, tự thực hiện ước mơ. Chứ không phải cuộc sống là chạy theo mong đợi của người khác. Nếu sống cuộc sống theo mong đợi của mọi người, bạn sẽ không còn là chính bạn, bạn sẽ mãi luẩn quẩn trong cuộc chạy đua thành tích, học lực, công việc. Vì điều đó mà đôi lúc bạn chẳng biết mình thực sự muốn gì, ước mơ gì. Cũng chính điều chạy theo mong muốn người khác lại khiến bạn vô tình đánh mất ước mơ của mình. - Không đồng ý: đưa ra lí do hợp lí - Đồng ý một phần: dung hoà hai ý kiến trên.	1.0

II		Làm văn	
1		Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ để bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa câu nói của Cô gái Văn Đình Hồng Vũ: <i>hạnh phúc là một sự lựa chọn</i> được gọi ra ở phần Đọc hiểu.	2.0
	a.	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : về ý nghĩa câu nói của Cô gái Văn Đình Hồng Vũ: <i>hạnh phúc là một sự lựa chọn</i> .	0.25
	c.	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy ý trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: -Giải thích: Hạnh phúc là những trạng thái cảm xúc khi người ta có được, đạt được cái gì đó làm thỏa mãn mong muốn của mình. Lựa chọn là chấp nhận theo đuổi một cái này và từ bỏ những cái khác. Chấp nhận luôn dễ, nhưng từ bỏ chưa bao giờ là dễ dàng. - Bàn luận: +Hạnh phúc không do ai tạo ra cả mà là chính chúng ta tạo ra nó. Lựa chọn của chúng ta là đưa ra quyết định khiến chúng ta cảm thấy thoải mái, hài lòng. +Hạnh phúc không phải là những điều lớn lao như có thật nhiều tiền, nhà lầu , xe hơi,... mà hạnh phúc đôi khi chỉ là những điều nhỏ nhất trong cuộc sống như việc nhìn thấy ba mẹ sống khỏe mạnh, vui vẻ hay là những đứa em đứa con ngoan ngoãn, những người chồng người vợ biết yêu thương nhau, chia sẻ những buồn vui với nhau... +Hạnh phúc khi mình lựa chọn được một điều đúng đắn, khi ta đạt được những ước mơ, những thành công trong công việc. Tuy đó chỉ là những điều nhỏ bé trong cuộc sống nhưng lại mang lại cho ta một cảm giác ấm áp. +Trong cuộc sống này ai cũng có quyền được hạnh phúc. Hạnh phúc là do sự nỗ lực, sự cố gắng của bản thân. Chúng ta hãy biết chia sẻ, yêu thương, biết tiến lên phía trước, biết đứng dậy khi vấp ngã. Hãy luôn tin rằng hạnh phúc luôn luôn ở bên cạnh chúng ta nếu chúng ta biết cố gắng. + Dẫn chứng: Như các tình nguyện viên, dẫu họ bận rộn với cuộc sống riêng mình nhưng họ vẫn lựa chọn hạnh phúc là cách sống của mình. Các tình nguyện viên lấy niềm hạnh phúc của người khác là hạnh phúc của mình. Họ giúp đỡ hộ nghèo, giúp	1.00

	trẻ em cắp sách đến trường, vệ sinh môi trường,hiền mầu nhân đạo. - Phê phán những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu. Một bộ phận giới trẻ sống ảo tưởng, tìm đến những thứ vui vô bổ; gây ra khổ đau cho chính mình và người thân yêu... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: cần nhận thức đúng đắn về hạnh phúc, biết lựa chọn con đường đi cho riêng mình nhưng phải phù hợp với thực tế, không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận về đẹp của sông Hương qua 2 lần miêu tả trong đoạn trích <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>(Hoàng Phủ Ngọc Tường).Từ đó, nhận xét sự thay đổi trong cái nhìn về dòng sông Hương của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vẻ đẹp của sông Hương qua 2 lần miêu tả trong đoạn trích <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>(Hoàng Phủ Ngọc Tường).Nhận xét sự thay đổi trong cái nhìn về dòng sông Hương của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, bút kí <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i>; +Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, có vốn hiểu biết uyên bác ở nhiều lĩnh vực; là nhà văn nổi tiếng của xứ Huế, chuyên về bút kí với lối viết hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa. +<i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> là bài bút kí đặc sắc của ông - Nêu vấn đề cần nghị luận: Trong bài kí này, tác giả đã thành công trong việc miêu tả vẻ đẹp nữ tính của sông Hương qua hai chi tiết:sông Hương ở giữa lòng Trường Sơn và sông Hương gắn liền với thi ca. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về bút kí <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> bút kí <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, đôi nét về nội dung, nghệ thuật) -Bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông”được tác giả sáng tác tại Huế năm1981, in trong tập sách cùng tên. -Bút kí gồm ba phần. Phần đầu miêu tả sông Hương ở thượng nguồn, sông	(4.00)

Hương chảy về thành phố Huế và rời kinh thành, sông Hương trong mối liên hệ với lịch sử dân tộc, với cuộc đời và với thi ca. Phần hai, tác giả nói về di tích thành Cổ Loa Hóa Châu, khẳng định sông Hương và thành phố Huế có một bề dày lịch sử oai hùng. Phần cuối của bài bút kí, tác giả lí giải về tên sông theo huyền thoại của người làng Thành Trung.

b. Vẻ đẹp của sông Hương qua 2 lần miêu tả:

b.1. Ở lần miêu tả thứ nhất:

-Nói tới sông Hương, người ta thường có ấn tượng về sự phẳng lặng, êm đềm trong khung cảnh yên ả, thanh bình của Huế;

-Riêng Hoàng Phủ Ngọc Tường, nhà văn không chỉ dừng lại ngắm nhìn *khôn mặt kinh thành* với vẻ đẹp sang trọng, cổ kính của sông Hương mà còn ngược dòng không gian, tìm về những cánh rừng đại ngàn, khám phá vẻ đẹp bí ẩn, sức mạnh tiềm tàng được đóng kín trong phần hồn sâu thẳm;

-Đặt dòng sông trong mối quan hệ với dãy Trường Sơn, nhà văn thể hiện cảm hứng cùng cái nhìn sâu sắc về cuội nguồn cũng như vẻ đẹp nữ tính của sông Hương:

+ Nhà văn dùng phép nhân hoá biến dòng sông được nhìn như một *cô gái Digan phóng khoáng và man dại* với *bản tính gan dạ, tâm hồn tự do và trong sáng*. Tính cách mạnh mẽ phóng túng của những cô gái Bôhemieng ưa thích cuộc sống tự do, nay đây mai đó, những cô gái xinh đẹp và bí ẩn, yêu thích ca hát và nhảy múa được gắn cho dòng chảy hoang dã, khiến sông Hương khúc thượng nguồn càng trở nên quyến rũ say đắm;

+ Chính rừng già đã mang lại cho sông Hương bản lĩnh ấy. *Rừng già* là hình ảnh của những cánh rừng đại ngàn hoang sơ, bí ẩn, mênh mông. Hình ảnh đem đến sắc thái hoang dại cho dòng sông nơi thượng nguồn. Dòng sông khi trôi chảy trong lòng dãy Trường Sơn đã nhận vào nó tất cả những sắc thái phong phú đa dạng .

+ Nhưng chính rừng già đã *ché ngự sức mạnh bản năng ở người con gái* của sông Hương – một sức mạnh hoang sơ, man dại, vừa sáng ngời rực rỡ vừa khơi gợi quyến rũ, bí ẩn của người con gái trẻ còn năng động, hoạt bát. Để rồi khi ra khỏi rừng già, sông Hương nhanh chóng *mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng xứ sở*. Khi về với Huế - sự dịu dàng như cái bến bình yên sau những thác gềnh sóng gió, sự trí tuệ sau những trải nghiệm gian truân, sông Hương như người mẹ hiền từ, nhân hậu của những con người và vùng đất nơi đây. Nó mang vẻ đẹp êm đềm bình lặng nhưng không nhạt nhẽo, hời hợt, không buồn tẻ mà thâm trầm, sâu sắc;

+ Những hình ảnh phong phú, ấn tượng đã làm hiện lên dòng sông Hương ở giữa lòng Trường Sơn với vẻ đẹp đầy nữ tính đáng yêu, vừa hoang dại, ưa tự do như cô gái vừa dịu dàng, trí tuệ như người mẹ.

b.2. Ở lần miêu tả thứ hai:

-Trong cái nhìn đầy tinh tế của nhà văn, sông Hương còn mang trong mình một nền văn hoá phi vật chất gắn liền với âm nhạc. Đó là vẻ đẹp đầy nữ tính, hiền hoà khiến con sông trở nên đa tình, lãng mạn;

-Bằng sự lãng mạn trữ tình vốn có của một nhà văn đã gắn bó lâu năm với kinh thành Huế, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã nhìn dòng sông một cách đắm say và nhận ra, Hương giang giống như một *“người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya”*. Câu văn nhân cách hoá, liên tưởng độc đáo, sáng tạo, tài hoa biết bao. Sông Hương hiện lên như một người nghệ sĩ với bản đàn sông nước. Nàng đẹp yêu kiều, diễm lệ; kiều sa mà đắm thắm dịu dàng. Người tài nữ ấy đã đánh thức Huế bởi những bản đàn, đánh thức đêm kinh thành bằng lời ca và tiếng hát.

- Chính không gian sông nước ấy là nơi khơi nguồn cảm hứng để: *“toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này”*. Liên tưởng tới việc nghe ca Huế giữa ban ngày, hay trên sân khấu nhà hát, nhà văn đã bày tỏ sự thất vọng của mình vì muốn hiểu được nhạc Huế, ca Huế thì phải nghe chính nó trên chính dòng sông đã sinh ra nó. Trong sự so sánh ấy, nhà văn lại tiếp tục đưa ta vào đêm Huế để lắng đọng cùng với âm nhạc của xứ sở này.

- Với vốn am hiểu sâu sắc về âm nhạc cổ điển Huế, tác giả đã có một cảm nhận hết sức tinh tế: *“trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của một mái chèo khuya”*. Đó là câu văn viết theo lối liên tưởng với cảm nhận âm nhạc. Phải là người có độ thẩm âm cao mới phát hiện ra và có sự so sánh độc đáo đến vậy. “Tiếng nước rơi bán âm” là tiếng nước rơi trong trẻo, gợi hình dung về một đêm khuya thanh vắng trên dòng sông Hương.

b.3. Về nghệ thuật:

- Mang đậm phong cách của thể bút kí vì chất tự do, phóng túng, mê đắm và tài hoa;

- Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế ;

- Ngôn từ phong phú, gợi cảm, câu văn giàu nhạc điệu;

-Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá

c. Nhận xét sự thay đổi trong cái nhìn của tác giả:

- Giống nhau: đều thể hiện được vẻ đẹp đầy nữ tính và thơ mộng của sông Hương. Cho thấy cách cảm nhận và suy nghĩ có bề sâu trí tuệ của nhà văn.

-Khác nhau:

+ Ở lần 1, vẻ đẹp của sông Hương được tác giả nhìn ở góc độ địa lí, miêu tả gắn liền với thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ của rừng già, từ đó làm nổi bật lên vẻ đẹp ở thượng nguồn đầy bí ẩn, man dại với vẻ đẹp bình lặng dịu dàng, trí tuệ của dòng sông xứ Huế ;

	+ Ở lần 2, vẻ đẹp nữ tính của sông Hương gắn liền với âm nhạc Huế. Sông Hương như cội nguồn sinh thành và không gian tồn tại của nền âm nhạc cổ điển xứ Huế. Có lẽ vẻ đẹp của sông Hương đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho âm nhạc và thi ca, và chính dòng sông cũng là những bản nhạc êm đềm, những bản tình ca xao xuyến lòng người. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại vấn đề đã nghị luận: vẻ đẹp nữ tính của sông Hương ở hai góc độ địa lí và âm nhạc - Bài học cuộc sống được rút ra: tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó của con người với dòng sông quê hương đất nước ...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,25)

ĐỀ SỐ 26- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Đón chào Thượng đỉnh Mỹ - Triều

*Các bạn ơi, ngạc nhiên không
 Người dân Việt tự hào đón khách
 Chẳng cần nhắc nhở nhà nhà giữ sạch
 Tự treo cờ,hoa, mặc áo hình Trump - Jung un cạnh trái tim mình
 Bởi lẽ tự đáy lòng dân yêu chuộng hoà bình
 Họ chẳng ngại ngần từ tối đến bình minh
 Chờ đón đoàn, vẫy cờ hoa hò reo rộn rã
 Họ chợt quên đi vất vả
 Ngồi nhâm nhi tách trà nóng tâm tình
Những câu chuyện về chiến tranh, thế giới hoà bình
 Những câu chuyện về thế giới văn minh
 Về những người làm quan được dân yêu dân mến
 Những doanh nhân tự hào mang đến
 Sản phẩm tuyệt vời mà đời họ cần lao
 Phục vụ cho thượng khách tận hưởng sự mời chào
 Chẳng tính chi đến một hào chi phí*

Các trang face book, Zalo chọt ồn ào hơn nhĩ
Văn thơ bỗng hay hơn cả ngày thường
Họ gác lại những câu chuyện tình trường
Những đau thương mà bấy lâu nếm trải
Họ bỗng thấy cần yêu thương trở lại
Cần một môi trường đem tới sự phồn vinh
Cần những người làm quan quên lợi ích riêng mình
Cần mọi thông tin trở nên minh bạch
Cần những công chức ngày càng trong sạch
Để ngày mai họ thêm sự tự hào
Khách đến nhà mà hạnh phúc biết bao
Người già trẻ em, mọi người đều háo hức
Việt Nam ơi điểm đến tuyệt làm sao!!!
 (Tuyết Nhung, Giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia, 27-02-2019)

(Nguồn <https://www.chungta.com>)

1. Trong bài thơ, *Người dân Việt tự hào đón khách* thể hiện bằng những việc làm cụ thể nào?

2. Theo anh, chị, tại sao phải: *gác lại/Những đau thương mà bấy lâu nếm trải*?

3. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong đoạn thơ:

Cần một môi trường đem tới sự phồn vinh
Cần những người làm quan quên lợi ích riêng mình
Cần mọi thông tin trở nên minh bạch
Cần những công chức ngày càng trong sạch

4. Thông điệp mà Anh/Chị tâm đắc nhất qua bài thơ là gì? Nêu lí do chọn thông điệp đó.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi: Anh, chị làm gì để góp phần làm cho *Việt Nam* trở thành *điểm đến tuyệt làm sao*! được gợi ra ở phần đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về đẹp hai đoạn thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng)

Đoạn 1:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Đoạn 2:

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,

Kìa em xiêm áo tự bao giờ
 Khèn lên man điệu nàng e ấp
 Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.
 Từ đó, nhận xét về *hồn thơ* của Quang Dũng.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Trong bài thơ, người dân Việt tự hào đón khách thể hiện cụ thể bằng những việc làm: <i>giữ nhà sạch, treo cờ hoa, mặc áo hình Trump-Jung Un cạnh trái tim mình.</i>	0.5
	2	-Chúng ta phải gác lại những đau thương mà bấy lâu nếm trải vì có như thế, ta mới thực hiện được khát vọng hòa bình cho dân tộc và thế giới loài người tiến bộ. -Ta đang trong vai trò nối kết hòa bình thế giới, gác lại những đau thương thù hận qua một bên để có thể đem tới sự thân thiện trong quan hệ đối nội và đối ngoại.	0.5
	3	-Biện pháp tu từ: điệp cú pháp/ liệt kê: <i>Cần một môi trường... Cần những người... Cần mọi thông tin... Cần những công chức</i> - Tác dụng: Nhấn mạnh ý nghĩa của một nền hòa bình thế giới cần những điều thiết yếu phải có, đồng thời đó cũng là trách nhiệm và bổn phận của mỗi cá nhân, con người cùng chung sức để tạo nên một thế giới phồn vinh, tươi đẹp.	1.0
	4	HS có thể chọn thông điệp tâm đắc nhất qua văn bản. Lí giải vì sao chọn thông điệp. Sau đây là vài gợi ý: -Thông điệp: Hoà bình luôn là khát vọng chân chính của con người. - Thông điệp: Thân thiện là nét ứng xử có văn hoá trong đời sống; - Thông điệp: luôn đấu tranh vì một thế giới hoà bình...	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi: Anh, chị làm gì để góp phần làm cho <i>Việt Nam</i> trở thành <i>điểm đến tuyệt làm sao!</i> được gợi ra ở phần đọc hiểu.	2.0
	a.	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.	0.25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: Anh, chị làm gì để góp phần làm cho <i>Việt Nam</i> trở thành <i>điểm đến tuyệt làm sao!</i>	0.25
	c.	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các hình thức lập luận (diễn dịch, quy nạp. tổng – phân –hợp); các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan để nêu vấn đề cần nghị luận.	1.00

	c.2. Các câu phát triển đoạn: đoạn văn trình bày vấn đề trọng tâm là trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc góp phần làm cho Việt Nam thành điểm đến tuyệt vời của bạn bè quốc tế. Cụ thể: - Tuổi trẻ góp phần tuyên truyền về một đất nước Việt Nam có nhiều di sản văn hóa thế giới, nhiều cảnh đẹp thiên nhiên, một nền ẩm thực phong phú và nền văn hóa đa dạng... - Tuổi trẻ học tập, tu dưỡng rèn luyện để trở thành con người Việt Nam thân thiện, hiếu khách khi đón tiếp bạn bè quốc tế đến tham quan, du lịch hoặc tổ chức những sự kiện chính trị quan trọng; - Tuổi trẻ góp phần xây dựng Việt Nam là một đất nước hòa bình. Tăng cường cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống lại mọi âm mưu đen tối của các thế lực thù địch - Phê phán một bộ phận giới trẻ thiếu ý thức, sống buông thả, nhận thức còn ấu trĩ, non kém, làm xấu xí hình ảnh con người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: - Về nhận thức: hiểu được trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc xây dựng môi trường hoà bình, thân thiện; - Về hành động: tuổi trẻ học tập và rèn luyện, sống tốt, sống đẹp...	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận về đẹp hai đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng). Từ đó, nhận xét về <i>hồn thơ</i> của Quang Dũng.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về đẹp hai đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng). Nhận xét về <i>hồn thơ</i> của Quang Dũng.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả Quang Dũng, bài thơ <i>Tây Tiến</i>: Quang Dũng là gương mặt tiêu biểu của nền thơ ca trong kháng chiến chống Pháp với hồn thơ đầy cảm hứng lãng mạn, hào hoa, thanh lịch, giàu chất mộng mơ. Trong suốt cuộc đời người nghệ sĩ tài hoa ấy, có lẽ khoảng thời gian đáng nhớ nhất là những năm tháng chiến đấu trong đoàn quân Tây Tiến. Biết bao kỉ niệm sâu sắc, bao vẻ đẹp bi	(4.00)

tráng và hào hùng của một quãng đời không thể quên nơi miền Tây tổ quốc được Quang Dũng tái hiện trong bài thơ “Tây Tiến”.

- Nêu vấn đề cần nghị luận: Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội mà đặc biệt được thể hiện rõ ở hai đoạn thơ sau (trích thơ)

3.2.Thân bài: 3.50

a. Khái quát bài thơ, đoạn thơ:

-Tây Tiến là một đơn vị bộ đội thời kháng chiến chống Pháp được thành lập năm 1947, trấn giữ một vùng rộng lớn ở miền Tây nước ta và bảo vệ biên giới Việt-Lào

- Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội trong đó có nhiều học sinh, sinh viên;

- Quang Dũng từng là đại đội trưởng của đoàn binh Tây Tiến. Cuối năm 1948, vì yêu cầu nhiệm vụ, ông chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ chưa lâu, tại làng Phù Lưu Chanh-một làng ven bờ sông Đáy, nhớ về đơn vị ông viết nên bài thơ. Lúc đầu có tên là “ Nhớ Tây Tiến” sau đổi thành “ Tây Tiến” in trong tập “ Mây Đầu Ô”.

- Hai đoạn thơ được trích trong đoạn 1 và đoạn 2 của bài thơ.

b. Phân tích vẻ đẹp của 2 đoạn thơ:

b.1. Ở đoạn 1, Quang Dũng đã sử dụng một loạt hình ảnh để dựng nên khung cảnh núi rừng dữ dội, hùng vĩ trên chặng đường hành quân của người lính Tây Tiến:

- Hình ảnh đèo dốc “khúc khuỷu ”, “thăm thẳm” được hiện lên đầy hiểm trở gập ghềnh. Hình ảnh con dốc quanh co, thật dài, một bên là vách núi dựng đứng, một bên là lòng vực thăm thẳm nguy hiểm vô cùng.

- Nhờ cách sử dụng từ láy tượng hình, câu thơ “dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm” dày đặc thanh trắc càng nhấn mạnh sự hùng vĩ hiểm nguy của cảnh núi rừng. Hai chữ “dốc” mở hai nhịp thơ: “Dốc lên khúc khuỷu /dốc thăm thẳm” đã đẩy con đường “khúc khuỷu”, “thăm thẳm” lên đến tận cùng. Cảnh thơ vừa thực vừa khoa trương cường điệu.

-Hình ảnh “cồn mây” cũng góp phần cực tả độ cao của đèo dốc, tô đậm cảnh hùng vĩ của núi rừng. Độ cao ấy được hình dung cụ thể hơn qua hình ảnh “súng ngửi trời”. Một độ cao chỉ thấy hiểm nguy ghê tởm đe dọa cuộc sống con người nhưng lại được nhà thơ nói theo kiểu nhẹ tênh pha chút ngang tàng kiêu lính.

- Câu thơ “Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống ”nhịp gấp khúc tả con đường hành quân khắc nghiệt, dữ dội. Số từ “ngàn thước” gợi ra một khoảng cách xa thăm giữa đỉnh dốc với chân dốc, một hình ảnh thật hùng vĩ và bao la, rộng lớn. Những từ ngữ được gọi tả khiến người nghe cảm thấy vô cùng nguy hiểm và sợ hãi, chỉ đi người không thôi đã là rất khó khăn rồi. Vậy mà những người lính còn phải mang theo vũ khí,

quân trang, quân dụng. Mang vác nặng, lên dốc đã khó, xuống dốc cũng chẳng dễ dàng gì. Vậy mà người lính lại phải “Ngàn thước lên cao” rồi lại “ngàn thước xuống” vất vả vô cùng.

- Câu thơ “ Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi” trải dài chuỗi thanh bằng, âm điệu mượt mà, phác họa không gian mưa rừng mênh mông biển nước. Tất cả những cảnh hùng vĩ dữ dội và nguy hiểm của một miền Tây như biến mất, người lính như được thở phào nhẹ nhõm. Nhường vào đó là khung cảnh nên thơ “mưa xa khơi”. Màn mưa mênh mang hiện lên khiến lòng người xao động. Cảnh núi rừng miền Tây thơ mộng nhuốm màu sương khói mờ ảo “sương lấp”, những bóng nhà thấp thoáng trong mưa, khói com chiều lững lờ lưng núi.

-Nghệ thuật: 4 câu thơ đầu có sự tương phản về thanh điệu: 3 câu thơ đầu có nhiều thanh trắc, câu thơ cuối toàn thanh bằng. Sự kết hợp thanh điệu này tạo nên sự mềm mại, uyển chuyển cho âm điệu của 4 câu thơ, góp phần diễn tả khung cảnh hiểm trở của thiên nhiên miền Tây hùng vĩ.

b.2. Đoạn thơ thứ 2 là hình ảnh đêm liên hoan văn nghệ tại doanh trại bộ đội ẩm áp tình quân dân:

-Câu thơ mở đầu như một tiếng reo vui với nét vẽ khỏe khoắn, mê say. Quang Dũng dẫn người đọc vào một đêm liên hoan văn nghệ đầy hấp dẫn nơi xứ lạ. Đêm liên hoan trở thành đêm hội tung bừng với hình ảnh “ đuốc hoa” rực rỡ. Động từ “ bừng” gợi những liên tưởng thú vị, tình tứ, mang đến niềm vui rạo rạo sau một ngày trải qua đầy những nguy hiểm.

-Trong hình ảnh “ đuốc hoa” bừng sáng ấy, xuất hiện những em “ xiêm áo tự bao giờ”. Từ “ Kìa” thể hiện thái độ ngạc nhiên của chiến sĩ Tây Tiến trước sự xuất hiện của “em”. Hình ảnh thơ này có nhiều cách hiểu khác nhau. Có người cho rằng “em” với xiêm y lộng lẫy chính là người lính Tây Tiến giả dạng, cũng có người cho rằng đó là những thiếu nữ dân tộc với những bộ váy thêu hoa văn rực rỡ để chung vui cùng các chiến sĩ. Hiểu cách nào cũng thật được vẻ đẹp vừa lạ vừa hấp dẫn của con người.

-Tiếng khèn nổi lên, điệu nhảy bắt đầu. Những thiếu nữ vừa e thẹn, vừa duyên dáng, tình tứ khiến các chiến sĩ thêm say sưa, ngây ngất. Không chỉ vậy, vũ điệu, nhạc khúc đậm màu sắc xứ lạ đã ru hồn các chiến sĩ trong sự chơi vui, bay bổng. Chính trong không khí âm nhạc, vũ điệu ấy đã chấp cánh cho tâm hồn người chiến sĩ thăng hoa, mọi mối bận tâm như đều tan biến. Thay vào đó là niềm lạc quan, yêu đời nâng bước họ mạnh mẽ hơn trên con đường hướng về “ *Viên Chăn xây hồn thơ*”.

- Nghệ thuật: bút pháp gợi nhiều hơn tả, khắc họa nét phóng túng, tài hoa trong đường nét, hình ảnh, từ ngữ. Bốn câu thơ đã dựng lại đêm lửa trại với không gian tình tứ lãng mạn, ánh sáng rực rỡ, âm thanh rộn rã... Người lính Tây Tiến với tâm hồn trẻ trung, hào hoa, vẫn lạc quan sau bao gian khổ hiểm nguy.

	c. Nhận xét về hồn thơ của Quang Dũng qua 2 đoạn thơ: - Hồn thơ của Quang Dũng qua 2 đoạn thơ là hồn thơ phóng khoáng, không bị gò bó bởi những khuôn mẫu hoặc những cách viết có sẵn. Nếu ở đoạn 1 có giọng thơ vừa gân guốc vừa nhẹ nhàng thì ở đoạn 2 sử dụng giọng tươi vui, dí dỏm, có phần tinh nghịch, trẻ trung yêu đời của người lính trí thức tiểu tư sản; -Hồn thơ của Quang Dũng qua 2 đoạn thơ là hồn thơ hồn hậu hiền từ, chất phác và lãng mạn, vượt lên thực tế cuộc sống để phản ánh, thể hiện theo ý muốn chủ quan; dùng trí tưởng tượng bay bổng để lí tưởng hoá vẻ đẹp hình tượng thiên nhiên miền Tây và con người- người lính Tây Tiến và các cô gái miền núi kiêu dũng... -Hồn thơ của Quang Dũng qua 2 đoạn thơ còn là hồn thơ tài hoa. Nhà thơ có tài năng về nghệ thuật gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh Trắc- Bằng, dùng từ láy, sử dụng hình ảnh đậm màu sắc văn hoá dân tộc. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại, hai đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung thể hiện cho phong cách thơ Quang Dũng, tiêu biểu cho thơ kháng chiến chống Pháp, làm nên tên tuổi của nhà thơ khi viết về đề tài người lính; - Bài học cuộc sống từ hai đoạn thơ: tình yêu thiên nhiên, vẻ đẹp hào hoa và hào hùng...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 27- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Khi đưa bé mới ra đời, bản năng sinh tồn điều khiển mọi hoạt động của nó. Đối với nó, toàn bộ thế giới là bầu sữa mẹ. Khi lớn lên, nó có thêm nhận thức về thế giới xung quanh, về những con người khác. Dần dần nó hiểu rằng không chỉ có nó cần sinh tồn, mà cả những người khác cũng cần sinh tồn như nó. Điều này thoạt nghe thật hiển nhiên, nhưng đó là một bước chuyển hoá vĩ đại của tư duy, đưa trẻ đã chấp nhận sự tồn tại của khách thể, của người khác, như một lực lượng đối lập với bản thân nó.

Chấp nhận sự tồn tại của khách thể là điều kiện để phân biệt giữa cái thiện và cái ác. Cái thiện là sung sướng trong sự hạnh phúc của người khác, đau khổ trong sự bất hạnh của người khác, còn ngược lại cái ác là sung sướng trong sự bất hạnh của người khác, đau khổ với

sự hạnh phúc của người khác. Như vậy, khi đứa trẻ còn chưa nhận thức về người khác, theo nghĩa ở trên, các khái niệm thiện và ác chưa thể áp dụng vào nó. Thêm nữa, khái niệm “người khác” không nhất thiết phải là người. Đó có thể là con ong, cái kiến. Đó cũng có thể là con lợn ở Bắc Ninh. Cái cảm giác phấn khích, hân hoan của con người trong cái chết tức tưởi của con lợn biểu đạt cái ác ở trạng thái thuần túy nhất của nó.

Việc học, theo Hannah Arendt, đó là cố gắng để hiểu thế giới xung quanh, trong đó có thế giới tự nhiên và thế giới con người. Nó bắt người ta phải nhận thức về sự tồn tại của người khác, cái là điều kiện để phân biệt giữa thiện và ác.

(Học như thế nào?, Ngô Bảo Châu, <http://www.vnschool.net>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Nhận thức của đứa bé về thế giới xung quanh sẽ thay đổi như thế nào từ khi ra đời đến khi lớn lên được thể hiện trong văn bản?

Câu 2. Theo tác giả, khái niệm người khác được hiểu như thế nào?

Câu 3. Theo anh/chị, việc chấp nhận sự tồn tại của khách thể, của người khác như một lực lượng đối lập của bản thân mình có vai trò như thế nào trong việc rèn luyện tính cách của một đứa trẻ?

Câu 4. Anh chị có đồng tình với bản chất của việc học do tác giả đưa ra hay không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về mối quan hệ giữa dạy chữ và dạy người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong đoạn trích *Người lái đò Sông Đà*, có đoạn nhà văn Nguyễn Tuân miêu tả “Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được.” Và sau cuộc chiến trên mặt trận sông nước thì “đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá. Nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ cá dầm xanh ... cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi ải nước đủ tướng dõ quân tợn vừa rồi”.

(Nguyễn Tuân, *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2011, tr.189 và tr.190)

Phân tích hình ảnh người lái đò trong hai lần miêu tả trên. Từ đó, nhận xét về vẻ đẹp của nhân vật này.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Nhận thức của đứa bé sẽ thay đổi từ khi ra đời đến khi lớn đều rất đặc biệt. Khi ra đời, cả một cuộc sống rộng lớn của đứa bé ấy chỉ là một bầu sữa mẹ. Càng lớn lên, nó có thêm nhận thức về thế giới xung quanh hơn, về những con người khác nhiều hơn.	0.5
	2	Theo tác giả, khái niệm người khác có thể hiểu là một khách thể khác ngoài bản thân ta. Đó có thể là con người hoặc là con vật trong thế giới tự nhiên.	0.5
	3	<i>Việc chấp nhận sự tồn tại của khách thể, của người khác, như một lực lượng đối lập với bản thân mình có vai trò rất quan trọng trong việc rèn luyện tính cách của một đứa trẻ.</i> Bởi lẽ chấp nhận sự tồn tại của người khác là: -Biểu hiện của tư duy bình đẳng và tôn trọng sự tồn tại của những khách thể bên ngoài ta. -Giúp đứa trẻ bớt đi tính ích kỉ và gia tăng tính cộng đồng. -Rèn luyện lòng nhân ái và sự bao dung khi đứa trẻ biết chấp nhận và quan tâm đến những người khác, ngoài bản thân nó.	1.0
	4	Học sinh có thể trả lời: Đồng tình ý kiến, không đồng tình hoặc đồng tình một phần nhưng lí giải hợp lí, thuyết phục. -Đồng tình: Em đồng tình với quan niệm của tác giả vì tác giả nhắc đến việc học là “<i>cố gắng tìm hiểu thế giới xung quanh</i>” bao gồm “<i>thế giới tự nhiên</i>” và “<i>thế giới con người</i>”. Đó là những điều rất cần cho một con người trong việc học. Học để tìm giá trị xung quanh con người, học để biết được tự nhiên ban tặng và cùng sống với nó. Đặc biệt học làm cho con người nhận ra giá trị nhân văn từ chính nền văn minh loài người, để thay đổi con người, tìm được nguồn sống giá trị mới mẻ, tìm ra cách sống trưởng thành trong một xã hội phát triển như ngày nay. - Không đồng tình hoặc đồng tình một phần: Nếu học sinh có lập luận hợp lý, thuyết phục, vẫn linh động cho điểm.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về mối quan hệ giữa <i>dạy chữ</i> và <i>dạy người</i> .	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.	0.25

		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: mối quan hệ giữa <i>dạy chữ</i> và <i>dạy người</i> .	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: -Giải thích + Dạy chữ: là hoạt động giáo dục cung cấp tri thức, hiểu biết về thế giới. + Dạy người: là rèn luyện đạo đức, bồi dưỡng nhân cách, dạy người học biết phân biệt cái thiện, cái ác. -Bàn luận: + Một con người hoàn thiện cần phải có cả tri thức và đạo đức. Biết nhận thức đúng đắn về thế giới, về cuộc sống, về con người và biết tôn trọng và hành động theo những nguyên tắc đạo đức. + Giáo dục cần chú trọng tích lũy và bồi dưỡng cho con người hoàn thiện hai yêu cầu trên. Nếu tuyệt đối hóa dạy chữ, con người sẽ dần mất đi cảm xúc; ngược lại, chỉ chú trọng dạy người thì nhận thức về thế giới sẽ hạn chế, xã hội sẽ khó phát triển. + Một nền giáo dục dung hòa được cả hai sẽ là một nền giáo dục tiên tiến. Một người học biết chú trọng cả việc tiếp nhận tri thức lẫn bồi dưỡng tâm hồn sẽ dễ có một cuộc sống thực sự ý nghĩa. - Phê phán: phương pháp giáo dục sai lầm, chỉ chú trọng dạy chữ, không quan tâm dạy người hoặc ngược lại. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: Phải nhận thức đúng vai trò của dạy người và dạy chữ để có hành động tích lũy, bồi dưỡng hợp lý.	1.00
		d. Sáng tạo	0,25
		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích hình ảnh người lái đò trong hai lần miêu tả Từ đó, nhận xét về vẻ đẹp của nhân vật này.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	(0,25)

	Hình ảnh người lái đò trong hai lần miêu tả ... Nhận xét về vẻ đẹp của nhân vật này.	
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 -Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân và giới thiệu đôi nét phong cách trong sáng tác của ông. Giới thiệu tác phẩm “Người lái đò sông Đà”. -Nêu vấn đề: Hình ảnh người lái đò trong hai lần miêu tả. 3.2.Thân bài: 3.50 a.Khái quát tác phẩm, xuất xứ của đoạn trích “ Người lái đò sông Đà”. -“Người lái đò Sông Đà” được Nguyễn Tuân sáng tác sau những chuyến đi thực tế gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc xa xôi, rộng lớn. -Bài tùy bút được in trong tập “Sông Đà” xuất bản năm 1960. Nội dung bài tùy bút là miêu tả con Sông Đà và hình ảnh người lái đò vượt thác. b. Phân tích nhân vật ông đò qua hai lần miêu tả: * Ở lần miêu tả thứ nhất: - Hoàn cảnh: +Cuộc sống của người lái đò là “cuộc chiến đấu” hằng ngày với thiên nhiên Tây Bắc, có nhiều lúc trông nó ra thành diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một của con người. Trong cuộc mưa sinh đầy gian khổ ấy, phẩm chất của người lái đò được bộc lộ một cách rõ nét, thể hiện qua “cuộc chiến đấu gian lao” trên chiến trường Sông Đà, trên một quãng thủy chiến ở mặt trận Sông Đà. +Phẩm chất của người lái đò được thể hiện qua cuộc vượt thác sông Đà. Thác Sông Đà bày ra “thạch trận” với ba vòng vây để tiêu diệt con thuyền. Nhưng người lái đò dũng cảm, bình tĩnh, hiên ngang vượt qua từng vòng vây của thác. +Ông đò đối diện với vòng trùng vi thứ ba: sau khi ông vượt qua bao nhiêu “cửa tử”, “cửa sinh” của 2 vòng trùng vi, ông phải tiếp tục đối mặt với trùng vi thứ 3. Vòng trùng vi thứ 2 đã khơi dậy sức mạnh của lòng dũng cảm, mưu trí của ông lái đò thì đến vòng thứ ba, ông phải đối mặt với “luồng chết” và chiến thắng được con sông Đà. - Phân tích nhân vật qua các chi tiết trong vòng thứ ba: + Trong vòng trùng vi thứ ba, “bên phải bên trái đều là luồng chết cả”. Đã vậy còn bố trí “luồng sông ngay giữa bọn đá hậu vệ”. + Sự hiểm ác của thác đá qua hình ảnh ẩn dụ “cổng đá cánh mở cánh khép”- đó là cả một mặt trận đá trùng điệp, cùng với đó là “mũi tấn công ào ạt của sóng dữ” + Sự kết hợp những động từ, danh từ nối tiếp; câu văn ngắn, nhịp văn gấp gáp:	(4.00)

vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng,... kết hợp nghệ thuật so sánh về một “mũi tên tre” qua làn “hơi nước” mà con thuyền xuyên qua đã thể hiện được sự điêu luyện khéo léo và sức mạnh của ông đồ.

+ Ông lái đò như một người chỉ huy lão luyện, đầy bản lĩnh và kinh nghiệm. Ông là một nghệ sĩ tài hoa với nghề vượt thác leo ghềnh.

- Ý nghĩa:

+ Tác giả ca ngợi tài năng của ông đồ: trí tuệ, sự trải nghiệm, sức mạnh thể lực, điêu luyện và bản lĩnh. Tất cả đều đạt đến mức phi phàm, kì diệu.

+ Đó cũng là vẻ đẹp anh hùng của người lao động trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Nguyễn Tuân đã phát hiện ngay trong cuộc sống đời thường.

* Ở lần miêu tả thứ hai:

- Hoàn cảnh: sau khi chiến thắng được thiên nhiên hung bạo thì hình ảnh người lái đò trong cuộc sống bình dị được hiện lên. Một cuộc sống như bao người mộc mạc, đời thường đến lạ thường sau một trận chiến với con sông hùng vĩ, hung bạo.

- Phân tích nhân vật qua các chi tiết trong cuộc sống đời thường :

+ Người lái đò “*đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh*”. Đó là một điều mới mẻ mà chính tác giả muốn nói đến, một cuộc sống bình dị thì hoàn toàn là những câu chuyện một ngày trải qua dân dã biết bao. “*Đốt lửa; nướng; bàn tán*” là những động từ đã thể hiện được cuộc sống bình dị, dân dã của con người.

+ Nhưng không ai “*bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng*”. Thái độ bình thản ấy càng làm đậm thêm tầm vóc lớn lao của những người anh hùng trong cuộc sống đời thường. Họ coi việc chiến đấu và chiến thắng sông Đà dữ dội, hiểm ác, giành sự sống với những cửa tử của ghềnh thác sông Đà chỉ là công việc thường ngày xảy ra.

- Ý nghĩa:

+ Thể hiện phong thái ung dung, lối sống giản dị, khiêm nhường. Đó là vẻ đẹp của một tâm hồn nghệ sĩ giữa đời thường

+ Nhà văn tiếp tục phát hiện và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của người lao động, góp phần làm nên “*chất vàng mười*” quý giá của con người Tây Bắc.

c. Nghệ thuật:

-Ngôn ngữ phong phú, sáng tạo, hài hoa, kết hợp kể với tả nhuần nhuyễn và đặc sắc, nghệ thuật khắc họa nhân vật độc đáo, sáng tạo.

-Bút pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, liên tưởng độc đáo, thú vị góp phần miêu tả cuộc chiến hào hùng và khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật.

d. Nhận xét:

- Ở lần miêu tả thứ nhất: hình ảnh ông lái đò hiện lên với phẩm chất của một

	người anh hùng và nghệ sĩ. Ông có sức mạnh của lòng dũng cảm, ý chí kiên cường, bản lĩnh phi thường, dày dặn kinh nghiệm trong cuộc chiến với thiên nhiên hung bạo, trữ tình. Ông còn là người đạt tới trình độ điêu luyện trong nghề nghiệp - Ở lần miêu tả thứ hai: hình ảnh ông lái đò hiện lên với vẻ đẹp của một tâm hồn nghệ sĩ yêu đời, có lối sống bình dị, có đức tính khiêm tốn; - Qua 2 lần miêu tả, nhà văn đã ca ngợi vẻ đẹp hình tượng người lái đò với phẩm chất đáng quý: anh hùng và nghệ sĩ. Đó là cái đẹp không phải của một thời “vang bóng” từ quá khứ xa xôi như nhân vật Huân Cao trong truyện “Chữ người tử tù” trước cách mạng tháng Tám. Mà đó là cái đẹp ở ngay trong cuộc sống hiện tại, ngay trong lao động, ngay trong con người bình thường (ông đò), trong cái nghề cũng bình thường (nghề lái đò). 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại, hình tượng người lái đò cũng thể hiện quan niệm của nhà văn: người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày. - Bài học cuộc sống dành cho tuổi trẻ từ nhân vật ông đò: yêu lao động, có nghị lực phi thường, có đời sống tâm hồn phong phú...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 28- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(...) *Tại Việt Nam đang thiếu vắng văn hoá nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp. Nền văn hoá của chúng ta tôn vinh thành công, nhưng không dung thứ, thậm chí vô cùng tàn nhẫn đối với thất bại.*

Trước hết, chúng ta không có thói quen luôn khuyến khích, động viên với những ai có ý định bước ra khỏi vùng an toàn để dẫn thân vào hành trình mới.

Thứ hai, văn hoá chúng ta không coi trọng việc gìn giữ, nuôi dưỡng và tôn vinh “gene mạo hiểm”, tất nhiên là mạo hiểm có hiểu biết. Theo thống kê từ các đại học Mỹ, du học sinh Việt Nam ít tham gia những môn thể thao mạo hiểm nhất, ví dụ leo núi và nhảy dù. Cho dù đây là những môn học rất hấp dẫn, luôn thu hút sự tham gia du học sinh từ những quốc gia khác. Tỷ lệ những người tham gia các môn thể thao mạo hiểm ở Việt Nam luôn ở hàng thấp nhất thế giới.

Tôi mới gặp một trong những "cá mập" nổi tiếng giới khởi nghiệp. Là người sáng lập một tập đoàn giáo dục lớn đã có lịch sử phát triển hơn 20 năm và gặt những thành công không thể phủ nhận

nhưng anh vẫn luôn nhận mình là "doanh nhân khởi nghiệp". Trong câu chuyện kéo dài xuyên đêm giữa chúng tôi về những dự định lớn lao, anh bảo "Thách thức lớn nhất tôi phải đối mặt là sự thiếu vắng nhân sự lãnh đạo cấp cao". Bởi những người có năng lực mà anh gặp phần lớn đều không dám từ bỏ "vùng an toàn" - công việc quen thuộc và thu nhập cao, ổn định; hoặc họ chỉ tính toán, thu vén lợi ích ngắn hạn thay vì dấn thân trong hành trình chinh phục những mục tiêu mới và hạnh phúc vì ý nghĩa của việc mình làm.

Chúng ta hầu hết có xu hướng tìm kiếm một hành trình êm đềm trong sự nghiệp. Song, sự ưa thích mạo hiểm có hiểu biết mới thật sự là một bộ gene quý giá, đối với bất cứ cá nhân nào, gia đình, dân tộc nào. Nếu không phải chúng ta thì ai có trách nhiệm nuôi dưỡng, gìn giữ và truyền lại thế hệ sau tố chất đó?

Cuối cùng, tất cả những người đã dấn thân vào khởi nghiệp đều hiểu rằng cái giá của thất bại vô cùng lớn. Đó không phải chỉ là sự tổn thất về vật chất, tiền bạc, mà chính là sự tra tấn tinh thần từ sự khinh thị, chê bai, những lời đàm tiếu của những người xung quanh, cả người thân trong gia đình, họ hàng lẫn các mối quan hệ xã hội. Có nhiều ngày, tôi chỉ đọc thấy những ý kiến phê phán, chỉ trích, miệt thị, đay nghiến với những người chưa thành công mà không thấy những suy nghĩ tích cực, điểm tốt, sự động viên, ủng hộ và đặt niềm tin vào những người từ bỏ vùng an toàn để làm điều mới.

(...)

Không cải thiện thái độ ấy, chúng ta phần lớn sẽ nấu mình trong những vùng an toàn, hàng ngày kéo lê cuộc đời như một thói quen. Không phải vì ta muốn, không phải vì thiếu năng lực, mà là vì ta sợ.

(Bộ gene khởi nghiệp, Nguyễn Đăng Quang, <https://vnexpress.net/goc-nhin>)

1. Trong văn bản, cái giá của thất bại đối với người đã dấn thân vào khởi nghiệp là gì?
2. Tác giả đưa ra những dẫn chứng nào để chứng minh cho luận điểm: Việt Nam đang thiếu vắng văn hoá nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp?
3. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong câu: Có nhiều ngày, tôi chỉ đọc thấy những ý kiến phê phán, chỉ trích, miệt thị, đay nghiến với những người chưa thành công mà không thấy những suy nghĩ tích cực, điểm tốt, sự động viên, ủng hộ và đặt niềm tin vào những người từ bỏ vùng an toàn để làm điều mới.
4. Anh/ chị có đồng tình với quan điểm: văn hoá chúng ta không coi trọng việc gìn giữ, nuôi dưỡng và tôn vinh "gene mạo hiểm", tất nhiên là mạo hiểm có hiểu biết hay không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về thái độ sống chỉ biết nấu mình trong những vùng an toàn, hàng ngày kéo lê cuộc đời như một thói quen được gọi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận nổi nhớ của người cán bộ về xuôi trong bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu):

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặt mà đình ninh
 Mình đi, mình lại nhớ mình
 Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu

Nhớ gì như nhớ người yêu
 Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương
 Nhớ từng bản khói cùng sương
 Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
 Nhớ từng rừng nứa bờ tre
 Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.

Từ đó, liên hệ hai câu thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng):

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
 Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

để nhận xét về đẹp cảm hứng lãng mạn cách mạng trong sáng tác của mỗi nhà thơ

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 13-Lần 3

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Trong văn bản, “ <i>cái giá của thất bại</i> ” đối với người “ <i>đã dấn thân vào khởi nghiệp</i> ” là vô cùng lớn. “Đó không phải chỉ là sự tổn thất về vật chất, tiền bạc, mà chính là sự tra tấn tinh thần từ sự khinh thị, chê bai, những lời đàm tiếu của những người xung quanh, cả người thân trong gia đình, họ hàng lẫn các mối quan hệ xã hội”.	0.5
	2	Để chứng minh cho luận điểm: “ <i>Việt Nam đang thiếu vắng văn hóa nuôi dưỡng tinh thần khởi nghiệp</i> ”, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng là: - Theo thống kê từ các đại học Mỹ, cho thấy du học sinh Việt Nam ít tham gia những môn mạo hiểm nhất, ví dụ leo núi và nhảy dù. - Tỷ lệ những người tham gia các môn thể thao mạo hiểm ở Việt Nam luôn ở hàng thấp nhất thế giới.	0.5
	3	- Biện pháp tu từ: Liệt kê “ <i>ý kiến phê phán, chỉ trích, miệt thị, đay nghiến</i> ”, <i>suy nghĩ tích cực, điểm tốt, sự động viên, ủng hộ và đặt niềm tin</i> ”. - Tác dụng: Diễn tả đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh của việc từ bỏ “vùng an toàn”, cùng những khó khăn mà người khởi nghiệp phải đối mặt. Qua đó, giúp người đọc hiểu được ý nghĩa của việc khởi nghiệp, có cái nhìn bao dung hơn với những người khởi nghiệp.	1.0
	4	Học sinh có thể đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm: <i>văn hoá chúng ta không coi trọng việc gìn giữ, nuôi dưỡng và tôn vinh “gene mạo hiểm”, tất nhiên là mạo hiểm có hiểu biết.</i>	1.0

		- Gọi ý đồng tình: Đối với một xã hội đang không ngừng đòi hỏi sự tiến bộ như hiện nay thì việc mạo hiểm để đổi mới, cải thiện cuộc sống là điều cần thiết. Vậy nên Nhà nước ta luôn khuyến khích và đầu tư hỗ trợ cho những người tài năng đặc biệt là giới trẻ để họ được thể hiện mình cũng là đóng góp cho sự phát triển của nước nhà. Và đương nhiên, những thất bại gây thiệt hại lớn thì không thể tiếp tục thực hiện mà buộc phải nhường lại cho những kế hoạch khả thi hơn. Và việc của những người khởi nghiệp là phải biết làm mới chính mình, có kế hoạch tốt hơn sau thất bại và đặc biệt là không được nản lòng, như vậy thì mới có thể thành công. - Không đồng tình: đưa ra lập luận phù hợp - Có phần đồng tình/ có phần không đồng tình: kết hợp 2 lí giải trên.	
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về thái độ sống <i>chỉ biết nấu mình trong những vùng an toàn, hàng ngày kéo lê cuộc đời như một thói quen</i> được gọi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc)	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: thái độ sống <i>chỉ biết nấu mình trong những vùng an toàn, hàng ngày kéo lê cuộc đời như một thói quen</i> được gọi ở phần Đọc hiểu.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (ví dụ: Nhà triết học người Mỹ Elbert Hubband từng nói: “Sai lầm lớn nhất bạn có thể phạm phải trong đời là luôn sợ hãi mình sẽ phạm sai lầm”. Chính vì luôn sợ hãi thất bại nên đa số chúng ta không dám làm những việc mạo hiểm để phát triển bản thân.) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - “Vùng an toàn” là nơi con người sống trong một môi trường quen thuộc, không áp lực nặng hay mang tính mạo hiểm và luôn kiểm soát được mọi vấn đề. Nói cách khác, khi sống trong “vùng an toàn”, chúng ta luôn cảm thấy hài lòng với cuộc sống. Chúng ta có thể thấy tình trạng này ở những người bắt đầu khởi nghiệp như sinh viên mới ra trường, họ còn quá ít kinh nghiệm nên thường không dám làm những việc liều lĩnh, thiếu sự an toàn. Hay những người có năng lực đã có cho mình những thành công như mong muốn, họ thường có lối sống an phận không muốn mạo hiểm đánh đổi những gì mình đang có vào những việc không nắm chắc thành công dù nó có thể cho	1.00

	họ những trải nghiệm quý giá. -Tuy nhiên, nếu ở lâu trong “vùng an toàn”, bản thân sẽ sợ hãi khi phải bước qua nó. Vùng an toàn sẽ khiến bản thân trở nên nhàm chán, lười thời, bị tụt lại trước thế giới hiện thực, cũng để vụt mất những điều thú vị bên ngoài. Vì vậy, để làm mới mình và phát huy năng lực của bản thân, thoát khỏi vùng an toàn là bước đầu tiên trong quá trình trải nghiệm. Hãy dũng cảm bước ra khỏi vùng an toàn bằng cách tự đặt ra cho mình những mục tiêu nhất định, vượt qua nỗi sợ hãi trước sự chỉ trích khi thất bại, nỗ lực cải thiện chính mình ngày một tốt hơn. Chỉ khi bản thân thật sự bước ra khỏi vùng an toàn trải nghiệm, chinh phục những thách thức từ cuộc sống thì mới hiểu rõ bản thân hơn và biết mình muốn gì, ước mơ gì và có thêm động lực chinh phục mục tiêu đã đặt ra, từ đó cảm thấy cuộc sống ý nghĩa hơn. c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: - Về nhận thức: hiểu được giá trị của việc thoát ra khỏi vùng an toàn là thái độ sống tích cực; - Về hành động: học tập và rèn luyện, có bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm...	
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
2	Cảm nhận nổi nhớ của người cán bộ về xuôi trong đoạn thơ trích bài thơ <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu). Từ đó, liên hệ hai câu thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) để nhận xét về đẹp cảm hứng lãng mạn cách mạng trong sáng tác của mỗi nhà thơ.	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nổi nhớ của người cán bộ về xuôi trong đoạn thơ trích bài thơ <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu). Liên hệ hai câu thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) để nhận xét về đẹp cảm hứng lãng mạn cách mạng trong sáng tác của mỗi nhà thơ.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: 0.25 - Trong cuộc đời, ai cũng có ít nhất một niềm thương nỗi nhớ. Có lẽ vì thế mà nỗi nhớ đã trở thành đề tài quen thuộc được các nhà thơ, nhà văn gửi gắm. Như trong “Việt Bắc” của Tố Hữu, đó là những dấu ấn tươi nguyên về những ngày chiến thắng và hơn thế nữa là nỗi nhớ về con người và thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng, cùng những ngày tháng kháng chiến gian khổ. Cùng chung một nỗi nhớ, trong “Tây Tiến “, Quang	(4.00)

Dũng nhớ da diết thiên nhiên và con người miền Tây.

- Trong rất nhiều nỗi nhớ đó, nổi bật lên là những kí ức của nhà thơ Tố Hữu và Quang Dũng về hình ảnh những người chiến sĩ và đồng bào kề vai sát cánh bên nhau, qua đó thể hiện vẻ đẹp cảm hứng lãng mạn cách mạng mang phong cách riêng, độc đáo của mỗi nhà thơ.

3.2. Thân bài: 3.50

a. Khái quát sơ lược về tác phẩm và đoạn trích cần cảm nhận: 0.25 đ

-Việt Bắc là căn cứ địa vững chắc của cách mạng Việt Nam từ đầu những năm 40 tới khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp. Nơi đây, người dân Việt Bắc đã từng che chở, đùm bọc và đã sát cánh bên bộ đội, cán bộ kháng chiến để giành và bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

-Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi. Tháng 10/1954, các cơ quan TW của Đảng và Chính phủ từ biệt căn cứ địa cách mạng Việt Bắc trở về Hà Nội. Nhân sự kiện lịch sử trọng đại ấy của dân tộc, Tố Hữu sáng tác bài thơ *Việt Bắc*. Bài thơ gồm có hai phần: phần đầu tái hiện những kỉ niệm của cách mạng và kháng chiến ở Việt Bắc; phần sau gợi ra viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ca ngợi công ơn của Đảng, Bác Hồ đối với dân tộc.

- Đoạn trích gồm 10 câu thơ thuộc phần 1 của bài thơ, diễn tả lời đáp của người cán bộ về xuôi với người dân Việt Bắc...

b. Cảm nhận nổi nhớ của người cán bộ về xuôi trong đoạn thơ: 2.25

** Về nội dung:*

- Sau những lời hỏi của người ở lại (nhân dân Việt Bắc) là lời đáp trong lúc tiễn đưa đầy xúc động giữa kẻ ở với người đi, giữa đồng bào Việt Bắc với cán bộ cách mạng.

- Sau những câu thơ thể hiện nỗi niềm trăn trở, lo âu, lời căn dặn, cảm xúc lưu luyến bịn rịn của người ở lại là những câu thơ thể hiện nỗi niềm nhớ thương da diết không muốn rời của cán bộ về xuôi.

- Bốn câu thơ đầu là tình cảm của người về với Việt Bắc :(trích thơ)

+ Câu thơ đầu, hai từ “ ta-mình ” lặp lại, hoán đổi vị trí như một sự quán quýt, hòa quyện.

+ Câu thứ hai, “lòng ta ” kết hợp với hai từ trái nghĩa “ sau-trước” cùng hai từ láy “mặn mà ”, “đình ninh ” diễn tả tình cảm người về với Việt Bắc.

+ Từ “mình” trong câu thứ ba đa nghĩa gợi ra sự hòa quyện tuy hai mà một, hô ứng với câu thơ “Mình đi, mình có nhớ mình ” trong lời hỏi của người ở lại.

+ Câu thơ cuối có cách so sánh quen thuộc trong ca dao (*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*) nhấn mạnh sắc thái và mức độ của nỗi nhớ: giống như nước trong nguồn, đầy ắp, lặng thầm và vô tận.

+ Bình luận: Bốn câu thơ khẳng định nỗi nhớ, sự thủy chung son sắt, không kẻ xiết của người ra đi khi từ biệt quê hương cách mạng khi về xuôi.

- Sáu câu thơ tiếp theo diễn tả nỗi nhớ sau sắc của người đi với thiên nhiên, con người Việt Bắc : (trích thơ)

+ Hai câu thơ đầu thể hiện tình cảm gắn bó như người yêu :

++ Tổ Hữu đã lấy thước đo giá trị của nỗi nhớ trong tình yêu để lí giải cho tình cảm của cán bộ đối với nhân dân. Không phải là nỗi nhớ của ý thức, của nghĩa vụ mà nhớ bằng cả trái tim yêu thương chân thành và da diết.

++ Câu thơ “Trăng lên... lưng nương ” như được phân ra làm hai nửa thời gian: về đầu là hình ảnh gợi tả đêm trăng hò hẹn của tình yêu; về sau là hình ảnh gợi không gian của buổi chiều lao động trên nương rẫy. Câu thơ cùng lúc thể hiện hai không gian của tình yêu và lao động, tạo nên sự hài hòa giữa nghĩa vụ và tình cảm.

+ Đến với hai câu thơ tiếp, tình yêu như chuyển thành nỗi nhớ trong tình cảm gia đình :

++ Nỗi nhớ không còn mông lung, mơ mộng nữa mà đã cụ thể trong những bản làng khói sương hư ảo. Có hình ảnh của ai đó đang chờ đợi bên bếp lửa suốt đêm dài thao thức.

++ Quan hệ giữa cán bộ và nhân dân như tụ họp ở ngọn lửa bất diệt thiêng liêng ấy.

+Kết thúc khổ thơ, tình cảm lại tỏa ra tràn ngập cả núi rừng Việt Bắc. Những kỉ niệm chung và riêng đan xen nhau, lần lượt hiện ra trong tưởng tượng của người đi :

++ Phép liệt kê làm cho những kỉ niệm được khơi gợi ra tầng tầng lớp lớp, hết hình ảnh này đến hình ảnh khác.

++ Những hình ảnh “rừng nứa bờ tre ” chính là nơi hẹn hò, gặp gỡ cái thuở ban đầu, lúc mới quen nhau. Đây cũng là danh từ chung mô tả đặc điểm của không gian Việt Bắc với bao nét đẹp mơ mộng.

++ Còn “Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê... ” là những địa danh, đã từng khắc ghi trong lịch sử cách mạng - nơi đã diễn ra nhiều chiến công oanh liệt.

++ Những gắn bó gian khổ, ngọt bùi đã trở thành những kỉ niệm da diết trong trái tim người đi khó có thể quên được.

+ Bình luận: Đoạn thơ diễn tả nỗi nhớ sâu sắc của người ra đi với thiên nhiên, con người Việt Bắc, với cuộc sống sinh hoạt thời kháng chiến.

** Về nghệ thuật:*

- Vận dụng nhuần nhuyễn thể thơ lục bát với âm điệu ngọt ngào, đầm ấm.

- Cách lựa chọn hình ảnh rất gần gũi với cuộc sống thường nhật nhằm khắc sâu nỗi nhớ.

- Từ ngữ có sức gợi cảm mạnh mẽ.

- Biện pháp tu từ: điệp từ, điệp cấu trúc câu làm nổi nhớ thêm da diết.

b) Liên hệ với hai câu thơ trong bài thơ “Tây Tiến” (Quang Dũng) :

- Về hai câu thơ trong bài thơ *Tây Tiến*: nổi nhớ hướng về những kỉ niệm với thiên nhiên và con người trên chặng đường hành quân gian nan vất vả qua vùng rừng núi miền Tây của người lính Tây Tiến.(trích thơ)

+ Mở đầu bằng cụm từ cảm thán “Nhớ ôi ” mang tình cảm dạt dào, tha thiết trong nổi nhớ về nơi dừng chân sau một chặng đường hành quân gian khổ của người lính Tây Tiến.

+ Hình ảnh *com lên khói, mùa em thơm nếp xôi* ở Mai Châu ủa về trong tâm trí, khiến nổi nhớ càng đông đầy hơn với những cảnh quen thuộc, gần gũi, bình dị, đời thường, với người con gái miền Tây trẻ trung, ấm áp tình quân dân trong cái nhìn tinh nghịch, trẻ của người lính Tây Tiến.

+ Những thanh bằng trong câu thơ đã gợi tả tình tế cảm giác bông bênh, xao xuyến tới ngất ngây, mê mên trong tâm hồn những chàng trai Hà Thành hào hoa, lãng mạn.

+ Con đường hành quân của chiến sĩ Tây Tiến không chỉ có gian truân vất vả mà còn có cả những kỉ niệm ngọt ngào, thấm thiết ân tình. Cảm xúc thơ bồi hồi tha thiết như lời nhắn gửi của một khúc tâm tình, như tiếng hát của một bài ca hoài niệm, băng khuâng mà lại rất tự hào.

- *Nhận xét cảm hứng lãng mạn cách mạng của hai nhà thơ:*

+ Giống nhau :

++ Hai đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung đều là những thành tựu xuất sắc của thơ ca cách mạng Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp. Cả hai tác phẩm đều khắc họa hình tượng thiên nhiên, con người Việt Nam anh hùng, nghĩa tình thủy chung trong cuộc kháng chiến trường kì.

++ Hai đoạn thơ đều bộc lộ nổi nhớ thiết tha, sâu nặng về thiên nhiên và con người ở những nơi mà người lính đã từng đi qua và in dấu nhiều kỉ niệm.

++ Đề sử dụng bút pháp sử thi, cảm hứng lãng mạn để miêu tả tình cảm của người lính trong chiến tranh khốc liệt...

+Khác nhau :

++ Thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc, truyền thống: thể thơ lục bát, kết cấu đối đáp giao duyên dân ca, ...Cảm hứng lãng mạn thể hiện qua nổi nhớ của những người cán bộ về xuôi trong giây phút chia tay lớn sau *15 năm* gắn bó giữa kẻ ở, người đi. Nhà thơ thông qua nổi nhớ để thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của người cán bộ kháng chiến đối với đất và người Việt Bắc.

++ Thơ Quang Dũng hồn hậu, phóng khoáng và hào hoa. Cảm hứng lãng mạn thể hiện qua nổi nhớ của tác giả về những đồng đội đã cùng vào sinh ra tử, về chặng

	đường hành quân gian khổ, hiểm nguy mà vẫn thơ mộng, trữ tình. Đoạn thơ trong <i>Tây Tiến</i> bộc lộ nổi nhớ cụ thể của người trong cuộc, toát lên vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn của người lính Tây Tiến. 3.3.Kết bài: 0.25 - Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của đoạn trích, tác phẩm. - Nêu bài học liên hệ: lòng biết ơn với nhân dân, cách mạng; yêu thiên nhiên, cuộc sống và con người...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 29- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

"Tiếng súng đã vang trên bầu trời biên giới" ra đời chỉ sau một đêm...

*Tiếng súng đã vang trên bầu trời biên giới
Gọi toàn dân ta vào cuộc chiến đấu mới.
Quân xâm lược bành trướng dã man
Đã dày xéo mảnh đất tiền phương.
Lửa đã cháy và máu đã đổ, trên khắp dải biên cương.
Đất nước của ngàn chiến công,
Vẫn sục sôi khí thế hào hùng
Những Chi Lăng, Bạch Đằng, Đống Đa...
Đang gọi tiếp thêm những bản hùng ca!
Việt Nam! Ôi nước Việt yêu thương!
Lịch sử đã trao cho Người một sứ mạng thiêng liêng
Mang trên mình còn lắm vết thương.
Người vẫn hiên ngang ra chiến trường.
Vì một lẽ sống cao đẹp cho mọi người
Độc lập-Tự do.*

(Phạm Tuyên, *Chiến đấu vì độc lập tự do*, <https://infonet.vn/tieng-sung-da-vang-tren-bau-troi-bien-gioi-ra-doi-chi-sau-mot-dem>)

Ghi chú: Bài hát ra đời chỉ sau một đêm ngay sau khi Trung Quốc bất ngờ nổ súng tấn công trên toàn tuyến biên giới Phía Bắc nước ta (17-02-1979).

1. *Cuộc chiến đấu mới* được nhắc đến trong lời bài hát của nhạc sĩ Phạm Tuyên là cuộc chiến đấu nào?
2. Chữ *Người* trong văn bản: *Lịch sử đã trao cho Người một sứ mạng thiêng liêng* tại sao được viết hoa?
3. Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong hai câu sau:
Những Chi Lăng, Bạch Đằng, Đống Đa...
Đang gọi tiếp thêm những bản hùng ca!
4. Anh/ chị tâm đắc nhất thông điệp gì được rút ra từ văn bản trên? Nêu lí do tại sao chọn thông điệp đó.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) để bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa *sống đẹp* của tuổi trẻ được gọi ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về đẹp thiên nhiên miền Tây và chân dung người lính Tây Tiến qua hai đoạn thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng)

Đoạn 1:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !
 Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
 Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
 Mường Lát hoa về trong đêm hơi
 Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
 Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
 Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
 Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*

Đoạn 2:

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
 Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

Từ đó, nhận xét về tâm lòng của nhà thơ Quang Dũng

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

	1	<i>Cuộc chiến đấu mới</i> được nhắc đến trong lời bài hát của nhạc sĩ Phạm Tuyên là cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc (17/2/1979).	0.5

	2	Chữ <i>Người</i> trong văn bản được viết hoa nhằm thể hiện đề cao sức mạnh Việt Nam và nhấn mạnh sứ mệnh cao cả của dân tộc trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc; trân trọng bao nhiêu xương máu của cha ông, của lớp lớp các thế hệ người Việt đã đổ xuống để bảo vệ mảnh đất này.	0.5
	3	- Biện pháp tu từ: Liệt kê : <i>Chi Lăng, Bạch Đằng, Đống Đa...</i> - Tác dụng: Gợi nhớ và tự hào truyền thống đánh giặc phương Bắc của cha ông. Qua đó, tiếp thêm sức mạnh tinh thần, kêu gọi cổ vũ cho thế hệ hôm nay trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc.	1.0
	4	HS có thể chọn thông điệp tâm đắc nhất qua văn bản. Lí giải vì sao chọn thông điệp. Sau đây là vài gợi ý: - Thông điệp: Sống chính là cống hiến - Thông điệp: Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng của tuổi trẻ - Thông điệp: Hãy chiến đấu vì độc lập, tự do của dân tộc...	1.0
II		Làm văn	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) để bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa <i>sống đẹp</i> của tuổi trẻ được gợi ở phần Đọc hiểu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: suy nghĩ về ý nghĩa <i>sống đẹp</i> của tuổi trẻ được gợi ở phần Đọc hiểu.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan (có thể lấy ý lời thơ trong phần Đọc hiểu) để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Giải thích: “Sống đẹp” là sống có mục đích, có ước mơ, lí tưởng, có chí cầu tiến, biết đứng dậy bằng chính đôi chân của mình. - Bàn luận: + "Sống đẹp" trước hết phải xuất phát từ lòng nhân ái, từ chính tình yêu trong trái tim để từ đó mà sống hết mình vì người khác, để bao dung vị tha... Xuất phát từ tình yêu thương nên bất cứ hành động nào dù là nhỏ cũng có sự quan tâm, chia sẻ giữa những con người. + Sống đẹp giúp chúng ta biết cố gắng vươn lên, chấp cánh ước mơ của mình bay cao, bay xa. + Lễ sống đẹp là sống có ích cho bản thân, gia đình và toàn xã hội.	1.00

	+ Tình cảm cao đẹp nhất của sống đẹp đó là tình yêu nước, dũng cảm hi sinh cho Tổ quốc. Hơn 30 năm trước đây, người con gái Hà Nội <i>Đặng Thuỳ Trâm</i> xung phong vào chiến trường Quảng Trị gian khổ, bản thân chịu những thiệt thòi nhưng chị vẫn dành một tình thương bao la cho những người quanh chị, nhất là thương bệnh binh. Bất lực trước một ca mổ, chị đau đớn, lo lắng cho người em nuôi giờ này đang đè nặng tang tóc, đêm chị mất ngủ. Chị đã anh dũng hi sinh trong những ngày đánh Mĩ ác liệt nhất khi tuổi đời còn trẻ... + Sống đẹp sẽ được mọi người yêu quý và kính trọng, góp phần làm cho cuộc sống tươi đẹp hơn. - Phê phán một bộ phận giới trẻ hiện nay có lối sống không đẹp, chỉ biết sống nhờ, sống gửi, lệ thuộc vào người khác, sa vào tệ nạn xã hội... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: + Về nhận thức: hiểu được sống đẹp, sống có ích là lẽ sống cao quý đối với tuổi trẻ và mọi người + Về hành động: tích cực học tập và tu dưỡng đạo đức, rèn luyện ý chí, nghị lực, sống vị tha, ca thượng, mình vì mọi người...	
	d. Sáng tạo	0,25
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
2	Cảm nhận về đẹp thiên nhiên miền Tây và chân dung người lính Tây Tiến qua hai đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng). Từ đó, nhận xét về tâm lòng của nhà thơ .	5,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về đẹp thiên nhiên miền Tây và chân dung người lính Tây Tiến qua hai đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng). Từ đó, nhận xét về tâm lòng của nhà thơ .	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: 0.25 (gợi ý): Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề cần nghị luận: Nhà thơ Bằng Việt có viết: “ <i>Kỉ niệm mãi trong ta da diết và lóe sáng</i>” Kỉ niệm đối với mỗi người luôn là vùng kí ức thắm sâu và đẹp đẽ, đặc biệt đối với tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của người chiến sĩ. Mỗi kí ức đều là nguồn thi hứng mãnh liệt để người thi sĩ có thể sáng tạo làm thơ. Quang Dũng là một nhà thơ có kỉ niệm như thế, những kỉ niệm về đoàn quân Tây Tiến. Đoạn thơ sau thể hiện rõ vẻ đẹp thiên nhiên miền Tây	(4.00)

và chân dung người lính Tây Tiến (Trích thơ). Qua đó, nhà thơ thể hiện tấm lòng sâu nặng với thiên nhiên và người lính Tây Tiến.

3.2. Thân bài: 3.50

a. Khái quát bài thơ, đoạn thơ:

- Đoàn quân Tây Tiến được thành lập mùa xuân 1947, đa số là sinh viên, học sinh, thanh niên Hà Nội. Tuy hoàn cảnh chiến đấu vô cùng khắc nghiệt nhưng họ vẫn uôn lạc quan yêu đời. Bài thơ “Tây Tiến” được sáng tác năm 1948, khi đó Quang Dũng đang ở Phù Lưu Chanh. Cảm hứng bao trùm bài thơ là nỗi nhớ .

- Hai đoạn thơ thuộc mở đầu và đoạn 3 của bài thơ

b. Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên miền Tây và chân dung người lính Tây Tiến qua hai đoạn thơ:

b.1. Đoạn 1: Nỗi nhớ về con đường hành quân dữ dội, thơ mộng và người lính hào hùng, hào hoa:

* Hai câu thơ đầu: là cảm hứng chủ đạo cho toàn đoạn thơ

- Vần “oi” kết hợp từ láy “chơi vui” là vần bằng tạo âm hưởng của tiếng gọi đồng vọng miên man không dứt. Câu thơ sâu lắng, bồi hồi ngân dài từ lòng người vọng vào thời gian năm tháng, lan rộng lan xa trong không gian. Nỗi nhớ như có hình dáng của núi non, của hồn cây, vách đá, con sông;

- Tác giả gọi tên con Sông Mã đầu tiên trong nỗi nhớ của mình. Vì con sông Mã là người bạn, là nhân chứng đã theo suốt bước chân quân hành, chứng kiến biết bao buồn vui, bao mất mát hi sinh của người lính Tây Tiến. Gọi tên Tây Tiến là gọi tên đồng đội gọi nhớ bạn bè.

- Điệp từ “nhớ” được nhắc lại hai lần, góp phần tô đậm cảm xúc nhớ nhung dâng trào của tác giả. “Chơi vui” là trạng thái lơ lửng giữa khoảng không rộng, không thể bầu vịu vào đâu cả. “Nhớ chơi vui” có thể hiểu là một mình giữa thế giới hoài niệm mênh mông, bề bộn, không đầu không cuối, không thứ tự thời gian, không gian. Đó là nỗi nhớ da diết miên man, bồi hồi, làm cho con người có cảm giác đứng ngồi không yên. Và nỗi nhớ ấy, tiếng gọi ấy đang đưa nhà thơ về với những kỉ niệm không quên của một thời gian khổ.

* 6 câu còn lại: Đó là nỗi nhớ về cuộc hành quân giữa núi rừng miền Tây vừa hùng vĩ lại vừa thơ mộng trữ tình, được cảm nhận bằng cảm hứng và tâm hồn lãng mạn hào hoa:

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

.....

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

- Nhắc đến nhiều địa danh: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu... gọi bao cảm xúc mới lạ, tác giả như đưa người đọc lạc vào những địa hạt

heo hút, hoang dại.

- Con đường hành quân thật gian nan, vất vả, nguy hiểm với dốc cao, vực thẳm:

+ Trên đỉnh Sài Khao, sương dày đến độ lấp cả đoàn quân.

+ Đường đi toàn dốc cao được diễn tả với nhiều từ láy tạo hình “khúc khuỷu” (quanh co khó đi), “thăm thẳm” (diễn tả độ cao, độ sâu), “heo hút” (xa cách cuộc sống con người).

+ Sử dụng nhiều thanh trắc đi liền nhau khiến khi đọc lên ta có cảm giác trúc trắc, mệt mỏi.

+ Núi cao tận mây, mây nổi thành cồn, mũi súng chạm trời. Nghệ thuật nhân hóa “*súng ngửi trời*” vừa diễn tả độ cao, vừa cho thấy chất tinh nghịch trong cảm nhận của người lính. Chính vì chất lính trẻ trung ấy mà trước thiên nhiên dữ dội, người lính không bị mờ đi mà nổi lên đầy thách thức.

+ “*Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*”: nghệ thuật đối làm câu thơ như bẻ đôi, diễn tả con dốc với chiều cao, sâu rộng ngợp: nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm.

+ Câu thứ sáu toàn thanh bằng, đọc lên nghe êm ái nhẹ nhàng như xoa dịu bước chân mệt mỏi rã rời trước con đường hành quân gian khổ; gọi tâm hồn thanh thản của người lính.

- Bình luận: Mở đầu bài thơ là đoạn thơ thứ nhất với bút pháp tả thực xen lãng mạn của hồn thơ Quang Dũng, ta thấy một phần âm hưởng của bài thơ, hiện lên sâu sắc hình ảnh thiên nhiên miền Tây hiểm trở và sự gian khổ của đoàn quân Tây Tiến.

b.2. Đoạn 2: Nỗi nhớ về người lính đã hi sinh: Nếu ở đoạn đầu của bài thơ là cảm hứng lãng mạn và thiên nhiên miền Tây thì đến đoạn thơ sau đây lại là hình ảnh đoàn quân Tây Tiến với lí tưởng sống cao đẹp, là sự mất mát hy sinh tuổi trẻ .

* Hai câu đầu ngợi lên vẻ đẹp lí tưởng của thời đại: “*Quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh*”:

- Câu thơ “*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*” toàn từ Hán Việt, gợi không khí cổ kính, bi thương: “*biên cương*”, “*viễn xứ*” là nơi biên giới xa xôi, heo hút hoang lạnh. Nhà thơ nhìn thẳng vào sự khốc liệt của chiến tranh, miêu tả về cái chết, không né tránh hiện thực. Nhưng hình ảnh những nắm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới xa xôi đã bị mờ đi trước lí tưởng quên mình vì Tổ quốc. Vì thế cho nên câu thơ tiếp theo dữ dội như một lời thề sông núi: “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”.

- Bốn từ “*chẳng tiếc đời xanh*” vang lên khẳng khái, vừa gợi vẻ phong trần, có dáng dấp của tráng sĩ, chinh phu xưa ra đi với tinh thần “*Cổ lai chinh chiến kỉ nhân hồi*”, đồng thời mang vẻ đẹp thời đại “*Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh*”. “*Chiến trường*” là bom đạn khốc liệt, là cái chết cận kề, dữ dội nguy nan . “*Đời xanh*” là tuổi

	trẻ, là cuộc sống non xanh mơn mẫm. Thế nhưng người lính ở đây lại “chẳng tiếc” cho mình. * Hai câu thơ cuối, Quang Dũng nói về sự hi sinh bi tráng của những người lính: “Áo bào thay chiếu anh về đất/Sông Mã gầm lên khúc độc hành” - Cách nói “áo bào thay chiếu” là cách nói bi tráng hóa, tráng lệ hóa sự hi sinh của người lính. Chiếc chiếu cói nhàu rách kia đã từng theo họ suốt chiến trường, là vật bất li thân cũng là tấm áo bào của lòng thành kính đưa những người con ưu tú của dân tộc về với đất mẹ. “Anh về đất” là cách nói giảm, nói tránh đi cái chết, làm câu thơ bi mà không lụy. - Con sông Mã, chứng nhân của lịch sử, bạn đồng hành của Tây Tiến, cũng nhỏ dòng lệ cảm thương lay động cả đất trời, đã gầm lên “<i>khúc độc hành</i>”- khúc tráng ca bi hùng rục rĩ nét sử thi. Tiếng gầm ấy là khúc nhạc bi tráng, khúc nhạc thiêng tiễn đưa người lính về với nơi an nghỉ cuối cùng, về với hồn thiêng sông núi. - Bình luận: Đây là đoạn thơ mang tính chất cao trào trong toàn bộ khúc độc hành <i>Tây Tiến</i>. Chất bi tráng đã tạo nên một tượng đài độc đáo về người lính Tây Tiến. Đoạn thơ khép lại nhưng cùng với khúc độc hành của dòng sông Mã, âm hưởng của <i>Tây Tiến</i> vẫn vang cả núi rừng và vọng qua năm tháng b.3. Nghệ thuật -Thành công của đoạn thơ nói riêng và bài thơ nói chung chính là việc nhà thơ sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật: phép tương phản, đối lập gây ấn tượng mạnh. Đối lập, tương phản giữa cái ngoại hình ốm yếu, tiêu tụy với tinh thần chiến đấu mạnh mẽ ở bên trong; - Sử dụng nhiều từ Hán Việt gợi sắc thái cổ kính; biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ... ngôn ngữ sử thi, lãng mạn, hào hùng. c. Nhận xét tâm lòng của nhà thơ: - Qua 2 đoạn thơ, Quang Dũng gửi gắm tình yêu thiên nhiên tha thiết thông qua nỗi nhớ về chặng đường hành quân hùng vĩ, dữ dội mà thơ mộng, trữ tình - Khắc họa chân dung chiến sĩ Tây Tiến đậm chất bi tráng, Quang Dũng thể hiện tâm lòng xót thương, tưởng nhớ bao đồng đội đã hi sinh; khẳng định, ngợi ca tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng của chiến sĩ Tây Tiến, chiến sĩ Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp. Đồng thời qua đó thể hiện nét bút tài năng và tình cảm yêu mến, gắn bó, tự hào về trung đoàn Tây Tiến của nhà thơ. 3.3.Kết bài: 0.25 - Tóm lại vẻ đẹp của hai đoạn thơ; - Bài học cuộc sống được rút ra từ 2 đoạn thơ: tình yêu thiên nhiên, lí tưởng sống cao đẹp, lòng biết ơn với thế hệ đi trước...	
	4. Sáng tạo	(

	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ SỐ 30- LUYỆN THI QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020

(Thời gian: 120 phút)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Trẻ, ngỗ mình nặng nhất

Già, biết mình nhẹ tênh

Thời gian như riu sặc

Đẽo bạc cả đầu xanh

(Ngỗ, Lê Quốc Hán, Trích *Bến vô cùng*, Nxb Hội Nhà văn)

1. Văn bản được được kết hợp những phương thức biểu đạt nào?
2. Xác định hai biện pháp tu từ nghệ thuật ở hai câu đầu của bài thơ.
3. Anh/chị có nhận xét gì về cách sử dụng hai từ *ngỗ* và *biết* trong bài thơ?
4. Khi đọc bài thơ này, có người nhận xét rằng: *Bài thơ đã đem đến cho người đọc những cái giật mình nhận thức*. Anh/chị có đồng ý với nhận định này không? Vì sao?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ văn bản đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ về hậu quả những ngộ nhận trong cuộc đời đối với tuổi trẻ hôm nay.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích cảm hứng về đất nước trong đoạn trích “Đất Nước” của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm:

Đoạn 1:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó....

Đoạn 2:

Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
Dạy anh biết “ yêu em từ thuở trong nôi ”
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội
Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
Đi trả thù mà không sợ dài lâu

Từ đó, nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của nhà thơ.

.-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I		Đọc hiểu	3.0
	1	Văn bản được được kết hợp những phương thức biểu đạt : Biểu cảm và nghị luận	0.5
	2	Hai biện pháp tu từ nghệ thuật ở hai câu đầu của bài thơ là: -Phép đối (trẻ - già; nặng nhất - nhẹ tênh, ngỡ - biết). -Phép điệp cấu trúc (đề ngữ + câu khuyết chủ ngữ).	0.5
	3	Tác giả sử dụng hai từ <i>ngỡ</i> và <i>biết</i> để tạo ra một cặp từ đối nghĩa, thể hiện những nhận thức khác nhau của con người tương ứng với hai giai đoạn cuộc đời. Lúc trẻ thường hay ngỡ (ngộ nhận), đến khi về già mới biết ngậm ngùi nhận thức đúng giá trị đời mình.	1.0
	4	Học sinh thể hiện được quan điểm của mình về nhận định được đưa ra ở câu hỏi: đồng tình hoặc không đồng tình. Lí giải thuyết phục lí do lựa chọn quan điểm. Gợi ý: Đồng ý. Vì những từ ngữ như <i>ngỡ mình nặng nhất</i> và <i>biết mình nhẹ tênh</i> thể hiện những bước ngoặt trong nhận thức, từ chỗ ngộ nhận sang giác ngộ. Việc này giống như những cái giật mình nhận thức.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ văn bản đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ về <i>hậu quả những ngộ nhận trong cuộc đời đối với tuổi trẻ hôm nay</i> .	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ	0.25
		Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát	

	triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề. (Nếu HS viết từ 2 đoạn trở lên thì không cho điểm cấu trúc) b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về <i>hậu quả những ngộ nhận trong cuộc đời đối với tuổi trẻ hôm nay</i>.	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: c.1. Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan để nêu vấn đề cần nghị luận. c.2. Các câu phát triển đoạn: - Sự ngộ nhận có thể hiểu là một sự nhìn nhận sai lệch, lầm tưởng về một sự việc nào đó. Sự ngộ nhận có thể thấy ở nhiều khía cạnh: trong học tập, trong công việc và trong tình cảm.... - Hậu quả của sự ngộ nhận của tuổi trẻ: +Trong học tập, bản thân không đánh giá đúng về năng lực của mình. Chúng ta tưởng mình học giỏi, lơ là việc học dẫn đến điểm thấp. Học tập không phải ngày một ngày hai là giỏi, mà phải cố gắng trau dồi kiến thức hơn nữa. Giỏi một môn không đồng nghĩa với việc các môn còn lại mình sẽ giỏi. Sự ngộ nhận sẽ làm bạn ỷ lại, lười biếng, sinh ra gian lận... +Trong công việc, chúng ta thường tự nhận bản thân mình giỏi giang, tỏ ra tham việc để lấy được sự tín nhiệm mà không để ý tới mình làm được hay không. Để rồi từ việc tự nhận bản thân sẽ tự chuốc vào mình sự bất tín từ người khác, bị xem thường,... +Trong tình cảm, nhất là tình yêu, bản thân thường ngộ nhận đối phương quan tâm đến mình có nghĩa là thích mình, yêu mình. Nhưng thực chất chỉ là bạn bè quan tâm nhau, rồi đến khi vỡ lẽ, bản thân không chấp nhận được sự việc ấy, dẫn đến tuyệt vọng, mất hết lí trí, tinh táo, sinh ra hành xử sai trái, thậm chí trở thành tội đồ, vi phạm pháp luật... Hậu quả có khi trả giá bằng cả mạng sống, không những thế còn liên lụy đến người thân yêu. - Nguyên nhân của sự ngộ nhận: do tuổi trẻ còn bồng bột, thiếu kĩ năng sống, nhiễm thói xấu, quá đề cao cái tôi của mình... c.3. Câu kết đoạn: đưa ra bài học nhận thức và hành động phù hợp: Mỗi người cần đấu tranh với bản thân với bản thân: điểm xấu mình khắc phục, điểm tốt mình phát huy. Đặc biệt, không nên nghe theo những lời tâng bốc, xu nịnh, “miệng lưỡi của thế gian” mà hiểu sai về khả năng hay cách nhìn nhận một sự việc nào đó để tránh ngộ nhận.	1.00
	d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
2	Phân tích cảm hứng về đất nước trong 2 đoạn thơ trích “Đất Nước” của nhà thơ	5,0

	Nguyễn Khoa Điềm. Từ đó, nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của nhà thơ.	
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm hứng về đất nước trong 2 đoạn thơ trích “Đất Nước” của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm. Từ đó, nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của nhà thơ.	(0,25)
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu vấn đề cần nghị luận (gợi ý) Đất nước đã nghiêng vào thơ ca, nghệ thuật như một điểm hẹn về tâm hồn của rất nhiều văn nghệ sĩ. Xuân Diệu đã từng viết: <i>“Tổ quốc tôi như một con tàu Mũi thuyền ta đó mũi Cà Mau”</i> Hay Chế Lan Viên đã không kìm được lòng mà thốt lên rằng: <i>“Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng Chưa đâu và cả trong những ngày đẹp nhất Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn”</i> thì Nguyễn Khoa Điềm- Một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ đã gặp gỡ đề tài này bằng tác phẩm “Trường ca mặt trời khát vọng”. Thơ của Nguyễn Khoa Điềm lôi cuốn người đọc bởi cảm xúc lắng đọng, giàu chất suy tư, thể hiện tâm tư của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam. Trong đó, tiêu biểu là cảm hứng về đất nước trong đoạn trích “Đất Nước”. Qua đó, ta thấy được tài năng của Nguyễn Khoa Điềm trong cách sử dụng chất liệu dân gian: 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích: - Trường ca “Mặt trời khát vọng” được tác giả hoàn thành năm 1971, tại chiến trường Bình Trị Thiên. Trường ca gồm 9 chương. Đất Nước là phần đầu chương V bản trường ca này. Đoạn trích là những suy nghĩ của tác giả về đất nước được nhìn trên nhiều góc độ với tư tưởng chủ đạo là “Đất Nước của Nhân Dân”. - Hai đoạn thơ thuộc phần 1 và 2 trong đoạn trích chương “Đất Nước”. 2. Cảm nhận về đất nước của Nguyễn Khoa Điềm qua 2 đoạn thơ * Ở đoạn thơ thứ nhất: Cảm nhận về đất nước thể hiện qua cách định nghĩa nghệ thuật về Đất Nước vừa quen thuộc, vừa mới mẻ của nhà thơ:	(4.00)

- Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Khoa Điềm đã nhìn nhận đất nước như một sinh thể có linh hồn. Đất nước được tìm thấy trong những câu chuyện cổ tích mà tuổi thơ ai cũng một lần được lắng nghe. Nguyễn Khoa Điềm đã cho chúng ta hiểu được đất nước không xa xôi trừu tượng, đất nước có trong lời kể của mẹ “*ngày xưa ngày xưa*”.

- Đất nước còn được khám phá qua hình ảnh “miếng trầu”, đó là một trong những nét đẹp của văn hóa giao tiếp người Việt. Phong tục ăn trầu và còn biết bao nét đẹp khác vẫn được lưu trữ giữ gìn. Đất nước có nguồn cội từ những phong tục văn hóa truyền thống của tổ tiên.

- Đi vào chiều sâu lịch sử, tác giả khám phá nguồn cội đất nước qua hình ảnh: *Dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*. Hình ảnh ấy gợi lên trong trí nhớ người đọc truyền thuyết về người anh hùng làng Gióng - biểu tượng cho tinh thần kiên cường, bất khuất của nhân dân ta. Nhà thơ nhắc nhở mỗi chúng ta: Đất nước không tự nhiên mà có, đất nước có nguồn gốc từ quá trình đấu tranh giữ nước đầy gian khổ đau thương của cha ông.

- Nhà thơ nhận thấy đất nước có cội nguồn yêu thương. Với thành ngữ “gừng cay muối mặn”, tác giả giúp người đọc hình dung nét đẹp trong đối xử tình nghĩa của cha ông. Đất nước có từ tình cảm thủy chung, từ tấm lòng son sắt. Bằng thành ngữ một nắng hai sương, Nguyễn Khoa Điềm khám phá đất nước từ trong quá trình lao động cực nhọc của cha ông.

-Bình luận:

+Đoạn thơ mở đầu trả lời cho câu hỏi về cội nguồn đất nước - một câu hỏi quen thuộc, giản dị bằng cách nói cũng rất giản dị, tự nhiên nhưng cũng rất mới lạ: nhà thơ không tạo ra khoảng cách sử thi để chiêm ngưỡng và ca ngợi đất nước hoặc dùng những hình ảnh mỹ lệ, mang tính biểu tượng để cảm nhận và lý giải, mà dùng cách nói rất đời giản dị, tự nhiên với những gì gần gũi, thân thiết, bình dị nhất.

+Giọng thơ thâm trầm, trang nghiêm; cấu trúc thơ theo lối tăng cấp: *Đất nước đã có; Đất Nước bắt đầu; Đất Nước lớn lên; Đất Nước có từ...* giúp cho người đọc hình dung cả quá trình sinh ra, lớn lên, trưởng thành của đất nước trong thời gian trường kỳ của con người Việt Nam qua bao thế hệ. Đặc biệt là cách nhà thơ viết hoa hai từ Đất Nước (vốn là một danh từ chung) cũng đã giúp ta cảm nhận tình yêu và sự trân trọng của nhà thơ khi nói về đất nước, quê hương của mình.

*** Ở đoạn thơ thứ hai: Cảm nhận về đất nước hướng đến tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”:**

- Nhà thơ khẳng định “*Để Đất Nước này là Đất Nước của nhân dân*”, đã thể hiện chân thành tình cảm của nhà thơ đối với dân tộc. Hơn ai hết, nhà thơ hiểu rằng, để có được Đất Nước trường tồn, vĩnh cửu thì nhân dân là những người đã đổ máu xương, đổ công sức của mình để làm nên hình hài đất nước. Vì thế, Đất Nước không của riêng ai

mà là của chung, của nhân dân và mãi mãi thuộc về nhân dân.

- “*Đất Nước của ca dao thần thoại*”. Nhắc đến ca dao thần thoại, ta lại càng nhớ đến nhân dân, vì hơn ai hết, nhân dân lại là người sáng tạo ra văn hóa dân gian. Đất nước của “ca dao thần thoại” nghĩa là Đất Nước đẹp như vàng trắng cổ tích, ngọt ngào như ca dao, như nguồn sữa mẹ nuôi ta lớn nên người. Và không phải ngẫu nhiên tác giả nhắc tới hai thể loại tiêu biểu nhất của văn học dân gian.

+ “Thần thoại” thể hiện cuộc sống qua trí tưởng tượng bay bổng của nhân dân.

+ Còn “ca dao” bộc lộ thế giới tâm hồn của nhân dân với tình yêu thương, với sự lãng mạn cùng với tinh thần lạc quan.

+ Đó là những tác phẩm do nhân dân sáng tạo, lưu truyền và có khả năng phản chiếu tâm hồn, bản sắc dân tộc một cách đậm nét nhất.

- Và khi nói đến “Đất nước của Nhân dân” một cách tự nhiên, tác giả trở về với cội nguồn phong phú đẹp đẽ của văn hóa, văn học dân gian mà tiêu biểu là trong ca dao. Ở đây, tác giả chỉ chọn lọc ba câu ca dao tiêu biểu để nói về ba phương diện quan trọng nhất của truyền thống nhân dân, dân tộc: “*Dạy anh... dài lâu*”

+ Ở phương diện thứ nhất, Nguyễn Khoa Điềm nhấn mạnh về tình cảm thủy chung trong tình yêu của con người Việt Nam. Từ ý trong bài ca dao “*Yêu em từ thuở trong nôi/ Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru*”, nhà thơ đã viết nên lời chân tình của chàng trai đang yêu “*Dạy anh biết yêu em từ thuở trong nôi*”. Tình yêu của chàng trai ấy không phải là ngọn gió thoảng qua, không phải là lời của bướm ong, mà là lời nói là nghĩ suy chân thật. Ý thơ đã khẳng định được một tình yêu thủy chung bền vững, không gì có thể đong đếm được. Nhân dân dạy ta biết yêu thương chân thành, lãng mạn, đắm say ... Đây là phát hiện mới của Nguyễn Khoa Điềm. Bởi lẽ từ xưa đến nay, nói đến nhân dân, người ta thường nghĩ đến những phẩm chất cần cù chịu khó, bất khuất kiên cường. Còn ở đây, tác giả lại ngợi ca vẻ đẹp trẻ trung lãng mạn trong tình yêu, những mối tình từ thuở ấu thơ cho đến lúc trưởng thành.

+ Ở phương diện thứ hai, Nhân dân gìn giữ và truyền lại cho ta quan niệm sống đẹp đẽ, sâu sắc. Ca dao đã “dạy anh biết” – Sống trên đời cần quý trọng tình nghĩa, phải “*Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội*”. Câu thơ này lấy ý từ bài ca dao “*Cầm vàng mà lội qua sông/Vàng rơi không tiếc tiếc công cầm vàng*”. Nhân dân đã dạy ta rằng: ở đời này còn có thứ quý hơn vàng bạc, châu báu ngọc ngà... Đó là tình nghĩa giữa con người với con người. Bởi vậy, nghĩa với tình còn nặng hơn nhiều lần giá trị vật chất.

+ Ở phương diện thứ ba, nhân dân đã dạy ta phải biết quyết liệt trong căm thù và chiến đấu: “*Biết trồng tre đợi ngày thành gậy/ Đi trả thù mà không sợ dài lâu*”. Câu thơ lấy ý tưởng từ bài ca dao: *Thù này ắt hẳn dài lâu/Trồng tre thành gậy, gậy đâu đánh què*. Đó là những nét truyền thống đẹp đẽ nhất của nhân dân, những phẩm chất

đặc trưng nói lên tâm hồn, tính cách và bản lĩnh của dân tộc Việt Nam trong suốt trường kì lịch sử, tất cả tạo nên gương mặt một Đất nước tình nghĩa mà anh hùng, hiền hòa mà bất khuất.

- Bình luận:

+ Có thể nói, tuổi trẻ thế hệ Nguyễn Khoa Điềm đã nhận thức được một cách sâu sắc: Nhân dân là người làm nên lịch sử, làm ra văn hóa đất nước bằng tất cả tình cảm trân trọng và yêu thương. Suy tư và nhận thức này của nhà thơ là tư tưởng nghệ thuật đã trở thành truyền thống trong văn học Việt Nam. Từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu ... đã từng nói lên nhận thức về vai trò của nhân dân trong lịch sử. Đến các nhà thơ, nhà văn trong thời kì kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, nhận thức ấy đã được nâng lên thành một tư tưởng có tầm cao mới.

c. Nghệ thuật:

- Giọng thơ nhẹ nhàng tha thiết, trang trọng.
- Ý thơ giàu chất chính luận; ngôn ngữ thơ mộc mạc,
- Sử dụng sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian.

d. Nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của nhà thơ : Nhà thơ đã vận dụng thành công chất liệu văn hóa dân gian trong 2 đoạn thơ. Những chất liệu ấy vừa quen thuộc (gắn gũi với cuộc sống của mỗi con người Việt Nam) vừa mới lạ (với những sáng tạo mới mẻ, hấp dẫn):

- Chất liệu dân gian được sử dụng rất đa dạng, phong phú, tất cả đều gần gũi, quen thuộc với mỗi con người Việt Nam:

+ Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, vật dụng quen thuộc (*miếng trầu, tóc bới sau đầu, cái kèo, cái cột, hạt gạo xay, giã, giần, sàng,...*).

+ Có ca dao, dân ca, tục ngữ, truyền thuyết, cổ tích.

- Cách vận dụng độc đáo, sáng tạo: Vận dụng ca dao, tục ngữ nhưng dẫn dắt khéo léo, khi lấy nguyên vẹn toàn bài khi chỉ mượn ý mượn tứ để khẳng định, tôn vinh những nét đẹp trong sinh hoạt và tâm hồn con người Việt Nam. Đó là sự chăm chỉ chịu thương, chịu khó; là tấm lòng thủy chung son sắt trong tình yêu; là sự duyên dáng, ý nhị trong từng lời ăn tiếng nói...

- Liệt kê hàng loạt những câu chuyện từ xa xưa trong truyền thuyết, cổ tích dân tộc để làm nổi bật vẻ đẹp trù phú của đất nước, những truyền thống quý báu của nhân dân ta đồng thời khẳng định vai trò to lớn của nhân dân trong việc "làm ra Đất Nước"

- Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng đậm đặc đã tạo nên một không gian nghệ thuật riêng của đoạn trích, vừa bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa giàu tưởng tượng, bay bổng, mơ mộng. Hơn nữa, có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào tư tưởng và cảm xúc của tác giả, tạo nên một đặc điểm trong tư duy nghệ thuật của nhà thơ.

	3.3.Kết bài: 0.25 - Tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân, Đất Nước của ca dao thần thoại” của Nguyễn Khoa Điềm đã đóng góp thêm thành công cho thơ kháng chiến chống Mĩ về đề tài đất nước, làm sâu sắc thêm nhận thức về nhân dân,... - Bài học sâu sắc về cuộc sống từ hai đoạn thơ: biết trân trọng những giá trị văn hóa dân gian; lòng biết ơn đối với Nhân Dân...	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)